

TIỀM GIANG



Từ phải qua : La Quý Ba (số 1) và Trần Canh (số 3) cùng Hồ Chí Minh (giữa) tại Bắc Việt Nam. Tháng 8 năm 1950

Chiến tranh Việt Nam 1950 - 1954

TẬP 1

Chiến tranh Việt Nam

1950 - 1954

Tập 1: chương 1 đến chương 10

Tiềm Giang



Paris * 11-2025

Chuyển ngữ : *Ban Tuyển đọc TV Tiểu Lùn*
Bìa và ebook : *Thư viện Tiểu Lùn*

Chiến tranh Việt Nam **1950 - 1954**

tập 1: chương 1 đến chương 10

TIỀM GIANG

Nhà xuất bản Nhân dân Trí Xuyên
Nhà xuất bản Hoa Hạ
tháng 6 năm 2015

Chiến tranh Việt Nam (1950-1954)

**Biên niên sử về sự viện trợ
của Trung Quốc cho Việt Nam**

MỤC LỤC

Văn Trang	13
Lời tựa: Tôi đã vượt qua cuộc chiến này	
1. Chương 1:	34
Thời thế loạn lạc ở Đông Dương	
2. Chương 2:	75
Đại diện liên lạc La Quý Ba nhận lệnh đến Việt Nam	
3. Chương 3:	129
Mao Trạch Đông và quyết định viện trợ Việt Nam chống Pháp	

4. Chương 4: 223

Thành lập Đoàn Cố vấn Quân sự
Trung Quốc

5. Chương 5: 325

Kỳ vọng của Ban Chấp hành Trung
ương Đảng Cộng sản Trung Quốc

6. Chương 6: 386

Trần Canh bí mật tiến vào Việt Nam

7. Chương 7: 473

Đoàn Cố vấn Quân sự Trung Quốc
ra chiến trường

8. Chương 8 539

Điều chỉnh Phương hướng Chiến
dịch

9. Chương 9 615

Chiến thắng Hoàn toàn trong
Chiến dịch Biên giới

10. Chương 10 709

Việc viện trợ cho Việt Nam chống Pháp và cuộc chiến chống Mỹ, Triều Tiên diễn ra đồng thời.

Lời tựa

Tôi đã vượt qua cuộc chiến này

Văn Trang

Đọc sách, lịch sử và cả chính bản thân mình, tôi tìm thấy những đoạn văn cảm động và gợi nhiều suy ngẫm nhất để miêu tả những trải nghiệm của riêng mình. Có lẽ công bằng mà nói, tôi là một trong những nhân chứng cho sự phát triển của mối quan hệ Trung Quốc - Việt Nam đương đại.

Từ thuở thiếu thời, tôi đã cống hiến hết mình cho cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược, cứu nước của nhân dân Việt Nam. Sau này, với tư cách là thành viên của nhóm cố vấn Trung Quốc, tôi đã đích thân trải nghiệm sự hỗ trợ lẫn nhau và cuộc đấu tranh chung giữa Trung Quốc và Việt Nam trong các trận chiến biên giới và chiến dịch Điện Biên Phủ.

Cuốn sách “Chiến tranh Việt Nam” (ấn bản đầu tiên có tựa đề “Chiến tranh Bí mật”) đã mô tả câu chuyện này. Tôi may mắn là người đầu tiên đọc cuốn sách này, từ những cuộc phỏng vấn của tác giả cho đến bản thảo cuối cùng cũng nằm trên bàn làm việc của tôi. Tôi đã nghĩ rằng khi khói lửa chiến

tranh đã qua, cùng với sự ra đi của những nhà lãnh đạo đáng kính như Trần Canh, Vi Quốc Thanh, La Quý Ba, Mai Gia Thanh... và cả Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu, những sự kiện đau thương của cuộc chiến đó sẽ dần chìm vào dĩ vãng. Nhưng cuốn sách này đã đưa tôi trở lại cuộc chiến tranh vĩ đại đã định đoạt vận mệnh của một dân tộc, và gọi nhớ cho tôi biết bao con người và sự kiện khó quên.

Lịch sử thật cảm động bởi nó giúp chúng ta hiểu sâu sắc hơn về thực tại và truyền cảm hứng cho các thế hệ tiên phong học hỏi từ kinh nghiệm của những người đi trước và làm giàu cho bản thân.

Quá khứ thật đáng để nhìn lại và suy ngẫm.

Sau Chiến tranh Thế giới thứ hai, nước Pháp, vừa mới thoát khỏi ách thống trị của Đức Quốc xã trên chính lãnh thổ của mình, đã ngay lập tức phái một lực lượng viễn chinh vượt đại dương xâm lược ba nước Đông Dương vào năm 1946, với ý định khôi phục lại chế độ thuộc địa của đế chế cũ. Đây thực sự là một bi kịch lịch sử. Vào thời điểm đó, Hồ Chí Minh đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa độc lập. Hồ Chí Minh và các đồng chí đã không khuất phục trước vũ lực của Pháp và lãnh đạo nhân dân kháng chiến, tiến hành cuộc chiến tranh giành độc lập kéo dài tám năm chống lại sự xâm lược của Pháp.

Cuộc chiến này có thể được chia thành hai giai đoạn. Trong bốn năm đầu, quân Pháp mở cuộc tổng tấn công, hòng tiêu diệt Quân đội Nhân dân Việt Nam do Hồ Chí Minh lãnh đạo chỉ trong một đòn. Quân đội Việt Nam ban đầu giữ thế phòng thủ rồi rút lui, dần dần ổn định vị trí trên núi, thiết lập các căn cứ địa và làm suy yếu lực lượng Pháp cho đến khi rơi vào thế bế tắc. Trong giai đoạn này, Trung Quốc đang tham gia vào một cuộc nội chiến quy mô lớn, để lại Quân đội Nhân dân Việt Nam một mình gánh vác gánh nặng của cuộc chiến chống Pháp. Họ đã chiến đấu chống lại quân Pháp với trang bị kém hơn và sử dụng chiến tranh du kích để làm suy yếu chúng, viết nên một chương trọng đại và đầy cảm hứng

trong lịch sử chiến tranh chống thực dân của Việt Nam.

Việc thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm 1949 đã đánh dấu một bước ngoặt lớn trong cuộc chiến chống Pháp của Việt Nam. Hồ Chí Minh đã nắm bắt cơ hội lịch sử này, cử một đặc phái viên sang Trung Quốc để xin viện trợ. Vào buổi đầu của một nước Trung Hoa mới, khi mọi thứ còn đang trong cảnh hoang tàn, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, do Mao Trạch Đông lãnh đạo, đã quyết tâm hỗ trợ Việt Nam giành chiến thắng cuối cùng trong cuộc chiến tranh giành độc lập chống Pháp trước cả khi tham

gia Chiến tranh Triều Tiên. Họ lần lượt cử đại diện liên lạc La Quý Ba, đại diện Ủy ban Trung ương Trần Canh, và một đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc do Vi Quốc Thanh, Mai Gia Thanh và Đặng Nhất Phàm dẫn đầu đến miền Bắc Việt Nam để hỗ trợ quân đội Việt Nam trong một loạt các chiến dịch lớn, từ chiến dịch biên giới, chiến dịch sông Hồng đến chiến dịch Tây Bắc. Đặc biệt là trong trận Điện Biên Phủ lừng danh thế giới, với sự viện trợ quy mô lớn của Trung Quốc, quân đội Việt Nam đã tiêu diệt 16.000 quân tinh nhuệ của Pháp, gây ra thất bại lớn nhất trong lịch sử thuộc địa châu Á của họ và buộc Pháp phải đồng ý rút quân và công nhận nền độc lập của Việt Nam, Lào và Campuchia. Cuộc kháng chiến chống Pháp của

Việt Nam cuối cùng đã giành được thắng lợi cuối cùng. “Cuộc chiến bí mật ở Việt Nam” tái hiện lại lịch sử này.

Cuộc kháng chiến chống Pháp của Việt Nam kéo dài tám năm, và theo tôi biết, Tiêm Giang đã dành đúng tám năm để viết cuốn sách này.

Vào cuối những năm 1980, Tiêm Giang là phóng viên chính của tờ “Nhân dân Nhật báo” tại Vân Nam, nơi ông có một số liên hệ về quan hệ Trung-Việt. Sau đó, ông đã biến mối quan hệ này thành một cuộc nghiên cứu chuyên sâu và bền bỉ. Chính trong thời gian này, chúng tôi đã gặp nhau. Trong tám năm đó, công việc của Tiêm Giang đã

thay đổi nhiều lần, nhưng ông vẫn luôn kiên trì nghiên cứu và viết lách. Ngay cả khi là học giả thỉnh giảng tại Khoa Nghiên cứu Quốc tế Cao cấp của Đại học Johns Hopkins, ông vẫn đến Cục Lưu trữ Quốc gia Hoa Kỳ để tìm kiếm các tài liệu lưu trữ liên quan. Sau này, ông có thể được coi là một chuyên gia về giai đoạn lịch sử này.

Quê tôi ở Vân Nam. Những năm đầu đời, tôi tham gia các phong trào sinh viên tiến bộ và tốt nghiệp Khoa Ngoại ngữ của Đại học Vân Nam năm 1946. Lúc đó, hoàn cảnh khắc nghiệt, và thân phận của tôi đã bị phơi bày. Theo chỉ thị của Đảng Cộng sản bí mật, vợ tôi, Diệp Hành (Dương Duyệt Hành), và tôi đã đến biên giới Trung-Việt. Ngay

sau đó, chúng tôi đến Việt Nam, và tổ chức của tôi chuyển sang Đảng Cộng sản Đông Dương¹ (tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam).

Chúng tôi đã cống hiến hết mình cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của Việt Nam, sẵn sàng đổ máu trên đất Việt Nam. Từ đó trở đi, cuộc đời tôi gắn bó mật thiết với sự phát triển của quan hệ Trung-Việt. Đầu năm 1950, La Quý Ba đến Việt Nam, và tôi nhanh chóng chuyển sang làm việc cho nhóm cố vấn Trung Quốc, đảm nhiệm vai trò phiên dịch tiếng Việt cho ông. Chúng tôi đã làm

¹ Đảng Cộng sản Đông Dương, tiền thân của Đảng Lao động Việt Nam và Đảng Cộng sản Việt Nam. Vào thời điểm đó, để dễ diễn đạt, các cơ quan hữu quan của Trung Quốc thường gọi Đảng Cộng sản Việt Nam là «Đảng Cộng sản Việt Nam», hoặc đơn giản là «Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương».

việc cùng nhau tám năm cho đến khi nhiệm kỳ của ông với tư cách là đại sứ Trung Quốc đầu tiên tại Việt Nam kết thúc, và ông rời Hà Nội trở về Trung Quốc với tư cách Thứ trưởng Bộ Ngoại giao. Trong và sau chiến tranh, tôi đã có nhiều cuộc tiếp xúc với Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sự quan tâm của ông đối với sự trưởng thành của tôi là điều không thể nào quên. Chủ tịch Hồ Chí Minh dành tình cảm sâu sắc cho nhân dân Trung Quốc và là người đặt nền móng cho tình hữu nghị bền chặt giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Trong cuộc chiến tranh này, những người đồng chí chiến đấu của Trung Quốc và Việt Nam đã vun đắp nên tình hữu nghị quý báu

nhất bằng tuổi trẻ và máu xương của mình. Dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh, nhân dân Việt Nam đã giành được chiến thắng cuối cùng thông qua những cuộc chiến đấu gian khổ và không ngừng nghỉ. Chỉ riêng trong trận Điện Biên Phủ, hơn 3.000 chiến sĩ Việt Nam đã hy sinh. Đồng thời, chiến thắng này không thể tách rời sự giúp đỡ của nhân dân Trung Quốc.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của Việt Nam, Mao Trạch Đông, Lưu Thiếu Kỳ, Nguyên soái Bành Đức Hoài và Tướng Tô Dụ của Quân ủy Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã theo dõi sát sao toàn bộ diễn biến của từng trận đánh, duy trì liên lạc chặt chẽ với Hồ Chí Minh và Ban Chấp hành

Trung ương Đảng Lao động Việt Nam. Hai bên đã nhiều lần thảo luận, cùng nhau nghiên cứu và xây dựng các quyết định chiến lược, kế hoạch tác chiến và thậm chí cả các phương án triển khai tác chiến cụ thể.

Một lượng lớn hàng viện trợ của Trung Quốc, bao gồm vũ khí, đạn dược, quân phục và lương thực, liên tục được vận chuyển đến tiền tuyến Việt Nam qua biên giới. Trung Quốc gánh vác trách nhiệm là hậu phương cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của Việt Nam. Cuốn sách này đề cập đến giai đoạn từ cuối năm 1949 đến Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954, trình bày chi tiết diễn biến và những thay đổi trên chiến trường

Đông Dương trong giai đoạn này, sự lớn mạnh của Quân đội Nhân dân Việt Nam, kinh nghiệm chiến đấu của Đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc, và những cuộc đấu tranh và thất bại khác nhau của Lực lượng Viễn chinh Pháp khi họ đẩy mạnh chiến tranh với sự hỗ trợ của Mỹ. Cuốn sách trình bày và mô tả sống động về quan hệ quốc tế, tình hình chiến trường và diễn biến chiến tranh lúc bấy giờ.

Những sự kiện lịch sử như sau. Trong chiến tranh, các cố vấn quân sự Trung Quốc được phân công vào các đơn vị Quân đội Nhân dân Việt Nam chính quy từ cấp tiểu đoàn trở lên (sau này là cấp trung đoàn, và sau đó là cấp sư đoàn, tất cả đều được trình bày chi tiết trong cuốn

sách này), liệu mình chỉ huy các trận đánh. Ngay cả các tướng Vi Quốc Thanh và Mai Gia Thanh, với tư cách là lãnh đạo của nhóm cố vấn, cũng thường xuyên bất chấp hỏa lực pháo binh dày đặc của Pháp và bom đạn của địch để đích thân ra tiền tuyến hỗ trợ Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Tổng tư lệnh Quân đội Việt Nam, chỉ huy. Một số đồng chí của tôi đã được chôn cất trên chiến trường Việt Nam; mộ phần của họ giờ đây phủ đầy cỏ dại.

Nửa thế kỷ sau, mỗi khi nghĩ về những sự kiện này, tôi cảm thấy đó thực sự là một di tích lịch sử quý giá đáng được ghi lại. Vì vậy, tôi tin rằng những nỗ lực của Tiềm Giang trong việc hoàn thành cuốn sách này cũng đáng được khen ngợi.

Ông đã thu thập và nghiên cứu rất nhiều tư liệu, đặc biệt là bằng cách nhanh chóng phỏng vấn nhiều bên liên quan, bao gồm cả các lãnh đạo nhóm cố vấn quân sự lúc bấy giờ như La Quý Ba, Mai Gia Thanh và Đặng Nhất Phàm, sử dụng những tài liệu và hồ sơ lưu trữ quý giá do những cá nhân này lưu giữ. Sự cần cù, tận tâm và kiên trì của ông đã khiến tôi vô cùng cảm động. Vì vậy, ông đã mời tôi là người đầu tiên đọc cuốn sách này, và tôi đã vui vẻ nhận lời.

Khi đọc, tôi cảm nhận sâu sắc rằng đặc điểm đầu tiên và quan trọng nhất của cuốn sách chính là sự tỉ mỉ. Tác giả đã kiểm chứng hoặc hiệu đính càng nhiều tài liệu càng tốt thông qua các cuộc phỏng

vấn, nỗ lực đảm bảo tính chính xác và trích dẫn nguồn bất cứ khi nào có thể. Điều này phù hợp với những yêu cầu cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử. Thứ hai, nó mang tính toàn diện.

Tác giả không chỉ xem xét diễn biến cuộc chiến từ góc nhìn của chúng ta và các đồng minh mà còn mở rộng phạm vi hơn nữa, đưa ra một câu chuyện và phân tích khách quan từ góc nhìn của người Pháp và các đồng minh của họ. Điều này cung cấp cho người đọc một bức tranh lịch sử hoàn chỉnh. Mọi thứ đều được cấu thành từ nhiều khía cạnh, là kết quả của sự phát triển mâu thuẫn của hai mặt đối lập - đây là một quy luật chung của phép biện chứng.

Cuốn sách này kể chuyện từ hai góc nhìn đối lập, thể hiện tài năng của tác giả. Đặc điểm thứ ba của cuốn sách này là sự sống động. Tác giả kết hợp sự sắc sảo và đam mê độc đáo của một nhà báo với những hiểu biết sâu sắc của một nhà sử học, thổi hồn vào một vở kịch lịch sử hiện đại tráng lệ một cách thực sự lôi cuốn. Đọc xong cuốn sách, hình ảnh và giọng nói của các lãnh đạo nhóm cố vấn Trần Canh, Vi Quốc Thanh, La Quý Ba, Mai Gia Thanh, cùng Chủ tịch Hồ Chí Minh hiện lên sống động trước mắt tôi, cùng với hình ảnh của nhiều vị lãnh đạo và đồng chí tiền nhiệm.

Tôi tin chắc rằng dù họ đã khuất, nhưng những trang sử hữu nghị giữa nhân dân Trung Quốc và Việt Nam do chính họ viết nên sẽ mãi mãi được khắc ghi trong lịch sử.

Tôi trân trọng giới thiệu cuốn sách này đến các bạn trẻ, mong các bạn hiểu được lịch sử hiện đại của quan hệ Trung-Việt đã bắt đầu và phát triển như thế nào. Sau những thăng trầm, quan hệ Trung-Việt đã trở lại trạng thái láng giềng hữu nghị tốt đẹp; vậy tương lai sẽ phát triển ra sao? Tôi đặt kỳ vọng vào các bạn trẻ. Không chỉ vì tôi đã thoát khỏi cuộc chiến này, mà quan trọng hơn, vì thế hệ trẻ chính là tương lai của dân tộc chúng ta.

Học lịch sử giúp con người có kiến thức và trí tuệ. Đất nước chúng ta là một dân tộc rộng lớn, hướng ra thế giới, với nhiều nước láng giềng núi sông nối liền, và một lịch sử quan hệ phong phú và sâu sắc giữa chúng ta và các nước láng giềng. Thực tại chúng ta đang trải nghiệm hôm nay được sinh ra từ lịch sử, và thực tại đang hướng tới tương lai. Hiểu được điều này và lắng nghe tiếng nói của lịch sử sẽ giúp thế hệ trẻ làm giàu thêm bản thân trong sự nghiệp xây dựng quê hương giàu đẹp.

Những cuộc đấu tranh trong quá khứ của chúng ta là vì hòa bình;

chỉ có hòa bình hôm nay chúng ta mới có thể có một tương lai tươi sáng.

Tại Đại học Ngoại ngữ Bắc Kinh

Chương 1

Thời thế loạn lạc ở Đông Dương



Bản đồ sơ lược về vị trí địa lý
của ba nước Đông Dương.

ạng sáng ngày 6 tháng 10 năm 1949 (ngày 15 tháng 8 âm lịch), một chiếc thuyền buồm đánh cá nhỏ lặng lẽ trôi ra từ bờ biển nhấp nhô của Hải Phòng, Việt Nam.

Vầng trăng tròn, trôi dạt trên không trung và biển cả suốt đêm, mờ ảo dưới ánh mặt trời mọc ở phía đông. Chiếc thuyền buồm lướt đi trên sóng nước, cánh buồm trắng vươn cao trên mặt biển xanh biếc, hướng về phía Bắc Hải của Trung Quốc. Đó là một bước ngoặt lịch sử quan trọng, một thời kỳ biến động kinh thiên động địa, một thời kỳ biến cả hóa thành đất đai màu mỡ. Vào khoảnh khắc ấy, nhìn xuống

thế giới, đường nét của sự phân chia vĩ đại của thế kỷ 20 đã hiện rõ.

Bốn năm trước đó, từ ngày 4 đến ngày 11 tháng 2 năm 1945, các nhà lãnh đạo của ba cường quốc Đồng minh trong Thế chiến II - Tổng thống Hoa Kỳ Roosevelt, Thủ tướng Anh Churchill và Tổng tư lệnh Liên Xô Stalin - đã đến Yalta trên bờ Biển Đen của Liên Xô để tham dự cuộc họp thứ hai kể từ khi chiến tranh bắt đầu. Họ đến bờ biển thơ mộng, chắc chắn không phải để ngắm cảnh. Cả ba nhà lãnh đạo đều coi Hội nghị Yalta là then chốt cho việc thiết lập trật tự thế giới hậu chiến. Hội nghị quyết định rằng sau khi quân Đồng minh đánh bại hoàn toàn quân đội

phát xít của Hitler, Đức sẽ bị chia cắt thành các vùng chiếm đóng bởi bốn cường quốc: Liên Xô, Hoa Kỳ, Anh và Pháp. Hội nghị cũng quyết định rằng Đức phải bồi thường chiến tranh sau chiến tranh.



“Bộ Ba Ông Lớn” tại Hội nghị Yalta: Churchill, Roosevelt và Stalin, hàng ghế đầu, từ trái sang

Hội nghị Yalta cũng quyết định rằng hội nghị thành lập Liên Hợp Quốc sẽ được tổ chức tại San Francisco, Hoa Kỳ, vào ngày 5 tháng 4 năm 1945. Hoa Kỳ, Liên Xô, Anh, Trung Quốc và Pháp sẽ là thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc tương lai. Trong các cuộc thảo luận của Liên Hợp Quốc sau chiến tranh về mọi vấn đề, các thành viên thường trực sẽ tuân thủ “nguyên tắc thống nhất”, nghĩa là mỗi thành viên thường trực sẽ có quyền phủ quyết.

Hội nghị Yalta đã định hình bối cảnh quốc tế trong nửa thế kỷ tiếp theo.

Dòng nước chảy theo hai hướng ngược nhau. Sau khi quân Đồng

minh gồm Liên Xô, Hoa Kỳ, Anh và Pháp tiêu diệt quân đội phát xít Đức, họ thực sự đã chia cắt nước Đức thành bốn phần, mỗi phần chiếm một đầu. Trước khi khởi chiến tranh kịp tan khỏi lục địa châu Âu, “Chiến tranh Lạnh” đầy đe dọa đã bắt đầu. Cuộc đối đầu giữa hai phe Đông và Tây lớn trong thế kỷ 20 là một trong những hiện tượng chính trị nổi bật nhất trong lịch sử đương đại.

Nhìn từ châu Âu về phía đông, những cơn gió chiến tranh đã tràn qua Đông Á. Những cảnh chiến tranh ngoạn mục nhất diễn ra ở Trung Quốc, nơi hàng triệu binh sĩ Quân Giải phóng Nhân dân đã vượt sông Dương Tử để truy đuổi và tiêu diệt tàn quân Quốc Dân Đảng. Trên lục

địa châu Phi, những tiếng kêu gào vang dội về việc thoát khỏi xiềng xích của chủ nghĩa thực dân và đấu tranh giành độc lập dân tộc đã vang vọng. Trong lịch sử nhân loại, thế kỷ 20 thực sự là kỷ nguyên của vô số quốc gia.

Giữa thế giới biến đổi chóng mặt này, ai để ý đến chiếc thuyền buồm nhỏ trôi dạt trên Vịnh Bắc Bộ? Gió biển mát rượi làm tung bay những cánh buồm, và bên cạnh những người thủy thủ, hai người ăn mặc giản dị ngồi trên thuyền, thỉnh thoảng nhìn về phía xa. Một trong số họ, một người đàn ông ngoài ba mươi tuổi, trông có vẻ chắc chắn, là Lý Ban, Trưởng ban Hoa kiều của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Trưởng ban Hoa kiều của

Đảng Cộng sản Đông Dương dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh. Cải trang thành một doanh nhân, ông được bí mật lệnh đi Trung Quốc, vào các vùng giải phóng và tìm đến Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ) để nối lại liên lạc giữa hai ban chấp hành trung ương, vốn đã bị cắt đứt nhiều năm do các cuộc chiến tranh giải phóng của mỗi bên.

Nhiệm vụ này thật lạ thường. Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đã đặc biệt chọn Lý Ban và đích thân viết một bức thư mật mã cho Chu Ân Lai và Đặng Dĩnh Siêu, chỉ thị Lý Ban đích thân chuyển thư. Nhiệm vụ này liên quan đến vận mệnh của

dân tộc, và để đảm bảo sự thành công của đất nước, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã giao cho Nguyễn Đức Thụy, một cán bộ thông thạo tiếng Trung, làm phó của Lý Ban. Hai người đi riêng rẽ.

Nguyễn Đức Thụy đi đường bộ, đi bộ qua biên giới Trung-Việt, từ Móng Cái vào Đông Hưng, Quảng Đông², rồi tìm đường đến vùng giải phóng của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Lý Ban đi đường thủy, hy vọng sẽ gặp Nguyễn Đức Thụy sau khi đến Trung Quốc, và cùng nhau họ

² Vào ngày 9 tháng 12 năm 1949, Đông Hưng thuộc quyền quản lý của huyện Phòng Thành, tỉnh Quảng Đông khi được giải phóng. Năm 1951, Đông Hưng được chuyển giao cho tỉnh Quảng Tây.

sẽ hội đàm với đại diện của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Lý Ban hiểu rõ Trung Quốc, gần như thể đó là quê hương của mình. Lý Ban đến từ miền Nam Việt Nam. Ông tham gia cách mạng năm 15 tuổi và gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương năm 18 tuổi. Ông bị chính quyền thực dân Pháp bắt và giam cầm hai lần. Sau khi được thả, ông mất liên lạc với tổ chức đảng, nhưng đã gặp một Hoa kiều từng tham gia cách mạng Trung Quốc và đã đến Việt Nam.

Sau khi biết về kinh nghiệm của Lý Ban, những người Hoa ở nước ngoài nói với ông: “Những người cộng sản là những người theo chủ

nghĩa quốc tế muốn giải phóng toàn thể nhân loại. Họ có thể tiến hành cách mạng ở bất cứ đâu. Bây giờ Trung Quốc có một chế độ đỏ. Nếu ông muốn, tôi có thể giới thiệu ông với chế độ đỏ.”

Với một lá thư giới thiệu từ một nhà cách mạng Trung Quốc, Lý Ban đến Trung Quốc vào năm 1933. Mùa xuân năm sau, ông vào Khu Xô viết Thụy Kim ở tỉnh Giang Tây. Dưới sự lãnh đạo của các nhà lãnh đạo ĐCSTQ nổi tiếng là Trần Đàm Cầu và Hà Thư Hoàn, ông được chuyển đến ĐCSTQ.

Vào tháng 10 năm đó, Lý Ban đi theo Hồng quân Trung ương trong cuộc Vạn lý trường chinh. Ông bị tụt lại phía sau do bệnh tật và bị

bắt. Ông không tiết lộ danh tính và sớm được thả. Sau đó, ông đi đến Sán Đầu, nơi ông đã sống một thời gian khi mới đến Trung Quốc. Ông lấy tên là Lý Tất Sơn.

Ông tiếp tục các hoạt động cách mạng và tái lập liên lạc với tổ chức bí mật của Đảng Cộng sản.

Cuối năm 1936, Ủy ban Công tác Lâm thời miền Nam của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã bổ nhiệm Lý Tất Sơn làm Trưởng ban Công tác thành phố Sán Đầu và Ủy ban Công tác Hán Giang, với nhiệm vụ phát triển công tác địa phương.

Trong suốt cuộc chiến tranh chống Nhật, ông giữ chức Bí thư Huyện ủy Trung ương Mai Huyện thuộc tỉnh Quảng Đông trong một

thời gian dài, và sau đó là Trưởng ban Tổ chức và Trưởng ban Tuyên truyền của Tỉnh ủy Phúc Kiến-Quảng Đông-Giang Tây (sau đổi tên thành Ủy ban Đặc biệt Tây Nam Phúc Kiến). Tại Mai Huyện, ông kết hôn với Văn Bích Trân, một phụ nữ Trung Quốc, khiến gia đình ông mang trong mình hai dòng máu Việt Nam và Hoa.

Ông đã cống hiến những năm tháng đẹp nhất cuộc đời mình cho cuộc chiến tranh chống Nhật của nhân dân Trung Quốc. Tháng 2 năm 1945, Lý Tất Sơn đã tổ chức và lãnh đạo Đội Hán Giang, một lực lượng du kích chống Nhật ở biên giới Phúc Kiến-Quảng Đông, thành lập một đài phát thanh và liên lạc trực tiếp với Ủy ban Trung

ương Đảng Cộng sản Trung Quốc tại Diên An. Đội quân Hán Giang nhanh chóng thiết lập một căn cứ du kích trải dài 300 dặm (khoảng 150 km).

Tuy nhiên, Lý Tất Sơn, xét cho cùng, cũng là người Việt Nam, và ông luôn trăn trở về vận mệnh quê hương. Sau khi Nhật Bản đầu hàng, Chính phủ Lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Hồ Chí Minh lãnh đạo được thành lập. Nghe tin, Lý Tất Sơn không giấu được sự phấn khích, đã trình báo lên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc xin được trở về công tác.

Được sự chấp thuận của Chu Ân Lai, Lý Tất Sơn trở về Việt Nam

vào tháng 7 năm 1946, lấy lại tên cũ là Lý Ban. Hai tháng sau, Chiến tranh Việt Nam bùng nổ, Lý Ban bước từ cuộc chiến này sang cuộc chiến khác.

Dù đã dày dạn kinh nghiệm và trải qua biết bao gian khổ, Lý Ban vẫn không thể kìm nén được những cảm xúc dâng trào trong lòng. Thời gian như nước chảy, và giai đoạn phòng thủ chiến lược gian khổ nhất của Chiến tranh Việt Nam, kéo dài hơn hai năm, cuối cùng đã kết thúc. Ông không bao giờ nghĩ rằng sau ba năm, ông sẽ trở về Trung Quốc để gặp lại các cựu chỉ huy và đồng chí chiến đấu.

Ba năm trước, khi Lý Ban tạm biệt các đồng chí Trung Quốc và

trở về nước, các đồng chí trong Đảng ủy và Đài phát thanh đã tổ chức lễ tiễn biệt ông tại Hồ Khanh, Tam Hương, huyện Mai Huyện, tỉnh Quảng Đông. Lý Ban nói với mọi người: “Sau khi tôi nộp đơn lên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Ban Chấp hành Trung ương đã chính thức chấp thuận cho tôi trở về quê hương Việt Nam công tác. Chị Tín [nhắc đến vợ ông, Văn Bích Trân.] cũng sẽ đi cùng tôi. Tôi sẽ sớm rời đi và tạm biệt các đồng chí thân yêu của mình!”

Vừa nói xong, nước mắt ông tuôn rơi, giọng nghẹn ngào. Mọi người có mặt cũng rơi lệ. Vào giây phút cuối cùng trước khi chia tay, Lý Ban xúc động nói: “Tôi tin chắc

rằng chúng ta sẽ gặp lại nhau dưới ngọn cờ cách mạng trong tương lai.”³

Dù ba năm đã trôi qua, nhưng khung cảnh lúc đó vẫn sống động như ngày hôm qua, và giờ đây, chiếc thuyền buồm nhỏ bé này đang chờ ông thực hiện lời chia tay.

Trợ lý người Trung Quốc bên cạnh đại diện Đảng Cộng sản Đông Dương

Trên cùng một chiếc thuyền, Hầu Hàn Giang, 26 tuổi, là người Trung Quốc. Anh mang trên mình hai sứ mệnh: thứ nhất, với tư cách là đại diện cho hàng triệu Hoa kiều tại Việt Nam, anh đến Bắc Kinh

3 Album “Chiến sĩ Quốc tế Lý Tất Sơn” do Phòng Lịch sử Đảng, Huyện ủy Mai Huyện, tỉnh Quảng Đông biên tập và xuất bản vào tháng 9 năm 1986.

tham dự kỳ họp đầu tiên của Hội nghị Hiệp thương Chính trị Nhân dân Trung Quốc; thứ hai, quan trọng hơn, anh phải hộ tống và tháp tùng phái viên Đảng Cộng sản Đông Dương đến gặp Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Hầu Hàn Giang vốn là một chiến sĩ du kích ở Đội quân Hán Giang, Quảng Đông trong Chiến tranh Kháng Nhật, và từng là cấp dưới của Lý Ban. Sau chiến tranh Kháng Nhật, lực lượng do ĐCSTQ lãnh đạo này đã rút về Khu Giải phóng Sơn Đông theo thỏa thuận đạt được trong các cuộc đàm phán giữa Quốc dân đảng và Đảng Cộng sản. Do số lượng tàu vận chuyển quân hạn chế, Hầu Hàn Giang, theo

chỉ thị của cấp trên, đã rút về Việt Nam vào năm 1946.

Ban đầu, ông dạy học tại Trường Trung học Trung cấp Hán ngữ ở Hà Nội, đồng thời tham gia vào các công tác Hoa kiều. Tháng 11 năm 1946, quân đội Pháp tấn công Hà Nội, và Hầu Hàn Giang rút về miền Bắc Việt Nam cùng với lực lượng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, tiếp tục công tác với cộng đồng Hoa kiều. Lý Ban là cấp trên trực tiếp của ông. Qua nhiều năm, tiếng Việt của Hầu Hàn Giang đã trở nên khá lưu loát.

Một ngày nọ, Lý Ban tìm gặp ông và đề nghị ông cùng ông trở về Trung Quốc để thiết lập liên lạc

trực tiếp với Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Đây là lần thứ hai Hầu Hàn Giang nhận được nhiệm vụ quan trọng như vậy: trở về quê hương và thiết lập liên lạc với Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc.



Hầu Hàn Giang đã bắt đầu hoạt động cách mạng tại Việt Nam vào năm 1946.

Một năm trước đó, vào tháng 7 năm 1948, Lý Ban đã liên lạc với Hầu Hán Giang, chỉ thị ông từ miền Bắc Việt Nam đến Hồng Kông để gặp gỡ các lãnh đạo Cục Nam Bộ của Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ) để thảo luận về tình hình Hoa kiều tại Việt Nam và đề nghị Cục Nam Bộ cử cán bộ đến Việt Nam để tăng cường công tác này. Hầu Hán Giang đi thuyền đến Bắc Hải, Trung Quốc, sau đó chuyển sang một chiếc thuyền nhỏ hơn đến Hồng Kông.

Theo chỉ dẫn của Lý Ban, Hầu Hán Giang đến trụ sở tờ báo do ĐCSTQ tài trợ, “Hoa Thượng Báo”. Dưới sự dẫn dắt của một phụ nữ, ông đã gặp Phương Phương, Liên Quân và Kiều Quán Hoa, các lãnh

đạo Ủy ban Công tác Hồng Kông. Hầu Hàn Giang đã báo cáo chi tiết với họ về tình hình Hoa kiều tại Việt Nam và truyền đạt ý kiến của Lý Ban. Vào thời điểm này, tình hình Nội chiến Trung Quốc đã trải qua một bước ngoặt lớn, với việc Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc phát động một cuộc phản công trên nhiều chiến trường. Các lãnh đạo của Cục Nam Bộ vô cùng phấn khởi về điều này.

Kiều Quán Hoa, lúc đó còn trẻ và năng động, tràn đầy tự tin và hùng biện, đã thảo luận về vấn đề Đông Dương với Hầu Hàn Giang, người đến từ Việt Nam. Kiều Quán Hoa lưu ý rằng Đông Dương là một khu vực chiến lược bị tranh chấp bởi hai phe lớn Đông và Tây sau

chiến tranh, và tầm quan trọng của nó sẽ ngày càng nổi bật. Kiều nhấn mạnh rằng Lào là một khu vực chiến lược quan trọng trong Đông Dương; để quản lý Đông Dương, Lào phải được coi trọng, vì nó đóng vai trò là hậu phương chiến lược và là một tiền đồn chiến lược của Đông Dương.

Cục Phương Nam của ĐCSTQ đồng ý với yêu cầu của Lý Ban và phái Từ Thì, Ngô Kiến, Lưu Liên, Dương Hành và Hà Tử đến Việt Nam bằng các tuyến đường khác nhau để tham gia vào các công việc của Hoa kiều.

Hầu Hàn Giang đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được Lý Ban giao phó, đến Sài Gòn ở miền Nam

Việt Nam cùng với Dương Hành, cũng do Cục Phương Nam cử đến, trước khi cuối cùng trở về vùng giải phóng ở miền Bắc Việt Nam.

Rút kinh nghiệm từ lần trước, Lý Ban tự nhiên nghĩ đến Hầu Hàn Giang và muốn ông đi cùng.

Lúc này, Hầu Hàn Giang ngồi trên mạn thuyền, háo hức nhìn ra biển, bởi vì bên kia bờ là Trung Quốc mới, với lá cờ đỏ năm sao đã được giương cao trên Quảng trường Thiên An Môn, đang chờ đợi ông trở về.

Lý Ban và Hầu Hàn Giang đang đi theo đúng lộ trình mà Hầu Hàn Giang đã đi trước đó. Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc đã ở tuyến đầu của chiến dịch giải phóng

miền Nam Trung Quốc ở khu vực Quảng Tây, trong khi quân Quốc dân đảng đang rút lui từ eo biển Đài Loan về Đài Loan. Giờ đây, tàu của Lý Ban và Hầu Hàn Giang đang hướng về phía họ, và rất khó dự đoán những gì họ có thể gặp phải trên đường đi. Vì vậy, họ phải cực kỳ thận trọng và thường xuyên đi đường vòng. Theo một nghĩa khác, Lý Ban là cấp trên cũ của họ, và Hầu Hàn Giang phải làm mọi cách trong khả năng của mình để đảm bảo an toàn cho vị đại diện của Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương này.

Một yếu tố khác cũng khiến Lý Ban và Hầu Hàn Giang cảnh giác. Do nhu cầu tiền bạc và việc tiền Việt Nam không được chấp nhận,

họ phải mang theo một lượng vàng thỏi đáng kể. Nếu có chuyện gì xảy ra trên biển hoặc khi họ đến bờ, ai biết chuyện gì sẽ xảy ra! Chiếc thuyền buồm lạng lẽ trôi, và cuối cùng, những người trên thuyền đã nhìn thấy đường bờ biển dài của Trung Quốc - bờ biển Bắc Hải, lúc đó là một phần của tỉnh Quảng Đông.

Sau khi cập bến Bắc Hải, Lý Ban và Hầu Hàn Giang chuyển sang một tàu chở khách. Bắc Hải là một cảng cá. Hầu Hàn Giang nhìn thấy một số con cá đỏ tươi, to lớn ở chợ cá, liền mua vài con, nhét đầy những thỏi vàng đang mang vào bụng.

Họ mang những con cá đỏ to lớn đến Hồng Kông và cập bến an toàn.

Lúc này, Phương Phương, Hạ Nghiên, Kiều Quán Hoa và Liên Quán, các lãnh đạo của Ủy ban Công tác Hồng Kông, đã đến Bắc Kinh. Ngô Địch Chu, một cán bộ của Ủy ban Công tác Hồng Kông, đã đón Lý Ban và Hầu Hàn Giang, những người mang theo những con cá đỏ.

Sau khi giải thích tình hình với Ngô Địch Chu, Lý Ban hy vọng ông sẽ thông báo cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc càng sớm càng tốt. Ngô Địch Chu nhanh chóng báo cho Lý Ban rằng Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã mời Lý Ban và Nguyễn Đức Thụy đến Bắc Kinh họp.

Nhờ sự sắp xếp tỉ mỉ của Ủy

ban Công tác Hồng Kông, Lý Ban và Hầu Hàn Giang đã đi đường biển đến Thanh Đảo, sau đó chuyển đến Bắc Kinh. Chuyến đi này mất gần hai tháng, và khi họ đến Bắc Kinh thì đã là giữa đông; Hội nghị Hiệp thương Chính trị lần thứ nhất đã kết thúc từ lâu.

Nguyễn Đức Thụy cũng đến Bắc Kinh vài ngày sau đó.⁴

Lý Duy Hàn, Từ Bình và Liên Quán, lãnh đạo Ban Công tác Mặt trận Thống nhất Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, đã gặp Lý Ban và Nguyễn Đức Thụy và nghe họ báo cáo tóm tắt về tình hình Việt Nam.

⁴ Tác giả đã thảo luận về tình hình này trong nhiều chuyến thăm Hầu Hán Giang ở Bắc Kinh vào tháng 7 năm 1988 và tháng 9 năm 1994.

Thời khắc then chốt trong Chiến tranh giành độc lập của Việt Nam

Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã phải đối mặt với một tình thế vô cùng khó khăn ngay từ khi thành lập vào ngày 2 tháng 9 năm 1945.

Theo quyết định của Hội nghị Potsdam giữa các nhà lãnh đạo và bộ trưởng ngoại giao Liên Xô, Hoa Kỳ và Vương quốc Anh vào tháng 7 năm 1945, sau khi quân đội phát xít Nhật bị đánh bại hoàn toàn, quân đội Nhật Bản đang chiếm đóng Việt Nam đã bị chia cắt dọc theo vĩ tuyến 16 về phía bắc. Khu vực phía bắc vĩ tuyến này sẽ do quân đội Quốc dân đảng Trung Quốc tiếp quản, trong khi khu vực phía nam vĩ tuyến này sẽ do quân đội Anh tiếp quản.

Vào tháng 9, ngay sau khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, quân đội Pháp, được Hoa Kỳ và Anh hỗ trợ, đã đổ bộ vào Sài Gòn, mở đầu cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam. Vào đầu cuộc chiến, quân đội thực dân Pháp có tổng quân số khoảng 80.000 người, trong khi lực lượng vũ trang Việt Minh do Hồ Chí Minh lãnh đạo có khoảng 40.000 người.

Đến tháng 1 năm 1946, khi quân Anh rút khỏi Sài Gòn, quân Pháp đã chiếm đóng hầu hết miền Nam Việt Nam.

Tháng 3 năm 1946, quân Quốc dân đảng đóng quân ở Bắc Việt Nam bắt đầu rút lui, và quân Pháp ngay lập tức tập trung lực lượng

tại Hải Phòng và Hà Nội, mở cuộc tấn công vào ngày 19 tháng 12. Đồng thời, quân Pháp triển khai năm trung đoàn đổ bộ vào Đà Nẵng và dải đất hẹp dọc theo Biển Đông ở miền Trung Việt Nam, hoàn tất việc phân chia quân sự giữa Bắc và Nam Việt Nam.



Sau khi Việt Nam giành độc lập
vào năm 1945,

Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch ở
Hà Nội.

Đầu mùa xuân năm 1947, tổng lực lượng Pháp xâm lược vượt quá 100.000 người, chiếm được hầu hết các thành phố và thị trấn ở miền Bắc Việt Nam. Tháng 9 năm đó, quân Pháp tập trung thêm 12 trung đoàn, với sự hỗ trợ của lính dù và hạm đội sông hải quân, sử dụng thiết bị cơ giới để tiến hành các cuộc đột kích sâu và các cuộc cơ động bọc sườn, liên tục bao vây lực lượng Việt Minh trong hàng trăm km. Quân Pháp chiếm đóng vùng biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc, về cơ bản là bao vây lực lượng Việt Minh và liên tục tìm kiếm cơ hội tiêu diệt lực lượng của họ.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương và

chính phủ Việt Nam chuyển đến các vùng núi phía Bắc Việt Nam. Các căn cứ của họ bị quân Pháp chia cắt và phải hứng chịu các cuộc càn quét liên tục. Những dãy núi cao chót vót, liên tục tạo ra chỗ ẩn náu cho lực lượng Việt Minh, những người cũng kiên cường chống trả và làm suy yếu quân Pháp.

Tuy nhiên, thời thế đã thay đổi. Nước Pháp giờ đây đã bị suy yếu đáng kể sau Thế chiến II. Mặc dù tham vọng bành trướng vẫn còn, nhưng sức mạnh quốc gia của họ không đủ để đối phó với tình hình trên chiến trường xa xôi của Việt Nam.

Từ năm 1948 trở đi, Pháp không thể thực hiện chiến lược ban đầu

là giành chiến thắng nhanh chóng mà thay vào đó áp dụng chiến thuật củng cố các vùng lãnh thổ chiếm đóng, dần dần xâm chiếm các căn cứ của Việt Minh và sử dụng các cuộc tấn công quy mô nhỏ để dần dần mở rộng lợi ích. Do đó, Chiến tranh Pháp-Việt Nam bước vào thế bế tắc chiến lược.

Thế bế tắc chiến lược này rất gian nan; Việt Minh phải đối mặt với những khó khăn dai dẳng và nghiêm trọng trong việc cung cấp lương thực, vũ khí và thuốc men. Với việc các căn cứ bị chia cắt, lực lượng Việt Minh được phân tán thành các đại đội và tiểu đoàn, mỗi đại đội chiến đấu độc lập và thiết lập các căn cứ du kích nông thôn. Ngay khi quân đội Việt Nam đang

vật lộn chống lại cuộc xâm lược của Nhật Bản, cách mạng Trung Quốc đã trải qua một sự thay đổi chiến lược lớn.

Tin tức về đội quân hùng hậu hàng triệu người của Quân Giải phóng Nhân dân (PLA) từ sông Dương Tử đã đến Việt Nam. Việt Nam, với đường biên giới địa lý liền kề, chắc chắn là nước đầu tiên cảm nhận được những thay đổi mà chiến thắng sắp tới này sẽ mang lại cho thế giới.

Vào tháng 1 năm 1949, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã tổ chức một cuộc họp, xác nhận rằng Quân Giải phóng Nhân dân (PLA) sắp tiến đến biên giới Trung-Việt.

Cuộc họp yêu cầu quân đội Việt Nam chuẩn bị để đón nhận “cơ hội lớn” và “tuyệt đối không bỏ lỡ thời cơ chiến lược”. Hội nghị đã bàn về khả năng can thiệp của Mỹ vào Chiến tranh Đông Dương và quyết định: “Dù Mỹ có dùng biện pháp can thiệp nào, chúng ta cũng không sợ. Nếu Mỹ thua ở Trung Quốc, thì tất yếu sẽ chia sẻ thất bại nặng nề và nhục nhã của thực dân Pháp ở Việt Nam”⁵.

Cuộc họp quyết định quân đội Việt Nam sẽ mở một loạt các cuộc tấn công bất ngờ, quy mô nhỏ trên nhiều chiến trường khác nhau.

Chính quyền thực dân Pháp

⁵ Ủy ban Nghiên cứu Lịch sử Quân sự thuộc Tổng cục Chính trị Quân đội Nhân dân Việt Nam, Tập 1, “Lịch sử Quân đội Nhân dân Việt Nam”, xuất bản tại Hà Nội năm 1977.

cũng cảm nhận được tác động của chiến thắng sắp tới của cách mạng Trung Hoa. Đầu năm 1949, Tổng Tham mưu trưởng Pháp, Levois, đã thị sát chiến trường Đông Dương và xác định rằng Bắc Việt Nam là chiến trường chính ở Đông Dương, yêu cầu tăng cường phong tỏa biên giới Trung-Việt. Tuân theo lệnh của ông, quân đội Pháp đã mở tám cuộc tấn công liên tiếp vào các căn cứ của Việt Nam. Levois muốn ổn định lực lượng Pháp trước khi Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc tiến đến biên giới Trung-Việt.

Các căn cứ của Việt Nam lại bị thu hẹp, và quân đội Việt Nam và Pháp đã tạo nên một tình huống phức tạp, đan xen trên chiến trường. Tuy nhiên, do quân đội

Pháp đã mở rộng khu vực chiếm đóng đến mức tối đa có thể với lực lượng hạn chế, nên lực lượng cơ động của họ thực sự bị phân tán hơn trước.

Chính trong hoàn cảnh khó khăn này—một thế bế tắc mà người Pháp vẫn nắm giữ lợi thế và người Việt Nam vẫn ở thế bất lợi—mà Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã cử Lý Ban và Nguyễn Đức Thụ sang Trung Quốc để yêu cầu sự hỗ trợ từ Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Lý do cơ bản được tiết lộ một cách tinh tế trong bức thư mật mà Lý Ban gửi cho Hồ Chí Minh, gửi cho Chu Ân Lai và Đặng Dĩnh Siêu—

mặc dù sử dụng ngôn ngữ mật mã, nhưng kỳ vọng của Hồ Chí Minh vẫn thể hiện rõ ràng:

“Anh Ân, chị Dĩnh: Mười năm đã trôi qua kể từ khi chúng ta chia tay, và tôi luôn nhớ hai người. Tôi có nhiều điều muốn nói với hai người. Thay mặt cửa hàng của tôi, tôi xin chúc mừng công ty của hai người đã phát triển vượt bậc.

Công việc kinh doanh của chúng tôi khá tốt trong những năm gần đây, và chúng tôi muốn nắm bắt cơ hội này để đánh bại các đối thủ cạnh tranh. Tôi đã cử hai nhân viên đáng tin cậy đến khẩn cấp yêu cầu sự hỗ trợ của hai bạn.

Đinh

Tháng Mười

Lý Ban và Nguyễn Đức Thụy đã mang thông tin quan trọng này đến Bắc Kinh; giờ là lúc Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc phải phản hồi.

Chương 2

Đại diện liên lạc La Quý Ba được lệnh đến Việt Nam



**La Quý Ba, Trưởng đoàn cố vấn
chính trị Trung Quốc tại Việt Nam
(1950-1954)**

ại hành lang Vạn Tự ở Trung Nam Hải, Lưu Thiếu Kỳ đã giao phó một nhiệm vụ.

Một ngày giữa tháng 12 năm 1949, hồ nước rộng 700 mẫu Anh ở Trung Nam Hải, Bắc Kinh, trong vắt như pha lê, mặt hồ lấp lánh ánh sáng, phản chiếu những cung điện cổ xưa của các triều đại Nguyên, Minh và Thanh trên bờ. Thế giới bên ngoài tường thành đã hoàn toàn thay đổi, nhưng những hành lang quanh co dọc theo hồ vẫn không thay đổi, và những bức tường cung điện im lặng đến rợn người. La Quý Ba, Chánh Văn phòng Tổng hợp Quân ủy Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, bước ra khỏi Cự Nhân Đường và bắt chấp cơn gió buốt giá tiến về

văn phòng của Lưu Thiếu Kỳ ở hành lang Vạn Tự.

Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đã được thành lập được gần ba tháng. Trung Nam Hải, được bao quanh bởi những bức tường đỏ, là trụ sở của Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc và Quân ủy Trung ương. Mao Trạch Đông sống trong thư phòng Cư Hương ở Phong Trạch Viện, thuộc Trung Nam Hải, trong khi Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai và Chu Đức cũng sống trong những bức tường đỏ của Trung Nam Hải.

Đi qua một con hẻm nhỏ hai bên là những bức tường đỏ cao chót vót, và qua hành lang Vạn Tử, La Quý Ba bước vào sân nơi Lưu Thiếu

Kỳ ở. Vợ của Lưu Thiếu Kỳ, Vương Quang Mai, chào đón ông trước, trao đổi vài câu xã giao trước khi dẫn La Quý Ba vào phòng làm việc.

La Quý Ba nhìn lên và thấy sân đã xuống cấp, tường và sơn bong tróc từng mảng. Vương Quang Mai nhận thấy sự ngạc nhiên của La Quý Ba và giải thích rằng đây vốn là nơi Hoàng đế Quang Tự học tập. Số phận của Quang Tự thật bi thảm, và dĩ nhiên sau đó không ai sửa chữa nhà cho ông. Sau khi đồng chí Thiếu Kỳ chuyển đến, ông đã sử dụng cánh phía đông làm văn phòng của mình. Sân và các phòng cũng nhỏ, và nhiều người đã đề nghị mở rộng nhà, nhưng đồng chí Thiếu Kỳ luôn từ chối.

Trời lạnh, La Quý Ba vừa bước vào nhà đã nhận ra ngay hệ thống sưởi ấm không đủ và nhiệt độ phòng thấp. Nhưng Lưu Thiếu Kỳ lại tỏ ra không bận tâm; trông ông khỏe mạnh, mặc bộ đồ len Trung Sơn cũ màu đen, thái dương đã điểm bạc.

Sau khi La Quý Ba ngồi xuống, Lưu Thiếu Kỳ trình trọng nói: “Ủy ban Trung ương, sau khi cân nhắc kỹ lưỡng và báo cáo lên Chủ tịch Mao, đang chuẩn bị giao cho ông một nhiệm vụ đặc biệt: làm đại diện liên lạc của Đảng ta tại Việt Nam. Ông có ý kiến gì không?”



Lưu Thiếu Kỳ, 1949

La Quý Ba đã biết từ lâu rằng Đảng Cộng sản Việt Nam đã cử đại diện đến yêu cầu viện trợ.

Lạc Quý Ba được điều chuyển từ chức vụ Chính ủy Quân đoàn 7, Tập đoàn quân Dã chiến số 1 sang chức vụ Chánh Văn phòng Quân ủy Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc vào tháng 10 năm 1949. Trước khi đảm nhiệm chức vụ này, ông đã đến Bắc Kinh để chữa bệnh,

và Quân ủy thông báo rằng ông sẽ được điều chuyển sang một chức vụ khác.

Trung ương Đảng đã cân nhắc việc cử ông đến tỉnh Giang Tây để giữ chức Bí thư Khu ủy Nam Giang Tây, đồng thời là Tư lệnh và Chính ủy của quân khu. Sau đó, những cân nhắc mới nảy sinh, và sau khi tham khảo ý kiến của La Quý Ba, họ dự định cử ông đến tỉnh Hồ Nam để giữ chức Chính ủy Quân đoàn 21 của Tướng Trần Minh Nhân, vốn đã nổi loạn. Đây là thời điểm mà nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa mới thành lập đang rất cần sự phát triển, và cuối cùng, Tổng Tư lệnh Quân Giải phóng Nhân dân Chu Đức đã quyết định thành lập một văn phòng Quân ủy Trung

ương. Với sự chấp thuận của Mao Trạch Đông, La Quý Ba được điều chuyển sang làm Chủ nhiệm Văn phòng Quân ủy Trung ương.

Văn phòng Quân ủy Trung ương mới thành lập có nguồn lực hạn chế; bàn làm việc của La Quý Ba được đặt cạnh bàn làm việc của Chu Đức, còn Nhiếp Vĩnh Trân và Diệp Kiếm Anh cũng làm việc trong cùng khu vực. Việc La Quý Ba thường xuyên tiếp xúc với những người khai quốc này có lẽ là một lý do khiến ông được chọn làm đại diện liên lạc của Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc tại Việt Nam.

Vài ngày trước, Lưu Thiếu Kỳ đã tham khảo ý kiến của La Quý Ba. Lúc đó, La Quý Ba chưa chuẩn

bị và vẫn chưa đưa ra quyết định. Vì vậy, Lưu Thiếu Kỳ nhắc lại: “Hồ Chí Minh đã viết thư và cử người đến yêu cầu chúng ta hỗ trợ, đề nghị chúng ta cử người sang Việt Nam. Ủy ban Trung ương đã quyết định cử ngài. Ngài nghĩ sao?”

La Quý Ba suy nghĩ một lát rồi nói: “Tôi chưa từng làm công việc này bao giờ, thiếu kinh nghiệm, sợ sai sót. Hơn nữa, tôi cũng không biết sẽ đi bao lâu. Ban đầu tôi đến Bắc Kinh để khám bệnh.”

Lưu Thiếu Kỳ nói: “Thời gian anh ở Việt Nam sẽ không dài, khoảng ba tháng. Nhiệm vụ chính là tìm hiểu tình hình Việt Nam và báo cáo lên Trung ương.”

Lưu Thiếu Kỳ nói rõ rằng nhiệm

vụ của La Quý Ba ở Việt Nam gồm ba phần: thứ nhất, cảm ơn các đồng chí Việt Nam đã ủng hộ cách mạng Trung Quốc; thứ hai, thiết lập liên lạc giữa hai trung ương; và thứ ba, điều tra tình hình chính trị, quân sự, kinh tế và văn hóa hiện tại của Việt Nam để Trung ương có thể quyết định chính sách và kế hoạch hỗ trợ Việt Nam. Lý do là vì chúng tôi biết rất ít về tình hình Việt Nam. La Quý Ba cảm thấy một trách nhiệm lớn lao. Nhìn Lưu Thiếu Kỳ, ông nói: “Tôi vô cùng cảm kích sự tin tưởng của Trung ương Đảng dành cho tôi, nhưng đây là một công việc hoàn toàn mới đối với tôi. Nhiệm vụ này rất phức tạp và gian khổ, và tôi lo rằng mình có thể không hoàn thành được.”

Lưu Thiếu Kỳ đáp: “Chúng tôi tin rằng anh có khả năng làm được.”

Sau đó, Lưu Thiếu Kỳ giới thiệu vắn tắt tình hình hiện tại ở Việt Nam với La Quý Ba. Ông nói: “Chủ nghĩa thực dân Pháp đã quay trở lại, chiếm đóng nhiều thành phố và tuyến đường giao thông ở miền Nam Việt Nam. Ở miền Bắc Việt Nam, quân đội Pháp đang xâm lấn vào các căn cứ bị chia cắt do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo, tạo ra một tình thế rất khó khăn. Trên trường quốc tế, hiện không có quốc gia nào công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, và không có quốc gia nào viện trợ cho Việt Nam. Cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam đang ở

trong tình trạng bị áp đảo về số lượng và bị cô lập.”

Lưu Thiếu Kỳ nói: “Trung ương Đảng tin rằng những người đã giành được thắng lợi cách mạng nên ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân đấu tranh giải phóng. Hỗ trợ cuộc đấu tranh chống Pháp của nhân dân Việt Nam là nghĩa vụ quốc tế không thể tránh khỏi của chúng ta.”

Ông nói thêm: «Hơn nữa, thực dân Pháp còn cấu kết với tàn quân Quốc dân đảng và bọn thổ phỉ biên giới, chặn đường biên giới Trung-Việt, thường xuyên sách nhiễu nhân dân biên giới Vân Nam và Quảng Tây, gây ra tai họa cho nhân dân hai nước.»

Ông đã nêu rõ nhiệm vụ của ông La Quý Ba khi đến Việt Nam: «Là đại diện liên lạc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, nhiệm vụ chính của ông tại Việt Nam là thăm và thảo luận về cách thức hỗ trợ Việt Nam. Trước tiên, ông sẽ thu thập thông tin, thiết lập quan hệ giữa hai bên, tiến hành điều tra và nghiên cứu, đồng thời cung cấp thông tin cho việc ra quyết định của Ban Chấp hành Trung ương. Chuyến đi sẽ kéo dài khoảng ba tháng.»

Về tình trạng sức khỏe của anh, chúng ta sẽ bàn bạc sau ba tháng. Anh sẽ quay lại sau khi hoàn thành nhiệm vụ. Cuối cùng, La Quý Ba nói với giọng điệu mà thế hệ ông đã quen: “Chúng tôi sẽ kiên quyết

tuân thủ quyết định của chính quyền trung ương.”⁶

42 tuổi. Ông là cựu chiến binh Hồng quân và đến từ huyện Nam Khang, tỉnh Giang Tây. Sinh năm 1907 trong một gia đình truyền thống đang suy tàn ở thị trấn Tank-ou, La Quý Ba đã được giáo dục sớm về cách mạng dân chủ trong thời kỳ tư tưởng phản phong kiến lan rộng sau Cách mạng Tân Hợi. Trong thời gian học tại Trường Sư phạm Tỉnh ở Cám Châu, ông dần dần tiếp thu các tư tưởng cách mạng. Năm 1926, được Trần Tấn Tiên, một đảng viên Cộng sản nổi

6 La Quý Ba: “Đồng chí Thiếu Kỳ cử tôi sang Việt Nam”, xem “Tưởng nhớ đồng chí Lưu Thiếu Kỳ”, Nhà xuất bản Văn học Trung ương, 1987. Ghi chú: Tác giả cuốn sách này đã phỏng vấn La Quý Ba tại Bắc Kinh vào ngày 24 tháng 2 năm 1989 và ngày 18 tháng 4 năm 1990.

tiếng và sau đó là đảng viên Quốc dân đảng, giới thiệu, La gia nhập Quốc dân đảng. Ngay sau đó, ông gia nhập Đảng Cộng sản Trung Quốc (CPC), tham gia Khởi nghĩa Thu hoạch mùa thu ở miền nam Giang Tây và sau đó giữ chức bí thư Huyện ủy An Nguyên của CPC.

Năm 1930, khi đang giữ chức bí thư Huyện ủy Cám Tiên Ủy ban, La chuyển sang Hồng quân, trở thành chính ủy. Cuối năm đó, ở tuổi 23, La trở thành tư lệnh Tập đoàn quân 35 của Hồng quân ở miền nam Giang Tây, sau đó trở thành chính ủy. Ông tham gia cuộc Vạn lý Trường chinh, giữ chức chính ủy Tiểu đoàn 3, Trung đoàn Cán bộ Hồng quân. Trong cuộc Vạn lý Trường chinh, ông đã chỉ huy quân đội của mình

làm nhiệm vụ canh gác tại Hội nghị
Tuân Nghĩa nổi tiếng.

Năm 1937, khi Chiến tranh
Kháng Nhật bùng nổ, La giữ chức
vụ Trưởng phòng Dân chính Sư
đoàn 120, Bát lộ quân và chính ủy
Lữ đoàn 358 mới thành lập. Sau đó,
ông làm việc một thời gian dài tại
khu vực Tấn-Tùy, giữ chức chính ủy
Tân quân Tấn-Tây Bắc, Bí thư Đảng
ủy Quận Lữ Lương thuộc Chi cục
Tấn-Tùy, và Tư lệnh kiêm Chính ủy
Quân khu Lữ Lương. Trong Chiến
tranh Giải phóng, ông là tư lệnh và
Chính ủy Quân khu Tấn Trung.

La Quý Ba có tính tình ôn hòa,
thường ít nói, thận trọng trong
hành động và rất giỏi mở ra những
cơ hội mới trong môi trường khó

khăn. Ông có kinh nghiệm dày dặn trong việc chủ trì công tác chung của một lĩnh vực hoặc khu vực cụ thể trong một thời gian dài.

Sau cuộc trò chuyện với Lưu Thiếu Kỳ, dưới sự sắp xếp của Dương Thượng Côn, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, La Quý Ba lần đầu tiên gặp Hoàng Văn Hoan (lúc đó dùng bí danh Trần Xuân Phong), một ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đang trên đường qua Liên Xô đến Bắc Kinh.) Gặp gỡ và hội đàm, sau đó là cuộc trò chuyện với Lý Ban và Nguyễn Đức Thụy, những người đang chờ đợi ở Bắc Kinh, để nghe họ giới thiệu về tình hình Việt Nam, và sau đó liên lạc với Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục

Hậu cần và Ban Tổ chức Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đưa ra quyết định dứt khoát viện trợ Việt Nam.

Trước đó, vào cuối mùa thu năm 1949, Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc đã tiến vào các tỉnh Tây Nam để truy kích và tiêu diệt tàn dư của quân đội Quốc dân đảng, và thiết lập quan hệ với Việt Nam.

Điều này đã khiến giới lãnh đạo mới của Trung Quốc chú ý đến vấn đề này. Một bộ phận tàn quân Quốc Dân Đảng đã chạy sang Việt Nam và được quân đội thực dân Pháp che chở. Đáp lại, Thủ tướng Chu Ân Lai đã ra tuyên bố vào ngày 29

tháng 11 năm 1949, tuyên bố rằng bất kể quân đội Quốc Dân Đảng bại trận chạy trốn đến đâu, chính phủ Trung Quốc đều có quyền can thiệp, và bất kỳ chính phủ nào chứa chấp lực lượng vũ trang Quốc Dân Đảng đều phải chịu trách nhiệm và gánh chịu mọi hậu quả.

Sau khi nghe Lý Ban và Nguyễn Đức Thụy báo cáo về tình hình Việt Nam, Lưu Thiếu Kỳ, xét đến cấp bậc thấp của hai đại diện này, đã đề nghị Việt Nam cử một lãnh đạo cấp cao sang Trung Quốc để tham vấn bí mật.

Ngày 24 tháng 12 năm 1949, Lưu Thiếu Kỳ chủ trì cuộc họp của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc

để thảo luận về việc thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Cuộc họp kết luận rằng việc thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh sẽ có lợi hơn trước khi Pháp chính thức công nhận Trung Quốc.

Sau cuộc họp, Lưu Thiếu Kỳ đã gửi điện tín cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc: Để thiết lập liên lạc thường xuyên giữa hai đảng Trung Quốc và Việt Nam và thảo luận các vấn đề khác nhau trong cuộc đấu tranh chung chống chủ nghĩa đế quốc,

chúng tôi hy vọng rằng Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam có thể cử một phái đoàn có trách nhiệm chính trị đến Bắc Kinh để thảo luận và cùng nhau quyết định các vấn đề có liên quan⁷.

Lưu Thiếu Kỳ nói trong điện tín rằng phái đoàn nên bí mật nhập cảnh vào Trung Quốc: Miễn là đại diện của các ngài có thể an toàn vào khu vực thuộc thẩm quyền của Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc, thì mọi vấn đề an ninh sẽ do quân đội chúng tôi chịu trách nhiệm⁸.

7 Bản thảo của Lưu Thiếu Kỳ từ khi thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Tập 1, tr. 229, Nhà xuất bản Văn học Trung ương, 2005.

8 Bản thảo Lưu Thiếu Kỳ từ khi thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Tập 1, tr. 229, Nhà xuất bản Văn học Trung ương, 2005.

Phía Việt Nam nhanh chóng trả lời, chấp nhận đề nghị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc và sẽ sớm cử một người phụ trách đến Trung Quốc. Phía Việt Nam cho biết người phụ trách sẽ là Trần Đăng Ninh, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương.

Thực ra, Hồ Chí Minh đã quyết tâm đích thân đi Bắc Kinh và Moskva, nhưng phía Việt Nam lo ngại nội dung bức điện sẽ bị quân đội Pháp chặn bắt và gây ra sự cố, nên chỉ nói rằng Trần Đăng Ninh sẽ đi Bắc Kinh.

Ngày 25 tháng 12, Lưu Thiếu Kỳ gửi điện cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương,

thông báo cho phía Việt Nam về phái đoàn của La Quý Ba:

Các đồng chí Lý Tất Sơn và Nguyễn Đức Thụy đã đến Bắc Kinh và đã báo cáo cũng như chuyển lời yêu cầu của đồng chí. Chúng tôi rất sẵn lòng hỗ trợ đồng chí. Để cụ thể hóa sự hỗ trợ này, chúng tôi dự định cử một đại diện cùng năm hoặc sáu người tùy từng, mang theo radio, sang Việt Nam qua Quảng Tây để liên lạc với đồng chí, cùng với đồng chí Nguyễn Đức Thụy. Xin đồng chí cho biết đồng chí có đồng ý hay không.

Ngày 28 tháng 12, Lưu Thiếu Kỳ lại gửi điện cho Hồ Chí Minh:

Chúng tôi dự định tạm thời bí mật cử đại diện sang Việt Nam.

Việt Nam đã phản ứng nhanh chóng. Đêm giao thừa năm 1950, Hồ Chí Minh gửi điện cho Mao Trạch Đông:

“Tôi rất vui mừng được biết Chính phủ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đã được thành lập. Thay mặt Chính phủ và nhân dân Việt Nam, tôi xin gửi lời chúc mừng tới Ngài Chủ tịch, Chính phủ và nhân dân Trung Quốc. Hai dân tộc Việt Nam và Trung Quốc là đồng minh anh em với lịch sử hàng ngàn năm. Từ nay, mối quan hệ này sẽ càng gắn bó hơn nữa vì sự phát triển tự do và hạnh phúc của hai dân tộc chúng ta, vì sự nghiệp bảo vệ nền dân chủ và hòa bình lâu dài trên thế giới.”⁹

9 Tuyển tập Hồ Chí Minh, Tập 2, tr. 112, Nhà xuất bản Ngoại ngữ Việt Nam, 1962.



Ngày 1 tháng 10 năm 1949,
Mao Trạch Đông đã phát biểu
tại lễ khai mạc nước
Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Ngày 7 tháng 1 năm 1950, Ban
Chấp hành Trung ương Đảng Cộng
sản Trung Quốc nhận được điện từ
Ban Chấp hành Trung ương Đảng
Cộng sản Đông Dương:

“Chúng tôi nhiệt liệt hoan
nghênh phái đoàn của Ngài đến
Việt Nam.”

Đại diện liên lạc La Quý Ba nhận lệnh đến VN

Vào thời điểm đó, Mao Trạch Đông đang thăm Liên Xô. Chu Ân Lai dự kiến sẽ đến Moskva vào ngày 10 tháng 1 để gặp Mao Trạch Đông. Trước khi khởi hành, Chu đã triệu tập La Quý Ba và nói với ông rằng Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đang xem xét việc thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Kể từ khi thành lập vào tháng 9 năm 1945, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chưa được bất kỳ quốc gia nào công nhận. Nếu Trung Quốc công nhận, Liên Xô và các nước Đông Âu thuộc khối xã hội chủ nghĩa cũng sẽ lần lượt công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Điều này sẽ rất có lợi cho họ để phá vỡ sự cô lập và

cải thiện vị thế quốc tế của mình¹⁰.

Vào ngày 15 tháng 1, Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam khi đó là Hoàng Minh Giám đã gửi một công hàm tới Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao Chu Ân Lai: Chính phủ và nhân dân Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, theo Tuyên bố của Chính phủ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ngày 1 tháng 10 năm 1949, tuyên bố rằng họ công nhận Chính phủ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa do Chủ tịch Mao Trạch Đông lãnh đạo. Để tăng cường tình hữu nghị và hợp tác giữa hai nước Trung Quốc và Việt Nam, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã quyết định thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức với Chính phủ nước

10 La Quý Ba: “Chuyện bên trong viện trợ của Trung Quốc cho Việt Nam”, Tạp chí Thế kỷ, số 2, 1993.

Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và trao đổi đại sứ.

Mao Trạch Đông đã soạn thảo một bức điện tín đáp ứng yêu cầu của chính phủ Việt Nam. Công hàm của Việt Nam đã được chuyển ngay đến Mao Trạch Đông, lúc đó đang ở Liên Xô. Mao đến Moskva bằng tàu hỏa vào ngày 16 tháng 12 năm 1949. Sau nhiều lần tham vấn, Mao và Stalin đã nhất trí rằng một hiệp ước hữu nghị sẽ được ký kết giữa Trung Quốc và Liên Xô trong chuyến thăm này. Mao đã triệu tập Chu Ân Lai đến Liên Xô để đàm phán cụ thể. Khi công hàm của Hoàng Minh Giám được gửi đi, Chu Ân Lai vẫn đang trên tàu đến Moskva.

Mao đã nhận được công hàm

từ Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam do Lưu Thiếu Kỳ chuyển đến và đã đích thân soạn thảo một bức điện phúc đáp, và gửi điện tín cho Lưu Thiếu Kỳ vào ngày 17 tháng 1:

(1) Yêu cầu thiết lập quan hệ ngoại giao của chính phủ Việt Nam cần được trả lời ngay lập tức với sự đồng ý. Một bản phúc đáp đã được soạn thảo; xin hãy phát sóng vào ngày mai (ngày 18), đồng thời phát sóng trên đài phát thanh nội bộ.

(2) Xin Bộ Ngoại giao chúng tôi chuyển bản tuyên bố của Chính phủ Việt Nam yêu cầu thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước khác tới Liên Xô và các nước dân chủ mới khác.

Sau khi nhận được điện tín của Mao Trạch Đông, Lưu Thiếu Kỳ đã chuyển cho Hồ Kiều Mộc, chỉ thị công bố cùng với điện tín của Hoàng Minh Giám. Ngày hôm sau, Đài Phát thanh Nhân dân Trung ương tại Bắc Kinh đã phát sóng điện tín trả lời nhân danh Chu Ân Lai gửi Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Hoàng Minh Giám:

Tôi rất vinh dự nhận được điện tín của Ngài ngày 15 tháng 1 năm 1950, yêu cầu thiết lập quan hệ ngoại giao với Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Tôi xin thông báo rằng Chính phủ Nhân dân Trung ương Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa coi Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là chính phủ hợp pháp đại diện cho ý chí của nhân dân Việt Nam.

Chính phủ Nhân dân Trung ương Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa sẵn sàng thiết lập quan hệ ngoại giao với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và trao đổi đại sứ, nhằm củng cố quan hệ ngoại giao giữa hai nước và tăng cường tình hữu nghị, hợp tác giữa hai nước. Tôi xin trả lời và mong các ngài lưu ý¹¹.

Như vậy, Trung Quốc đã trở thành quốc gia đầu tiên trên thế giới thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Việt Nam đặc biệt vui mừng về điều này.

Ngày 26 tháng 1, Hoàng Minh, phát biểu với phóng viên Đài Tiếng nói Việt Nam, nói: “Giờ đây chúng
11 Mao Trạch Đông từ khi thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Tập 1, trang 238-239, Nhà xuất bản Văn học Trung ương, 1987.

ta có một người hàng xóm hữu nghị. Sự xuất hiện của một người bạn như vậy sẽ khích lệ rất lớn cho nhân dân và quân đội chúng ta. Chúng ta sẽ ngày càng mạnh mẽ hơn và chắc chắn sẽ thực hiện được lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc đẩy nhanh chuẩn bị cho cuộc tổng phản công”.

Sau Trung Quốc, Liên Xô cũng công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào ngày 31 tháng 1.

Sau Liên Xô, một số nước Đông Âu sau đó đã công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, phá vỡ thế bế tắc ngoại giao lâu dài của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Mao Trạch Đông, lúc đó đang ở Liên Xô, rất quan tâm đến vấn đề Việt Nam. Hơn mười ngày sau, Lưu Thiếu Kỳ gửi điện tín từ Bắc Kinh hỏi liệu quân đội Việt Nam do Hồ Chí Minh chỉ huy có được phép vào Trung Quốc trong trường hợp khẩn cấp hay không. Mao Trạch Đông trả lời rằng nên được phép, và rằng “đảng, chính phủ và quân đội ta phải tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ tối đa cho cán bộ Việt Minh và nhân dân Việt Nam, coi họ như đồng chí của mình”. Nếu phía Việt Nam yêu cầu vũ khí, lương thực và các nhu yếu phẩm khác, họ cũng nên “cố gắng hết sức để giúp đỡ”¹².

12 Đây là nội dung trả lời của Mao Trạch Đông cho Lâm Bưu, được Lưu Thiếu Kỳ trích dẫn khi ông gửi điện cho Lâm Bưu vào ngày 6 tháng 1 năm 1950. Xem Tập 1 của «Bản thảo của Lưu Thiếu Kỳ từ khi thành

Đại diện liên lạc của ĐCSTQ lạng lẽ lên đường. Tổng tư lệnh Chu Đức triệu tập La Quý Ba, người đang chuẩn bị lên đường, và sau khi nghe báo cáo, ông ta nhắc lại rằng nhiệm vụ chính của La Quý Ba là vào Việt Nam để nắm bắt tình hình: “để xem họ cần loại hỗ trợ nào và loại hỗ trợ nào là tốt nhất để cung cấp”.

Chu Đức chỉ thị cho La Quý Ba giữ bí mật hoạt động và sau khi vào Việt Nam, danh tính của ông ta chỉ được tiết lộ trong số ít lãnh đạo Việt Nam.

Ngày 13 tháng 1 năm 1950, Lưu Thiếu Kỳ lại nói chuyện với La Quý Ba. Lưu Thiếu Kỳ nhớ lại những lần

lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa», trang 271, Nhà xuất bản Văn học Trung ương, 2005.

tiếp xúc với Hồ Chí Minh. Trong cuộc Cách mạng Trung Quốc những năm 1920, Lưu Thiếu Kỳ đã gặp Hồ Chí Minh tại Quảng Châu, khi đó là phiên dịch và thư ký cho đại diện Quốc tế Cộng sản Borodin. Hồ Chí Minh đã thành lập một “Lớp Huấn luyện Chính trị Đặc biệt” tại Quảng Châu để đào tạo cán bộ cách mạng trẻ Việt Nam, thường xuyên mời Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai, Lý Phú Xuân, Bành Bái và những người khác đến giảng bài. Vào thời điểm đó, Lưu Thiếu Kỳ tập trung vào phong trào công nhân. Năm 1938, tại Diên An, Lưu Thiếu Kỳ lại gặp Hồ Chí Minh, lần này là bí mật. Hơn mười năm đã trôi qua kể từ khi họ chia tay nhau tại Diên An.

Tuy nhiên, Lưu Thiếu Kỳ cũng nói rằng mặc dù ông và Hồ Chí Minh đã quen biết nhau từ lâu và có liên lạc sau đó, nhưng họ không thực sự hiểu nhau. Trong Chiến tranh Giải phóng, có một số mối liên hệ giữa hai đảng và quân đội của họ ở khu vực biên giới Trung-Việt. Lực lượng địa phương của quân đội ta, cụ thể là Đội quân Quảng Tây - Vân Nam - Quý Châu, đã được chuyển đến Việt Nam trong những thời điểm khó khăn và nhận được sự bảo vệ, hỗ trợ của họ. Tuy nhiên, mối liên hệ này giữa Trung Quốc và Việt Nam không mang tính cố định hay chính thức; “Sau khi đồng chí đến Việt Nam, cần thiết lập mối liên hệ giữa các ủy ban trung ương của hai đảng.”

Lưu Thiếu Kỳ chỉ thị: “Chuyến đi Việt Nam của đồng chí hoàn toàn bí mật. Phương thức công tác sau khi đồng chí đến Việt Nam sẽ do Trung ương Đảng Việt Nam quyết định. Đồng chí sẽ trở về Trung Quốc báo cáo vào thời điểm thích hợp. Đề nghị Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng Việt Nam tạo điều kiện cho đồng chí trong thời gian công tác tại Việt Nam, theo đúng tiêu chuẩn cán bộ Việt Nam.”

Vừa nói, Lưu Thiếu Kỳ vừa cầm bút viết thư giới thiệu gửi Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam cho đồng chí La Quý Ba:

Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam:

Chúng tôi cử đồng chí La Quý Ba

đến liên lạc với đồng chí. Chúng tôi hy vọng đồng chí sẽ liên lạc được với đồng chí. Chúng tôi đã giao cho đồng chí La Quý Ba những nhiệm vụ sau đây.

Vấn đề này sẽ được trình bày trực tiếp với đồng chí La.

Trân trọng,

Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc

Lưu Thiếu Kỳ

Sau đó, Lưu Thiếu Kỳ có những cân nhắc mới. Ông cầm bút viết bức thư giới thiệu thứ hai gửi Hồ Chí Minh cho La Quý Ba:

Đây là thư giới thiệu đồng chí La Quý Ba, bí thư tỉnh ủy kiêm

chính ủy quân đội, làm đại diện liên lạc của Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc với đồng chí. Đồng chí sẽ đi cùng đồng chí với tám người, bao gồm các trợ lý và tùy tùng.

Lưu Thiếu Kỳ,

Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc¹³

Quân ủy Trung ương đã cung cấp cho La Quý Ba một đài phát thanh, với Cố Mật Vân làm trưởng đài, cùng với điện báo viên Tiết Bội Trí, thư ký mật Trương Tư Trí và vệ sĩ Ngô Hoài Đức.

13 La Quý Ba: “Câu chuyện bên trong về viện trợ của Trung Quốc cho Việt Nam”, Tạp chí Thế kỷ, số 2, 1993.

La Quý Ba đã chọn Lý Vân Dương làm trợ lý chính cho chuyến đi Việt Nam này.

Lý Vân Dương, sinh năm 1912, quê ở huyện Thái Sơn, tỉnh Quảng Đông. Thời trẻ, ông du học tại Nhật Bản và gia nhập Đảng Cộng sản Trung Quốc tại Tokyo năm 1936 thông qua sự giới thiệu của nhà cộng sản nổi tiếng Lâm Kế Lộc. Sau khi Chiến tranh Kháng Nhật bùng nổ, ông giảng dạy tại Đại học Quân sự và Chính trị Kháng Nhật ở Diên An. Năm 1939, ông đến Tân Cương cùng với Trần Đàm Thu, Mao Trạch Dân, Lâm Kế Lộc và những người khác.

Năm 1942, quân phiệt Thịnh Thế Tài ở Tân Cương, theo chân

Tướng Giới Thạch, đã phát động một chiến dịch chống cộng, bắt giữ các đại diện của Đảng Cộng sản đang hoạt động tại Tân Cương. Lý Vân Dương cũng bị giam cầm, ở lại đó cho đến tháng 6 năm 1946.

Tháng 7 năm 1946, Lý Vân Dương trở về Diên An và trở thành thư ký của Vương Chấn, tư lệnh Lữ đoàn 359. Sau đó, ông được chuyển đến Quân khu Lữ Lương ở Sơn Tây, làm việc cùng với La Quý Ba.

Ngay trước khi thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Lý Vân Dương đã đến Bắc Kinh để làm việc tại Ban Tổ chức Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc. Lúc này, Diệp Kiếm Anh, chuẩn bị vào Quảng Đông, đang gấp rút tuyển

dụng cán bộ từ Quảng Đông, và Lý Vân Dương nằm trong số những người được chọn. Không thể tiếp tục ngay lập tức, Lý Vân Dương ban đầu đảm nhiệm chức vụ phó hiệu trưởng một trường trung học cơ sở ở miền Bắc Trung Quốc, phụ trách công tác trường học.

La Quý Ba tìm được địa chỉ của Lý Vân Dương ở Bắc Kinh và vội vã đến trường trung học cơ sở miền Bắc Trung Quốc. Ông nói với Lý Vân Dương: “Giờ chúng ta đã được giải phóng, còn rất nhiều việc phải làm. Sao anh không cùng tôi sang Việt Nam?”

Lý Vân Dương vui vẻ đồng ý: “Tuyệt vời! Chúng ta là đối tác cũ. Nếu anh muốn tôi đi, tôi sẽ đi.»

Theo ký ức của Lý Vân Dương, khi Lạc Quý Ba nói chuyện với ông, «Nhóm Cố vấn» chưa có tên. Vào thời điểm đó, nó được gọi là «Nhóm Liên lạc» và được thế giới bên ngoài biết đến với tên gọi «Nhóm Công tác Nam Trung Quốc».

Sau khi Lý Vân Dương đến bên La Quý Ba, ông chịu trách nhiệm liên lạc với Lý Ban và Nguyễn Đức Thụy và sắp xếp các chi tiết của phái đoàn đến Việt Nam¹⁴.

Cùng với Lý Ban và Nguyễn Đức Thụy, La Quý Ba và nhóm của ông rời Bắc Kinh bằng tàu hỏa vào ngày 16 tháng 1 năm 1950, hướng về phía nam.

Trước khi rời đi, một người đàn

¹⁴ Ngày 15 tháng 12 năm 1993, tác giả đã đến thăm Lý Vân Dương tại Quảng Châu.

ông Việt Nam tên là Lưu Đức Phúc đã được thêm vào nhóm của họ. Ông là thư ký của ban chấp hành Tổng liên đoàn lao động Việt Nam và đang trở về Việt Nam sau khi tham dự các hội nghị công đoàn lao động Á và Phi tại Bắc Kinh.

Ngày hôm sau, Lưu Thiếu Kỳ chính thức thông báo cho phía Việt Nam về tên của La Quý Ba qua điện tín và thông báo rằng nhóm của La Quý Ba «đã đi qua Hán Khẩu, Quảng Châu, Nam Ninh và Long Châu, sau đó vào Việt Nam, và sẽ mất khoảng một tháng để đến nơi.»

Trước đó, Lưu Thiếu Kỳ đã liên lạc với Cục Trung Nam và các tỉnh ủy Quảng Tây và Vân Nam trên hành trình về phía Nam của La Quý Ba, yêu cầu hỗ trợ.

Ngày 11 tháng 1, Lưu Thiếu Kỳ gửi điện cho Lâm Bưu, Bí thư thứ nhất kiêm Trưởng Cục Trung Nam: «Ủy ban Trung ương đã quyết định cử La Quý Ba sang Việt Nam. Ông ấy sẽ sớm rời Bắc Kinh và trở về cùng với đại diện Việt Nam. Họ sẽ liên lạc với ngài khi đi qua Vũ Hán và Quảng Tây, và thiết lập liên lạc vô tuyến với ngài để tạo điều kiện thuận lợi cho việc liên lạc của chúng tôi với Đảng Cộng sản Việt Nam sau khi họ đến Việt Nam, và để cung cấp cho họ sự hỗ trợ có hệ thống. Hiện tại, ngài có thể yêu cầu tiền tuyến hỗ trợ tạm thời cho họ; số tiền sẽ được tiền tuyến và Việt Nam thỏa thuận (và sau đó sẽ gửi điện báo lại). «

Đúng như dự đoán, sau khi La

Quý Ba và đoàn của ông đến Vũ Hán, Lâm Bưu rất coi trọng việc này và đặc biệt tổ chức một bữa tiệc chiêu đãi tại Hán Khẩu¹⁵.

Chuyến thăm bí mật của Hồ Chí Minh đến Trung Quốc

Trong rừng rậm miền Bắc Việt Nam, Hồ Chí Minh, cùng với Trần Đăng Ninh và sáu phụ tá, đã bí mật rời căn cứ địa ở miền Bắc Việt Nam và hướng về Trung Quốc. Vì vậy, khi Hoàng Minh Kiến và Chu Ân Lai trao đổi điện tín vào tháng 1 năm 1950, Hồ Chí Minh đã trên đường đến Bắc Kinh.

15 La Quý Ba: «Đồng chí Thiếu Kỳ đã cử tôi đến Việt Nam». Xem «Tưởng nhớ đồng chí Lưu Thiếu Kỳ», Nhà xuất bản Văn học Trung ương, 1987. Tác giả của cuốn sách này đã phỏng vấn La Quý Ba tại Bắc Kinh vào ngày 24 tháng 2 năm 1989 và ngày 18 tháng 4 năm 1990.

Hồ Chí Minh và Trần Đăng Ninh vào huyện Tĩnh Tây, Quảng Tây, Trung Quốc vào ngày 16 tháng 1 năm 1950. Cùng ngày, La Quý Ba và đoàn tùy tùng rời Bắc Kinh về Việt Nam. Sau khi Hồ Chí Minh vào lãnh thổ Trung Quốc, các lãnh đạo liên quan của Quân khu Quảng Tây đã dẫn một trung đội bộ binh ra đón, và ông đã ở lại Bộ Tư lệnh Quân khu Long Châu của Quân Giải phóng Nhân dân tối hôm đó.

Được Quân khu Quảng Tây sắp xếp, Hồ Chí Minh đã đi ô tô từ Long Châu đến Nam Ninh vào ngày 25 tháng 1 và nghỉ tại Khách sạn Kim Sơn trên đường Dân Sinh. Tối hôm đó, Trương Vân Nghị, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Tây¹⁶ và Trung đoàn 4

16 Vào đầu thời kỳ thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, tỉnh Quảng Tây được thành lập.

Đại diện liên lạc La Quý Ba nhận lệnh đến VN

của Quân đoàn dã chiến số 2, lúc đó đang ở Nam Ninh...»

Tư lệnh Quân đoàn Trần Canh đã tổ chức tiệc chiêu đãi Hồ Chí Minh và đoàn tùy tùng. Tối hôm đó, Lưu Thiếu Kỳ, người phụ trách công việc thường nhật của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc tại Bắc Kinh, đã nhận được điện tín từ Quảng Tây thông báo rằng Hồ Chí Minh đã bí mật đến Nam Ninh. Lưu Thiếu Kỳ đã chuẩn bị từ lâu cho sự xuất hiện của Hồ Chí Minh tại Trung Quốc.

Gần nửa năm trước đó, vào tháng 7 năm 1949, Lưu Thiếu Kỳ đã đến Liên Xô với tư cách là đại diện của Ban Chấp hành Trung ương

Tháng 3 năm 1958, đổi thành Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây.

Đảng Cộng sản Trung Quốc để thảo luận về việc thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa với Stalin. Khi Stalin gặp Lưu Thiếu Kỳ, ông đã thảo luận về những hành động sai lầm của Đảng Liên Xô trong một khoảng thời gian đáng kể.



Chủ tịch Hồ Chí Minh
trong cuộc kháng chiến
chống Pháp

Ông ta xin lỗi vì đã can thiệp
vào cuộc cách mạng Trung Quốc,

Đại diện liên lạc La Quý Ba nhận lệnh đến VN

nói rằng: «Chúng tôi đã can thiệp và cản trở các ngài, và tôi cảm thấy có lỗi về điều đó.»

Với vị thế lâu dài của mình ở đỉnh cao quyền lực tại Liên Xô, nơi vẫn nạn sùng bái cá nhân nghiêm trọng đã nổi lên, tuyên bố này của Stalin thật đáng chú ý.

Sau đó, Stalin, thay mặt Đảng Cộng sản Liên Xô, chính thức đề xuất rằng một nước Trung Quốc mới nên được thành lập trước năm 1950.

Tại thời điểm này, Stalin đã thảo luận về nhận thức của mình về tình hình thế giới, nói rằng Trung Quốc là một nước lớn, và thành công của cách mạng Trung Quốc sẽ có tác động đến thế giới. Do đó,

trung tâm của cách mạng thế giới có thể dịch chuyển về phía Đông, và Trung Quốc sẽ trở thành trung tâm của cách mạng châu Á. Trong tình huống như vậy, các nước như Việt Nam có thể tìm kiếm sự giúp đỡ của các ngài. Nếu vậy, việc các ngài hỗ trợ sẽ phù hợp hơn. Mặt khác, chúng tôi không thể, vì chúng tôi ở xa và không hiểu rõ tình hình như các ngài.

Những lời của Stalin thực sự đã đặt ra khuôn khổ chung cho mối quan hệ giữa Liên Xô, Trung Quốc và Việt Nam trong những năm 1950.

Trước tình hình này, ngày 26 tháng 1, Lưu Thiếu Kỳ đã gửi điện báo cho Cục Trung Nam: “Đồng chí

Hồ đã đến Vũ Hán. Hiện tại, không nên công khai chào đón, mà hãy bí mật tiếp đón trong nội bộ Đảng.” Nhưng sau khi ông ấy đến Vũ Hán, các đồng chí nên thảo luận với ông ấy xem có thể công khai chào đón ông ấy ở Bắc Kinh hay không, và xem ý kiến của ông ấy thế nào trước khi quyết định. Các đồng chí nên nồng nhiệt chào đón đồng chí Hồ và cẩn thận hộ tống ông ấy đến Bắc Kinh¹⁷.

17 Bản thảo Lưu Thiếu Kỳ từ khi thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Tập 1, tr. 421, Nhà xuất bản Văn học Trung ương, 2005.



Vào những năm 1950, Mao Trạch Đông và các lãnh đạo khác của Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã tháp tùng Hồ Chí Minh đến xem một chương trình tại Công viên Trung Sơn ở Bắc Kinh.

Chương 3

Mao Trạch Đông và Quyết định hỗ trợ Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược



Bốn nhà lãnh đạo chính của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược (từ trái sang): Trường Chinh, Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp.

“Món quà nhỏ” của Hồ Chí Minh

Hồ Chí Minh và đoàn tùy tùng đến Vũ Hán vào ngày 27 tháng 1.

Trong số các lãnh đạo Trung ương Đảng, Hồ Chí Minh quen thuộc nhất với Chu Ân Lai. Vì tuyến đường sắt Quảng Tây - Hồ Nam lúc bấy giờ chỉ kéo dài đến Lai Tân, đông bắc Quảng Tây, Hồ Chí Minh và đoàn tùy tùng đã đi ô tô từ Nam Ninh đến đó. Họ được Hà Vệ, Bí thư Huyện ủy Bắc Quảng Tây, đón tiếp và sắp xếp cho họ lên tàu hỏa đến Bắc Kinh. Hồ Chí Minh và Hà Vệ đã quen biết nhau trong thời kỳ kháng chiến chống Nhật. Thấy Hồ Chí Minh ăn mặc mỏng manh sau khi từ Việt Nam trở về, Hà Vệ khoác chiếc áo khoác quân

đội bằng vải cotton của mình lên vai. Hồ Chí Minh vui vẻ nhận lời và sau đó bí mật hỏi Hà Vệ xin tiền tiêu vặt. Hà Vệ, bối rối, hỏi Hồ Chí Minh: “Ông cần số tiền này để làm gì?”

Hà Chí Minh, nói giọng Quảng Đông, mỉm cười đáp: “Để mua một món quà nhỏ cho Đặng Dĩnh Siêu.”

Hà Vệ đưa cho Hồ Chí Minh một ít tiền lẻ. Nhiều năm sau, Hà Vệ, lúc đó là Đại sứ Trung Quốc tại Việt Nam, đã tình cờ nghe Hồ Chí Minh kể rằng ông đã mua một túi hạt dẻ rang và mang đến cho Đặng Dĩnh Siêu khi ông đi qua Thiên Tân trên đường đến Bắc Kinh¹⁸.

18 Ngày 10 tháng 2 năm 1990, tác giả đến thăm bà Tôn Nhất Tiến, vợ của ông Hà Vệ, người từng giữ chức Bí thư Thành ủy Nam Ninh năm 1950, tại Bắc Kinh.

Ngày 30 tháng 1, Hồ Chí Minh và Trần Đăng Ninh đến Bắc Kinh. Dương Thượng Côn, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, đã đón họ tại ga tàu và, theo chỉ thị của Lưu Thiếu Kỳ, đã đưa Hồ Chí Minh đến Trung Nam Hải, nơi ông ở dưới cái tên “Đình”.

Theo yêu cầu của Hồ Chí Minh, toàn bộ chuyến đi được giữ bí mật. Về sau, vợ của Lưu Thiếu Kỳ, Vương Quang Mai, nhớ lại sự việc này và nói: “Tôi đã gặp đồng chí Hồ Chí Minh trong dịp này. Thiếu Kỳ đã sắp xếp cho ông ấy ở lại Trung Nam Hải. Vào thời điểm đó, gia đình chúng tôi sống ở Vạn Tử Lang, Trung Nam Hải. Một hôm,

ông ấy đến nhà chúng tôi rất tình
cờ.”



Hồ Chí Minh và Đặng Dĩnh Siêu tại Bắc Kinh

Tôi tình cờ ở nhà, ngẩng đầu
lên thấy có người đi vào, cổ quàng
một chiếc khăn lớn. Tôi đoán ngay
là Hồ Chí Minh, vì Lưu Thiếu Kỳ có
kể vắn tắt cho tôi nghe về chuyến
đi Trung Quốc của ông. Tôi liền

mời ông ngồi xuống phòng khách rồi nhanh chóng gọi Lưu Thiếu Kỳ. Lưu Thiếu Kỳ đi ra, hai người trò chuyện trong phòng khách. Vì là bạn cũ gặp nhau nên nói chuyện rất thoải mái, tự nhiên. Đồng chí Hồ Chí Minh thích trẻ con nên nhờ tôi gọi các con tôi ra xem. Tôi cũng nói với Đồng chí Hồ Chí Minh: “Sao đồng chí lại để râu? Che bằng khăn phiền phức quá. Cạo đi cũng được.” Đồng chí cười nói: “Không được. Nhân dân Việt Nam chỉ nhận ra râu của tôi thôi.”¹⁹

Sau đó, Lưu Thiếu Kỳ gửi điện tín cho La Quý Ba, lúc đó đã rời đi, để trở về Bắc Kinh gặp Hồ Chí Minh. Cùng ngày (ngày 30 tháng

19 Do Hoàng Chính viết: Phỏng vấn Vương Quang Mai, trang 330, Nhà xuất bản Văn học Trung ương, 2005.

1), ông gửi điện tín cho Mao Trạch Đông ở Moskva báo cáo sự việc, nói rằng: “Hồ Chí Minh đã vắng mặt một tháng, và mất 17 ngày để đi chân đất vào lãnh thổ Trung Quốc. Ông đã 60 tuổi và gầy, nhưng vẫn khỏe mạnh. Khi Hồ Chí Minh rời Việt Nam, chỉ có hai người biết rằng ông sẽ đến Trung Quốc, vì vậy ông chỉ có thể ở lại Bắc Kinh vài ngày.”²⁰

Lưu Thiếu Kỳ đã đưa Hồ Chí Minh đến Liên Xô

Lưu Thiếu Kỳ cũng quyết định rằng bản thân ông sẽ tham gia vào một nhóm gồm Chu Đức, Nhiếp Vinh Trâm, Lý Duy Hàn, Liêu Thừa Chí và những người khác để nói

20 La Quý Ba: Đồng chí Thiếu Kỳ đã cử tôi đến Việt Nam. Xem Tưởng nhớ Lưu Thiếu Kỳ, Nhà xuất bản Văn học Trung ương, 1987.

chuyện với Hồ Chí Minh và giải quyết các vấn đề mà Hồ Chí Minh nêu ra. Sau đó, ông đã báo cáo sự việc với Mao Trạch Đông.

Vào buổi tối Hồ Chí Minh đến Bắc Kinh, Lưu Thiếu Kỳ đã tổ chức một bữa tiệc chiêu đãi nhân danh Bộ Chính trị Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc. Trong số những người Trung Quốc tham dự có Chu Đức, Đồng Tất Vũ, Lâm Bá Cừ, Nhiếp Vĩnh Trân và Lý Vệ Hàn, trong khi những người Việt Nam tham dự có Trần Đăng Ninh và Hoàng Văn Hoan.

Trong cuộc họp, Lưu Thiếu Kỳ nói với Hồ Chí Minh rằng Trung Quốc đã công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và đang tham vấn

với Liên Xô, đề nghị họ công nhận để Việt Nam có thể đạt được vị thế quốc tế. Việc Trung Quốc công nhận Việt Nam sẽ trì hoãn việc Pháp công nhận Trung Quốc, nhưng chúng tôi không sợ. Vấn đề chính bây giờ là tích cực ủng hộ cuộc chiến tranh nhân dân Việt Nam chống Pháp để nhân dân Việt Nam có thể giành chiến thắng càng sớm càng tốt. Lưu Thiếu Kỳ nhớ lại cuộc gặp gỡ của ông với Hồ Chí Minh tại Quảng Châu.



Vào tháng 2 năm 1950, Hồ Chí Minh và Chu Đức đã gặp nhau tại Bắc Kinh.

Cuộc trò chuyện chuyển sang “Lớp huấn luyện cán bộ thanh niên Việt Nam” mà Hồ Chí Minh đã điều hành tại Quảng Châu từ năm 1925 đến năm 1926, và Người hỏi thăm tình hình hiện tại của các học viên thời đó.

Hồ Chí Minh nói với những người có mặt: “Khi lớp huấn luyện được tổ chức tại Quảng Châu, Chu Ân Lai, Trương Thái Lô, Bành Bái, Trần Diên Niên, Lý Phục Tuyên, Vân Đại Anh và một số đồng chí kỳ cựu lãnh đạo cuộc bãi công Quảng Châu - Hồng Kông đều đã thuyết trình cho chúng tôi. Lưu Thiếu Kỳ cũng là một trong những người hướng dẫn. Chúng tôi rất biết ơn các đồng chí Trung Quốc đã quan tâm và giúp đỡ sự nghiệp cách mạng Việt Nam.”

Đến đây, Hoàng Văn Hoan nâng ly chúc mừng Lưu Thiếu Kỳ, giải thích rằng ông là học viên khóa ba của lớp huấn luyện: «Hồi đó, các nhà cách mạng của hai đảng Trung Quốc và Việt Nam cùng chung lý

tưởng và thân thiết như anh em. Lớp huấn luyện chính trị không có căng tin, nên chúng tôi ăn ở Học viện Huấn luyện Phong trào Nông dân Trung Quốc mỗi ngày.»

Lưu Thiếu Kỳ bày tỏ với Hồ Chí Minh hy vọng ông sẽ ở lại Trung Quốc thêm vài ngày để Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai có thể từ Liên Xô trở về để thảo luận các vấn đề cụ thể liên quan đến sự hỗ trợ của Trung Quốc dành cho cách mạng Việt Nam.

Hồ Chí Minh rất hài lòng với điều này, nhưng không có ý định ở lại Bắc Kinh lâu; thay vào đó, ông dự định đến Liên Xô ngay lập tức. Ông nói với Lưu Thiếu Kỳ rằng mục đích chính của chuyến

đi nước ngoài là thăm Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô, và ông muốn gặp Stalin. Vì Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai đều ở Moskva, họ có thể cùng nhau thảo luận vấn đề này tại Liên Xô.

Lưu Thiếu Kỳ ngay lập tức báo cáo yêu cầu của Hồ Chí Minh với Mao Trạch Đông.

Tại Moskva, Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai đã thảo luận về báo cáo của Lưu Thiếu Kỳ rằng Hồ Chí Minh muốn đến Moskva sau chuyến thăm Trung Quốc. Vương Đông Hưng, người phụ trách an ninh của Mao Trạch Đông tại Moskva lúc bấy giờ, đã ghi lại sự kiện này trong nhật ký của mình:

Ngày 1 tháng 2 năm 1950: Tôi đến dinh thự của Chủ tịch Mao; Chủ tịch đang thảo luận công việc với Thủ tướng. Chủ tịch Mao, thấy tôi bước vào, quay sang tôi và nói: “Hồ Chí Minh, Chủ tịch kiêm Thủ tướng nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, hiện đang thăm Bắc Kinh. Đồng chí Hồ Chí Minh là một chuyên gia về Trung Quốc; Người đặc biệt am hiểu về Trung Quốc, đặc biệt là khu vực Quảng Đông và Quảng Tây. Người là một nhà lãnh đạo và nhà tổ chức xuất sắc của nhân dân Việt Nam. Đồng chí Ân Lai và tôi đã soạn thảo một bức điện gửi về nước, đề nghị đồng chí Thiếu Kỳ nồng nhiệt đón tiếp và chuyển lời chào của chúng tôi đến Chủ tịch Hồ Chí Minh.”

Thủ tướng Chu tiếp tục: “Trung Quốc và Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao, và Chủ tịch Hồ Chí Minh có thể sẽ thăm Liên Xô sau chuyến thăm Trung Quốc.”²¹

Cả hai nhà lãnh đạo Trung Quốc và Liên Xô đều đồng ý cho phép Hồ Chí Minh đến Moskva.

Ngày 2 tháng 2 năm 1950, Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai, đang ở Moskva, đã gửi điện tín cho Lưu Thiếu Kỳ, nhờ ông chuyển lời chào tới Hồ Chí Minh. Mao Trạch Đông cũng chỉ thị cho Chu Ân Lai bay đến Viễn Đông Liên Xô để gặp Hồ Chí Minh và sau đó tháp tùng ông trở về Moskva.

21 Nhật ký Vương Đông Hưng, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội Trung Quốc, 1993.

Vì vậy, Hồ Chí Minh rời Bắc Kinh bằng tàu hỏa vào ngày 3 tháng 2 và đến Chita ở Viễn Đông Liên Xô vào ngày 6 tháng 2. Tại đây, ông gặp Chu Ân Lai, người đã đi từ Moskva đến chào đón ông, và sau đó họ cùng bay đến Moskva.

Đảng Cộng sản Trung Quốc và Liên Xô đã đạt được thỏa thuận về viện trợ cho Việt Nam.

Tối hôm Hồ Chí Minh đến Moskva, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô đã tổ chức tiệc chiêu đãi ông, nhưng Stalin không tham dự. Sau đó, Stalin nói với Mao Trạch Đông: “Hồ Chí Minh đề nghị Liên Xô viện trợ trực tiếp cho Việt Nam để giúp họ chống Pháp. Chúng tôi có một

số cân nhắc khác nhau về vấn đề này.”

Tuyên bố của Stalin phù hợp với ý tưởng mà ông đã bày tỏ với Lưu Thiếu Kỳ hơn sáu tháng trước đó, rằng Trung Quốc có thể chịu trách nhiệm viện trợ cho Việt Nam. Đồng thời, ông còn có một mối lo ngại khác: Hồ Chí Minh là một “người theo chủ nghĩa dân tộc” và có thể liên kết với Tito của Nam Tư.

Mao Trạch Đông nói với Stalin rằng Hồ Chí Minh là một nhà cách mạng lão thành, chứ không phải một “người theo chủ nghĩa dân tộc”, và rằng Hồ Chí Minh có sự ủng hộ của nhân dân Việt Nam; ông nên gặp Hồ Chí Minh.

Stalin đồng tình với ý kiến của

Mao Trạch Đông và tuyên bố rõ ràng: “Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc chứng minh rằng Trung Quốc đã trở thành trung tâm của cách mạng châu Á. Chúng tôi tin rằng công tác hỗ trợ và giúp đỡ Việt Nam nên do Trung Quốc đảm nhiệm chủ yếu.”



Mao Trạch Đông và Stalin chụp ảnh chung trong chuyến thăm Liên Xô của Mao.

Mao nói với Stalin rằng Việt Nam chủ yếu cần vũ khí, đạn dược,

cũng như các vật tư quân sự khác, mà Trung Quốc có thể không cung cấp được. Đương nhiên, Mao và các nhà lãnh đạo ĐCSTQ hy vọng nhận được sự hỗ trợ của Liên Xô.

Sau khi Mao giới thiệu, Stalin đã gặp Hồ Chí Minh và lắng nghe ông kể lại về Chiến tranh Việt Nam. Hồ Chí Minh trực tiếp đề nghị Liên Xô gửi cố vấn quân sự đến hỗ trợ Việt Nam và cung cấp viện trợ đạn dược. Hóa ra Hồ Chí Minh đặt nhiều hy vọng vào Liên Xô hơn là Trung Quốc về vấn đề cố vấn quân sự, đó là lý do tại sao ông nhất quyết đến Moskva.

Lúc đó, Stalin không trả lời; ông muốn thảo luận vấn đề này với Mao Trạch Đông.

Sau này, nhà lãnh đạo Liên Xô Khrushchev nhớ lại chuyến thăm bí mật của Hồ Chí Minh: “Tôi sẽ không bao giờ quên ánh mắt của ông ấy; khi ông ấy nhìn mọi người, ánh mắt ông ấy tỏa sáng với một sự chân thành và thuần khiết đặc biệt.” Đây là sự chân thành của một người cộng sản cao quý, sự thuần khiết của một con người tận tụy với sự nghiệp cách mạng cả về nguyên tắc lẫn thực tiễn... Hồ Chí Minh đã bay thẳng từ rừng rậm Việt Nam đến Moskva, kể cho chúng tôi nghe về hành trình ông đã lội bộ nhiều ngày qua rừng rậm để đến biên giới Trung Quốc, và từ đó đến Liên Xô.

Trong suốt cuộc trò chuyện, ánh mắt khác thường của Hồ Chí Minh luôn hướng về Stalin. Phải nói rằng, trong ánh mắt ấy toát lên vẻ ngây thơ gần như trẻ thơ. Tôi nhớ có lần ông lấy một cuốn tạp chí Liên Xô - hình như là “Xây dựng Liên Xô” - từ trong cặp ra và xin chữ ký của Stalin. Ở Pháp, ai cũng xin chữ ký, và rõ ràng, Hồ Chí Minh cũng nảy sinh mong muốn này. Ông muốn cho nhân dân xem chữ ký của Stalin khi trở về Việt Nam. Stalin đã ký, nhưng ngay sau đó, cuốn tạp chí đã bị bí mật lấy lại. Stalin lo lắng rằng Hồ Chí Minh có thể không biết nó sẽ có ích gì.

Hồ Chí Minh kể cho chúng tôi nghe về cuộc kháng chiến của nhân dân ông chống lại lực lượng

chiếm đóng của Pháp và yêu cầu hỗ trợ vật chất, đặc biệt là vũ khí và đạn dược. Sau khi rời Moskva, Hồ Chí Minh lại viết thư, đề nghị chúng tôi cung cấp thuốc quinine, vì bệnh sốt rét đang hoành hành trong nhân dân họ. Ngành công nghiệp dược phẩm của chúng tôi sản xuất quinine với số lượng lớn, nên Stalin đã hào phóng nói: “Cho ông ấy nửa tấn.”²²

Đầu những năm 1950, tư tưởng «xuất khẩu cách mạng» vẫn còn lơ lửng như sao băng trong phe cộng sản quốc tế do Liên Xô đứng đầu. Không còn nghi ngờ gì nữa, Stalin đã kiên định với quan điểm này. Khi thảo luận về vấn đề Việt Nam với Mao Trạch Đông, ông một lần

²² Hồi ký Khrushchev, trang 681-682, Nhà xuất bản Phương Đông, 1988.

nữa đề cập đến tầm nhìn của mình về «trung tâm của cách mạng thế giới đang dịch chuyển về phía Đông» và «Trung Quốc đang trở thành trung tâm của cách mạng châu Á».

Stalin nói với Mao Trạch Đông rằng ông hy vọng trách nhiệm hỗ trợ Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống lại ách thống trị của thực dân Pháp chủ yếu thuộc về Trung Quốc, bởi vì Trung Quốc và Việt Nam có nhiều mối liên hệ lịch sử và đương đại, hiểu biết sâu sắc về nhau và gần gũi về mặt địa lý. Stalin tin rằng việc hỗ trợ Trung Quốc trong việc xây dựng kinh tế là một nhiệm vụ quan trọng đối với Liên Xô. Về các vấn đề khác, Stalin nói: “Chúng tôi đã kết thúc Thế

chiến II, và một lượng lớn vũ khí không còn cần thiết nữa. Chúng tôi có thể gửi nhiều vũ khí cho Trung Quốc; các ngài có thể giữ lại, và các ngài cũng có thể gửi một số vũ khí phù hợp với Việt Nam cho Việt Nam.”

Tại Moskva, các nhà lãnh đạo Trung Quốc và Liên Xô đã đạt được thỏa thuận về việc hỗ trợ Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống lại ách thống trị của thực dân Pháp: Liên Xô sẽ hỗ trợ Trung Quốc xây dựng, trong khi Trung Quốc sẽ hỗ trợ Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống lại ách thống trị của thực dân Pháp.

La Quý Ba biết được từ các tài liệu lưu trữ được giải mật sau này

rằng Stalin, Mao Trạch Đông và Hồ Chí Minh đều có mặt tại một cuộc họp.

Mao Trạch Đông nói: “Chúng tôi sẽ cử cố vấn địa phương.”

Việc Trung Quốc cam kết hỗ trợ Việt Nam trong cuộc chiến chống Pháp là một quyết định quan trọng. Việt Nam là một quốc gia quan trọng ở Đông Nam Á, với lãnh thổ rộng lớn trải dài từ Bắc vào Nam và dân số đông đảo.

Lực lượng thực dân Pháp đã hoạt động ở Việt Nam trong nhiều năm, và quân đội Pháp kiểm soát chặt chẽ các thành phố và đồng bằng.

Để đánh đuổi quân đội thực

dân Pháp khỏi Việt Nam, một cuộc chiến tranh giành độc lập lâu dài và quy mô lớn là cần thiết.

Viện trợ cho Việt Nam chắc chắn sẽ đi kèm với những hy sinh to lớn của dân tộc. Mao Trạch Đông rất rõ ràng về điều này. Sau khi tham khảo ý kiến của Stalin, Mao Trạch Đông đã quyết định. Đây là kế hoạch viện trợ quân sự nước ngoài đầu tiên được thiết lập sau khi Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập, ít nhất sáu tháng trước quyết định đầu tư vào Chiến tranh Triều Tiên.

Ngày 17 tháng 2, Hồ Chí Minh rời Mátxcova trên chuyến tàu đặc biệt của Mao Trạch Đông, đi qua Siberia trở về Trung Quốc, dừng lại

nhiều lần trên đường đi để tham quan.

Ngày 22 tháng 2, trong suốt hành trình, Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai và Hồ Chí Minh đã hội đàm trên tàu để thảo luận về viện trợ của Trung Quốc cho Việt Nam.

Hồ Chí Minh đã yêu cầu Mao Trạch Đông gửi cố vấn quân sự đến Việt Nam và cung cấp vũ khí, đạn dược. Hồ Chí Minh thậm chí còn hình dung Trung Quốc sẽ gửi Quân Giải phóng Nhân dân đến Việt Nam để chống Pháp. Mao Trạch Đông ủng hộ việc gửi cố vấn quân sự, và ông đã hài hước nói với Hồ Chí Minh: “Cá nhân tôi không có ý kiến gì, nhưng tôi sẽ phải quay lại và thảo luận với các đồng chí trong

Ban Chấp hành Trung ương. Nếu chúng ta gửi họ đi, tất cả các cố vấn của chúng ta sẽ là cố vấn địa phương.”²³

Ngày 4 tháng 3 năm 1950, Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai trở về Bắc Kinh và triệu tập một cuộc họp của Bộ Chính trị để thảo luận về viện trợ cho Việt Nam. Hội nghị tin rằng cách mạng Việt Nam là một phần của cách mạng thế giới, và nếu Việt Nam thắng Pháp, an ninh biên giới phía Nam của Trung Quốc cũng sẽ được đảm bảo.

Tại Bắc Kinh, Mao Trạch Đông đích thân tổ chức một yến tiệc chiêu đãi Hồ Chí Minh, Trần Đăng Ninh và Hoàng Văn Hoan, cùng 23 ngày 24 tháng 2 năm 1989 và ngày 18 tháng 4 năm 1990, tác giả đã đến thăm La Quý Ba tại Bắc Kinh.

với Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai, Chu Đức, Đồng Tất Vũ, Lâm Bác Khúc và những người khác.

Trong thời gian ở Bắc Kinh, Hồ Chí Minh tiếp tục thảo luận với Mao Trạch Đông, Lưu Thiếu Kỳ và Chu Ân Lai về các vấn đề cụ thể liên quan đến viện trợ của Trung Quốc cho Việt Nam, và cách Trung Quốc có thể hỗ trợ Việt Nam trong các trận chiến ở biên giới phía Bắc.

Lưu Thiếu Kỳ giới thiệu kinh nghiệm của Trung Quốc, chẳng hạn như chính sách cải cách ruộng đất.

Hồ Chí Minh giới thiệu lịch sử và tình hình hiện tại của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho

việc cung cấp viện trợ cho Việt Nam, phía Trung Quốc đề nghị Việt Nam thành lập các tổng lãnh sự quán tại Nam Ninh, Quảng Tây và Côn Minh, Vân Nam²⁴.

Tại Bắc Kinh, Hồ Chí Minh hoàn toàn nhận thức được cam kết của Trung Quốc. Ông nói với Hoàng Văn Hoan, người phụ trách công tác đối ngoại của Việt Nam: “Giờ đây, Trung Quốc đã được giải phóng, điều đó có lợi cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới, đặc biệt là cho cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam. Trong những năm kháng chiến vừa qua, chúng ta đã giành được những thắng lợi to lớn bằng

24 La Quý Ba: “Câu chuyện bên trong về viện trợ của Trung Quốc cho Việt Nam”, Tạp chí Thế kỷ, Số 2, 1993.

chính sức lực của mình. Giờ đây, Trung Quốc đã quyết định hỗ trợ chúng ta về mọi mặt. Vì vậy, trọng tâm công tác đối ngoại hiện nay của chúng ta không phải ở Thái Lan mà phải chuyển sang Trung Quốc. Vì vậy, có thể đồng chí sẽ phải ở lại Bắc Kinh để nhận nhiệm vụ mới. Đồng chí sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức trong quá trình công tác, nhưng điểm thuận lợi nhất là một số đồng chí, trong đó có Mao Trạch Đông, Lưu Thiếu Kỳ và Chu Ân Lai, đã bày tỏ thiện chí làm hết sức mình để ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam. Mặc dù Trung Quốc vừa mới được giải phóng, nhưng họ vẫn còn nhiều khó khăn cần giải quyết.”

Sau đó, Hoàng Văn Hoan²⁵ nhậm chức Đại sứ Việt Nam tại Trung Quốc.

La Quý Ba, người miền núi phía nam Giang Tây. Ban đầu, sau khi biết tin Hồ Chí Minh đã đến Trung Quốc, Lưu Thiếu Kỳ đã gửi điện cho Lâm Bưu và Đặng Tử Huy thuộc Cục Trung Nam vào ngày 27 tháng 1 năm 1950, yêu cầu họ thông báo cho La Quý Ba trở về Bắc Kinh và để các nhân viên Việt Nam tháp tùng về nước trước.

Nhưng vào thời điểm đó, La Quý Ba đã rời khỏi Vũ Hán và đang trên tàu đến Quảng Châu.

Ngày 5 tháng 2 năm 1950, khi

²⁵ Hoàng Văn Hoan: “Giọt nước giữa đại dương”, trang 254, Nhà xuất bản Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc, tháng 6 năm 1986.

đến Quảng Châu, La Quý Ba thấy điện tín của Lưu Thiếu Kỳ yêu cầu ông trở về Bắc Kinh gặp Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, Hồ Chí Minh đã lên đường sang Liên Xô vào ngày 3 tháng 2 năm 1950. Sau khi nhận được yêu cầu của La Quý Ba, Lưu Thiếu Kỳ không còn cách nào khác ngoài lệnh cho La Quý Ba tiếp tục đi Việt Nam và không trở về.

Tại Quảng Châu, La Quý Ba đã gặp Diệp Kiếm Anh, Bí thư thứ nhất Cục Nam Trung Hoa của Đảng Cộng sản Trung Quốc và Bí thư thứ nhất Tỉnh ủy Quảng Đông. Diệp Kiếm Anh rất quen thuộc với Hồ Chí Minh và đã tóm tắt cho La Quý Ba nhiều vấn đề, đồng thời cử một thư ký kiêm phiên dịch tên là Mặc Dương, người biết tiếng Việt.

Tại Quảng Châu, Lý Ban chia tay mọi người, trở về Trung Quốc qua Hồng Kông để báo cáo, và trở về căn cứ trong rừng rậm ở miền Bắc Việt Nam vào ngày 27 tháng 2 năm 1950.

Vì lý do an toàn, La Quý Ba và đoàn tùy tùng trở về Hành Dương, Hồ Nam, rồi tiến về Quảng Tây.

Khi đến Quế Lâm, họ phát hiện tuyến đường sắt hướng Nam đã bị thổ phỉ phá hoại và không thể sửa chữa ngay lập tức. Quân đồn trú địa phương cùng một đại đội lính đã hộ tống La Quý Ba và đoàn tùy tùng về Nam Ninh.

Tại Nam Ninh, họ được Trương Vân Nghi đón tiếp, và La Quý Ba cùng đoàn tùy tùng đã nghỉ Tết

Nguyên đán tại đây. Vào ngày mừng 5 Tết Nguyên đán (21 tháng 2 năm 1950), họ được một đại đội hộ tống và lên đường về Việt Nam.

Ngày 26 tháng 2 năm 1950, La Quý Ba đến huyện Tĩnh Tây, giáp biên giới Việt Nam. Nguyễn Đức Thụy đã vượt biên ngày hôm đó để báo cáo về Việt Nam, và phía Việt Nam ngay lập tức cử Vũ Đình Dĩnh, Trưởng ban Nghi lễ, đến Tĩnh Tây để chào đón La Quý Ba.

Khi chuẩn bị lên đường về Việt Nam, La Quý Ba vô cùng xúc động. Đây là lần đầu tiên ông rời xa đồng đội và thuộc hạ của mình đến một vùng đất xa lạ, và sứ mệnh ông mang theo gắn liền với vận mệnh của đất nước này.

Trúc đuôi phượng, trắng biên giới phía Nam, và những ngọn núi xung quanh - biết bao kỷ niệm ủa về trong tâm trí ông khi ông rời xa quê hương.

Quê hương của La Quý Ba là thị trấn Tankou (潭口) thuộc huyện Nam Khang (南康), phía nam tỉnh Giang Tây (在赣), một thị trấn chợ sầm uất trên một vùng đồng bằng bằng phẳng. Gia đình họ La được coi là một gia đình danh giá ở Tankou; cả ông nội và cha của La Quý Ba đều giàu có. Trong số tổ tiên của La Quý Ba, người chú thứ hai của ông đã đỗ kỳ thi sĩ quan (xiuca), và người chú thứ tư của ông đã đỗ kỳ thi hành chính (xiuca). Cha của La Quý Ba, La Bảo Quang, không có trình độ học vấn cao và

vẫn giữ những quan điểm truyền thống ăn sâu bén rễ. Cảm thấy bất mãn vì mình không có chức tước, ông đã dùng tiền của mình để thực hiện một hành động liều lĩnh ở tuổi tứ tuần, quyên góp 5.000 lạng bạc để đảm bảo một chức vụ châu thứ năm ở châu Trục Lệ, háo hức chờ đợi sự bổ nhiệm thực sự.

Mẹ ruột của La Quý Ba là vợ ba của cha ông. Vì người vợ thứ hai của ông không có con, La Quý Ba được mẹ nuôi dưỡng. Mẹ nuôi của ông không có trình độ học vấn cao nhưng hiền lành và tin vào các giá trị truyền thống.



La Quý Ba giữ chức Thứ trưởng Bộ Ngoại giao sau năm 1958.

Một người vợ và người mẹ tận tụy đã mang đến cho La Quý Ba rất nhiều sự ấm áp.

Năm sáu tuổi, La Quý Ba bắt đầu học trường tư. Cùng năm đó, cha ông qua đời. Trước đó, Cách mạng Tân Hợi đã chấm dứt hàng ngàn năm thống trị phong kiến, làm tan vỡ giấc mơ làm quan của cha ông. Tuy nhiên, những truyền thống cũ vẫn không hề mất đi; gia

đình này, vẫn bám víu vào những tàn dư cuối cùng của chế độ phong kiến, đã tổ chức một đám tang long trọng, khiến chuyến trở về của vị cựu ứng cử viên ngũ phẩm trở thành một sự kiện thực sự hoành tráng, tiêu tiền như nước vỡ bờ.

La Quý Ba trẻ tuổi đã vô cùng ấn tượng với đám tang này. Từ đó trở đi, gia đình họ La nhanh chóng suy tàn.

Lúc này, làn sóng tư tưởng mới dần dần tràn vào từ Quảng Đông, và các trường học mới lần lượt được thành lập.

Sau một năm học trường tư, La Quý Ba chuyển đến một trường tiểu học hiện đại. Cậu có phần hướng nội, nhưng lại học hành cực kỳ

xuất sắc, luôn đứng nhất nhì trong lớp.

Vào những năm 1920, miền nam Giang Tây cực kỳ biệt lập, thiếu đường sắt và thậm chí cả đường sá tử tế. Chàng trai trẻ La Quý Ba chưa bao giờ nhìn thấy ô tô; nhìn thấy những chiếc tàu hơi nước nhỏ bé mới được đưa vào sông Cám, cậu vô cùng kinh ngạc trước sự bao la của thế giới.

Thế giới trước mắt cậu thật nhỏ bé; ngay cả Tankou, nằm trên đồng bằng, cũng chỉ dài vài dặm. May mắn thay, La Quý Ba rất thích đọc sách, cũng như hai người bạn học thân thiết của cậu, Liêu Quý Đàm và Trần Thiết Thắng. Vào thời điểm đó, có rất ít tác phẩm văn học nước

ngoài ở các làng mạc và thị trấn miền nam Giang Tây, nhưng nhiều tiểu thuyết truyền thống Trung Quốc, chẳng hạn như *Tam Quốc Diễn Nghĩa*, *Thủy Hử*, *Nhạc Phi Toàn Truyện*, *Tiết Đình Sơn Bình Định Tây*, *Tam Anh Hùng Ngũ Dũng*, và những câu chuyện về những anh hùng nông dân trong cuộc khởi nghĩa Thái Bình Thiên Quốc, đã thực sự cuốn hút họ. Trong số những cuốn sách này, *Tam Quốc Diễn Nghĩa* và *Thủy Hử* đương nhiên có ảnh hưởng lớn nhất đến họ. Các nhân vật thời Tam Quốc đều tháo vát và thông thái, chinh phạt thiên hạ trên lưng ngựa. Gia Cát Lượng đã tiến hành sáu cuộc viễn chinh đến Kỳ Sơn, nhưng cuối cùng vẫn không đạt được tham vọng của mình. Các anh

hùng Lương Sơn, dựa vào võ công xuất chúng, tụ họp trên núi, cướp của người giàu giúp người nghèo và hành động theo ý trời. Tất cả những điều này đã ảnh hưởng sâu sắc đến những chàng trai trẻ đến từ miền nam Giang Tây này khi họ lớn lên.

Sau khi tốt nghiệp tiểu học, La Quý Ba đến học tại Trường Sư phạm Tỉnh ở Cám Châu. Ông tiếp tục miệt mài tìm hiểu kiến thức từ sách vở, đôi khi với sự phẫn nộ, đôi khi với sự chăm chú cao độ.

Tuy nhiên, khi trở về với thực tại, La Quý Ba thấy cuộc sống quá buồn tẻ. Cách mạng Tân Hợi đã phế truất hoàng đế, nhưng vị hoàng đế thoái vị vẫn sống trong Tử Cấm

Thành ở Bắc Kinh. Các quan lại triều đình đã bị đuổi đi, nhưng quan lại tham nhũng ở khắp mọi nơi vẫn tiếp tục đàn áp người dân, áp đặt vô số thứ thuế má cắt cổ. Nhiều lãnh chúa đã lợi dụng sự hỗn loạn để tranh giành quyền lực, và các huyện phía nam Giang Tây trở thành chiến trường cho các lãnh chúa từ Quảng Đông, Giang Tây và Hồ Nam, bị cuốn vào một cuộc đấu tranh dai dẳng. Chiến tranh nổ ra, người dân phải di tản; hạn hán và lũ lụt kéo theo, khiến họ lâm vào cảnh bần cùng.

Tuổi thơ của La Quý Ba trải qua trong đau khổ tinh thần vô cùng. Trong quá trình học tập, ông ngày càng bất mãn với thực tại, nhưng lại không biết phải hướng về đâu

trong cuộc sống. Để thoát khỏi cảnh khốn cùng, ông thường tâm sự với Liêu Quý Đàm và Trần Thiết Thắng, và nhiều ý tưởng kỳ quặc và ngây thơ hiện lên trong đầu: noi gương các anh hùng Lương Sơn, chiếm cứ một ngọn núi và hành động vì Thiên mệnh. Nhưng Đào Hoa Sơn và Lương Sơn ở đâu trên thế gian này? Có lẽ ông có thể từ bỏ thế gian và trở thành một nhà sư, cắt đứt mọi ràng buộc với xã hội. Nhưng điều đó quá nhần tâm. Ra nước ngoài đến Đông Nam Á để thử vận may? Ông cảm thấy mình quá mù mờ về cuộc sống và không tự tin vào khả năng của mình.

Thế giới rộng lớn, nhưng dường như không có con đường nào khả thi. Những chàng trai trẻ đầy nhiệt

huyết này không còn cách nào khác ngoài việc trở về nhà La Quý Ba, cầm lấy sáo, đàn nhị và đàn tiêu được truyền lại từ tổ tiên, thổi những giai điệu với nhiều cung bậc nhẹ nhàng và buồn bã, thể hiện những cảm xúc sâu lắng và nỗi buồn man mác.

Lúc này, Tôn Dật Tiên đã giương cao ngọn cờ Tam dân ở Quảng Đông, và Học viện Quân sự Hoàng Phố được thành lập.

Những làn gió cách mạng đã lay động trái tim của nhiều thanh niên ở vùng núi phía nam Giang Tây. La Quý Ba, Liêu Quý Đàm và Trần Thiết Sinh bàn bạc về việc đến Quảng Đông gia nhập Chính phủ Cách mạng Quốc dân và theo

chân Tôn Dật Tiên trong công cuộc cải tạo Trung Quốc.

Họ lập tức hành động. Liêu Quý Đàm đến Quảng Châu để theo học Học viện Huấn luyện Phong trào Nông dân, Trần Thiết Thăng vào Học viện Quân sự Hoàng Phố, nhưng La Quý Ba bị gia đình ngăn cản giữa đường và đưa về. Không còn lựa chọn nào khác, ông làm nghề buôn bán với anh rể hơn một năm. Ông không thích kinh doanh và trong thời gian rảnh rỗi, ông tiếp tục học tập và suy ngẫm về tương lai.

Đầu năm 1926, Trần Tán Tiên, người cùng quê với ông, trở về Tankou từ Quảng Châu. Trần Tán Tiên đã gia nhập Đảng Cộng sản

Trung Quốc vào năm trước và đến thẳng tìm La Quý Ba, có lẽ vì Liêu Quý Đàm và Trần Thiết Thăng đã giới thiệu ông ở Quảng Châu. Trần Tấn Tiên kể cho La Quý Ba nghe về tư tưởng cách mạng của Tôn Dật Tiên, hy vọng La Quý Ba cũng sẽ cùng mình tham gia cách mạng để thức tỉnh quần chúng. Lời nói của Trần Tấn Tiên trùng khớp với suy nghĩ của La Quý Ba, và La Quý Ba ngay lập tức đồng ý.

Ngay sau đó, Trần Tấn Tiên bí mật giới thiệu La Quý Ba với Quốc dân đảng và đề nghị ông dạy học tại một trường tiểu học, nơi ông sẽ giảng dạy các nguyên tắc cách mạng cho trẻ em.

Vài ngày sau, Liêu Quý Đàm trở

về từ Quảng Châu, cùng với Lam Quang Phủ, một học viên khóa năm của Học viện Quân sự Hoàng Phố. Cả hai đều đã trở thành đảng viên Đảng Cộng sản và trở về tham gia phong trào nông dân. Sau khi trở về, Liêu Quý Đàm và Lam Quang Phủ ngay lập tức tìm đến La Quý Ba, giới thiệu cho ông những tư tưởng mới mà họ đã học được ở Quảng Đông. Lúc này, La Quý Ba đã đọc nhiều bài báo trên các tạp chí như *Hướng dẫn* và *Tân Thanh niên*, cũng như các tập sách nhỏ về chủ nghĩa cộng sản của Vân Đại Anh và Tiêu Xuân Nữ, và tư tưởng của ông đã có sự chuyển biến nhanh chóng.

La Quý Ba nói rằng trong thời gian này, ông đã tiếp nhận chủ

nghĩa Marx. Tháng 12 năm 1926, được giới thiệu bởi Liêu Quý Đàm và Lan Quang Phủ, La Quý Ba gia nhập Đảng Cộng sản Trung Quốc. Lễ tuyên thệ được tổ chức một đêm tại nhà của Lan Quang Phủ; một lá cờ đỏ, một ngọn đèn dầu, và ba chàng trai trẻ đến từ miền nam Giang Tây đứng cạnh nhau, lòng tràn ngập cảm xúc.

La Quý Ba được giao nhiệm vụ phát động phong trào sinh viên, lật đổ hiệu trưởng trường tiểu học và thay thế bằng Liêu Quý Đàm. Tuy nhiên, phòng giáo dục huyện từ chối công nhận Liêu và thông báo phụ huynh không đóng học phí, khiến trường gặp khó khăn trong việc duy trì hoạt động. La Quý Ba đã sử dụng tiền tiết kiệm của mình, cố

gắng duy trì hoạt động của trường trong gần một tháng trước khi không thể duy trì được nữa. Hiệu trưởng bị lật đổ được phục chức, và La Quý Ba rời trường vào mùa thu năm 1927 để tham gia phong trào nông dân.

Lúc này, Đại Cách mạng đã thất bại. Cuối năm đó, La Quý Ba đã tổ chức một cuộc khởi nghĩa cuối năm nhưng bất thành. Tháng 2 năm 1928, ông tham gia tổ chức Khởi nghĩa Tankou, chỉ huy hàng trăm nông dân với bốn khẩu súng trường và một khẩu súng lục. Họ đã tiêu diệt hàng chục dân quân địa phương và thu giữ khoảng mười khẩu súng. Tuy nhiên, cuộc khởi nghĩa bắt đầu vào sáng sớm, nhưng quân đội Quốc dân đảng đã

đến vào buổi chiều. Bị áp đảo về số lượng, quân đội nông dân đã giương cờ đỏ và tiến lên núi.

Sau đó, La Quý Ba tổ chức các cuộc khởi nghĩa nông dân ở Cam Tiên và Tân Phong, và vào tháng 9 năm 1928, ông trở thành Bí thư Huyện ủy An Nguyên, giữ chức Đại úy và Chính ủy Hồng Vệ binh (lực lượng du kích) địa phương. Năm 1930, chàng thanh niên La Quý Ba gia nhập Hồng quân, giữ chức vụ chỉ huy đội quân, chỉ huy quân đội và Chính ủy, chiến đấu ở phía nam Giang Tây. Mấy chục năm sau, khi nhớ lại quá khứ, La Quý Ba không khỏi xúc động nói: «Thật ra, tôi chưa từng được huấn luyện quân sự. Khi ra trận, tôi học phục kích, vây đánh và tập kích từ Tam Quốc

Diễn Nghĩa và Thủy Hử. Kết hợp với lòng nhiệt huyết của bản thân, đó là cách tôi học chiến đấu.»

Điều đặc biệt khiến ông cảm động là những người đồng chí thân cận nhất của ông, Liêu Quý Đàm, Lam Quang Phủ và Trần Thiết Sinh, đều đã hy sinh trong những trận chiến ác liệt thời Hồng Quân. Từ đó trở đi, La Quý Ba liên tục hành quân, tham gia các chiến dịch chống bao vây ở khu vực Liên Xô, cuộc Vạn lý Trường chinh, cuộc chiến chống Nhật ở căn cứ Yên Bắc, trận Tấn Trung chống quân của Diêm Tây Sơn, và cuối cùng là cuộc chiếm đóng Thái Nguyên.

Hai mươi năm trôi qua, Đảng Cộng sản Trung Quốc cuối cùng đã nắm được chính quyền.

Lúc này, La Quý Ba đang hướng về phương Nam, rời bỏ quê hương đất nước để đến Việt Nam. Khao khát quê hương, La Quý Ba cũng hy vọng mang lại chiến thắng cho Việt Nam²⁶.

Cuộc hội ngộ bất ngờ với người đồng chí cũ người Việt Nam của mình, Hồng Thủy.

Khu vực căn cứ Yên Bắc đã chiến đấu chống Nhật, giao chiến với quân đội của Diêm Tây Sơn ở miền trung Sơn Tây, và cuối cùng chiếm được Thái Nguyên. Hai mươi năm trôi qua, Đảng Cộng sản Trung Quốc cuối cùng đã nắm được chính quyền quốc gia.

26 Vào ngày 24 tháng 2 năm 1989 và ngày 18 tháng 4 năm 1990, tác giả đã đến thăm La Quý Ba tại Bắc Kinh.

Ngày 26 tháng 2 năm 1950, La Quý Ba đến biên giới Trung-Việt.

Từ trong rừng rậm bên kia biên giới, vài người đàn ông Việt Nam tươi cười bước ra. Đó là Võ Nguyên Giáp, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, Tổng Tư lệnh Quân đội Việt Nam; Hoàng Văn Thái, Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội Việt Nam; và Hồng Thủy, Tư lệnh Quân khu 4 và 5 của Việt Nam. Và Hồng Thủy thực ra là đồng chí chiến đấu cũ của La Quý Ba!



Ngày 26 tháng 2 năm 1950, La Quý Ba (đầu tiên từ trái sang) đến biên giới Trung-Việt. Võ Nguyên Giáp bắt tay ông để chào đón. Đứng giữa là Hoàng Văn Thái, và phía sau Võ Nguyên Giáp, đội mũ, là Nguyễn Sơn.

Hồng Thủy, sinh năm 1906 tại Hà Nội, Việt Nam, tên thật là Vũ Nguyên Bác, thời trẻ học tập tại Pháp, nơi ông gặp Hồ Chí Minh.

Năm 1925, ngay sau khi trở về Việt Nam từ Pháp, Vũ Nguyên Bác, lúc đó 19 tuổi, đã đến Quảng Châu, Trung Quốc, vào Trường Quân sự Hoàng Phố và gia nhập Quốc dân đảng.

Ông tham gia Lớp đào tạo cán bộ thanh niên Việt Nam do Hồ Chí Minh sáng lập và cũng là thành viên của «Hội đồng chí thanh niên cách mạng Việt Nam» do Hồ Chí Minh tổ chức. «Hội đồng chí» này được coi là tiền thân của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Mùa xuân năm 1927, khi Đại cách mạng thất bại, Vũ Nguyên Bác gia nhập ĐCSTQ, đổi tên thành Hồng Thủy và tham gia Khởi nghĩa Quảng Châu.

Sau khi khởi nghĩa thất bại, ông đã chiến đấu ở nhiều nơi và sau đó vào Khu Xô viết Giang Tây, trở thành sĩ quan Hồng quân. Ông từng là Giám đốc Sở Chính trị Sư đoàn 34 của Hồng quân và Trưởng phòng Tuyên truyền kiêm giảng viên văn hóa của Trường Hồng quân. Hồng Thủy đã trải qua cuộc Vạn lý Trường chinh. Sau khi Chiến tranh chống Nhật bùng nổ, Hồng Thủy làm sĩ quan tại Phòng Dân chính của Bộ Tư lệnh Quân đoàn Tám. Ngay sau đó, Hồng Thủy được bổ nhiệm làm nhân viên Phòng Dân chính của Bộ Tư lệnh Quân đoàn Tám.



Hồng Thủy trong Chiến tranh chống Pháp ở Việt Nam

Sau đó, ông phục vụ tại vùng biên giới Tấn-Tùy. Hồng Thủy từng làm việc với La Quý Ba, giữ chức Trưởng ban Tuyên truyền của Ủy ban khu vực Tấn-Tây Bắc. Mùa xuân năm 1938, Hồng Thủy kết hôn với một phụ nữ Trung Quốc, Trần Ngọc Anh (Trần Kiến Ca).

Năm 1945, theo đề nghị của Hồ Chí Minh gửi Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Hồng Thủy trở về Việt Nam, lần lượt giữ chức Tư lệnh Khu liên hợp 4 và 5, lập nên những chiến công quân sự đáng ghi nhận.

Hồng Thủy và La Quý Ba, hai cựu chiến binh Hồng quân, đã gặp nhau tại Việt Nam và bắt tay nhau nồng nhiệt²⁷.

Vào Việt Nam đồng nghĩa với việc bước vào chiến tranh. La Quý Ba và nhóm của ông đã đi bộ hơn mười dặm (khoảng 5 km) đến một ngôi làng nhỏ trên núi tên là Biện Mã để cắm trại và nghỉ ngơi.

27 Ngày 15 tháng 7 năm 1988, tác giả đã đến thăm Trần Hán Phong, con trai của tướng Hồng Thủy, tại Bắc Kinh.

Đội ngũ tiếp đón của Đảng Cộng sản Đông Dương đã sắp xếp một căn nhà tre nhỏ ở thôn Biện Mã, nhưng không còn chỗ trống nữa. Đêm đó, Võ Nguyên Giáp và những người khác ngủ chung phòng với La Quý Ba và chín người Hoa khác vừa nhập cảnh vào Việt Nam.

Ở Việt Nam, nhà sàn tre thường có người ở trên lầu, còn bò, lợn, gà, vịt được nuôi ở tầng dưới. Để chào đón La Quý Ba, gia đình đã dọn dẹp khu vực tầng dưới và phủ đất khô lên phân gia súc. Tuy nhiên, La Quý Ba và đoàn tùy tùng vẫn thấy mùi khó chịu và không thể ngủ được suốt đêm.

Sáng hôm sau, sau khi sắp xếp chỗ ở và hành trình, Võ Nguyên Giáp, Hoàng Văn Thái, Hồng Thủy

và những người khác lên đường trước, trong khi La Quý Ba và đoàn của ông, được một tiểu đoàn bộ đội Việt Nam hộ tống, đợi đến tối mới bắt đầu hành trình.

Di chuyển ban đêm và nghỉ ngơi ban ngày, đoàn của La Quý Ba di chuyển rất chậm, chỉ đi được khoảng 20 km trong ngày hôm đó. Họ được biết rằng việc này được Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương sắp xếp để tránh làm mệt mỏi khách và đảm bảo an toàn cho họ.

La Quý Ba nói: “Chúng ta nên theo sự dẫn dắt của nước chủ nhà và để các đồng chí Việt Nam sắp xếp lịch trình hành quân; điều này được gọi là ‘nhập gia tùy tục’.”

Chiều ngày 10 tháng 3 năm 1950, sau hành trình quanh co hơn 200 km, La Quý Ba và đoàn đã đến trụ sở Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, nằm giữa núi non tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

Các nhà lãnh đạo Việt Nam, một số cưỡi ngựa và một số đi bộ, đã từ nơi ở của mình đến một “nhà khách” được xây dựng bằng tre và gỗ để chào đón La Quý Ba và đoàn của ông.

Đón tiếp La Quý Ba và đoàn gồm: Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương Trường Chinh; Ủy viên Bộ Chính trị Phạm Văn Đồng; Tổng Tư lệnh Quân đội Nhân dân Võ

Nguyên Giáp; Chủ tịch Quốc hội Tôn Đức Thắng; Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương Nguyễn Lương Bằng, phụ trách tài chính và kinh tế; Phó Tổng Cục trưởng Tổng cục Chính trị Quân đội Nhân dân Lê Liêm; và Lý Ban.

Sau khi trao đổi thân mật, khách mời và chủ nhà vào trong để thảo luận, với sự phiên dịch của Lý Ban.

Trường Chinh tóm tắt tình hình chiến sự cho La Quý Ba, bày tỏ hy vọng La Quý Ba trước tiên sẽ nắm rõ tình hình quân sự, cũng như các vấn đề chính trị và kinh tế liên quan, để thảo luận chi tiết về cách Trung Quốc có thể hỗ trợ Việt Nam.

Phía Việt Nam trình bày một gói viện trợ quân sự và kinh tế toàn diện từ Trung Quốc, nhấn mạnh rằng nhiệm vụ cấp bách nhất là tổ chức một chiến dịch khai thông biên giới Trung-Việt do Pháp phong tỏa, thiết lập một tuyến đường vận tải từ Trung Quốc sang Việt Nam để vận chuyển hàng viện trợ. Để đạt được mục tiêu này, Việt Nam đã chuẩn bị hai kế hoạch tác chiến: một là đánh Lào Cai để mở một tuyến đường dọc biên giới Trung-Việt Vân Nam và cố gắng tận dụng tuyến đường sắt Vân Nam-Việt Nam để vận chuyển hàng viện trợ; hai là đánh Cao Bằng trước để mở biên giới Trung-Việt Quảng Tây.

Toàn bộ yêu cầu viện trợ khá lớn. Trước đó, vào đầu tháng 1 năm 1950, khi hai bên vừa bắt đầu giao tiếp, Việt Nam đã yêu cầu Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc cung cấp 1.200 quả đạn pháo chống tăng, 420.000 viên đạn cho súng trường 30mm và súng máy do Mỹ sản xuất, 91.000 viên đạn cho súng máy 30mm do Anh sản xuất, và hy vọng sẽ nhận được (mượn) 20 xe. Lưu Thiếu Kỳ đã chấp thuận tất cả những yêu cầu này. Tuy nhiên, khi đến Việt Nam, La Quý Ba nhận ra rằng chừng đó vẫn chưa đủ.

Khoảng chục thanh niên Hoa kiều đã miệt mài dịch các tài liệu khác nhau cho La Quý Ba nghiên cứu. Rừng mưa nhiệt đới nóng

nực, và ban đêm, muỗi thường bay thành từng đàn. Mặc dù La Quý Ba đến từ Giang Tây, nhưng ông đã sống ở miền bắc Trung Quốc hơn một thập kỷ, và khi đến Việt Nam, ông cảm thấy cái nóng không thể chịu nổi. Mỗi đêm, ông đều cời trầu, trùm màn, thắp đèn dầu, nghiên cứu tài liệu và soạn thảo điện tín đến tận khuya.



Bốn nhà lãnh đạo chủ chốt của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp (từ trái sang): Trường Chinh, Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp

Ngày 19 tháng 3 năm 1950, mười ngày sau khi La Quý Ba đến Việt Nam, ông đã gửi điện tín cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, báo cáo kết quả tham vấn với Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương. La Quý Ba cho rằng cần phải tổ chức một chiến dịch vào tháng 5, trước tiên là tiêu diệt địch ở Cao Bằng và Lào Cai trên biên giới phía bắc Việt Nam, sau đó tiêu diệt địch ở Đông Khê, tiến về Lạng Sơn và nỗ lực giải phóng tỉnh Thái Bình, phía nam Hà Nội. La Quý Ba chuyển tiếp yêu cầu của Việt Nam: trước tiên Trung Quốc trang bị cho quân Việt Nam ở Cao Bằng và Lào Cai hai trung đoàn, đồng thời trang bị cho họ hai tiểu đoàn pháo binh, hoặc Trung Quốc gửi hai tiểu đoàn

pháo binh vào Việt Nam để hỗ trợ chiến dịch.

Có La Quý Ba bên cạnh, người Việt Nam được khích lệ rất nhiều, và khát vọng cạnh tranh với quân Pháp của họ trở nên rất mạnh mẽ.

Ngày 20 tháng 3 năm 1950, La Quý Ba gửi điện tín cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, báo cáo rằng ông đã tham vấn thêm với phía Việt Nam và cân nhắc “nỗ lực giải quyết triệt để các trận đánh ở Cao Bằng và Lào Cai trước mùa mưa (tháng 6 hoặc tháng 7)”.

Ngày 21 tháng 3 năm 1950, La Quý Ba gửi điện tín cho Ban Chấp hành Trung ương và Lâm Bưu, Diệp Kiếm Anh, Trương Vân Nghi

và Trần Canh, báo cáo về tình hình hiện tại và triển vọng tương lai của tuyến đường sắt Vân Nam - Việt Nam, hy vọng sẽ sửa chữa tuyến đường sắt này để tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển hàng viện trợ sang Việt Nam.

Cùng ngày, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lại mời La Quý Ba đến thảo luận vấn đề này, cho biết họ đã quyết định lập kế hoạch cho các chiến dịch Lào Cai và Cao Bằng. Chiến dịch Lào Cai dự kiến bao gồm Lào Cai, Lai Châu, Sơn La và Nghệ Lữ, trong khi chiến dịch Cao Bằng sẽ bao gồm Cao Bằng, Đông Khê và Chi Khê. Vì cả hai chiến dịch đều chủ yếu diễn ra dọc biên giới Trung-Việt, nên chúng được gọi

chung là “Chiến dịch Biên giới”.

La Quý Ba báo cáo với Bắc Kinh rằng nếu tấn công Lào Cai trước để mở cửa biên giới Vân Nam, thì sự xa xôi của Vân Nam sẽ đồng nghĩa với việc không đủ nguồn lực và phương tiện vận tải để đáp ứng nhu cầu của Chiến tranh Việt Nam. Về tuyến đường sắt Vân Nam-Việt Nam, đoạn từ Khai Nguyên đến Hà Khẩu đã bị tháo dỡ trong Chiến tranh Kháng Nhật và khó có thể được sửa chữa hoặc sử dụng trong thời gian ngắn. Do đó, Cao Bằng nên được tấn công trước, biến Quảng Tây thành tuyến đường chính tiếp tế cho Việt Nam²⁸.

28 Từ tháng 2 năm 1989 đến tháng 10 năm 1991, tác giả đã phỏng vấn La Quý Ba, Đặng Nhất Phàm, Đậu Cẩm Ba, Lô Anh Phu và những người khác.

Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ kính yêu của nhân dân Việt Nam.

Trong khi La Quý Ba đang miệt mài làm việc, Hồ Chí Minh đã kết thúc chuyến công du Trung Quốc và trở về Căn cứ địa Cách mạng miền Trung Việt Nam vào ngày 4 tháng 4 năm 1950. Ngay khi trở về, Hồ Chí Minh đã cử người đến báo tin cho La Quý Ba: “Ngày mai chúng ta gặp nhau nhé.”

Sáng ngày 5 tháng 4, cùng với Vũ Đình Anh, Trưởng ban Nghi lễ Phủ Chủ tịch, La Quý Ba đã gặp Hồ Chí Minh lần đầu tiên.

Đó là một vùng đất bằng phẳng trên núi, có một dòng suối trong vắt chảy qua. Một căn nhà nhỏ bằng tre nằm bên bờ suối - đây chính là

«Phủ Chủ tịch» của Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh đã đón La Quý Ba ở cửa và nồng nhiệt ôm ông khi gặp mặt.

Hồ Chí Minh là một nhà lãnh đạo huyền thoại của cách mạng Việt Nam.

Sinh ngày 19 tháng 5 năm 1890, năm năm sau khi Việt Nam trở thành thuộc địa của Pháp, tại làng Kim Liên, huyện Nam Tân, tỉnh Nghệ An, tên thật là Nguyễn Sinh Cung, sau đổi tên thành Nguyễn Tất Thành. Cha ông, Nguyễn Sinh Huy, thông thạo chữ Hán và đỗ kỳ thi Hương (tương đương với khoa cử của khoa cử). Ông từng giữ chức quan huyện Bình Khê, tỉnh Bình Định, nhưng đã từ chức do bất đồng quan điểm với chính

quyền thực dân Pháp và các quan lại họ Nguyễn.

Từ nhỏ, Nguyễn Tất Thành đã miệt mài học tập văn hóa cổ điển Trung Hoa. Dưới sự áp bức của thực dân Pháp, ông đã nuôi dưỡng khát vọng cứu nước mãnh liệt, dần dần tiếp thu những tư tưởng cách mạng dân tộc và quyết tâm cống hiến trọn đời cho nền độc lập, tự do của Việt Nam.

Năm 1911, Nguyễn Tất Thành trở thành thủy thủ và vượt biển. Vài năm sau, ông định cư tại Anh. Sự hiểu biết của ông về văn hóa phương Tây được hoàn thiện tại châu Âu, nơi văn hóa châu Âu, đặc biệt là văn hóa Anh và Pháp, đã ảnh hưởng sâu sắc đến ông.

Năm 1917, kiệt quệ vì Chiến tranh Thế giới thứ nhất, Pháp đã huy động gần 100.000 lao động Việt Nam sang Pháp phục vụ trong chiến tranh. Nguyễn Tất Thành đã nắm bắt cơ hội này để di cư sang Pháp, lấy tên là «Nguyễn Ái Quốc» (có nghĩa là «Nguyễn Quốc Quốc»), và thúc đẩy những tư tưởng mới trong giới lao động Việt Nam tại Pháp.

Sau khi Cách mạng Tháng Mười bùng nổ ở Nga, ông đã tiếp thu chủ nghĩa Marx và gia nhập Đảng Xã hội Pháp. Năm 1922, đảng này tan rã, Nguyễn Ái Quốc ủng hộ Đảng Cộng sản Pháp, qua đó trở thành một người cộng sản. Đảng Cộng sản Pháp là thành viên của Quốc tế thứ ba, và Nguyễn Ái Quốc đã

đến Moskva vào năm 1923. Từ đó trở đi, Moskva trở thành nơi ươm mầm lý tưởng suốt đời của ông.

Năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu, Trung Quốc, làm thư ký và phiên dịch cho Borodin, một đại diện của Quốc tế thứ ba. Nhiệm vụ chính của ông là thúc đẩy cách mạng Việt Nam và chuẩn bị cho việc thành lập đảng. Sau thất bại của Cách mạng Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Đông Nam Á, và cuối cùng thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam vào tháng 1 năm 1930, sau đó đổi tên thành Đảng Cộng sản Đông Dương.

Ngay sau khi thành lập đảng, Nguyễn Ái Quốc bị bắt tại Hồng Kông. Ông được trả tự do vào đầu

năm 1933 và, với sự giúp đỡ của Đảng Cộng sản Trung Quốc, ông đã đến Moskva qua Vladivostok, nơi ông tiếp tục lãnh đạo cách mạng Việt Nam và ở lại đó cho đến khi Chiến tranh Thế giới thứ hai bùng nổ.

Cuối năm 1938, Nguyễn Ái Quốc rời Liên Xô, từ Tân Cương đến Diên An, rồi tiến về phía Nam vào vùng biên giới Trung-Việt, nơi ông trực tiếp lãnh đạo cuộc đấu tranh lâu dài cứu nước chống lại sự xâm lược của Nhật Bản. Tháng 8 năm 1942, ông lấy bí danh Hồ Chí Minh và sử dụng bí danh này cho đến nay.

Dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Đông Dương

dần lớn mạnh, thành lập Việt Minh (Việt Nam Độc lập Đồng minh), một tổ chức mặt trận thống nhất cứu nước chống lại sự xâm lược của Nhật Bản. Cuối Chiến tranh Thế giới thứ hai, Đảng cũng thành lập quân đội riêng.

Năm bắt thời cơ khi quân đội phát xít Nhật sụp đổ vào tháng 8 năm 1945, Hồ Chí Minh đã lãnh đạo quân đội và nhân dân tổng khởi nghĩa, tuyên bố độc lập vào ngày 2 tháng 9 năm 1945.

Trải qua một hành trình dài và gian khổ, nhân dân Việt Nam dần dần hiểu biết và yêu mến vị lãnh tụ của mình - Hồ Chí Minh.

Trong lần gặp đầu tiên, Hồ Chí Minh nói với La Quý Ba rằng ông đã

gặp Stalin, Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai ở Moskva, và Lưu Thiếu Kỳ và Chu Đức ở Bắc Kinh. Chính sách cơ bản mà Trung Quốc và Liên Xô đã thống nhất là Trung Quốc sẽ trực tiếp viện trợ Việt Nam, cung cấp hỗ trợ toàn diện về vũ khí, trang bị và huấn luyện quân sự. Hồ Chí Minh bày tỏ lòng biết ơn và mời La Quý Ba tham dự cuộc họp Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Đông Dương được tổ chức vào ngày hôm sau.



Ngày 19 tháng 5 năm 1950, thanh niên ở Khu Căn cứ Cách mạng Trung ương Việt Nam đã tổ chức lễ kỷ niệm sinh nhật lần thứ 60 của Hồ Chí Minh.

Cuộc họp Bộ Chính trị này kéo dài hai tuần, thảo luận chi tiết về việc làm thế nào để mở rộng tình hình biên giới Trung-Việt nhằm nhận viện trợ của Trung Quốc. Trong cuộc họp, các ủy viên Bộ Chính trị Việt Nam đề xuất rằng, để mở một cuộc phản công, tốt nhất nên đưa lực lượng chủ lực của quân đội Việt Nam đến các tỉnh Vân Nam và Quảng Tây của Trung Quốc để huấn luyện, với lực lượng huấn luyện là 12.500 người. Hồ Chí Minh cũng có quan điểm này, và vào ngày 12 tháng 4, trong

cuộc họp, ông đã đích thân gửi điện tín cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, hy vọng Trung Quốc sẽ cung cấp 3.000 tấn lương thực để cung cấp cho Quân đội Nhân dân trong bảy tháng, và để huấn luyện lực lượng chủ lực của Quân đội Nhân dân ở Vân Nam và Quảng Tây²⁹.

Lưu Thiếu Kỳ nói với La Quý Ba rằng ông sẽ được bổ nhiệm làm đại sứ tại Việt Nam.

Tại Bắc Kinh, Lưu Thiếu Kỳ rất chú ý đến công việc của La Quý Ba tại Việt Nam, đọc kỹ các bức điện tín của ông gửi về từ các khu rừng

²⁹ Ngày 24 tháng 2 năm 1989 và ngày 18 tháng 4 năm 1990, tác giả đã đến thăm La Quý Ba tại Bắc Kinh. Xem thêm bài viết của La Quý Ba, “Câu chuyện bên trong về viện trợ của Trung Quốc cho Việt Nam”, Tạp chí Thế kỷ, Số 1, 1994.

rậm ở miền Bắc Việt Nam. Ngày 23 tháng 3 năm 1950, Lưu Thiếu Kỳ chỉ thị cho Bộ trưởng Đường sắt Đặng Đại Nguyên xem xét vấn đề sửa chữa tuyến đường sắt Vân Nam - Việt Nam.

Lưu Thiếu Kỳ cũng đồng ý rằng phía Trung Quốc sẽ tiến hành tái tổ chức và huấn luyện lực lượng chủ lực của Việt Nam tại Vân Nam và Quảng Tây.

Ngày 8 tháng 5 năm 1950, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc ban hành chỉ thị cho La Quý Ba, do Lưu Thiếu Kỳ soạn thảo, yêu cầu ông chuẩn bị công tác lâu dài tại Việt Nam. Chỉ thị nêu rõ:

Đồng chí La Quý Ba, Trần Cảnh, Tống Nhân Quỳnh, Trương Văn Nghị, Cục Tây Nam và Cục Trung Nam: Điện tín ngày 29 tháng 4 của đồng chí đã được nhận.

Các đồng chí Việt Nam nhìn chung không hiểu biết nhiều về Đảng Cộng sản Trung Quốc và cán bộ của Đảng, và tương tự như vậy, chúng ta cũng không hiểu biết chi tiết về họ. Trong hoàn cảnh hiểu biết lẫn nhau còn hạn chế như vậy, rất dễ xảy ra một số hiểu lầm không đáng có và sự cảnh giác quá mức; đề nghị đồng chí lưu ý điểm này. Tuy nhiên, cả hai đảng và cán bộ nòng cốt đều đã trải qua đấu tranh cách mạng lâu dài và về cơ bản là đáng tin cậy; hiện tại họ tin tưởng lẫn nhau. Đồng chí cũng cần lưu ý

điểm này.

Một số đồng chí Việt Nam có thể có một số khuyết điểm, chẳng hạn như ngại nói ra những điểm yếu và sai lầm của mình, không coi trọng kinh nghiệm của Trung Quốc, dựa dẫm quá nhiều vào viện trợ nước ngoài và hay nhờ vả. Tuy nhiên, những khuyết điểm này không thể khắc phục ngay lập tức. Những khuyết điểm này cũng tồn tại ở nhiều đồng chí Trung Quốc và không thể khắc phục trong thời gian ngắn. Chúng sẽ chỉ dần dần được sửa chữa sau khi có sự hiểu biết và tin tưởng lẫn nhau, và sau khi được chứng minh qua kinh nghiệm thực tế lặp đi lặp lại.

Hiện tại, các đồng chí không nên quá chú trọng vào những

thiếu sót của các đồng chí Việt Nam, càng không nên chỉ trích họ. Các đồng chí chỉ cần chân thành và nhiệt tình đưa ra những ý kiến mà các đồng chí tin là đúng đắn, đồng thời giới thiệu kinh nghiệm của Trung Quốc cho họ, hy vọng họ sẽ tiếp thu. Đừng bận tâm đến việc họ tiếp thu đến mức nào, hay thậm chí là họ không tiếp thu; hãy chân thành giúp đỡ họ. Đừng điều tra những điều họ không muốn các bạn điều tra. Nếu các bạn kiên trì làm như vậy một thời gian, các bạn có thể dần dần chiếm được lòng tin của họ, và các bạn sẽ hiểu họ hơn (nhưng đừng điều tra và chất vấn tất cả mọi thứ). Khi đó, những điều các bạn không dám nói trực tiếp có thể dần dần được bày tỏ. Điều này không thể vội vàng.

Các bạn nên tiếp tục làm việc tại Việt Nam. Ban Chấp hành Trung ương dự định bổ nhiệm các bạn làm Đại sứ tại Việt Nam. Vào thời điểm thích hợp, Ban Chấp hành Trung ương dự kiến sẽ trình vấn đề này lên Việt Nam để xin ý kiến. Nếu Việt Nam đồng ý, các bạn sẽ được bổ nhiệm làm Đại sứ lâu dài tại Việt Nam.

Ngoài ra, Vi Quốc Thanh sẽ sớm dẫn đầu một đoàn cố vấn quân sự sang Việt Nam để hỗ trợ họ về mặt quân sự. Trần Canh và Tống Nhậm Quỳnh không thể đóng quân lâu dài tại Việt Nam; họ chỉ có thể đến Việt Nam khi cần thiết. Nhiệm vụ của họ là hỗ trợ Việt Nam từ hậu phương và không thể thay thế công việc của ngài. Vi Quốc Thanh cũng

không thể thay thế ngài, vì ông ấy cần tập trung vào công tác quân sự. Nhiệm vụ của ngài hiện tại, và sẽ tiếp tục, là đại sứ tại Việt Nam và đại diện của Đảng Cộng sản Trung Quốc tại Việt Nam. Ngài nên chuẩn bị làm việc tại Việt Nam trong một thời gian dài để đạt được những kết quả xứng đáng³⁰.

Cùng với Võ Nguyên Giáp, La Quý Ba đã thị sát Quân đội Nhân dân Việt Nam. Ông bàng hoàng trước tình hình của lực lượng chủ lực Việt Nam.

Nhiều thập kỷ sau, La Quý Ba vẫn còn nhớ rõ: “Tôi không bao giờ tưởng tượng được quân đội Việt Nam lại rơi vào tình trạng như vậy.

30 Bản thảo Lưu Thiếu Kỳ từ khi thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Tập 2, trang 146-147, Nhà xuất bản Văn học Trung ương, 2005.

Quân đội nói chung đã thiếu lương thực, chứ đừng nói đến dầu đốt. Thể lực của binh lính yếu ớt, quần áo hầu hết đã sờn rách, và hầu hết đều đi chân đất. Vũ khí của họ còn tệ hơn; họ có đủ loại súng ống, khiến việc tiếp tế đạn dược rất khó khăn. Đặc biệt, họ chưa từng đánh một trận lớn nào, thiếu kinh nghiệm chiến tranh công thành, và kỷ luật lỏng lẻo. Làm sao một đội quân như vậy có thể đánh một trận lớn ở biên giới Trung-Việt?”

La Quý Ba đề xuất với phía Việt Nam: “Để mở rộng biên giới Trung-Việt, quân đội cần được tổ chức thành một hoặc hai đơn vị mạnh. Hiện nay, hầu hết quân đội Việt Nam hoạt động độc lập ở cấp tiểu đoàn và trung đoàn, lực lượng quá

phân tán. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam nên sớm quyết định thành lập một hoặc hai sư đoàn chiến đấu chính quy.”³¹

Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã nhận thức rõ vấn đề này. Tháng 1 năm 1950, trước khi La Quý Ba tiến vào Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã họp Đại hội lần thứ III tại căn cứ địa miền Bắc Việt Nam. Trong phần thảo luận về các vấn đề quân sự, Đại hội đã chỉ rõ: “Nền tảng chính trị của chúng ta vững chắc, hậu phương vững chắc, tinh thần của quân đội và nhân dân ta

31 Ngày 24 tháng 2 năm 1989 và ngày 18 tháng 4 năm 1990, tác giả đã đến thăm La Quý Ba tại Bắc Kinh. Xem thêm La Quý Ba, “Câu chuyện bên trong về viện trợ của Trung Quốc cho Việt Nam”, Tạp chí Thế kỷ, Số 1, 1994.

cao. Tuy nhiên, chúng ta vẫn thiếu quân chính quy, thiếu vũ khí tấn công, công thành và vũ khí hạng nặng, thiếu phương tiện liên lạc nhanh, thiếu cán bộ thực sự am hiểu chiến lược và có khả năng chỉ huy tác chiến cơ động.”

Sau khi La Quý Ba đi thị sát quân đội, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương và Bộ Tư lệnh Quân đội Việt Nam đã chính thức đề xuất với La Quý Ba rằng Việt Nam quyết tâm tổ chức lại quân đội chính quy và đề nghị Trung Quốc cung cấp địa điểm tại các tỉnh Vân Nam và Quảng Tây để gửi lực lượng chủ lực của quân đội Việt Nam cần được tổ chức lại sang Trung Quốc huấn luyện. Trung Quốc sẽ cung cấp cho quân

đội Việt Nam này tất cả vũ khí, đạn dược, vật tư y tế và thiết bị liên lạc cần thiết. Đồng thời, để triển khai thuận lợi chiến dịch biên giới Trung-Việt, Trung Quốc được yêu cầu cử các tư lệnh quân sự cấp tập đoàn quân và sư đoàn sang Việt Nam làm cố vấn chiến dịch, đồng thời cử một số sĩ quan cấp trung đoàn và tiểu đoàn làm cố vấn cấp trung đoàn và tiểu đoàn cho quân đội Việt Nam.

Phía Việt Nam cũng đề xuất hy vọng sẽ thành lập một lực lượng khoảng 100.000 quân, chia thành sáu sư đoàn vào năm 1950 và yêu cầu Trung Quốc cung cấp vũ khí, trang bị.

Do đó, vào mùa xuân năm 1950,

sư đoàn chính quy đầu tiên của quân đội Việt Nam được tổ chức lại - Sư đoàn 308 (lúc đó người Việt Nam gọi là “Đại Đoàn”) - đã được thành lập và chính thức thành lập, với Vương Thừa Vũ làm sư đoàn trưởng, Cao Văn Thanh làm phó sư đoàn trưởng, và Sảng Hạo làm chính ủy. Phía Trung Quốc nhanh chóng đáp lại: sẽ dần dần hỗ trợ Việt Nam thành lập các sư đoàn chính quy này khi tình hình ổn định hơn, và đồng ý tái tổ chức quân đội Việt Nam trên lãnh thổ Trung Quốc. (Tiến vào Trung Quốc)



Tháng 8 năm 1950, La Quý Ba (đầu tiên từ phải qua) và Trần Canh (thứ ba từ phải qua) cùng Hồ Chí Minh (giữa) vào miền Bắc Việt Nam.

Quân đội Việt Nam sẽ chia làm hai bộ phận: Sư đoàn 308 sẽ tiến vào khu vực Văn Sơn, Vân Nam và

được Quân đoàn 13, Quân đội Giải phóng Nhân dân Trung Quốc huấn luyện; lực lượng chủ lực còn lại của quân đội Việt Nam là Trung đoàn 174 và Trung đoàn 209 sẽ tiến vào Long Châu, Quảng Tây, Trung Quốc và được Quân khu Quảng Tây huấn luyện³². Thực ra, quyết định quan trọng hơn của phía Trung Quốc là nhanh chóng thành lập một đoàn cố vấn quân sự vào Việt Nam để hỗ trợ quân đội Việt Nam chiến đấu lâu dài.

32 Tháng 4 năm 1988, tác giả đến thăm tướng Vương Diên Toàn tại Côn Minh.

Chương 4:

Thành lập Nhóm Cố vấn Quân sự Trung Quốc



Bản đồ thể hiện vị trí địa lý của
Trung Quốc, Việt Nam và Lào

Vi Quốc Thanh giữ chức Trưởng Đoàn Cố vấn Quân sự

Dựa trên những yêu cầu liên tục từ Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương và báo cáo của La Quý Ba về vấn đề này, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã chính thức triệu tập một cuộc họp vào cuối tháng 3 năm 1950 để thành lập Đoàn Cố vấn Quân sự Trung Quốc nhằm hỗ trợ quân đội Việt Nam trong chiến đấu. Vi Quốc Thanh, nguyên Chính ủy Quân đoàn 10, Tập đoàn quân Dã chiến số 3, được bổ nhiệm làm Trưởng Đoàn Cố vấn.

Việc lựa chọn Vi Quốc Thanh sang Việt Nam được cân nhắc kỹ

lượng. Thứ nhất, ông là một cựu chiến binh dày dạn kinh nghiệm, một chỉ huy quân sự lâu năm và có năng lực. Trong Hồng quân, ông từng là một công binh. Trong cuộc kháng chiến chống Nhật, ông là một chuyên gia về chiến tranh du kích ở vùng Giang Hoài. Trong Chiến tranh Giải phóng, ông trở thành tư lệnh các đạo quân và quân đoàn, chỉ huy nhiều trận đánh lớn. Trước thềm Chiến dịch Vượt sông Dương Tử, ông giữ chức chính ủy Quân đoàn 10, cùng với Tư lệnh Diệp Phi dẫn quân giải phóng Phúc Kiến. Sau khi đến Phúc Kiến, Vi Quốc Thanh đảm nhận công tác địa phương. Kinh nghiệm này giúp ông quen thuộc với cả công tác quân sự lẫn chính trị, rất phù hợp với nhiệm vụ quan trọng này.

Một lý do quan trọng khác là Vi Quốc Thanh là người Choang đến từ Quảng Tây. Quê ông không xa Việt Nam, và ở Việt Nam cũng có người Choang. Họ có thể hiểu ngôn ngữ của nhau. Việc đến Việt Nam là một lợi thế đặc biệt đối với Vi Quốc Thanh. Ngoài ra, xét về tính cách, trong số các tướng lĩnh cao cấp của Tập đoàn quân dã chiến số 3, Vi Quốc Thanh nổi tiếng là người thông minh và điềm tĩnh, rất phù hợp để làm Trưởng đoàn cố vấn quân sự sang Việt Nam³³.

Vi Quốc Thanh tình cờ có mặt ở Bắc Kinh và đang chờ Quân ủy Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc phân công công tác.

33 Tháng 10 năm 1991, tác giả đã nói về đánh giá của mình đối với Vi Quốc Thanh khi ông đến thăm Lôi Anh Phủ ở Bắc Kinh.

Tên thật của Vi Quốc Thanh là Ngụy Bangkuan. Ông sinh năm 1913 trong một gia đình nông dân nghèo ở xã Lão Thạch, huyện Đông Lan, Quảng Tây. Mùa hè năm 1928, khi mới 15 tuổi, Vi Quốc Thanh đã gia nhập đội quân tự vệ nông dân do Ngụy Bá Quần chỉ huy và tham gia trận đánh tấn công huyện Đông Lan. Năm 1929, ông gia nhập Đoàn Thanh niên Cộng sản và tham gia Khởi nghĩa Bách Sắc do Đặng Tiểu Bình, Lý Minh Thụy và Trương Vân Nghị lãnh đạo cùng năm. Ông làm vệ sĩ cho Trương Vân Nghị. Sau đó, ông chiến đấu ở vùng biên giới Quý Châu, Quảng Tây và Hồ Nam, rồi tiến vào Khu Xô Viết Giang Tây. Năm 1931, ông trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc và nhanh chóng trở thành một trung

đoàn trưởng trẻ tuổi của Hồng quân.

Vào tháng 10 năm 1934, Vi Quốc Thanh tham gia cuộc Vạn lý Trường chinh. Ông đã chỉ huy quân đội của mình trong các hoạt động quân sự quan trọng như chiếm Giao Bình Độ và vượt sông Kim Sa một cách tài tình. Khi Hồng quân vượt sông Ngô Giang, Vi Quốc Thanh, lúc đó là tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Chi nhánh Đặc biệt của Trung đoàn Cán bộ, đã theo Trung đoàn trưởng Trần Canh và dẫn một đại đội công binh hành quân 60 dặm (30 km) xuyên đêm để đến cửa khẩu biên giới. Họ đã bí mật và nhanh chóng dựng lên một cây cầu phao, giúp Hồng quân Trung ương vượt sông kịp thời và chiếm được Tuân Ng-

hĩa. Sau khi đến miền bắc Thiểm Tây, Vi Quốc Thanh bị thương nặng trong trận chiến cuối cùng của Hồng quân, Trận chiến thị trấn Chi Lạc. Sau khi hồi phục, ông vào Trường Hồng quân để học tiếp.

Trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống Nhật, Vi Quốc Thanh giữ chức hiệu trưởng trường học phụ trợ của Bộ tư lệnh Bát lộ quân. Sau năm 1940, ông giữ chức chính ủy Lữ đoàn 9, Sư đoàn 3, Tân Tứ quân và lữ đoàn trưởng Lữ đoàn 9, Sư đoàn 4, chiến đấu tại lưu vực sông Hoài. Tháng 12 năm 1942, ông chỉ huy Trận Chu Gia Cảng, một trận đánh quyết định trong việc đập tan chiến dịch càn quét quy mô lớn của quân Nhật tại lưu vực sông Hoài.

Mùa xuân năm 1943, Hàn Đức Khâm, Chủ tịch Quốc dân đảng tỉnh Giang Tô kiêm Phó Tổng tư lệnh Chiến khu Lỗ Túc, bất ngờ dẫn quân tấn công căn cứ sông Hoài của Tân Tứ quân. Vi Quốc Thanh dẫn đầu lực lượng chủ lực của Lữ đoàn 9 nhanh chóng bao vây và tiêu diệt quân của Hàn Đức Khâm, bắt sống Hàn Đức Khâm, tạo điều kiện thuận lợi cho Tân Tứ Quân tiếp tục kháng chiến ở lưu vực sông Hoài Hà và bắc Giang Tô. Sau khi Bành Tuyết Phong, tư lệnh Sư đoàn 4 của Tân Tứ Quân, qua đời vào tháng 9 năm 1944, Vi Quốc Thanh trở thành phó tư lệnh sư đoàn.

Vi Quốc Thanh, Trưởng đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc tại Việt Nam, từng là đại diện của Đảng

Cộng sản Trung Quốc tại nhóm Từ Châu thuộc Văn phòng Hòa giải Quân sự sau chiến thắng của cuộc kháng chiến chống Nhật. Sau khi Chiến tranh Giải phóng nổ ra vào năm 1946, Vi Quốc Thanh giữ chức tư lệnh và chính ủy của Đạo quân số 2 thuộc Quân đội Dã chiến Sơn Đông, chỉ huy quân đội trong các trận đánh như Triều Dương Ký, Subi và Lunan. Tháng 2 năm 1947, ông dẫn đầu một đạo quân vượt qua đường sắt Long Hải, mở màn Chiến dịch Bạch Thập Bộ, tiêu diệt sở chỉ huy Tập đoàn quân 42 Quốc dân đảng và Sư đoàn 2 và Sư đoàn 4, bắt sống chỉ huy Hác Bằng Cúc. Sau đó, Vi Quốc Thanh dẫn quân tham gia Chiến dịch Lai Vu. Trong Chiến dịch Mạnh Lương Cốc nổi tiếng, ông chỉ huy hai đạo quân

chặn đường tiếp viện của Quốc dân đảng tại chùa Thanh Đà, chiến đấu ác liệt suốt ba ngày ba đêm, chặn đường tiếp viện và đảm bảo lực lượng chủ lực của Quân đoàn Dã chiến Đông Hoa tiêu diệt hoàn toàn Sư đoàn Cải tổ 74 tinh nhuệ của Quốc dân đảng tại Mạnh Lương Cốc.

Từ năm 1948, Vi Quốc Thanh giữ chức Tư lệnh Quân đoàn Bắc Giang Tô, tham gia Chiến dịch Hoài Hải. Sau khi trở thành chính ủy Quân đoàn 10, ông và Tư lệnh Diệp Phi dẫn quân vượt sông Dương Tử tham gia Chiến dịch Thượng Hải, rồi tiến vào Phúc Kiến, nơi ông lần lượt giữ chức Bí thư Thành ủy Phúc Châu và Trưởng phòng Tổ chức Tỉnh ủy Phúc Kiến. Sau khi

nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập, trong bối cảnh mọi thứ rối ren, Vi Quốc Thanh được điều động về Bắc Kinh, dự kiến sẽ đảm nhiệm một vị trí tại Liên Hợp Quốc. Đúng lúc đó, một đoàn cố vấn quân sự cho Việt Nam đang được thành lập, và gần như chỉ sau một đêm, quỹ đạo cuộc đời của Vi Quốc Thanh trong vài năm tiếp theo đã hoàn toàn thay đổi.

Các Tập đoàn quân đã chiến số 2, 3 và 4, mỗi tập đoàn thành lập một đội cố vấn gồm một sư đoàn của quân đội Việt Nam.

Giữa tháng 3 năm 1950, công việc thành lập đoàn cố vấn quân sự cho Việt Nam được triển khai khẩn trương. Lưu Thiếu Kỳ viết thư chỉ

thị cho Vi Quốc Thanh mang thư này đến các lãnh đạo của bốn tập đoàn quân đã chiến để yêu cầu họ lựa chọn cán bộ cho đoàn cố vấn quân sự.

Vi Quốc Thanh, mang theo thư của Lưu Thiếu Kỳ, trước tiên đến gặp Đặng Tiểu Bình, Chính ủy Quân đoàn Dã chiến số 2. Sau khi đọc thư của Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình nói ngay: “Thế này nhé? Hiện giờ chúng tôi đang họp ở Bắc Kinh. Các anh đi từng người một thì phiền quá. Chúng ta cùng đi bàn bạc nhé.”

Đặng Tiểu Bình và Vi Quốc Thanh đến thăm nhà Lâm Bưu. Đặng Tiểu Bình nói với Lâm Bưu:

«Ủy ban Trung ương đã quyết định cử một đoàn cố vấn quân sự sang Việt Nam. Vi Quốc Thanh đến yêu cầu các quân đoàn đã chiến của chúng ta tuyển chọn cán bộ, và đồng chí Thiếu Kỳ cũng đã viết thư. Hay là chúng ta đến nhà tướng Bành để bàn việc này nhé?»

Lâm Bưu đồng ý, và tất cả mọi người đều đến nhà Bành Đức Hoài. Bành Đức Hoài đồng ý ngay: “Giờ đây, nội chiến cơ bản đã kết thúc, các ông có thể tuyển dụng bất cứ cán bộ nào mình cần, bao nhiêu cũng được. Chúng tôi sẽ hết lòng ủng hộ. Chỉ cần cho chúng tôi biết cần bao nhiêu.”

Lâm Bưu đồng tình với ý kiến của Bành Đức Hoài.

Vi Quốc Thanh nói: “Việt Nam hiện đang thành lập ba sư đoàn, một số sư đoàn vừa mới được thành lập sau khi La Quý Ba sang đó. Quan điểm của phía Việt Nam là, ngoài bộ tư lệnh, bước đầu tiên cần làm là tuyển chọn cố vấn các cấp để ba sư đoàn này sang Việt Nam.”

Đặng Tiểu Bình nói: «Tôi nghĩ Trung ương nên quyết định việc phân bổ cố vấn cho ba sư đoàn. Để thuận tiện cho công việc, nhân sự của trụ sở nhóm cố vấn quân sự nên được chọn từ Tập đoàn quân đã chiến số 3 của các anh, ý kiến của các anh thế nào?»

Vi Quốc Thanh nói: «Tốt lắm. Tôi sẽ báo cáo với đồng chí Thiếu Kỳ sau.»

Sau khi nghe báo cáo của Vi Quốc Thanh, Lưu Thiếu Kỳ nói: “Đề xuất của đồng chí Tiểu Bình rất tốt. Nhân sự của trụ sở nhóm cố vấn...” “Việc lựa chọn sẽ do Tập đoàn quân đã chiến số 3 đảm nhiệm. Cần phải thông báo cho tất cả các tập đoàn quân đã chiến để phân công rõ ràng ba sư đoàn và một cố vấn trường học.”

Vi Quốc Thanh hỏi: “Mỗi Tập đoàn quân đã chiến số 2, số 3 và số 4 có thể lựa chọn một sư đoàn cố vấn ở các cấp độ khác nhau, và Tập đoàn quân đã chiến số 4 lựa chọn cố vấn và giảng viên từ các trường quân sự và chính trị lân cận không?”

Lưu Thiếu Kỳ đồng ý với đề xuất

của Vi Quốc Thanh, nói: “Tốt lắm. Tập đoàn quân dã chiến số 1 nằm ở khu vực Tây Bắc, nhiệm vụ rất nặng nề, phức tạp, lại ít nhân sự, nên lần này chúng ta bỏ qua. Báo cáo việc này với Tướng Nhiếp xem ông ấy có ý kiến gì thêm không. Đề nghị Quân ủy Trung ương ban hành thông báo.” Đề xuất này cuối cùng đã được Mao Trạch Đông chấp thuận.

Ngày 17 tháng 4 năm 1950, Quân ủy Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc ra lệnh cho Tập đoàn quân dã chiến số 2, số 3 và số 4, mỗi tập đoàn phải lựa chọn một đội ngũ cán bộ đầy đủ từ một sư đoàn để tham gia Đoàn cố vấn quân sự sang Việt Nam. Đồng thời, quyết định rằng Tập đoàn quân dã

chiến số 3 sẽ tập hợp cán bộ để thành lập trụ sở của Đoàn cố vấn, và Tập đoàn quân dã chiến số 4 sẽ lựa chọn một đội từ một trường quân sự để làm cố vấn cho trường quân sự Việt Nam.

Ngày 26 tháng 4, Quân ủy Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc một lần nữa chỉ thị cho các Quân khu Tây Bắc, Tây Nam, Đông Hoa và Trung Nam, cũng như Bộ Tư lệnh Pháo binh của Quân ủy Trung ương, điều động 13 sĩ quan từ cấp tiểu đoàn trở lên đến Đoàn cố vấn quân sự, chuẩn bị cho họ làm cố vấn hoặc trợ lý cố vấn cho các cơ quan chỉ huy cấp cao và các đơn vị của quân đội Việt Nam.

Sau các cuộc thảo luận giữa

Tô Dụ, Tư lệnh Tập đoàn quân Dã chiến số 3, và Vi Quốc Thanh, Tô Dụ đã đề cử và bổ nhiệm Bộ tư lệnh Đoàn cố vấn, bao gồm các chỉ huy Trung đoàn 3 của Đại học Quân sự và Chính trị Đông Hoa, khi đó đóng tại Nam Kinh. Trung đoàn trưởng Mai Gia Thanh là trợ lý chính của Vi Quốc Thanh.

Mai Gia Thanh là một vị tướng huyền thoại của Tập đoàn quân Dã chiến số 3. Sinh năm 1913 trong một gia đình nông dân nghèo ở Đan Dương, tỉnh Giang Tô, ông cùng mẹ đến Thượng Hải học tập khi còn trẻ. Sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, ông làm nhân viên bán hàng trước khi tiếp tục học tập và tiếp thu những tư tưởng tiến bộ. Ngay sau đó, ông đến Nam Kinh để nộp

đơn vào học viện quân sự, chuyên ngành thiết giáp chiến. Sau khi Sự kiện 7 tháng 7 nổ ra và Nhật Bản xâm lược Trung Quốc trên quy mô lớn, Mai Gia Thanh trở về quê nhà vào mùa thu năm 1937 để tổ chức lực lượng vũ trang kháng Nhật.

Vào thời điểm đó, tại ngôi làng bên cạnh, Quan Văn Vĩ, người đã trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc trong cuộc Đại cách mạng, cũng đang tổ chức lực lượng chống Nhật. Mai Gia Thanh đã liên lạc với Quan Văn Vĩ vào mùa đông năm đó và tổ chức một đội tự vệ nông dân. Ngay sau đó, Trần Nghị dẫn đầu Phân đội 1 của Quân đoàn 4 mới tiến về phía bắc, và đơn vị của Mai Gia Thanh đã gia nhập Quân đoàn 4 mới, tham gia

Trận Hoàng Kiều nổi tiếng ngay sau đó. Mai Gia Thanh gia nhập Đảng vào năm 1939, ban đầu giữ chức đại úy Tiểu đoàn 3 của Đội du kích Đan Dương, và sau đó là tham mưu trưởng Lữ đoàn 3 của Sư đoàn 1 của Quân đoàn 4 mới. Trong suốt Chiến tranh kháng Nhật và Chiến tranh giải phóng, ông đã chiến đấu ở phía bắc Giang Tô và Sơn Đông, tham gia nhiều trận đánh lớn và lập được những chiến công quân sự đáng chú ý. Sau đó, ông giữ chức tham mưu trưởng Đội 4 của Quân đội dã chiến Hoa Đông và phó tư lệnh kiêm tham mưu trưởng Quân đoàn 23. Trong Chiến dịch Vượt sông Dương Tử, Tập đoàn quân 23 của ông đã trải qua “Sự kiện Thạch Anh Tím”, một cuộc xung đột với tàu chiến Anh,

cuộc xung đột quân sự nước ngoài quan trọng nhất trước khi thành lập Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Ông am hiểu hoạt động của sở chỉ huy, tỉ mỉ trong suy nghĩ và là một tham mưu trưởng xuất sắc.



Mai Gia Thanh, được phong hàm
Thiếu tướng năm 1955.

**Một mặt lệnh triệu tập một
nhóm tướng lĩnh đến hội đồng
cố vấn.**

Sau khi mật lệnh được ban hành, hàng trăm sĩ quan cấp sư đoàn, trung đoàn và tiểu đoàn, những người vừa rời khỏi chiến trường, nhanh chóng rời bỏ vị trí quen thuộc, tập hợp lại, hướng về một vùng đất xa lạ ở phía Nam.

Nhiều thập kỷ sau, khi nhìn lại sự kiện này, hầu như ai cũng nói rằng do thời gian trôi qua, trải nghiệm tuyệt diệu này đã bị chôn vùi quá sâu, khiến chiếc xẻng ký ức bị mài mòn đáng kể khi cuối cùng nó được khai quật. Gần bốn mươi năm sau, Triệu Thụy Lai, cố vấn quân sự lúc bấy giờ, nói với tác giả: “Tại sao các sử gia lại đợi đến khi lịch sử xa xôi mới nghiên cứu nó? Năm 1950, khi tôi đang trấn áp giặc cướp ở vùng núi Tây Nam Vân Nam, một

sứ giả đã chuyển thư của Phó Tư lệnh Sư đoàn Vương Diên Tuyền. Thư nói với tôi rằng đã có quyết định cử tôi sang Việt Nam làm cố vấn quân sự và tôi phải trở về bộ tư lệnh quân đội ngay lập tức. Giờ đây, bốn mươi năm đã trôi qua, và tôi chỉ nhớ đúng một câu trong thư: Phó Tư lệnh Sư đoàn nói: ‘Đây là lần đầu tiên Trung Quốc cử cố vấn quân sự ra nước ngoài. Chúng tôi hy vọng ngài sẽ vận dụng những kinh nghiệm quý báu đã tích lũy được trong cuộc chiến tranh cách mạng trong nước...’ Tôi đã giữ bức thư này hơn ba mươi năm, nhưng trong lần di chuyển cuối cùng, tôi đã đốt nó thành tro. Các sử gia, các ngài đã quá muộn rồi³⁴.”

³⁴ Ngày 3 tháng 8 năm 1988, tác giả đến thăm Triệu Thụy Lai ở Côn Minh.

Tuy nhiên, trong lịch sử quan hệ hiện đại giữa Trung Quốc và Việt Nam, những sự kiện lịch sử quan trọng như vậy không thể bị xóa nhòa. Chúng ta hãy cùng ghi lại hồi ức của một số thành viên trong nhóm cố vấn thời đó.

Trương Đình (cựu Trưởng Văn phòng Đoàn Cố vấn Quân sự Trung Quốc tại Việt Nam, sau này là Đại sứ Trung Quốc tại Fiji và Tổng Cục trưởng Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao):

Năm 1946, tôi rời quê hương Đông Quan cùng với Đoàn Đông Giang Quảng Đông và rút về Sơn Đông, nơi tôi được sáp nhập vào Quân đoàn Dã chiến số 3 sau này. Tại Sơn Đông, chúng tôi đã giành

chiến thắng. Sau ba năm chiến đấu gian khổ, cuối cùng chúng tôi cũng đến được Nam Kinh. Sau khi vào Nam Kinh, tôi giữ chức Trưởng phòng Tổ chức của Trung đoàn 3 thuộc Đại học Quân sự Chính trị Hoa Đông. Cuối tháng 4 năm 1950, các trung đoàn trưởng Mai Gia Thanh và Đặng Nhất Phàm được điều động trước tôi. Sau khi Đặng Nhất Phàm rời đi, Lý Văn Nghĩa, cựu Trưởng phòng Chính trị, trở thành Chính ủy. Không ngờ, không lâu sau đó, Lý Văn Nghĩa cũng nhận được lệnh điều động đến Đoàn Cố vấn Quân sự. Chúng tôi vừa tổ chức tiệc chia tay các Tư lệnh Mai và Đặng, rồi một tiệc chia tay nữa cho Lý Văn Nghĩa. Trong thời gian này, Ni Youshi, Sun Zhiming và Wang Zhenhua từ trung đoàn cũng được

chuyển đến tổ cố vấn. Trước khi Lý Văn Nghĩa rời đi, anh ấy nói với tôi rằng cấp trên đã bổ nhiệm tôi làm Phó Chính ủy và tôi nên phụ trách công việc của trung đoàn.

Hình như tôi sẽ sống ở Nam Kinh một thời gian. Vợ tôi, Lý Nam, nhanh chóng xin nghỉ phép và trở về quê nhà ở Đông Quan, Quảng Đông. Tôi đã tham gia cách mạng ở đó trước cuộc kháng chiến chống Nhật, và được coi là cựu chiến binh của Đông Hà. Do điều kiện chiến tranh nguy hiểm, Lý Nam và tôi đã giao con gái mới sinh của mình cho một người nông dân, và chúng tôi đã không nhận được tin tức gì từ con bé kể từ khi rời Quảng Đông. Giờ chiến tranh đã kết thúc, chúng tôi muốn tìm con bé.

Ngay sau khi đến Đông Quan, Lý Nam đã viết thư báo rằng con gái chúng tôi đã được tìm thấy. Cùng lúc đó, tôi cũng nhận được lệnh đến tổ cố vấn quân sự.

Lúc đó, trụ sở tổ cố vấn đã rời Nam Kinh. Tôi muốn gặp vợ lần cuối trước khi rời xa quê hương, và cũng muốn gặp con gái út, người mà tôi đã không gặp nhiều năm. Được sự đồng ý của cấp trên, tôi thuê vệ sĩ, bế đưa con trai một tuổi, và sau vài ngày di chuyển, tôi đã đến Đông Quan.

Tôi gặp con gái tôi, Kiến Phương, đang ở cùng cha mẹ nuôi. Tôi bước tới, và mẹ nuôi của Kiến Phương nói: “Gọi ông ấy nhanh lên, gọi ông ấy là bố.” Kiến Phương

tám tuổi dừng lại, rồi chỉ vào cha nuôi bên cạnh và hỏi: “Đây không phải là bố sao?”

Mẹ nuôi chỉ vào tôi và nói: “Đây là cha ruột của con.”

Nhưng Kiến Phương không gọi tôi.

Tôi cảm thấy một nỗi buồn nhói lên. Trong suốt những năm tháng Kháng chiến, tôi chưa được ở bên con gái mình mấy ngày. Trong hơn ba năm Chiến tranh Giải phóng, tôi thậm chí còn chưa nhìn thấy mặt con bé. Sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập, cuối cùng tôi cũng được gặp con gái, nhưng chúng tôi phải chia tay ngay lập tức.

Gia đình đoàn tụ ở Đông Quan ba ngày, chụp ảnh, rồi tôi vội vã cùng các cận vệ đến Nam Ninh. Đoàn cố vấn đang tập trung ở đó, chuẩn bị lên đường sang Việt Nam³⁵.

Đậu Cẩm Ba (cố vấn pháo binh đầu tiên của đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc tại Việt Nam, sau này là tư lệnh các đơn vị pháo binh của Quân khu Lan Châu):

Cuối tháng 4 năm 1950, tôi là chỉ huy một trung đoàn pháo binh. Chúng tôi vừa chuyển từ Thanh Đảo đến Kiến Âu, Phúc Kiến, để chuẩn bị cho trận đánh giải phóng đảo Kim Môn theo lệnh của Quân ủy, và tiếp tục chuẩn bị cho việc giải phóng Đài Loan. Tôi vô cùng

³⁵ Ngày 24 tháng 1 năm 1989, tác giả đến thăm Trương Dĩnh ở Bắc Kinh.

phần khích khi được tham gia một chiến dịch lớn như vậy.

Một ngày cuối tháng 4 hoặc đầu tháng 5, tôi bất ngờ nhận được điện thoại từ bộ tư lệnh quân đội: “Đậu Cẩm Ba, đến bộ tư lệnh quân đội đi; nhiệm vụ của anh đã thay đổi.” Tôi đến ngay lập tức. Phó Tư lệnh Lưu Dũng nói đùa với tôi: “Anh biết mình sẽ làm gì không?”

Tôi thản nhiên trả lời: “Vâng.”

Lưu Dũng ngạc nhiên hỏi: “Sao anh biết?”

Tôi nói: “Họ muốn tôi làm phó tư lệnh sư đoàn. Tôi đã đi qua Nam Kinh trên đường đến Phúc Kiến, và Bộ Tư lệnh Lực lượng Đặc biệt đã nói chuyện với tôi về việc này.”

Lưu Dững lắc đầu, đẩy một bức điện tín đến trước mặt tôi và nói: “Xem này.”

Bức điện tín nói rằng Đẩu Cẩm Ba đang được điều động đến đoàn cố vấn quân sự ở Việt Nam, và tôi cần phải báo cáo ngay lập tức với Bộ Tư lệnh Quân khu Hoa Đông ở Nam Kinh. Tôi hoàn toàn choáng váng. Tôi không ngờ rằng vừa chinh phục được đất nước, tôi lại phải rời xa nó một lần nữa. Thế giới thay đổi quá nhanh.

Không chút do dự, tôi lập tức đi đến Nam Kinh, nhưng nỗi lo duy nhất của tôi là: “Tôi thậm chí còn không biết ở Việt Nam có đơn vị pháo binh hay không!”

Khi đến Nam Kinh, Trương Hoài Trung, giám đốc phòng quân sự của bộ tư lệnh, là một sư đoàn trưởng mà tôi đã quen biết từ thời còn ở Giao Đông. Ông ấy giới thiệu tôi với Mai Gia Thanh, lúc đó đang thành lập đoàn cố vấn. Mai Gia Thanh nói với tôi về thành phần của đoàn cố vấn và đề nghị tôi ở lại Nam Kinh trước. Ông ấy nói rằng tất cả người nhà của các cán bộ đi đoàn cố vấn sẽ tập trung tại Nam Kinh để phân công công việc, và vợ tôi sẽ sớm từ Thanh Đảo đến. Tổ chức biết ngày dự sinh của cô ấy sắp đến và sẽ chăm sóc cô ấy chu đáo. Sau khi các thành viên đoàn cố vấn đến, chúng tôi có thể sẽ đến Bắc Kinh để nhận nhiệm vụ của chính quyền trung ương.

Khoảng ngày 20 tháng 6, Mai Gia Thanh dẫn gần hai mươi cán bộ trong đoàn cố vấn của chúng tôi (cấp trung đoàn trở lên) đến Bắc Kinh. Trùng hợp thay, Tô Dụ, Phó Tư lệnh Quân khu Hoa Đông, cũng sẽ đến Bắc Kinh theo yêu cầu của chính quyền trung ương. Một toa tàu đặc biệt được gắn vào tàu, và chúng tôi đi cùng ông ấy. Sau đó, tôi được biết tình hình ở Triều Tiên rất căng thẳng, và một cuộc chiến tranh quy mô lớn sắp xảy ra. Chính quyền trung ương cũng đang xem xét việc giải phóng Đài Loan và đã triệu tập các tướng lĩnh cấp cao đến Bắc Kinh để thảo luận các biện pháp đối phó. Trên tàu, tôi nhận thấy tướng Tô Dụ thường trầm ngâm suy nghĩ. Tôi không khỏi nghĩ rằng việc đi Việt Nam

chắc hẳn cũng là một quyết định được chính quyền trung ương cân nhắc kỹ lưỡng; đó chắc chắn là một sứ mệnh cao cả. Khi tôi từ Bắc Kinh trở về Nam Kinh sau cuộc họp với các lãnh đạo trung ương, con gái tôi đã chào đời. Tôi đặt tên con gái mới sinh là “Nhạc Hoa”³⁶.

Điền Đại Bang (Cố vấn Trung đoàn 102, lực lượng chủ lực của quân đội Việt Nam, do Đoàn Cố vấn Quân sự Trung Quốc cử đến, sau này là Phó Tham mưu trưởng Quân khu Côn Minh):

Mùa xuân năm 1950, tôi giữ chức Tư lệnh Trung đoàn 119, Quân đoàn 14, dẫn quân đến Tây Bắc

³⁶ Ngày 16-17 tháng 12 năm 1988, tác giả đến thăm Đâu Cầm Ba ở Thạch Gia Trang.

Vân Nam để trấn áp thổ phỉ. Sau đó, chúng tôi tiến về Tây Xương để phối hợp với các lực lượng đồng minh trong các chiến dịch trấn áp thổ phỉ. Cuộc giao tranh diễn ra suôn sẻ, và đến tháng 5, chúng tôi trở về Côn Minh. Khi đến huyện Nhị Nguyên, tôi đột nhiên nhận được lệnh một mình trở về Côn Minh để trình diện nhận nhiệm vụ mới. Tôi vội vã đến Đại Lý, nơi tôi tình cờ gặp Phó Tư lệnh Sư đoàn Vương Diên Tuyền, người cũng nhận được lệnh đi từ Tây Vân Nam đến Côn Minh. Tôi đến Côn Minh cùng ông ấy. Tôi lập tức trình diện với Bộ Tư lệnh Quân đội; hóa ra tôi được cử đến quân đội Việt Nam làm cố vấn.

Chúng tôi đã dành một thời

gian học tập tại Côn Minh, chủ yếu là tìm hiểu và lĩnh hội tinh thần quốc tế và nắm bắt các chính sách. Sau đó, dưới sự chỉ huy của Ngô Tiểu Mẫn, Phó Tư lệnh Sư đoàn 37, chúng tôi đi tàu hỏa đến Khai Nguyên, rồi đến huyện Diên Sơn. Hai trung đoàn chủ lực của quân đội Việt Nam, Sư đoàn 308 - Trung đoàn 88 và Trung đoàn 102 - đã đến. Tôi đến Trung đoàn 102 với tư cách cố vấn, và đồng chí của tôi, Chu Diệu Hoa, đến Trung đoàn 88 với tư cách cố vấn. Tư lệnh Trung đoàn 102 là Ngô An, và chính ủy là Hoàng Thế Dũng. Ngô An ngoài ba mươi tuổi, vốn là công nhân ở Hà Nội. Ông ấy rất dũng cảm trong chiến đấu và có mối quan hệ tốt với tôi. Cách làm việc chủ yếu của chúng tôi, những cố vấn cấp một,

ban đầu là lắng nghe họ nói về việc sắp xếp huấn luyện và chúng tôi sẽ đưa ra ý kiến của mình. Sau khi chứng kiến quân đội Việt Nam, ấn tượng của tôi là những người lính Việt Nam rất trung thành với đất nước và có thể chịu đựng được gian khổ. Những người lính như vậy được huấn luyện để có thể chiến đấu³⁷.



Ảnh nhóm cố vấn Trung Quốc năm 1952. Từ trái sang: Xu Fashan, Ma Xifu, Luo Guibo, Shi Yimin,

³⁷ Ngày 28 tháng 11 năm 1988, tác giả đến thăm Điện Đại Bang ở Côn Minh.

Zhang Zhishan, Wang Zongjin, Jin Zhaodian, Wang Xusheng, Zhang Zhendong

Trương Tường (Cố vấn Đoàn Cố vấn Quân sự Trung Quốc, sau này là Phó Tư lệnh Quân khu Văn Sơn, Vân Nam):

Lúc đó, tôi nghĩ rằng nội chiến đã kết thúc, và tôi sẽ không bao giờ phải chiến đấu nữa trong đời.

Đầu năm 1950, tôi là tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 110, Sư đoàn 37, Tập đoàn quân 13. Sau Chiến dịch Vân Nam, tôi từ Nguyên Giang trở về Côn Minh và đóng quân tại sân bay. Một ngày đầu tháng 5, tôi đột nhiên nhận

được lệnh phải trình diện ngay lập tức tại Bộ tư lệnh Sư đoàn. Tôi vội vã đến Bộ tư lệnh Sư đoàn ở Liên Vân Cảng, tại đây, Tư lệnh Sư đoàn Chu Học Nghĩa nói với tôi rằng đã có quyết định cử tôi sang Việt Nam làm cố vấn quân sự, và tôi phải lập tức đến Khai Nguyên để trình diện tại Bộ tư lệnh Quân đội. Ông ấy còn dặn dò tôi: «Việc này phải tuyệt đối giữ bí mật.»

Tôi vội vã đến Khai Nguyên, nơi tôi gặp các cố vấn được điều động từ các trung đoàn khác. Chúng tôi học cùng nhau một thời gian, chủ yếu là học Điều lệ Đảng, tinh thần quốc tế và quân sự. Khoảng một tháng sau, chúng tôi đến Yên Sơn. Lúc đó, Sư đoàn 308 của Việt Nam vừa đến và đang được quân đội ta

huấn luyện. Trước khi chúng tôi rời đi, bộ tư lệnh quân đội đã tổ chức một bữa tiệc chia tay long trọng. Sau đó, Tư lệnh Chu Hy Hàm đưa chúng tôi đến Sư đoàn 308, nơi tôi được phân công làm cố vấn cho một trung đoàn (tiểu đoàn) nhỏ của quân đội Việt Nam.

Khi đến nơi, tôi biết rằng sau khi hoàn thành khóa huấn luyện, trung đoàn nhỏ này sẽ chịu trách nhiệm cho trận đánh đầu tiên ở Việt Nam.

Lý Tăng Phúc (Cố vấn Đoàn Cố vấn Quân sự Trung Quốc, sau này là Tư lệnh Đồn Côn Minh):

Lúc đó tôi còn trẻ, mới 23 tuổi.

Tôi quê ở Thục Dương, Giang Tô. Năm 1940, khi mới 13 tuổi, tôi đã tham gia lực lượng du kích chống Nhật. Năm sau, sự kiện Nam An Huy xảy ra, và với việc “nâng cấp” lực lượng du kích, tôi trở thành một người lính trong Tân Tứ Quân. Sau chiến thắng trước Nhật Bản, tôi theo Sư đoàn trưởng Hoàng Khắc Thành tiến vào Đông Bắc Trung Quốc, chiến đấu dọc theo đường xuống Quảng Đông và Quảng Tây, liên tục truy kích quân địch. Cuối năm 1949, quân đội ta tiến vào Quảng Tây, và một số tàn quân Quốc dân đảng chạy sang Việt Nam. Đơn vị Quân đoàn 39 của tôi truy kích họ không ngừng nghỉ. Khi chúng tôi còn cách Trấn Nam Quan sáu cây số, chúng tôi đột nhiên nhận được lệnh từ bộ

chỉ huy: ngừng truy kích tại chỗ, không một đơn vị nào được phép rời khỏi đèo. Vì vậy, tôi đã đến cửa ngõ Việt Nam rồi quay trở lại.

Mùa hè năm 1950, Quân đoàn 39 của chúng tôi tập trung tại Lạc Hà, Hà Nam để huấn luyện. Lúc đó, tôi là tiểu đoàn trưởng. Một hôm, tôi đang họp với các sĩ quan cấp trung đội trở lên thì đột nhiên nhận được điện thoại của trung đoàn trưởng: “Trương Tư lệnh Sư đoàn gọi, yêu cầu anh mang vũ khí đầy đủ, kèm theo một vệ sĩ và một người gác cổng đến ngay sở chỉ huy trung đoàn.”

Tôi hỏi: “Có chuyện gì vậy?”

Trung đoàn trưởng nói: “Chúng ta sẽ nói chuyện khi anh đến.”

Tôi lập tức rời khỏi cuộc họp, dẫn theo sĩ quan liên lạc Hầu Ngọc Minh và người gác cổng Lao Trần đến sở chỉ huy trung đoàn. Hóa ra trung đoàn trưởng chỉ biết ông ta sẽ đưa tôi đến sở chỉ huy sư đoàn. Chúng tôi lập tức kéo xe ngựa đến sở chỉ huy sư đoàn. Tư lệnh Sư đoàn Trương Khiết Thành nói với tôi: “Quân đội có điện báo, điều anh đến Quân khu Trung Nam để nhận nhiệm vụ mới. Cụ thể anh sẽ làm gì...”

Tôi cũng không biết. Nhưng dù đi đâu, anh cũng phải làm tốt công việc của mình. Tôi nghĩ anh có thể bị điều đến một nơi khó khăn.” Tôi đứng nghiêm chào vị chỉ huy, nói: “Tôi không ngại bị điều đi đâu cả.” Cỗ xe tiếp tục lăn bánh, đưa ba

chúng tôi đến đại bản doanh quân sự ở Lạc Hà giữa cơn mưa tầm tã. Vừa đến đại bản doanh, chúng tôi thấy mấy người thuộc Cục Cán bộ Quân đội (hoặc Cục Sĩ quan) đang đứng dưới mưa, họ gọi tôi: “Đó có phải là Tiểu đoàn trưởng Lý không?”

Nghe tôi trả lời là đúng, ông ấy mừng rỡ nói: “Đừng vào đại bản doanh, cứ đi thẳng ra ga tàu. Vé đã mua rồi, giấy giới thiệu cũng đã được cấp rồi.” Đi thẳng đến Vũ Hán để trình diện.”

Và thế là toa tàu đưa tôi đến ga. Tàu đến ngay sau đó.

Tôi đến Vũ Hán vào đêm muộn hôm đó, định tự mình tìm quân khu, nhưng bị lạc đường. Tôi phải chạy

đến một cửa hàng và gọi cho Ban Cán bộ Quân khu. Người trả lời rất vui mừng, nói: “Bộ trưởng đang đợi anh! Chúng tôi đã cử người đến ga, nhưng họ không thể đón anh. Anh không thể đi đâu được nữa; chúng tôi sẽ cho xe đến đón anh ngay.» «Xe đưa tôi đến khách sạn Trung Nam. Tất cả cán bộ của Quân đoàn Dĩ chiến số 4 của chúng tôi đều tập trung ở đó; có lẽ tôi là người cuối cùng đến. Ngay khi tôi bước vào khách sạn, họ bắt đầu phân phát nhu yếu phẩm: quần áo thường dân, áo mưa, giày da, và mỗi người được nhận một chiếc đồng hồ Enicar và một cây bút Parker. Hai món đồ sau là những vật dụng có giá trị vào thời điểm đó; tôi bỗng chốc trở thành triệu phú. Tôi nghĩ đây chắc hẳn là một

nhiệm vụ đặc biệt.

Sau khi phân phát nhu yếu phẩm, mọi người cùng nhau chụp ảnh và nhận được thông báo rằng chúng tôi sẽ lên đường đến Nam Ninh vào ngày hôm sau. Trước khi rời đi, một vị bộ trưởng quân khu đã thông báo: ‘Anh sẽ làm việc cho “Tổ công tác Việt Nam”. Công việc cụ thể sẽ được các lãnh đạo của tổ công tác sắp xếp sau khi anh đến Nam Ninh.’ Chỉ đến lúc đó tôi mới hiểu rõ rằng mình sẽ chiến đấu ở Việt Nam. [Ngày 19 tháng 11 năm 1989, tác giả đã đến thăm Lý Tăng Phu tại Côn Minh.]

Ngô Vĩnh Quân (Cố vấn Tổ cố vấn quân sự, sau này là Chính ủy Căn cứ Hải quân Phúc Kiến):

Mùa hè năm 1949, với tư cách là

giáo viên chính trị tiểu đoàn thuộc Tập đoàn quân 20, Tập đoàn quân Dã chiến số 3, tôi đã tham gia Chiến dịch Thượng Hải. Thượng Hải là nơi tôi đã trải qua một thời thơ ấu và tuổi trẻ tuyệt vời. Cuối cùng tôi đã trở về Thượng Hải và thậm chí còn tìm thấy mẹ tôi, người mà tôi đã mất liên lạc suốt 12 năm.’ Khi tôi gặp lại mẹ, bà hoàn toàn không nhận ra tôi.



Những người lính thuộc nhóm

cố vấn quân sự Trung Quốc đến Việt Nam vào đầu những năm 1950. (Ảnh do Lý Tăng Phúc cung cấp)

Bà nói: “Con là người Dương Châu, quê mẹ. Mẹ không nhận ra ai trong thế hệ trẻ của con cả. Ai là người lớn tuổi hơn con?” Tôi nói: “Nhìn lại mẹ đi!” Lần này, mẹ nhận ra tôi và bật khóc. Tôi xúc động đến nỗi không nói nên lời. Tôi thực sự muốn ở lại Thượng Hải lâu hơn.

Không lâu sau, quân đội tiến vào Côn Sơn. Tiếp theo, tôi đến Nam Kinh và gia nhập “Trung đoàn Cán bộ Cao cấp”, hay còn gọi là “Trung đoàn 1”, tại Đại học Quân sự và Chính trị Đông Trung Quốc, nơi tôi bắt đầu học tập. Tôi thích đọc sách từ nhỏ, và giờ chúng ta đã chiến

thắng, cuối cùng tôi cũng có thể ổn định cuộc sống và học tập. Tôi đặc biệt muốn đạt điểm cao để bù đắp cho những thiếu sót của tuổi thơ.

Một đất nước hoàn toàn mới đã ra đời trong tay chúng ta; giờ đây, chúng ta phải xây dựng nó. Thời gian trôi qua thật nhanh, và nửa năm đã trôi qua trong chớp mắt. Một ngày đầu hè năm 1950, Trưởng ban Chính trị gọi tôi vào văn phòng và trình trọng thông báo: “Theo chỉ thị của Trung ương Đảng, cấp trên đã quyết định cử anh sang Việt Nam làm cố vấn quân sự để giúp nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Hãy trình diện tại Bộ tư lệnh Quân đội đã chiến ngay bây giờ và tập hợp.” Trưởng ban còn hỏi tôi có ý kiến gì

không, nhưng tôi không thể nói gì - tôi chưa bao giờ nghĩ mình sẽ ra nước ngoài.

Nhận lệnh, tôi đến nhà khách của Quân đội dã chiến trên đường Trung tâm. Đặng Khánh Hòa, Đậu Cẩm Ba, Dư Bách, Nghê Hữu Thạch và Trần Chấn đã đến trước tôi. Tôi cũng sớm biết rằng Lý Văn Nghi cũng được chuyển đến tổ cố vấn. Tất cả chúng tôi tụ tập lại và bàn bạc về việc sang Việt Nam.

Tôi tràn ngập cảm xúc lẫn lộn; vô số suy nghĩ dâng trào trong đầu, khiến tôi mất ngủ cả đêm. Phấn khích, phấn khích, và lo lắng - cảm xúc của tôi lúc đó thực sự không thể diễn tả được.

Tôi vốn là một đứa trẻ nông dân

nghèo, gia nhập Tân Tứ Quân ngay sau khi Chiến tranh Kháng chiến chống Nhật bùng nổ, và đã chiến đấu suốt mười năm. Tôi đã chiến đấu với quân xâm lược Nhật Bản, sau đó là quân đội Quốc dân đảng, nhưng tôi chưa bao giờ chiến đấu với quân Pháp. Làm sao tôi có thể chiến đấu trong cuộc chiến này? Bao nhiêu năm qua, tôi được dạy rằng tham gia cách mạng đồng nghĩa với việc thực hiện nghĩa vụ quốc tế. Nhưng đó chỉ là lý thuyết; giờ tôi phải thực hành, mà tôi lại chẳng có kinh nghiệm gì. Chuyện gì đã xảy ra ở Việt Nam, cuộc chiến tranh giải phóng của nước láng giềng này? Tôi chẳng biết gì cả.

Thành thật mà nói, lúc này tôi cảm thấy nhớ nhà vô cùng. Tôi đã

chiến đấu mười năm, và ngay từ khi bước chân ra chiến trường, tôi chưa bao giờ nghĩ mình sẽ được chứng kiến chiến thắng hôm nay. Nhưng giờ chúng ta đã chiến thắng, chẳng phải tôi nên tận hưởng niềm vui chiến thắng sao? Đến Việt Nam đồng nghĩa với việc lại phải trở lại chiến trường; khi nào cuộc chiến này mới kết thúc?

Hơn nữa, giờ chúng ta đã chiến thắng, tôi đã 28 tuổi rồi. Tôi nên cân nhắc việc kết hôn và lập gia đình. Tôi muốn sống thật tốt trên mảnh đất chúng ta đã chinh phục.

Hơn nữa, tôi còn cha ở quê nhà Dương Châu, tỉnh Giang Tô, còn mẹ làm việc ở Thượng Hải. Giờ chúng ta đã chiến thắng, tôi nên làm tròn

trách nhiệm với họ, điều mà trước đây tôi chưa làm được.

Tôi cũng nghĩ đến em gái mình. Tôi rất thân thiết với em ấy. Năm đó tôi chín tuổi, còn em ấy mới sáu tuổi. Gia đình tôi không đủ khả năng nuôi em ấy, nên họ đã bán em ấy cho một người làm dâu trẻ con. Đêm em ấy bị bán đi, em gái tôi khóc, mẹ tôi khóc, và tôi cũng khóc. Tôi ôm chặt chân mẹ và nói: “Đừng bán em gái con. Con sẽ sớm trưởng thành thôi...”

“Lớn lên con có thể nuôi em gái.” Nhưng mẹ tôi nói với tôi, “Con mới chín tuổi thôi mà...” Tôi không bao giờ gặp lại em gái nữa. Giờ chúng ta đã chiến thắng, tôi muốn tìm em ấy.

Đi Việt Nam là một bước ngoặt lớn trong cuộc đời của bất kỳ ai; ai mà chẳng có suy nghĩ riêng chứ? Đặng Khánh Hòa, người đi cùng tôi, là một chính ủy sư đoàn và là cựu chiến binh Hồng quân. Ông ấy đã nói chuyện với tôi về việc đi Việt Nam và cũng bày tỏ mong muốn ở lại Trung Quốc. Nhưng chính ủy Đặng nói rằng sau nhiều lần suy nghĩ, cuối cùng ông ấy phải tuân theo quyết định của cấp trên và đến Việt Nam để thực hiện nghĩa vụ quốc tế của mình. Ông ấy sẽ gác lại chuyện riêng tư của mình.

Tôi cũng nghĩ như vậy. Nghĩ đến bao nhiêu người lính đã hy sinh bên cạnh tôi trong những trận chiến trước đây, làm sao tôi có thể mặc cả nếu tôi còn sống để chứng

kiến chiến thắng? Tôi nghĩ hầu hết các cố vấn đã đi Việt Nam cùng tôi đều có chung niềm tin. Mọi thứ trên đời này, một khi bạn suy nghĩ thấu đáo, bạn sẽ quyết định được. Sau khi chúng tôi tập trung tại Nam Kinh, cấp trên đã cho các cố vấn một khoảng thời gian ngắn để giải quyết các vấn đề cá nhân. Tôi quyết tâm tìm em gái mình. Đầu tiên, tôi đến Vô Tích để tìm anh trai, người cùng đơn vị nhưng tôi đã không gặp trong năm năm. Anh ấy là đội trưởng đội huấn luyện tham mưu ở Quân khu Nam Giang Tô. Anh trai tôi nói với tôi rằng anh ấy đã tìm kiếm em gái tôi ở Thường Châu dựa trên các manh mối, nhưng thật đáng buồn, em ấy đã không còn sống. Chúng tôi đã chậm một bước; em gái tôi đã qua

đời vì bệnh sau khi Thường Châu được giải phóng. Nghe anh trai nói, nước mắt tôi trào ra, và tôi quá đau buồn đến nỗi không thốt nên lời. Vì vậy, tôi tạm biệt anh trai, giao phó mọi việc gia đình cho anh ấy, vì tôi sẽ toàn tâm toàn ý cống hiến cho cuộc chiến ở Việt Nam.

Cuối tháng 7, tôi đến Nam Ninh cùng nhóm cố vấn, và trưởng nhóm, Vi Quốc Thanh, cũng đến từ Bắc Kinh. Chúng tôi đã cùng nhau soạn thảo “Quy tắc xuất cảnh”. Điều tôi nhớ rõ nhất là chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương gửi nhóm cố vấn: “Hãy coi sự nghiệp giải phóng nhân dân Việt Nam như sự nghiệp của chính mình.”³⁸

³⁸ Từ ngày 4 đến ngày 10 tháng 4 năm 1990, tác giả đã đến thăm Ngõ Vĩnh Quân tại Bắc Kinh.

Những người biết tiếng Việt đều sang Việt Nam làm phiên dịch.

Vi Quốc Thanh phụ trách toàn bộ công tác chuẩn bị cho đoàn cố vấn quân sự tại Bắc Kinh. Lưu Thiếu Kỳ và Quyền Tổng Tham mưu trưởng Nhiếp Vĩnh Trân (Nie Rongzhen) đã nói chuyện với ông hai lần về vấn đề sang Việt Nam công tác. Cùng với Vi Quốc Thanh, Nhiếp Vĩnh Trân cũng đã hai lần gặp gỡ các cố vấn của đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc tại Bắc Kinh.

Tên của Hầu Hàn Giang xuất hiện trong danh sách cố vấn. Ông sắp trở về Việt Nam. Hóa ra ngay khi đến Bắc Kinh cùng Lý Ban, ông đã xin ở lại học. Được Lý Ban đồng ý, Hầu Hàn Giang đã tham gia lớp

học do Ban Công tác Mặt trận Thống nhất Trung ương Đảng tổ chức cho các đảng viên Hoa kiều. Tháng 5, Ban Công tác Mặt trận Thống nhất Trung ương Đảng bất ngờ thông báo cho Hầu Hàn Giang đến gặp Liên Quân. Liên Quân nói với Hầu Hàn Giang rằng Trung ương Đảng đã quyết định thành lập một đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc để hỗ trợ chiến tranh ở Việt Nam. Hiện tại, đang có nhu cầu cấp thiết về nhân tài tiếng Việt, nên họ đã tìm đến ông và yêu cầu ông tham gia nhóm cố vấn quân sự và làm công tác biên dịch trước.

Liên Quân chính thức thông báo với Hầu Hàn Giang: “Mối quan hệ tổ chức của anh đã được chuyển từ Việt Nam.”

Cuối tháng 5, Hầu Hàn Giang đến Nam Kinh để báo cáo với Mai Gia Thanh. Ông đi cùng ba người Việt trẻ tuổi là Hoàng Minh Phương, Văn Vĩ và Ngô Đức, cả hai đều vừa được Việt Nam cử sang Bắc Kinh tham gia “Lớp Huấn luyện Thanh niên”, hiện đã hoàn thành việc học và đang hỗ trợ Đoàn Cố vấn Quân sự Trung Quốc. Sau này, họ trở thành những phiên dịch viên tiếng Trung quan trọng cho phía Việt Nam³⁹.

Trong khi Đoàn Cố vấn Quân sự đang được khẩn trương thành lập, việc huấn luyện quân chính quy Việt Nam cũng đang được tiến hành dọc biên giới Trung-Việt. Trang Thiên, cựu Tư lệnh Biên giới

39 Ngày 13 tháng 9 năm 1994, tác giả đến thăm Hầu Hàn Giang ở Bắc Kinh.

Vân Nam-Quý Châu-Quảng Tây và hiện là Phó Tư lệnh Quân khu Vân Nam, đã vội vã đến Yên Sơn để phối hợp với cán bộ Quân đoàn 13 huấn luyện quân đội Việt Nam.



Lừa thành viên đầu tiên của Đoàn Cố vấn Quân sự Trung Quốc năm 1950. Hầu Hàn Giang (thứ hai từ phải sang) trong số họ đã bắt đầu tham gia công tác cách mạng tại Việt Nam vào năm 1946.

Việc biên dịch, đặc biệt là biên dịch tiếng Việt, đột nhiên trở nên

vô cùng cấp bách. Quân khu Vân Nam đã ra lệnh tìm kiếm nhân tài nói tiếng Việt trong số thanh niên Hoa kiều tại Việt Nam trước đây thuộc quyền chỉ huy của Trang Thiên ở Biên giới Vân Nam-Quý Châu-Quảng Tây. Thật là một sự trùng hợp đáng kinh ngạc.

Từ năm 1948 đến đầu năm 1949, Đội Biên phòng, hoạt động ở khu vực biên giới Vân Nam-Quý Châu-Quảng Tây, đã phải đối mặt với áp lực từ quân đội Quốc dân đảng và đã vượt biên từ Quảng Tây và Vân Nam vào khu vực biên giới Cao Bằng và Hà Dương của Việt Nam để tái tổ chức và huấn luyện. Trong thời gian này, nhiều thanh niên Hoa kiều đã gia nhập quân đội, bao gồm hàng chục phụ

nữ Hoa kiều, phần lớn được đào tạo và tập trung trong các đơn vị tuyên truyền và y tế. Sau khi Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập, những nữ quân nhân Hoa kiều này tập trung ở khu vực Côn Minh và Văn Sơn.

Khi lệnh khẩn cấp được ban xuống, Chu Bích Anh, Phượng Minh và sáu hoặc bảy nữ quân nhân khác từ phòng y tế của Đội Biên phòng đóng tại chùa Đàm Hóa ở Côn Minh đã vội vã đến dinh thự của Trang Thiên bên hồ Thúy Hồ. Đêm đó, họ ngủ trên sàn nhà trong một căn phòng trống tại dinh thự của Trang Thiên. Ngày hôm sau, Trang Thiên dẫn nhân viên và những nữ phiên dịch này, những người mà ông coi là vô giá, đi xe đến Khai Nguyên.

Họ nghỉ đêm tại trụ sở Tập đoàn quân 13 và lên đường đến Yên Sơn lúc rạng sáng. Sư đoàn 308 của Việt Nam vừa đến nơi.

Phượng Minh nhớ lại ngày cô đến Yên Sơn trời đặc biệt nóng, và cô đã ăn một ít vải chín sớm⁴⁰.

Đinh Tố Bình, một biên dịch viên tiếng Việt khi đó mới 16 tuổi, đã kể lại với tác giả 40 năm sau:

“Hồi đó, tôi thực sự cảm thấy không có gì khó hơn việc biên dịch. Khi chúng tôi huấn luyện lực lượng chủ lực của quân đội Việt Nam tại Yên Sơn, Vân Nam, chỉ có một vài người tốt nghiệp đại học và có thể nói trôi chảy cả tiếng Việt và tiếng Trung. Chúng tôi gọi họ là

40 Tháng 6 năm 1990, tác giả đến thăm Phượng Minh ở Côn Minh.

‘biên dịch viên cao cấp’, và họ chịu trách nhiệm phiên dịch giữa các lãnh đạo và trong các buổi thuyết trình lớn. Sau đó, việc phiên dịch phụ thuộc vào chúng tôi.”

Tôi sinh ra ở Cao Bằng, Việt Nam, là con gái của một Hoa kiều. Tôi đi học bốn năm và gia nhập đoàn văn nghệ “Cột Biên Giới” năm 13 tuổi. Tiếng Việt của tôi khá lưu loát, nhưng toàn là ngôn ngữ thường ngày; hiểu thuật ngữ quân sự đã khó, huống hồ là dịch thuật. Tôi được phân công vào một tiểu đoàn thuộc “Trung đoàn Thủ đô” của Việt Nam, do Lê Vĩnh Minh chỉ huy, với Lý Vân Long làm cố vấn Trung Quốc. Tôi chưa bao giờ học thuật ngữ quân sự mà họ sử dụng, điều này thực sự làm tôi bối rối.

Nhưng tôi không sợ. Tôi dịch càng nhiều càng tốt, dùng cử chỉ khi không diễn đạt được bằng lời, và chỉ cần nói rằng tôi không thể dịch. Sau đó, họ sẽ diễn đạt lại. Mặc quân phục của tôi, những người lính Việt Nam đối xử với tôi rất tôn trọng, và vị cố vấn dần hiểu rằng việc dịch thuật không dễ dàng, vì vậy chúng tôi đã hòa hợp tốt. Tất nhiên, cũng có nhiều tình huống hài hước. Một số phụ nữ trẻ chúng tôi, mới đến thao trường, thậm chí còn dịch ống ngắm súng trường thành “tỏi”. Sau này, chúng tôi dịch tốt hơn. Nhưng lúc đó, quân đội Việt Nam sắp trở về nước⁴¹.

Tư lệnh Chu Hi Hán chịu trách nhiệm huấn luyện các trung đoàn

41 Tháng 5 năm 1990, tác giả đến thăm Đình Tuyết Bình (tên gốc là Đình Tổ Bình) ở Côn Minh.

chủ lực của quân đội Việt Nam.

Quân ủy Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã chỉ thị cho Quân đoàn 13 thuộc Quân đoàn 4 cung cấp cho quân đội Việt Nam tiến vào Vân Nam một bộ đầy đủ các thiết bị mới nhất. Quân ủy yêu cầu không được cung cấp bất kỳ vũ khí nào do các kho vũ khí ở các khu vực do Quốc dân đảng kiểm soát sản xuất cho quân đội Việt Nam; nếu có thì phải là một bộ đầy đủ các thiết bị của Mỹ. Nguyên tắc chung của Quân đoàn 13 là: “Đáp ứng mọi yêu cầu”. Tư lệnh Chu Hi Hán của Quân đoàn 13 đã đích thân soạn thảo kế hoạch huấn luyện quân đội Việt Nam, và Phó Tư lệnh Trần Khang đã đến Yên Sơn trước thời hạn để sắp xếp. Ngay sau đó, Chu Hi Hán dẫn đầu

một nhóm cán bộ và nhân viên vô tuyến, bao gồm Ngô Tiểu Mẫn, Phó Tư lệnh Sư đoàn 37, thay thế Trần Khang. Các tướng lĩnh phụ trách Chiến trường Tây Bắc Việt Nam, Cao Văn Thanh và Song Hạo, đã đến Trung Quốc trước thời hạn và thảo luận với Chu Hy Hán về các sắp xếp cụ thể để quân đội Việt Nam tiến vào Vân Nam theo từng đợt. Cao Văn Thanh và Song Hạo đã trao cho Chu Hy Hán một bức thư giới thiệu cá nhân của Trường Chinh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, được dịch ngay tại chỗ. Trong thư, Trường Chinh nói rằng lực lượng chủ lực của Quân đội Nhân dân Việt Nam hiện đang được gửi đến Trung Quốc để huấn luyện. Ông hy vọng rằng các đồng chí Trung

Quốc sẽ không khách sáo và sẽ đối xử với con trai chúng tôi như con trai của họ. Sự chân thành được thể hiện trong bức thư đã làm các tướng lĩnh Trung Quốc có mặt cảm động. Hai bên đã nhất trí rằng các đơn vị chiến đấu khác nhau của Sư đoàn 308 của Quân đội Việt Nam sẽ tập hợp tại tỉnh Hà Giang, Việt Nam. Sau khi tập hợp hoàn tất, họ sẽ tiến vào Trung Quốc từ Malipo. Vấn đề yểm trợ cho các đội quân đang tiến công đã được quyết định với sông Thanh Thủy ở biên giới làm căn cứ.



Năm 1955, Chu Hy Hán được phong quân hàm trung tướng.

Khu vực phía nam biên giới do quân đội Việt Nam quản lý, trong khi Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc (PLA) sẽ đảm nhiệm nhiệm vụ an ninh và bảo vệ sau khi vượt sông Thanh Thủy.

Địa điểm huấn luyện nên ở đâu? Malipo không phù hợp; thứ nhất, nó quá gần biên giới, và thứ hai, thị trấn huyện nằm trong một thung lũng núi, khiến nó quá chật chội. Huyện Văn Sơn, cách Malipo khoảng 50 km, cũng không phù hợp, vì một trung đoàn PLA hiện đang tham gia các hoạt động chống cướp ở đó, khiến việc huấn luyện trở nên bất tiện. Do đó, di chuyển thêm 35 km về phía bắc, Tư lệnh Chu Hy Hán quyết định đặt địa điểm huấn luyện của quân đội Việt Nam tại huyện Diên Sơn. Theo lệnh của Chu Hy Hán, hàng nghìn quân nhân từ trường huấn luyện của Tập đoàn quân 13 tại Diên Sơn đã di chuyển đến huyện Diên Sơn, miền trung Vân Nam vào đầu tháng 5, nhường chỗ cho Sư đoàn

308 của Việt Nam sắp được triển khai.

Bắt đầu từ ngày 7 tháng 5 năm 1950, quân đội Việt Nam tiến vào Vân Nam từ tỉnh Hà Giang, Việt Nam, theo một lộ trình đã định trước. Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc (PLA) đã bố trí lính gác hai bên bờ sông Thanh Thủy, dưới chân núi Lão Sơn, giáp ranh huyện Malipo. Quân đội Việt Nam đến sông Thanh Thủy, đặt nhiều loại vũ khí ở phía Việt Nam, rồi tay không vượt biên vào lãnh thổ Trung Quốc. Phía Việt Nam tuyên bố họ thiếu vũ khí. Phía Trung Quốc đáp trả rằng bất kỳ vũ khí nào Việt Nam cần sẽ được đưa đến sông Thanh Thủy, đặt ở đó, rồi sau đó vận chuyển về căn cứ. Quân đội Việt Nam đã tiến

vào Trung Quốc tay không nhận được đầy đủ trang bị tại Diên Sơn. Hai trung đoàn thuộc Sư đoàn 308 đã tiến vào lãnh thổ Trung Quốc, nhưng Trung đoàn 36 của sư đoàn này đã bị quân Pháp chặn lại ở vùng đồng bằng sông Hồng và không thể đến Vân Nam để tái tổ chức.

Vượt qua biên giới, quân đội Việt Nam tiến vào vùng đất yên bình, nơi chiến tranh đã kết thúc. Họ không còn phải chọn hành quân ban đêm, cũng không còn lo lắng về việc trục trặc Pháp bất ngờ xuất hiện trên đầu. Người dân Vân Nam dọc đường chào đón họ bằng đồ ăn thức uống, và những biểu ngữ lớn được giăng dọc hai bên đường:

“Hoan nghênh đoàn xe Quảng Đông - Quảng Tây!”⁴²

Đoàn xe Quảng Tây-Quảng Tây này rách rưới, hầu hết đều đi chân đất, mặt mày tái mét. Tuy nhiên, khi đến Diên Sơn, tình hình đã hoàn toàn thay đổi. Khi một tiểu đội bước vào căn nhà đã được chuẩn bị sẵn, họ sẽ thấy 12 chiếc giường tầng đã được dựng lên bên trong, trên giường có 12 chiếc màn chống muỗi, và 12 khẩu súng xếp hàng bên cửa, bao gồm 10 khẩu súng trường và hai khẩu tiểu liên, cùng với quân phục mới toanh. Việc tái tổ chức Sư đoàn 308 được thực hiện hoàn toàn theo cơ cấu của sư đoàn chủ lực Quân Giải

42 Vào tháng 5 năm 1988, tác giả đã đến thăm Tôn Cốc Tài, cựu phiên dịch viên của Nhóm cố vấn quân sự Trung Quốc, tại Côn Minh.

phóng Nhân dân. Các sĩ quan và binh lính Việt Nam vô cùng phấn khởi. Khi Tiểu đoàn trưởng Trần của Tiểu đoàn 130 bước vào nhà và nhìn thấy thiết bị, anh ta nháy ra và nắm lấy tay viên sĩ quan Trung Quốc, nói: “Tuyệt vời! Tất cả những thứ này đều do Chủ tịch Mao tặng cho chúng ta. Chủ tịch Hồ của chúng ta và Chủ tịch Mao của anh là bạn cũ!”⁴³

Đầu tháng 6 năm 1950, ngoại trừ Trung đoàn 36, tất cả các đơn vị chiến đấu của Sư đoàn 308 theo kế hoạch đã đến Diên Sơn.

Sư đoàn chủ lực đầu tiên của Quân đội Nhân dân Việt Nam—Sư đoàn 308 (trung đoàn lớn)—chính

⁴³ Vào ngày 1 tháng 11 năm 1988, tác giả đã đến thăm Ngưu Ngọc Đường, cựu cố vấn của Tiểu đoàn 130 của Quân đội Việt Nam, tại Côn Minh.

thức được tập hợp và thành lập tại huyện Diên Sơn, tỉnh Vân Nam.

Việc tổ chức lại và huấn luyện bắt đầu ngay lập tức. Chu Hy Hán và Ngô Tiểu Mẫn lên sân khấu để thuyết trình cho các sĩ quan Việt Nam, trong khi các sĩ quan và binh sĩ Việt Nam dưới cấp đại đội chủ yếu được huấn luyện chiến thuật và kỹ thuật tại thao trường.

Chu Hy Hán và Ngô Tiểu Mẫn đã vất óc chuẩn bị bài giảng. Họ thảo luận rằng trước tiên họ nên hiểu tình hình của quân đội Việt Nam trước khi đưa ra một bài giảng có mục tiêu. Nhưng làm thế nào để làm điều đó?

Chu Hy Hán nảy ra một ý tưởng: hai bên trước tiên nên trao đổi

thông tin và tập trung vào việc giới thiệu một ví dụ trận chiến mà đơn vị của họ đã thực hiện tốt.

Ngô Tiểu Mẫn, cầm một cây thước, giải thích ví dụ trận chiến Thần Trang của Tập đoàn quân 13 trong Chiến dịch Hoài Hải cho các sĩ quan Việt Nam. Ngô Tiểu Mẫn là một cán bộ quân sự có học thức và là người tham gia trận chiến, và ông ấy nói rất sinh động. Sau bài giảng, các sĩ quan Việt Nam đã rời đi.

Bước ra khỏi phòng, Chính ủy Song Hạo nồng nhiệt ôm chầm lấy Lý Đình, sĩ quan tham mưu tác chiến của Tập đoàn quân 13, nói: “Thật không thể tin được! 550.000 quân địch bị tiêu diệt chỉ trong một

trận đánh! Chúng ta không thể nào tiến hành một chiến dịch lớn như vậy.”

Thái Dũng, chỉ huy Trung đoàn 88 Việt Nam, một cựu chiến binh bị thương ở cánh tay phải, đã mô tả cho các sĩ quan Trung Quốc về trận đánh gần đây, trong đó quân đội Việt Nam tấn công một cứ điểm của Pháp, kèm theo biểu đồ và ảnh chụp. Tại đó, một đại đội Pháp đóng quân, và quân Việt Nam tập trung gần một trung đoàn để tấn công. Trận chiến kéo dài ba ngày, cuối cùng đã đẩy lùi quân Pháp ra khỏi cứ điểm. Đây là một trong những trận đánh lớn mà quân đội Việt Nam đã tổ chức gần đây.

Sau khi Thái Dũng kể xong câu

chuyện ngắn gọn, Ngô Tiểu Mẫn tỏ ra sốt ruột. Trời nóng, ông lật đật chiếc ghế dài đang ngồi, nằm ngửa người, hai tay gập lại, đầu gối giữa hai chân. Ông hỏi Thái Dũng: “Các sở chỉ huy tiểu đoàn và trung đoàn của các ông ở đâu khi trận chiến bắt đầu?”

Câu trả lời là sở chỉ huy tiểu đoàn cách địch 800 mét, sở chỉ huy trung đoàn cách 2.000 mét, và các vị trí súng máy hạng nặng được bố trí hơi chệch về phía trước sở chỉ huy tiểu đoàn.

Điều này hơi khác so với thông lệ của Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc (PLA) là đặt các sở chỉ huy ở phía trước trong trận chiến. Ngô Tiểu Mẫn, thoáng mất bình

tĩnh, thốt lên: «Chiến thuật gì thế! Tư duy quân sự hoàn toàn tư sản!» Hầu hết các sĩ quan Việt Nam đều hiểu điều này, và căn phòng im lặng.

Chỉ huy Việt Nam Cao Văn Thanh không có mặt khi các ví dụ về trận chiến của Việt Nam được thảo luận hôm đó. Ngày hôm sau, ông đến phòng của Chu Hy Hàm và nêu ý kiến: “Hôm qua, một đồng chí đã phê bình chúng ta vì ‘tư duy quân sự tư sản’, điều này không phù hợp. Tất cả chúng ta đều là đảng viên Cộng sản, và tôi hy vọng chúng ta có thể công bằng và chia sẻ ý kiến của mình, bởi vì chúng ta thực sự thiếu kinh nghiệm.”

Thật trùng hợp, Ngô Tiểu Mẫn

cũng có mặt trong phòng. Cao Văn Thanh không nhận ra Ngô Tiểu Mẫn nên đã xông vào nói thẳng, khiến Ngô Tiểu Mẫn đỏ mặt tía tai.

Tuy nhiên, sự việc này đã khiến cả hai bên hiểu nhau hơn. Khi Chu Hi Hán và Ngô Tiểu Mẫn tiếp tục bài giảng, họ trở nên tập trung hơn vào mục tiêu. Bài giảng của Chu Hi Hán bắt đầu với ba loại lực lượng vũ trang trong chiến tranh cách mạng Trung Quốc: du kích, lực lượng vũ trang địa phương và quân chính quy. Ông cũng phác thảo ba phương pháp tác chiến chính: chiến tranh du kích, chiến tranh cơ động và chiến tranh công thành. Cuối cùng, ông dần chuyển sang tập trung vào chiến tranh công thành. Nguyên tắc chỉ đạo của Chu

Hi Hán rất rõ ràng: đảm bảo quân đội Việt Nam hiểu và nắm vững chiến thuật chiến tranh tiêu diệt.

Tập đoàn quân 13 cũng cử một số sĩ quan đại đội và tiểu đoàn đi huấn luyện kỹ năng chiến đấu cho quân đội Việt Nam. Nội dung chính bao gồm huấn luyện chiến thuật tấn công ở cấp tiểu đội, trung đội, đại đội và tiểu đoàn; huấn luyện kỹ năng và chiến thuật cá nhân của binh sĩ; phá mìn tầm gần, rà phá bom mìn, đặt chướng ngại vật; và phương pháp phá hủy công sự của địch bằng súng cối.

Quân đội Việt Nam đặc biệt quan tâm đến thuốc nổ cối, tin rằng nó phù hợp để sử dụng rộng rãi trên chiến trường Việt Nam. Sau đó, họ

thực sự đã phát triển chiến thuật này, biến nó thành một phương pháp phổ biến để phá hủy sân bay, máy bay và một số mục tiêu không cố định của đối phương⁴⁴.

Hiệu quả chiến đấu của quân đội Việt Nam được cải thiện nhanh chóng.

Cao Văn Thanh và Song Hạo nói với Chu Hy Hàm rằng sau khi tái tổ chức và huấn luyện, mục tiêu chiến đấu theo kế hoạch của Sư đoàn 308 là giải phóng Lào Cai.

Chu Hy Hàm triệu tập sĩ quan tham mưu tác chiến của mình, Lý Đình, và ra lệnh: «Tôi sẽ cho anh một đại đội. Trong vòng một tháng,

44 Ngày 3 tháng 2 năm 1990: Tác giả đã phỏng vấn Lý Trang, cựu sĩ quan tham mưu tác chiến của Tập đoàn quân 13, tại Bắc Kinh.

hãy yêu cầu các đồng chí Việt Nam cung cấp thông tin và mô phỏng vị trí của quân Pháp ở Lào Cai, để họ có thể tiến hành huấn luyện có mục tiêu.»

Theo chỉ thị của vị chỉ huy, Lý Đình đã khảo sát khu vực và cuối cùng tìm thấy một địa hình tương tự, đang xây dựng các công sự bằng đất. Những công sự này có vẻ rất vững chắc vào thời điểm đó, nhưng hơn sáu tháng sau, khi đích thân đến Lào Cai và nhảy vào các công sự của quân Pháp, anh nhận ra rằng quân Pháp đã xây dựng các công sự bê tông kiên cố, chắc chắn hơn nhiều lần so với công sự mô phỏng của anh.

Sau khi vị trí được xây dựng

hoàn chỉnh, đơn vị huấn luyện của Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc đã trình diễn các kỹ thuật đột phá và phá hủy cho các binh sĩ Việt Nam mới đến.

Kịch bản bao gồm việc địch xây dựng các boongke dọc theo một sườn núi, với nhiều lớp dây thép gai trước vị trí. Trước khi tấn công, đơn vị xung kích đã tiến hành chuẩn bị pháo binh, nhấn chìm khu vực được bảo vệ trong khói dày đặc. Sau đó, đội phá dỡ tiến lên, phá vỡ hàng rào thép gai dưới sự yểm trợ hỏa lực. Các đội phá dỡ tiếp theo xé toạc lớp dây thép gai thứ hai... Thành viên cuối cùng của đội phá dỡ đặt khối thuốc nổ dưới bệ súng của boongke. Một tiếng nổ đinh tai nhức óc vang lên, những mảnh bê

tông văng tung tóe... Nhóm chiến đấu bắt đầu tấn công.

Một vị chỉ huy Việt Nam, đang chăm chú quan sát, nói với Trương Tú Minh, sĩ quan tham mưu trình sát của Tập đoàn quân 13 đang đứng cạnh: “Trông giống như một trận chiến thực sự. Cách đây không lâu, khi chúng tôi tấn công Yên Bái, chúng tôi chỉ có một khẩu pháo núi với ba quả đạn pháo, và chúng tôi đã chuẩn bị sẵn sàng cho hỏa lực pháo binh. Sau khi bắn ba quả đạn pháo, chúng tôi bắt đầu tấn công từ khoảng cách 1000 mét so với địch, và khi chúng tôi chỉ còn cách quân Pháp 500 mét, quân Pháp đã nổ súng để áp chế chúng tôi, và chúng tôi không thể di chuyển, vì vậy chúng tôi phải rút lui. Nếu

chúng tôi có pháo binh như vậy và chiến đấu theo cách của các anh, quân Pháp sẽ không thể ngăn cản chúng tôi.”

Sau cuộc biểu dương, quân đội Việt Nam cũng tiến hành một cuộc tập trận bắn đạn thật theo kế hoạch. Các cố vấn quân sự Trung Quốc đảm nhiệm vai trò đại đội trưởng và trung đội trưởng, trong khi các sĩ quan cấp trung đội Việt Nam đóng vai lính, tấn công các vị trí mô phỏng của quân Pháp. Những bài tập này đã nâng cao nhận thức của các chỉ huy Việt Nam về chiến đấu cận chiến trong thực chiến. Tuy nhiên, một tai nạn bất ngờ đã xảy ra trong quá trình tập trận.

Trong quá trình tập trận, pháo

binh bắn đạn thật đã được chuẩn bị, và pháo bộ binh Type 92 được đưa vào để bắn trực tiếp tầm gần. Do phối hợp kém, một xạ thủ đã nhầm bắn sai, và một quả đạn pháo đã rơi trúng tuyến xung phong của quân đội Việt Nam, khiến bảy người bị thương cùng lúc.

Song Hạo chứng kiến cảnh tượng đó, đau buồn ôm chầm lấy Lý Đình, nói: “Chúng ta đã làm bị thương bảy người. Cán bộ của chúng ta rất quý giá, chúng ta thực sự không thể để mất thêm nữa.”

Sau khi nghe tin, Tư lệnh quân đội Chu Hy Hàm đã vội vã đến bệnh viện thăm các sĩ quan Việt Nam bị thương⁴⁵.

45 Ngày 3 tháng 2 năm 1990, tác giả đã đến thăm Lý Đình, cựu sĩ quan tham mưu tác chiến của Tập đoàn quân 13, tại Bắc Kinh.

Tập đoàn quân 13 không chỉ trang bị cho Sư đoàn 308 Việt Nam đến huấn luyện toàn bộ vũ khí hạng nhẹ của Mỹ mà còn cung cấp 12 khẩu pháo núi và đạn pháo, giúp quân đội Việt Nam thiết lập một trận địa pháo hoàn chỉnh cho Sư đoàn 308 Việt Nam.



Vị trí pháo binh của Sư đoàn 308
Việt Nam

Tiểu đoàn pháo binh sơn cước. Tiểu đoàn pháo binh sơn cước của Tập đoàn quân 13 đã đến Yên

Son để huấn luyện riêng cho từng người, từ tiểu đoàn trưởng đến đại đội trưởng, trung đội trưởng, pháo thủ và tài xế. Cuối cùng, họ thậm chí còn bàn giao cả la và ngựa kéo pháo cho quân đội Việt Nam. Những con la và ngựa này đã vượt hàng ngàn dặm từ phía bắc đến biên giới Vân Nam. Sáng ngày giao hàng, Vương Diên Tuyên tình cờ đi ngang qua và thấy một số tài xế đang ôm la và ngựa, vừa khóc vừa nhét đầu vào miệng - họ và những người đồng đội im lặng của mình sắp chia tay, không bao giờ gặp lại nhau nữa.

Thực tế, trang thiết bị được cung cấp cho Sư đoàn 308 của Việt Nam còn vượt trội hơn cả Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc.

Sư đoàn 308 đã nhận được mười khẩu súng trường không giật Kiểu 57, sản phẩm mới nhất từ Kho vũ khí Trùng Khánh trong giai đoạn cuối của Chiến tranh Giải phóng, được trang bị cho quân đội Việt Nam trước khi chúng được sử dụng.

Một buổi sáng nóng nực, Điền Đại Bang và Triệu Duệ đến doanh trại Trung đoàn 102 Việt Nam. Trung đoàn trưởng Ngô An bước lên, chào cổ vắn và nói: “Trung đoàn chúng tôi vừa nhận được năm khẩu pháo mới. Chưa ai trong số các anh từng thấy chúng trước đây, chứ đừng nói đến việc sử dụng. Xin cổ vắn hãy trình diễn cho chúng tôi xem.”

Đứng trước khẩu pháo sáng xanh lấp lánh, Điền Đại Bang và Triệu Duệ Lai thầm kinh ngạc. Mặc dù là những chiến binh kỳ cựu đã trải qua vô số trận chiến, nhưng đây là lần đầu tiên họ gặp phải một khẩu súng trường không giật như vậy, thậm chí còn muộn hơn cả quân đội Việt Nam.

Điền Đại Bang hỏi Triệu Duệ Lai: «Đây là loại pháo gì? Anh có biết bắn không?»

Triệu Duệ Lai vẫn bình tĩnh. Anh ta nhận sách hướng dẫn từ Trung đoàn trưởng Ngô An, nhanh chóng hiểu ra và ra lệnh thực hành bắn đạn thật vào buổi chiều hôm đó.

Tại trường bắn, sau khi trình

diễn thao tác, Triệu Duệ Lai yêu cầu một binh sĩ Việt Nam “bắn ở tư thế đứng” và thử bắn. Có lẽ do phiên dịch hơi khác biệt, người lính Việt Nam đã bắn từ vai anh ta. Với một tiếng nổ lớn, một luồng lửa bùng lên từ phía sau vai anh ta, và cú sốc của nòng súng khiến anh ta loạng choạng, rõ ràng là giật mình. Những người lính Trung Quốc và Việt Nam này đã tận mắt chứng kiến sức mạnh đáng kinh ngạc của khẩu súng trường không giật⁴⁶.

Trong hồi ký của mình, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Tổng tư lệnh Quân đội Việt Nam, đã viết về đội quân tinh nhuệ của Việt Nam vào Trung Quốc để tiếp nhận trang bị và huấn luyện:

46 Ngày 3 tháng 8 năm 1988, tác giả đã đến thăm Triệu Thụy Lai tại Côn Minh.

Ngoài việc được trang bị lại vũ khí, phía Trung Quốc còn giúp huấn luyện quân đội về các kỹ thuật tấn công, đặc biệt là kỹ thuật phá hủy. Chúng tôi chưa bao giờ sử dụng kỹ thuật này trước đây vì chúng tôi không có thuốc nổ. Sau ba tháng huấn luyện, chúng tôi đã có thể bắn đạn thật và các chiến sĩ tiến bộ nhanh chóng.

Nhiều đồng chí Trung Quốc đã ngạc nhiên khi thấy quân đội của chúng tôi, từ sĩ quan đến binh lính, có thể nhanh chóng ghi chép trong khi nghe giảng, và thậm chí còn nghĩ rằng có quá nhiều trí thức trong quân đội của chúng tôi! Chúng tôi đã phải cố gắng giải thích với phía mình rằng hầu hết các sĩ quan của chúng tôi là sinh viên, và đại đa số

binh lính là thanh niên nông thôn, nhiều người trong số họ chỉ học đọc sau khi nhập ngũ.

... Những ngọn giáo được một số trung đoàn chủ lực sử dụng để tấn công giờ đây không còn được sử dụng nữa, đây là lần đầu tiên. Vào thời điểm đó, Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc thiếu vũ khí và trang bị hiện đại, và không có một số vũ khí mà chúng ta cần, chẳng hạn như vũ khí chống tăng.

Súng máy hạng nhẹ và súng máy hạng nặng cũ kỹ quá cồng kềnh so với vóc dáng nhỏ bé của quân ta. Trung đoàn 174, sau nhiều năm chiến đấu dọc theo Quốc lộ 4, đã thu được nhiều vũ khí hạng nhẹ, hiện đại do Pháp và Mỹ sản xuất.

Họ khuyến nghị nên bảo quản số vũ khí này. Bộ Tổng tham mưu đã chỉ thị cho toàn bộ lực lượng chủ lực trang bị vũ khí mới để đảm bảo nguồn cung cấp đạn dược thống nhất. Mấy năm trước, binh lính chỉ mong có súng; giờ đây không chỉ có súng mà đạn dược cũng dồi dào. Hỏa lực của các trung đoàn bộ binh ta đã khác xưa rất nhiều⁴⁷.

Mai Gia Thanh và Đặng Nhất Phàm đã gặp nhau tại Bắc Kinh.

Trong khi đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc đang nhanh chóng trang bị và huấn luyện quân đội

⁴⁷ Võ Nguyên Giáp: Đường đến Điện Biên Phủ, ấn bản năm 1999 (phần về quan hệ Trung-Việt do Văn Trang dịch). Trích từ Văn Trang, “Đại tướng Võ Nguyên Giáp nói về Viện trợ Quân sự Trung Quốc và Cố vấn Trung Quốc tại Việt Nam”, Tạp chí Đông Nam Á, số 3, 2003.

Việt Nam trên biên giới Trung-Việt, phía Trung Quốc đã thành lập một tiểu đoàn cố vấn cho trường quân sự Việt Nam, sắp được chuyển đến Vân Nam.

Trương Hưng Hoa, cựu tư lệnh Sư đoàn 143, Tập đoàn quân 48, Tập đoàn quân dã chiến số 4, được điều động từ Thiệu Quan, Quảng Đông về làm trưởng tiểu đoàn cố vấn. Ông đã báo cáo với Vi Quốc Thanh ở Bắc Kinh một lá thư giới thiệu từ Đỗ Bình, Bộ trưởng Bộ Cán bộ Quân khu Trung ương và Nam. Vi Quốc Thanh nói với ông rằng Chủ tịch Mao và các nhà lãnh đạo trung ương khác sắp họp với các cán bộ nhóm cố vấn ở Bắc Kinh và rằng ông nên ở lại và chờ để nhận các

nhiệm vụ do Ủy ban Trung ương giao⁴⁸.

Vào cuối tháng 6 năm 1950, ngay sau khi Mai Gia Thanh nhậm chức phó nhóm cố vấn, đối tác của ông tại Quân đoàn 3 của Đại học Quân sự và Chính trị, chính ủy Đảng Nhất Phàm, cũng đã đến Bắc Kinh. Đặng Nhất Phàm sinh ra ở Hưng Ninh, Quảng Đông vào năm 1912. Ông gia nhập Hồng quân vào năm 1930 và làm nhân viên văn thư và thư ký. Ông đã trải qua các chiến dịch “bao vây và đàn áp” từ lần thứ nhất đến lần thứ năm tại Khu vực Trung tâm Xô Viết và tham gia cuộc Vạn lý Trường chinh năm 1934. Sau khi Chiến tranh Kháng Nhật bùng nổ, Đặng Nhất Phàm, 48 Tháng 5 năm 1990, tác giả đến thăm Trương Hưng Hoa tại Côn Minh.

với tư cách là cán bộ chính trị của Sư đoàn 115, đã theo quân đội tiến vào lãnh thổ địch và tham gia Trận Bình Hưng Quan. Sau đó, quân đội tiếp tục tiến về phía đông, và Đặng Nhất Phàm giữ chức vụ Chủ nhiệm Cục Chính trị Hậu phương của Tổng hành dinh Trung ương Trung Quốc và Tổng thư ký Cục Chính trị của Tân Tứ Quân. Trong Chiến tranh Giải phóng, Đặng Nhất Phàm giữ chức Chủ nhiệm Cục Chính trị của Đạo quân 2 thuộc Quân đoàn Dã chiến Đông Trung Quốc. Từ ngày gia nhập Hồng quân, Đặng Nhất Phàm đã tham gia công tác chính trị và có nhiều kinh nghiệm.

Lúc này, Đặng Nhất Phàm không hề biết về nhiệm vụ của Mai Gia Thanh, vì việc chuyển công tác



Các lãnh đạo nhóm cố vấn quân sự Trung Quốc, từ trái sang: Mai Gia Thanh, Vi Quốc Thanh, Đặng Nhất Phàm

của anh ta diễn ra cùng lúc với Mai Gia Thanh.

Khi học kỳ gần kết thúc, anh ta biết tin mình sắp được chuyển đến Bắc Kinh, có lẽ là đến Tổng cục

Chính trị. La Vinh Hoan, người vừa mới nhậm chức Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị vào tháng Năm, là cấp trên cũ của Đặng Nhất Phàm; họ từng phục vụ trong cùng một quân đoàn ở Khu Xô Viết Giang Tây và rất quen biết nhau. Vì vậy, ngay khi học kỳ kết thúc, Đặng Nhất Phàm đã đến Bắc Kinh ngay, định hỏi La Vinh Hoan về công việc được giao.

La Vinh Hoan mừng rỡ khi gặp lại Đặng Nhất Phàm, nói: “Anh đến rồi! Tốt! Anh đã chuyển đi chưa?”

Đặng Nhất Phàm sửng sốt: «Chưa, tôi chưa được thông báo.»

“Sao anh lại không biết?” La Vinh Hoan nói: “Đã có quyết định chuyển anh đến Tổng cục Chính trị rồi.”

“Tôi sẽ làm gì ở Tổng cục Chính trị?” Đặng Nhất Phàm hỏi.

La Vinh Hoàn nói: “Khi nào anh đến, chúng tôi sẽ phân công công việc cụ thể. Anh về Nam Kinh trước. Hôm nay chúng ta sẽ không bàn bạc gì thêm. Anh có thể nghỉ ngơi ở Bắc Kinh một chút rồi về. Khi nào anh đến nơi, chúng ta sẽ bàn bạc tiếp.” Đặng Nhất Phàm rất hào hứng được làm việc với vị sếp cũ quen thuộc. Trở lại Nhà khách Damochang, anh lập tức đặt vé máy bay về Nam Kinh. Tuy nhiên, anh không thể đặt vé ngay mà phải chờ ở nhà khách⁴⁹.

49 Tác giả đã đến thăm Đặng Nhất Phàm tại Quảng Châu vào ngày 26-27 tháng 6 năm 1990.

Chương 5

Kỳ vọng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc



Đầu những năm 1950, Mao Trạch Đông đã gặp Hồ Chí Minh ở Bắc Kinh.

Chiến tranh Triều Tiên và việc Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc triển khai viện trợ cho Việt Nam

Trong cái nóng oi ả của cuối tháng Sáu, lúa mì trên đồng bằng Hoa Đông lần lượt chín vàng từ Nam ra Bắc.

Một chuyến tàu từ Nam Kinh đến Bắc Kinh chạy nhanh qua vùng đồng bằng rộng lớn, với một toa giường nằm đặc biệt được bổ sung vào toa. Sĩ quan cấp cao nhất trên tàu là Tô Dụ, Phó Tư lệnh Tập đoàn quân Dĩ chiến số 3. Một nhóm khác bao gồm các sĩ quan cấp sư đoàn và trung đoàn từ Bộ tư lệnh Tập đoàn Cố vấn Quân sự Trung Quốc, do Mai Gia Thanh chỉ huy.

Theo lệnh của Quân ủy Trung ương, các thành viên của Tập đoàn Cố vấn Quân sự Trung Quốc sẽ tập trung tại Nam Ninh vào cuối tháng 7 năm 1950. Ngoài các sĩ quan của Tập đoàn quân Dã chiến số 2 đã được điều động đến biên giới Trung-Việt để huấn luyện Sư đoàn 308 của Việt Nam, các sĩ quan cấp trung đoàn trở lên từ Bộ tư lệnh Tập đoàn Cố vấn Quân sự đã có cơ hội đến Bắc Kinh, được lãnh đạo trung ương tiếp đón và được phân công nhiệm vụ.

Khi đến Bắc Kinh, các sĩ quan của Đoàn Cố vấn Quân sự nghỉ tại Khách sạn Damochang Country bên ngoài Tiền Môn, lúc đó là nhà khách của Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc. Vi Quốc

Thanh đã nhận phòng tại một tòa nhà nhỏ trong nhà khách. Ông đến thăm những người đồng chí mới sẽ sát cánh chiến đấu cùng ông ở Việt Nam, và nhiều người trong số họ là những người quen cũ. Vi Quốc Thanh nói với họ: «Mấy ngày tới đừng ra ngoài. Đội lãnh đạo Ủy ban Trung ương tiếp đón.»

Các cán bộ của Đoàn Cố vấn Quân sự đều là tướng lĩnh tiền tuyến, và kể từ khi thành lập Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, chưa ai trong số họ từng đến Bắc Kinh; nhiều người thậm chí còn chưa từng đến thủ đô. Họ vô cùng phấn khích, tin chắc rằng mình sẽ được gặp Chủ tịch Mao và nghe bài phát biểu của ông.

Bất ngờ, họ sớm được thông báo rằng tình hình ở Triều Tiên rất căng thẳng, và các lãnh đạo Ủy ban Trung ương rất bận rộn; cuộc họp đã tạm thời bị hoãn lại.

Vài ngày sau, vào ngày 25 tháng 6, Chiến tranh Triều Tiên quy mô lớn bùng nổ, và cuộc họp lại bị hoãn lại một lần nữa.

Các cán bộ của nhóm cố vấn quân sự đã nhận được một sự hài lòng khác biệt. Vì cuộc họp bị hoãn lại, nhà khách của Ủy ban Trung ương đã tổ chức cho họ một chuyến tham quan các danh lam thắng cảnh nổi tiếng của Bắc Kinh.

Từ Cẩm Thành tráng lệ, làn nước trong vắt của Công viên Bắc Hải dưới bóng xanh của đảo Hải

Nam, Cung điện Mùa hè cổ kính và xinh đẹp, và Điện Cầu nguyện Mùa màng bội thu trong Đền Thiên Đàn được bao quanh bởi lan can bằng đá cẩm thạch trắng... Vùng đất cổ kính này, với lịch sử lâu đời, đã mang đến cho các tướng lĩnh của nước Trung Hoa mới, những người vừa thoát khỏi khói lửa chiến tranh, một cảm giác mà người khác khó có thể hiểu được.

Chiến tranh Triều Tiên, ngay từ đầu, đã diễn biến theo hướng có lợi cho miền Bắc. Vào sáng ngày chiến tranh bắt đầu, Quân đội Nhân dân Triều Tiên đã nhanh chóng vượt qua vĩ tuyến 38 và bắt đầu Trận Seoul. Lực lượng chủ lực của Quân đội Nhân dân đã mở một cuộc tấn công lớn về phía nam trên mặt

trận phía tây, chiếm được Seoul vào ngày 28 và tiến đến bờ bắc sông Hàn. Ở mặt trận phía đông, lực lượng Quân đội Nhân dân đã chiếm được Chuncheon và Gangneung.

Tin tức về chiến thắng ban đầu của Quân đội Nhân dân trong Trận Seoul đã đến, bầu không khí căng thẳng kéo dài hai ngày đã tan biến. Thông báo mà các cố vấn đang chờ đợi cũng đến: “Sáng mai, ngày 27 tháng 6, Chủ tịch Mao, Phó Chủ tịch Lưu Thiếu Kỳ, Thủ tướng Chu Ân Lai và Tổng tư lệnh Chu Đức sẽ họp với các đồng chí trong tổ cố vấn.”



Chiến tranh Triều Tiên bùng nổ
dữ dội.

**Lưu Thiếu Kỳ và Chu Đức chỉ
đạo nhóm cố vấn.**

Điện Ân Niên ở Phong Trạch
Viện, Trung Nam Hải được trang
trí bằng những thanh xà sơn và
cột trụ chạm khắc.

Khoảng bốn mươi thành viên
của đoàn cố vấn quân sự Trung
Quốc, bao gồm sĩ quan cấp sư đoàn
trở lên, một số sĩ quan cấp trung
đoàn và nhân viên mật vụ, đã đến

vào sáng sớm. Điện Ân Niên rộng rãi hoàn toàn trống rỗng; không có ghế sofa, thảm trải sàn, cũng không có đồ trang trí. Ngay cả hai chiếc bàn gỗ ở cuối phòng cũng trống trơn, không có trà hay thuốc lá. Hàng chục chiếc ghế đầu được đặt trước bàn, khiến Điện Ân Niên trông giống như một phòng họp. Tuy nhiên, những bức tranh cung đình và thư pháp thời nhà Thanh treo trên tường vẫn còn nguyên vẹn, thu hút những sĩ quan có học thức hơn đến tụ tập và xem xét kỹ lưỡng.

Đột nhiên, một nhân viên thấp giọng thông báo: «Các vị lãnh đạo đã đến.»

Mọi người lập tức trở về chỗ

ngồi và đứng nghiêm. Tổng tư lệnh Chu Đức là người đầu tiên bước vào, theo sau là Lưu Thiếu Kỳ và vợ là Vương Quang Mai. Họ được các cố vấn chào đón bằng những tràng pháo tay.

Lưu Thiếu Kỳ và Chu Đức bắt tay và chào hỏi xã giao với Vi Quốc Thanh và Mai Gia Thanh đang đứng ở cửa, sau đó dẫn họ vào phòng và cùng ngồi xuống bàn giữa, chỉ có Vương Quang Mai đứng sau Lưu Thiếu Kỳ. Sau đó, mọi người đều ngồi xuống.

Nhưng Lưu Thiếu Kỳ lại đứng dậy, gật đầu với mọi người và nói: “Hôm nay tôi mời tất cả mọi người đến đây chủ yếu là để nói chuyện với mọi người về công việc ở Việt

Nam. Ban đầu, Chủ tịch Mao và Thủ tướng Chu sẽ gặp tất cả mọi người, nhưng chiến tranh đã nổ ra ở Triều Tiên, như tôi tin rằng tất cả mọi người đều đã thấy trên báo chí. Hiện tại, tình hình chiến tranh rất căng thẳng và chúng tôi sợ rằng đế quốc sẽ can thiệp, bởi vì điều này liên quan đến vận mệnh của Triều Tiên và an ninh của đất nước chúng ta. Do đó, Ủy ban Trung ương đang theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình ở Triều Tiên và rất bận rộn. Chủ tịch Mao đã làm việc rất chăm chỉ trong những ngày này. Ông ấy làm việc vào ban đêm và ngủ một chút vào ban ngày. Bây giờ ông ấy đang nghỉ ngơi, vì vậy chúng tôi sẽ không làm phiền ông ấy. Thủ tướng Chu đang bận họp và cũng không thể đến. Chỉ có

Tổng tư lệnh Chu và tôi có thể gặp mọi người.”

Lưu Thiếu Kỳ hỏi: “Các vị không phải nên phát biểu trước sao? Mọi thắc mắc hay ý kiến đều được hoan nghênh.” Cả phòng im lặng, không ai nói gì. Lưu Thiếu Kỳ quay sang Chu Đức nói: “Tổng tư lệnh, ngài phát biểu trước đi.”

Chu Đức, giọng Tứ Xuyên đặc sệt, từ chối: “Phó Chủ tịch, xin ngài phát biểu trước.”

Lưu Thiếu Kỳ gật đầu rồi hỏi lại: “Tôi nghe nói có đồng chí không muốn đi Việt Nam, không muốn rời quê hương sang đó làm việc. Có đúng vậy không? Lý do là gì?”

Các vị cứ nêu ra, cứ nói thẳng. Nếu lý do chính đáng, chúng ta có thể cân nhắc không đi.”

Không ai nói gì. Sau nhiều lần cân nhắc, đại đa số cố vấn đều quyết tâm tuân thủ sự sắp xếp của Trung ương Đảng và hoàn thành nhiệm vụ được giao. Việc đến Trung Nam Hải giờ đây đã mang đến cho họ một cảm giác sứ mệnh mà họ chưa từng trải qua trước đây. Thực tế, trong quá trình thành lập tổ cố vấn, chỉ có rất ít người chính thức bày tỏ sự miễn cưỡng.

Lưu Thiếu Kỳ tiếp tục: “Không ai lên tiếng, nên tôi sẽ lên tiếng. Chuyển đi Việt Nam của các đồng chí là một sự nghiệp lớn. Việc các đồng chí có đi hay không là vấn đề

nguyên tắc, và cũng là vấn đề lập trường của đảng viên Cộng sản. Các đồng chí đều là đảng viên, phải không? Đảng viên Cộng sản nhìn nhận vấn đề này như thế nào? Đúng vậy, đất nước chúng ta đã được giải phóng. Nhưng chúng ta cũng phải suy nghĩ sâu sắc: Đài Loan vẫn chưa được giải phóng, nhiều đảo vẫn chưa được giải phóng, và vẫn còn tàn dư của các thế lực và kẻ thù ẩn náu trên đại lục. Vì vậy, nhiệm vụ của chúng ta vẫn rất nặng nề. Chủ tịch Mao nói rằng đây chỉ là bước đầu tiên trong một cuộc hành trình dài vạn dặm.” “Các người hiểu thế nào về điều này? Nếu chúng ta giải phóng đại lục, Tưởng Giới Thạch có bằng lòng không? Chủ nghĩa đế quốc, đặc biệt là chủ nghĩa đế quốc Mỹ, có bằng lòng không?”

Lưu Thiếu Kỳ bắt đầu kể lại lịch sử: “Các người không thấy Tử Cấm Thành sao? Chẳng phải Lý Tự Thành đã chiếm Bắc Kinh và tiến vào Tử Cấm Thành rồi sao? Chuyện gì đã xảy ra? Quân của Lý Tự Thành trở nên kiêu ngạo, nghĩ rằng mình đã đạt được đại thắng. Họ không ngờ rằng tàn quân nhà Minh lại cấu kết với quân Thanh tiến vào ải này, và họ đã bị tiêu diệt trong một thời gian ngắn. Hiện nay, Tưởng Giới Thạch có một thế lực đế quốc Mỹ hùng mạnh chống lưng. Nếu chúng cấu kết và phản công vào đại lục, chẳng phải nguy hiểm đã rõ ràng rồi sao? Đảng viên Cộng sản có thể tự mãn sao?”

Điện Ân Niên im lặng, ngoại trừ giọng nói của Lưu Thiếu Kỳ và

tiếng bút sột soạt trên sổ tay. Các cố vấn đang ghi chép một cách lo lắng, sợ bỏ sót quá nhiều.

Lưu Thiếu Kỳ tiếp tục: “Những người cộng sản là những người theo chủ nghĩa quốc tế. Chủ nghĩa quốc tế không chỉ có nghĩa là giải phóng đất nước và dân tộc của chúng ta, mà còn giải phóng tất cả các quốc gia và dân tộc bị áp bức trên thế giới, bao gồm cả nhân dân các nước đế quốc bị áp bức, và thiết lập các xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản trên toàn thế giới.”

Các đồng chí, hãy nghĩ xem nhiệm vụ này to lớn và gian khổ đến nhường nào!

Ngay cả Lưu Thiếu Kỳ, người thường được biết đến với giọng

nói điềm tĩnh và lý trí, cũng xúc động đến mức nói: “Chiến thắng hiện tại của chúng ta chỉ là khởi đầu, chứ không phải là hoàn thành sứ mệnh. Chúng ta không có lý do gì để tự mãn, không có lý do gì để kiêu ngạo, không có lý do gì để đắm chìm trong lạc thú, và không có lý do gì để chùn bước. Hãy lấy Việt Nam làm ví dụ. Họ đã phải chịu đựng không ít hơn chúng ta từ sự xâm lược và áp bức của chủ nghĩa đế quốc, và nỗi đau của họ thậm chí còn lớn hơn, như thể họ đang ở trong tình cảnh khốn cùng. Trung Quốc và Việt Nam là những nước láng giềng gần gũi, và những người dân ở biên giới của chúng ta có quan hệ họ hàng. Liệu chúng ta có thể khoanh tay đứng nhìn trước những khó khăn của họ không? Liệu

chúng ta có thể khoanh tay đứng nhìn và không giúp đỡ họ không? Nếu Việt Nam bị Pháp chiếm đóng một lần nữa, liệu biên giới của chúng ta có được an toàn không? Nếu họ bị chinh phục, chúng ta sẽ bị đe dọa trực tiếp. Do đó, việc hỗ trợ Việt Nam vừa là nghĩa vụ quốc tế vừa là cách củng cố chiến thắng của chính chúng ta.”

Lưu Thiếu Kỳ hồi tưởng lại quá khứ: “Trong cuộc cách mạng Trung Quốc, nhiều người cộng sản từ các nước khác đã tham gia vào cuộc đấu tranh của chúng ta, đổ máu và hy sinh, bao gồm cả đồng chí từ Việt Nam, Triều Tiên và các nước khác. Chẳng phải Norman Bethune

đã hy sinh mạng sống của mình trên đất nước chúng ta sao? Họ đã chiến đấu vì điều gì? Đây chính là tinh thần quốc tế. Chúng ta phải học hỏi từ họ, không chỉ nhìn vào hiện tại, chỉ nhìn vào gia đình nhỏ bé của mình, chỉ nhìn vào lợi ích trước mắt. Chúng ta phải nhìn xa hơn, có một tư duy rộng mở hơn - đây chính là tinh thần của một người cộng sản.”

Lưu Thiếu Kỳ nói: “Chiến thắng của cách mạng Việt Nam sẽ không đến quá nhanh chóng bởi vì kẻ thù là chủ nghĩa đế quốc. Tôi nghĩ cần phải có ba năm chuẩn bị. Năm nay chúng ta phải trang bị và huấn luyện quân đội thật tốt để có thể tiến hành những trận đánh lớn vào năm sau.”

Sau khi Lưu Thiếu Kỳ nói xong, ông nhìn Chu Đức và hỏi ý kiến ông.

Chu Đức nói: “Những gì anh nói rất hay, tôi hoàn toàn đồng ý.”

Lưu Thiếu Kỳ nói: “Anh cũng nên nói về nhiệm vụ của họ ở đó và phương pháp làm việc mà họ nên chú ý.”

Chu Đức không còn từ chối nữa mà nhẹ nhàng nói với các cố vấn: “Tôi hoàn toàn đồng ý với những gì Phó Chủ tịch Lưu nói. Một đảng viên Cộng sản nên hành động như vậy. Nhiệm vụ của anh đến Việt Nam rất quan trọng, gian khổ và vinh quang. Anh đến đó để làm gì? Không phải để ngoại giao như các nhà ngoại giao, mà là để giúp họ

chiến đấu, để ra chiến trường. Giúp đỡ không có nghĩa là thay thế họ; đừng đẩy họ ra xa hay chỉ huy họ theo ý mình. Thay vào đó, hãy đưa ra đề xuất, tìm ra giải pháp, chia sẻ kinh nghiệm trong thời bình, và giúp phân tích tình hình địch và đưa ra ý kiến trong trận chiến.'



Các lãnh đạo Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc thời kỳ đầu của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (từ trái sang: Chu Ân Lai, Lưu Thiếu Kỳ, Chu Đức, Mao Trạch Đông)

Chu Đức nói: ‘Khi đến đó, cũng cần phải hiểu rõ tình hình thực tế của họ. Họ cũng có kinh nghiệm; đừng xem thường kinh nghiệm của họ. Khi chia sẻ kinh nghiệm của chúng ta, phải phù hợp với tình hình thực tế của họ; chúng ta không thể chỉ sao chép kinh nghiệm của mình. Ví dụ, tình hình của họ gần giống với tình hình của chúng ta trong cuộc kháng chiến chống Nhật. Chẳng lẽ chúng ta không nên tập trung vào chiến tranh du kích? Và nếu điều kiện thuận lợi, thì tiến hành chiến tranh cơ động? Về phương pháp tác chiến cụ thể, tôi nghĩ kinh nghiệm của chúng ta là có thể áp dụng được.’” Để giành chiến thắng, xây dựng quân đội vững mạnh là điều kiện tiên quyết. Tôi tin rằng kinh nghiệm xây dựng

quân đội của chúng ta có thể được áp dụng: chúng ta phải xây dựng quân đội nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, và chúng ta phải đảm bảo mối quan hệ tốt đẹp giữa quân đội và nhân dân, giữa quân đội và chính quyền, và giữa sĩ quan và binh lính.

Bài phát biểu của Chu Đức rất ngắn gọn. Gần cuối, ông nói: “Tôi nghe nói cuộc sống ở Việt Nam vẫn còn rất khó khăn. Các anh phải chuẩn bị tinh thần chịu đựng gian khổ, mang theo tinh thần tiết kiệm, giản dị, để làm gương.” Sau đó, ông nhẹ nhàng vỗ nhẹ một tờ giấy trên bàn, cầm lên và nói: “Tôi đã xem qua danh sách những vật dụng cần

mang theo. Có một số thứ không thực sự cần thiết, ví dụ như giày da...”

Ông chưa kịp nói hết câu, các cố vấn trong điện Ân Niên đã khẽ cười. Trong tay Chu Đức là danh sách mà tổ cố vấn đã trình lên Trung ương. Các cố vấn sắp ra nước ngoài, hy vọng được cấp một chiếc đồng hồ, một cây bút máy tốt và một đôi giày da. Sau bao nhiêu năm chiến đấu, hầu hết bọn họ đã nhiều năm không đi giày da, thậm chí có người còn chưa có cơ hội sở hữu một đôi. Có người lớn lên trên lưng trâu, chưa từng đi giày da.

Chu Đức rõ ràng không hài lòng: “Ở Việt Nam, chúng ta sẽ sống ở nông thôn, với ruộng lúa,

sông nước và rừng rậm. Giày da sẽ không hữu dụng lắm, lại còn nặng nề khi mang vác. Dép rơm và giày vải sẽ thiết thực hơn. Còn đồng hồ, ai cũng cần một cái sao? Tôi nghĩ các nhà lãnh đạo sẽ thấy ổn thôi.” Ngoài ra còn có bút Parker, tôi nghe nói mỗi chiếc có giá vài trăm nghìn nhân dân tệ (lúc đó, 10.000 nhân dân tệ tương đương với 1 nhân dân tệ theo tỷ giá hiện nay). Chữ viết đẹp không phụ thuộc vào loại bút. Chủ tịch Mao viết rất đẹp, nên ông ấy không dùng bút Parker, chỉ có vài cây bút lông, và đôi khi là bút chì. Tôi nghĩ bút máy hiệu Tân Hoa Xã mới ra mắt của chúng ta khá tốt, rẻ và dễ sử dụng; chúng ta có thể cấp cho mọi người một chiếc. Về trang phục, chúng ta không nên ăn mặc như nhà ngoại giao, dùng

chất liệu này hay chất liệu khác. Dù kích đều mặc quần áo thường dân. Gần đây, một số quân chính quy đã được thành lập, nhưng tôi nghe nói họ vẫn chưa được cấp phát tất cả quân phục chính thức. “Chúng tôi có thể may một số quần áo giống như quân phục của họ, không có gì đặc biệt...”

Đặng Nhất Phàm bất ngờ nhận được lệnh và bước vào Điện Ân Niên.

Trong khi Chu Đức vẫn đang nói, tay cầm danh sách, Lưu Thiếu Kỳ bước ra khỏi Điện Ân Niên. Thư ký của ông đã lặng lẽ báo cho ông biết rằng Đặng Nhất Phàm đã đến.

Sáng hôm đó, Đặng Nhất Phàm không ra ngoài, ngồi trong phòng

chờ vé tàu về Nam Kinh. Đột nhiên, có người gõ cửa. Mở cửa ra, ông thấy một người lạ mặt. Vị khách hỏi: “Anh là đồng chí Đặng Nhất Phàm phải không?”

Đặng Nhất Phàm gật đầu: «Vâng.»

Vị khách lịch sự nói: “Tôi từ chỗ đồng chí Thiếu Kỳ đến. Đồng chí Thiếu Kỳ mời anh đến. Xin mời anh đi ngay; xe đang đợi bên ngoài.”

“Làm sao Phó Chủ tịch Lưu biết tôi ở Bắc Kinh?”

Đặng Nhất Phàm quen biết Lưu Thiếu Kỳ; họ từng làm việc chung tại Bộ tư lệnh Tân Tứ Quân ở Diêm Thành, bắc Giang Tô. Hiểu rõ tính

cách tử tử của Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Nhất Phàm hiểu rằng lời triệu tập của ông ta chắc chắn là vì chuyện quan trọng, nên liền theo người đưa tin lên xe.

Xe chạy vào Trung Nam Hải, thẳng tiến đến Ân Niên Điện.

Đặng Nhất Phàm đi về phía Ân Niên Điện, cửa vừa mở, Lưu Thiếu Kỳ liền ra đón. Qua cánh cửa mở, Đặng Nhất Phàm nhìn thấy Chu Đức, Vi Quốc Thanh và Mai Gia Thanh đang ngồi bên trong.

Lưu Thiếu Kỳ chào Đặng Nhất Phàm: “Đồng chí Đặng Nhất Phàm, anh đến rồi à? Đúng lúc lắm. Công việc của đồng chí sắp thay đổi rồi. Đồng chí Nhất Phàm, chúng tôi dự định cử đồng chí sang Việt Nam.”

“Đến Việt Nam?” Đặng Nhất Phàm nghĩ mình nghe nhầm.

“Đồng chí sẽ được phân công lãnh đạo một bộ phận của đoàn cố vấn quân sự và sẽ làm việc tại Việt Nam một thời gian,” Lưu Thiếu Kỳ nói rõ ràng.

Bất ngờ, Đặng Nhất Phàm nói: “Đồng chí Thiếu Kỳ, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị La Vinh Hoàn đã nói chuyện với tôi và muốn tôi làm việc tại Tổng cục Chính trị.”

Lưu Thiếu Kỳ nói: “Vậy thì quyết định vậy. Tôi sẽ nói chuyện với Chủ nhiệm La về việc này. Việc đồng chí sang Việt Nam là quyết định của Trung ương. Đồng chí sẽ tham dự cuộc họp ngay bây giờ và chờ Chủ tịch trình diện.”

Nghe nói đó là quyết định của Trung ương, Đặng Nhất Phàm lập tức nói: “Tôi sẽ tuân thủ sự phân công của tổ chức.”

Vậy là Đặng Nhất Phàm cũng bước vào Ân Niên Điện và ngồi xuống. Sau đó, ông được biết rằng trong khi các cố vấn đang tập trung tại Ân Niên Điện chờ yết kiến, Lưu Thiếu Kỳ đã gặp Vi Quốc Thanh và Mai Gia Thanh.

Lưu Thiếu Kỳ hỏi: ‘Các ông còn gặp khó khăn gì về cán bộ không?’

Vu Quốc Thanh nói: ‘Tôi và Mai Gia Thanh đã bàn bạc và cảm thấy chúng tôi thiếu một người lãnh đạo chủ chốt phụ trách công tác chính trị, vì sau khi sang Việt Nam, tôi và Mai Gia Thanh có thể sẽ phải tập

trung sức lực chính vào các vấn đề quân sự.’

‘Các ông cứ đề cử ai đó, tôi sẽ quyết định.’

Lưu Thiếu Kỳ nói: ‘Câu hỏi này rất hay; chúng ta thực sự cần cố vấn chính trị. Vậy ai nên đảm nhận vai trò này?’

Mai Gia Thanh nói: ‘Đặng Nhất Phàm, chính ủy của tôi tại Đại học Quân sự Chính trị, hiện đang ở Bắc Kinh chờ điều chuyển. Anh ấy có năng lực đảm nhiệm nhiệm vụ quan trọng này.’

‘Tôi biết rõ Đặng Nhất Phàm, vậy chúng ta cứ quyết định. Anh ấy ở đâu?’

Lưu Thiếu Kỳ quyết định ngay tại chỗ, dẫn đến cảnh tượng vội vã vừa rồi.

Đặng Nhất Phàm vừa ngồi xuống thì nghe Lưu Thiếu Kỳ nói: «Chủ tịch đến rồi.⁵⁰»

Mao Trạch Đông đã nói: “Giọt nước cần được đèn đáp bằng cả một dòng suối nước”.

Nghe tin Chủ tịch Mao đến, mọi người đứng dậy vỗ tay nhiệt liệt. Mao Trạch Đông, được Vương Quang Mai dìu, đi từ tư dinh của mình, Thư viện Cúc Hương, vào Điện Ân Niên. Trước đó, không ai để ý Vương Quang Mai đã rời đi từ lúc nào.

50 Ngày 15-16 tháng 6 năm 1990, tác giả đến thăm Đặng Nhất Phàm tại Quảng Châu.

Lưu Thiếu Kỳ chào Mao Trạch Đông và nói: ‘Chúng tôi đã ở đây khoảng một tiếng rồi. Máy ngày nay ngài mệt quá, muốn ngài ngủ thêm một chút nữa.’

Mao Trạch Đông xua tay nói: ‘Than ôi, tôi không ngủ được.’

Đầu tiên, ông bắt tay với Vi Quốc Thanh, Mai Gia Thanh và Đặng Nhất Phàm, rồi chào hỏi nhau.

Sau một hồi trò chuyện ngắn ngủi, Mao Trạch Đông bước ra giữa phòng, bắt tay từng cố vấn, hỏi thăm tên tuổi, quê quán và chức vụ của họ. Trong số các cố vấn, Mao nhận ra Trương Hưng Hoa, một cựu chiến binh Hồng quân từng công tác tại Bộ tư lệnh Bát lộ quân

và Trung đoàn Cận vệ Trung ương ở Diên An.

Ông mỉm cười nói: «Anh đến từ Hưng Quốc, Giang Tây. Chúng ta lại gặp nhau. Mọi việc thế nào rồi? Anh đã chuẩn bị sang Việt Nam chưa?»

Trương Hưng Hoa đáp: «Tôi sẽ kiên quyết tuân lệnh⁵¹.»

Khi Mao trở lại bàn, Lưu Thiếu Kỳ đề nghị ông phát biểu trước nhóm cố vấn.

Mao nói: «Các vị đã phát biểu chưa? Nếu tôi phát biểu lần nữa, sẽ bị trùng lặp.»

Lưu Thiếu Kỳ, Chu Đức, Vi Quốc Thanh, Mai Gia Thanh và Đặng

51 Tháng 5 năm 1990, tác giả đã đến thăm Trương Hưng Hoa tại Côn Minh.

Nhất Phàm đều mời Mao phát biểu.

Mao gật đầu. Ông quay sang các cố vấn, mời họ ngồi xuống, rồi đứng lên giữa họ và bắt đầu phát biểu: «Thưa các đồng chí, nhiệm vụ cố vấn của các đồng chí là một sự kiện trọng đại và chưa từng có. Đây là lần đầu tiên Đảng, Nhà nước và Quân đội ta cử một đoàn cố vấn ra nước ngoài. Đây là một vinh dự và ý nghĩa to lớn đối với chúng ta. Các đồng chí đang đảm nhiệm một nhiệm vụ vô cùng quan trọng và khó khăn, và tôi hy vọng các đồng chí sẽ đạt được những kết quả xuất sắc và tích lũy được những kinh nghiệm quý báu. Khi đất nước và Quân đội ta phát triển, và khi tình hình quốc tế thay đổi, chúng ta có thể cử thêm nhiều cố vấn ra nước

ngoài để hỗ trợ cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc và quốc gia bị áp bức. Đây là vấn đề của chủ nghĩa quốc tế và là nghĩa vụ của những người cộng sản. Vẫn còn rất nhiều quốc gia bị áp bức và xâm lược trên thế giới, dưới gót sắt của chủ nghĩa đế quốc. Chúng ta không chỉ phải thông cảm với họ mà còn phải dang tay giúp đỡ họ. Chúng ta không thể để việc đánh bại Tưởng Giới Thạch của chúng ta...» Họ nghĩ rằng chúng ta đã hoàn thành nhiệm vụ. Nhưng chúng ta cũng phải thừa nhận rằng thế lực đế quốc vẫn còn hùng mạnh; họ sẽ không chấp nhận thất bại ở Trung Quốc. Hành động của họ ở Triều Tiên và Việt Nam nhằm mục đích bao vây chúng ta, và họ sẽ nhắm thẳng vào chúng ta ngay khi có cơ

hội. Vì vậy, giúp đỡ họ cũng là vì an ninh của chính chúng ta. Như câu nói, «Môi hở răng lạnh». Vì an ninh của chính chúng ta, và để giúp đỡ các nước anh em, công việc của các bạn là một tình huống đôi bên cùng có lợi. Đây là lý do cơ bản tại sao chúng tôi cử một nhóm cố vấn.»

Khác với bài phát biểu tử mỉ của Lưu Thiếu Kỳ, Mao Trạch Đông nói với giọng cao vút, mang đậm chất thơ. Khi bàn về lý do thành lập đoàn cố vấn, ông nói: «Các đồng chí đều biết rằng rất nhiều bạn bè nước ngoài đã tham gia vào cuộc đấu tranh cách mạng của Trung Quốc. Đồng chí Hồ Chí Minh đã tham gia trong cuộc Nội chiến Cách mạng lần thứ nhất, và nhiều đồng chí

Việt Nam đã đổ máu và hy sinh vì cách mạng Trung Quốc. Tất nhiên, cũng có những nước khác. Ai cũng biết rằng họ đã làm điều này dưới sự dẫn dắt của tư tưởng quốc tế chủ nghĩa.»

Mao lên tiếng: «Nếu người khác có tư tưởng quốc tế chủ nghĩa, chúng ta cũng nên có. Có một câu nói cổ của Trung Quốc, ‘Giọt nước nhận được bằng lòng tốt, phải trả bằng cả một dòng suối’.» Theo góc nhìn tích cực, điều này có nghĩa là thực hiện các nghĩa vụ quốc tế. Ngoài ra, trong dịp Tết Nguyên đán, tôi đã đến Moskva. Hồ Chí Minh cũng đã đến đó; ông ấy đã đi tìm kiếm sự giúp đỡ của Liên Xô. Tại Moskva, Stalin không biết Hồ Chí Minh và nói rằng ông ấy không

biết Hồ Chí Minh có phải là người theo chủ nghĩa Marx hay không. Tôi nói Hồ Chí Minh là người theo chủ nghĩa Marx, và tốt nhất là nên gặp ông ấy. Vì vậy, Stalin đã gặp ông ấy. Nhưng khi Hồ Chí Minh yêu cầu sự giúp đỡ của Liên Xô và việc gửi cố vấn...» Stalin không đồng ý. Trên đường trở về Trung Quốc, Hồ Chí Minh và tôi đã thảo luận lại vấn đề này, và Hồ Chí Minh yêu cầu chúng tôi cử một nhóm cố vấn. Tôi nói rằng chúng tôi sẽ cố gắng hết sức để cung cấp hỗ trợ vật chất, nhưng việc cử một nhóm cố vấn, điều đó rất khó khăn đối với chúng tôi vì cán bộ của chúng tôi chưa được đào tạo chính quy, chưa bao giờ được đi học và chỉ có một số kinh nghiệm trong chiến tranh. Tuy nhiên, Hồ Chí Minh đã

nhiều lần nhấn mạnh điều đó. Tôi nói rằng cá nhân tôi không phản đối, nhưng tôi cần phải quay lại và thảo luận với các đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương. Nếu chúng tôi cử một nhóm, đó sẽ là một nhóm cố vấn địa phương.

Nói đến đây, Mao Trạch Đông không thể không cười. Ông nói tiếp, “Sau khi tôi trở về từ Liên Xô, Ban Chấp hành Trung ương đã nghiên cứu vấn đề này và mọi người đều nhất trí cử một nhóm cố vấn. Đồng chí La Quý Ba đã được cử đến Việt Nam trước. Dựa trên sự hiểu biết của họ, chúng tôi quyết định cử một nhóm cố vấn với quy mô này. Điều này sẽ đòi hỏi rất nhiều công sức từ các đồng chí. Ban Chấp hành Trung ương cũng có kế hoạch cử

đồng chí Trần Canh đi trước; ông ấy quen biết với đồng chí Hồ Chí Minh và đã giúp các đồng chí Việt Nam huấn luyện quân đội và trang bị vũ khí cho họ ở biên giới. Ông ấy sẽ hỗ trợ các đồng chí trong một thời gian.”

Mao Trạch Đông nói: “Trong chuyến đi này, Ban Chấp hành Trung ương đã quyết định bổ nhiệm đồng chí Vi Quốc Thanh làm trưởng nhóm cố vấn. Ban đầu, chúng tôi muốn ông ấy làm việc tại Liên Hợp Quốc, nhưng Liên Hợp Quốc, dưới sự thao túng của Mỹ, đã không cho chúng tôi vào, và họ cũng muốn Tưởng Giới Thạch.” Sau đó, chúng tôi muốn đồng chí Vi Quốc Thanh làm đại sứ tại Anh, nhưng Anh luôn nỡ vờ với chúng

tôi, vì vậy chúng tôi phải hạ thấp vị thế của mình và không cử đại sứ đến đó. Vì vậy, chúng tôi đã cử ông ấy đến Việt Nam làm trưởng nhóm cố vấn. Ông ấy đã sẵn sàng đồng ý, điều đó thật tuyệt vời! Những người cộng sản nên đến bất cứ nơi nào họ cần, dù trong môi trường thoải mái hay khó khăn. Miễn là công việc đòi hỏi, thì không có gì khác quan trọng. Các bạn nên học hỏi đồng chí Vi Quốc Thanh về vấn đề này.”

Khi thảo luận về nhiệm vụ của nhóm cố vấn, Mao Trạch Đông nói: “Nhiệm vụ của các đồng chí là hỗ trợ các đồng chí Việt Nam chiến đấu. Họ vẫn đang tiến hành chiến tranh du kích và chưa tham gia bất kỳ trận đánh lớn nào. Quân đội

Pháp chủ yếu kiểm soát các thành phố, tuyến đường giao thông và cảng biển, trong khi quân đội Việt Nam chiếm đóng các vùng nông thôn rộng lớn. Điều này tương tự như tình hình của chúng ta trong cuộc kháng chiến chống Nhật. Nhưng chỉ chiến tranh du kích thôi là chưa đủ; để giành chiến thắng, chúng ta cần phải đánh những trận đánh lớn hơn. Chúng ta cần phải có khả năng chiến đấu bao vây và chiến tranh cơ động trước khi có thể mở một cuộc phản công và đánh bại quân Pháp. Để đánh những trận đánh lớn hơn, chúng ta cần tập trung lực lượng lớn hơn. Họ đã thành lập một số đơn vị, và chúng ta đang giúp họ trang bị.”

“Sau này, chúng ta cần tập

trung hơn nữa một số quân có kinh nghiệm chiến đấu, tổ chức họ thành quân chính quy và huấn luyện họ để đánh những trận đánh lớn.”

«Tất nhiên,» Mao Trạch Đông chuyển chủ đề, nói, «chúng ta không thể bỏ qua chiến tranh du kích. Một số đơn vị du kích đã được nâng cấp, và chúng ta cần mở rộng chúng; các anh có kinh nghiệm trong lĩnh vực này. Nói chung, chiến tranh du kích nên được kết hợp với chiến tranh cơ động cần thiết, nhưng chiến tranh du kích vẫn nên là trọng tâm chính. Nhưng nhiệm vụ chính của các anh là giúp họ xây dựng quân đội chính quy và dạy họ cách chiến đấu trong chiến tranh chính quy. Bản thân họ đã

có kinh nghiệm về chiến tranh du kích; hãy để họ tự xử lý.»

Mao Trạch Đông nhấn mạnh: «Việc chuyển sang chiến tranh cơ động đòi hỏi phải chú trọng từng bước và nghiên cứu, khảo sát kỹ lưỡng hơn. Đừng quá tham vọng; hãy đánh một vài trận nhỏ trước để huấn luyện quân đội, củng cố lòng tin của họ và đảm bảo chiến thắng trong trận đầu tiên. Đừng quên nguyên tắc của Chiến tranh Giải phóng: mỗi lần, chúng ta phải tập trung lực lượng vượt trội, với lực lượng mạnh gấp ba, năm lần, thậm chí gấp nhiều lần. Không đánh thì không đánh; đánh thì thắng. Chiến tranh cơ động vẫn nên tập trung vào việc tiêu diệt sinh lực địch, chiếm đóng thành phố và cứ điểm

chỉ là thứ yếu. Do đó, khi đến nơi, trước tiên chúng ta nên tập trung quân đội, tăng cường trang bị và huấn luyện cho họ. Chúng ta cần phát triển pháo binh và học cách tấn công các vị trí kiên cố.» Nếu không tấn công cứ điểm, chúng ta sẽ không có viện binh, và chúng ta sẽ không thể tiêu diệt thêm quân địch. Khi đến nơi, các bạn phải dạy họ chiến đấu ban đêm, cận chiến, phá hủy và chiến đấu bằng lưỡi lê. Các bạn cũng phải truyền đạt kinh nghiệm của chúng ta dựa trên tình hình thực tế của họ, một cách thực tế và thực dụng. Đừng mù quáng áp dụng kinh nghiệm của chúng tôi mà không hiểu bối cảnh; điều đó chỉ làm mọi thứ tồi tệ hơn. Đừng nôn nóng muốn có kết quả nhanh chóng. Điều này áp dụng cho công

tác chi nhánh, công tác tư tưởng
và chính trị, quản lý,

«Huấn luyện, ngay cả phong cách chỉ huy chiến đấu, phải được cải thiện trong thực tiễn. Bên cạnh việc lãnh đạo bằng tấm gương, các đồng chí cũng phải truyền đạt kinh nghiệm của mình cho các đồng chí Việt Nam. Đánh trận này, học trận khác, liên tục tổng kết kinh nghiệm và bài học, và tổ chức huấn luyện ngắn hạn khi cần thiết trong thời gian tạm lắng của chiến tranh. Thành công sẽ đến một cách tự nhiên với nỗ lực bền bỉ. Các đồng chí cũng phải kiên nhẫn học hỏi kinh nghiệm của người khác để hoàn thiện bản thân. Chỉ bằng cách

không ngừng hoàn thiện bản thân, các đồng chí mới thực sự giúp đỡ được các đồng chí Việt Nam.»

Tiếp theo, Mao Trạch Đông đề cập đến vấn đề mà mọi người đều quan tâm nhất: «Làm thế nào để trở thành một cố vấn giỏi? Điều này cần được nghiên cứu. Cố vấn là một cố vấn, thực chất là một sĩ quan tham mưu, đóng vai trò là một cố vấn giỏi cho các nhà lãnh đạo. Sĩ quan tham mưu là người đưa ra ý tưởng, đề xuất giải pháp và hỗ trợ các nhà lãnh đạo. Do đó, không thể thay thế hoặc làm thay việc của người khác, càng không thể hành động như một vị hoàng đế ra lệnh. Sau khi đến Việt Nam, ưu tiên hàng đầu của các đồng chí là thiết lập mối quan hệ tốt đẹp với

các đồng chí Việt Nam để đặt nền tảng vững chắc cho công việc của mình.»

Mao Trạch Đông nói thêm: «Chúng ta không nên mang tâm lý của một cường quốc, không nên coi thường người khác, không nên tự cho mình là người chiến thắng, không nên kiêu ngạo, và phải đề phòng lòng tự tôn và sự bốc đồng. Vì chúng ta chân thành muốn giúp đỡ các đồng chí Việt Nam, chúng ta phải coi sự nghiệp giải phóng của họ như của chính mình. Chỉ với tâm thế này, chúng ta mới có thể làm tốt công việc của mình.»

«Khi đến Việt Nam, các bạn phải trân trọng từng ngọn cỏ, từng cây, từng ngọn núi, từng dòng sông.

Các bạn phải trân trọng người dân ở đó, và như ở Trung Quốc, hãy tôn trọng phong tục tập quán của họ, và tuân thủ Tam Quy và Bát Điểm Kỷ Luật.»

Mao Trạch Đông sau đó kể lại lịch sử: «Tại sao Việt Nam lại trở thành thuộc địa của Pháp? Đó là vào cuối triều đại nhà Thanh. Triều đại nhà Thanh hoàn toàn thối nát. Trong Chiến tranh Trung-Pháp, Trung Quốc đã giành được những thắng lợi đáng kể, nhưng Pháp đã đe dọa nhà Thanh, buộc họ phải ký một hiệp ước nhượng lãnh thổ và bồi thường, công nhận sự chiếm đóng của Pháp đối với Việt Nam. Do đó, Việt Nam trở thành thuộc địa của Pháp. Trong Thế chiến II, Pháp bị Đức chiếm đóng và không

thể tiếp tục chăm lo cho Việt Nam. Chủ nghĩa đế quốc Nhật Bản đã lợi dụng điều này và kiểm soát Việt Nam. Năm 1945, Thế chiến II kết thúc, Nhật Bản đầu hàng, và quân du kích của Hồ Chí Minh tiến vào Hà Nội và thành lập chính phủ. Ngay sau đó, Pháp giành lại lãnh thổ của mình và sau đó đưa quân đến Việt Nam, đánh đuổi quân du kích của Hồ Chí Minh ra khỏi Hà Nội. Vào thời điểm đó, chúng tôi đang tiến hành Chiến tranh Giải phóng và không thể cung cấp cho họ sự hỗ trợ.»

Bây giờ, ngay khi chúng ta được giải phóng, chúng ta sẽ bắt đầu hỗ trợ... Chúng ta là những người cộng sản, và Trung Quốc là một quốc gia do Đảng Cộng sản

lãnh đạo, thực hành chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, khác với chế độ phong kiến và chủ nghĩa đế quốc. Sự hỗ trợ của chúng ta dành cho họ hoàn toàn vô tư, một nỗ lực chân thành để giúp họ đánh bại chủ nghĩa thực dân Pháp và giành được độc lập dân tộc. Sau chiến thắng, họ sẽ thiết lập một quốc gia độc lập và có chủ quyền.”

Lời nói của Mao Trạch Đông đã định hình phong cách làm việc của nhóm cố vấn.

Đến lúc này, Mao Trạch Đông nhắc đến Hồng Thủy, người vừa từ Việt Nam trở về Trung Quốc. Sự việc này diễn ra trong chuyến thăm Việt Nam của La Quý Ba...

Tổng tư lệnh miền Nam sớm phải đối mặt với một vấn đề khá hóc búa. Hồng Thủy trở về Việt Nam làm tư lệnh quân khu, nhiều lần thể hiện rõ tài năng trong các trận chiến thiết lập và củng cố căn cứ địa. Tuy nhiên, mâu thuẫn giữa ông với Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp ngày càng sâu sắc, cuối cùng lên đến đỉnh điểm. Hồ Chí Minh đã đích thân nói chuyện với La Quý Ba về vấn đề này, bày tỏ mong muốn của Hồng Thủy được trở về công tác tại Trung Quốc, một tình cảm được Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đồng tình, và đề nghị Chủ tịch Mao chấp thuận. Mao Trạch Đông, vốn quen biết Hồng Thủy, nhanh chóng đồng ý, và La Quý Ba được giao nhiệm vụ hộ tống Hồng Thủy trở về Trung

Quốc, đến Bắc Kinh. Tháng 1 năm 1948, Hồng Thủy được phong hàm Thiếu tướng trong Quân đội Nhân dân Việt Nam; năm 1955, ông được phong hàm Thiếu tướng trong Quân đội Giải phóng Nhân dân Trung Quốc. Như vậy, Hồng Thủy trở thành vị tướng nước ngoài duy nhất được phong hàm quân hàm tại Trung Quốc mới⁵².

Mao Trạch Đông đã dùng trường hợp Hồng Thủy để nhắc nhở mọi người phải khiêm nhường, không kiêu ngạo, và không coi thường đồng chí Việt Nam; nếu không, điều đó có thể làm tổn hại đến quan hệ giữa hai nước.

⁵² Ngày 18 tháng 4 năm 1990, tác giả đã đến thăm La Quý Ba tại Bắc Kinh.



Năm 1955, Hồng Thủy được phong hàm Thiếu tướng trong Quân Giải phóng Nhân dân (vị tướng nước ngoài duy nhất nhận được cấp bậc này ở Trung Quốc mới).

“Còn một vấn đề nữa,” Mao Trạch Đông nói tiếp, “Chúng ta phải làm cho các đồng chí Việt Nam hiểu được tầm quan trọng của việc tự lực cánh sinh. Cách mạng cần viện trợ nước ngoài, nhưng chúng

ta không thể hoàn toàn dựa vào đó. Điều này không chỉ vì chúng ta nghèo và không thể đáp ứng tất cả nhu cầu của họ. Nghèo đói là một thực tế. Trong hơn một trăm năm, chúng ta đã phải chịu đựng những khó khăn trong và ngoài nước, và các cuộc chiến tranh liên miên đã khiến chúng ta rất nghèo. Mặc dù viện trợ của chúng ta cho các quốc gia bị áp bức là vô tư, nhưng chúng ta sẽ không chỉ viện trợ cho Việt Nam, vì vậy viện trợ của chúng ta sẽ bị hạn chế. Ý nghĩa to lớn của việc tự lực cánh sinh nằm ở tư duy, tinh thần và phương pháp để vượt qua khó khăn. Chúng ta có kinh nghiệm phong phú trong những lĩnh vực này, và chúng ta phải chia sẻ với họ.”

Mao Trạch Đông lên tiếng: “Một quốc gia, một đảng và một quân đội phải có tư duy tự lực, tinh thần vượt khó, phương pháp và năng lực vượt khó. Chỉ có như vậy, một quốc gia, một đảng và một quân đội như vậy mới có thể vững mạnh và có hy vọng chiến thắng. Chỉ có chiến thắng, chúng ta mới có sức mạnh để xây dựng đất nước, trở nên phồn vinh và hùng mạnh, giành được độc lập và giải phóng thực sự, và giành được thắng lợi thực sự.”

Bài phát biểu của Mao Trạch Đông đầy nhiệt huyết và được truyền tải một hơi. Mao Trạch Đông nhận ra đã đến lúc kết thúc bài phát biểu, và ông chỉ thị: “Cuối cùng, chúng ta hãy nói về bí mật.

Vấn đề này cần đặc biệt lưu ý. Đừng gọi ‘Nhóm Cố vấn’ một cách tùy tiện; hãy dùng mật danh. Nếu bọn đế quốc phát hiện ra chúng ta cử cố vấn, chúng chắc chắn sẽ làm âm ỉ. Vì vậy, hành động của các vị phải tuyệt đối bí mật, không được công khai, và ngay cả người thân và bạn bè của các vị cũng phải giữ bí mật. Hãy mặc quần áo thường dân hoặc quân phục Việt Nam càng nhiều càng tốt; đừng mang theo bất kỳ quân phục nào của chúng ta. Đừng tùy tiện ra ngoài ở Việt Nam, và đừng hành động một mình. Hãy hết sức thận trọng trong chiến đấu; đừng tiến quá xa, kéo bị địch bắt. Hơn nữa, là cố vấn, các vị không thể chỉ huy thay người khác, cũng không cần phải xông vào trận chiến hay ra tiền tuyến. Các vị phải nghĩ

ra nhiều cách để bảo vệ bí mật một cách nghiêm ngặt.”

Sau đó, Mao Trạch Đông hỏi thăm một số chi tiết. Ông hỏi xem mọi thứ cần mang đến đã được quyết định chưa. Chu Đức nói rằng một danh sách đã được chuẩn bị, nhưng vẫn cần được cấp dưới xem xét. Một số mặt hàng dường như không cần thiết, chẳng hạn như đồng hồ, giày da và bút Parker. Mao Trạch Đông vẫy tay nhẹ, cầu xin các cố vấn: “Chỉ cần Tổng tư lệnh phê duyệt là đủ. Đừng nhờ người khác xem xét; càng ít người biết càng tốt. Hãy rộng lượng và đáp ứng yêu cầu của họ về đồng hồ, giày da và bút. Đây là lần đầu tiên chúng ta cử một nhóm cố vấn đại diện cho đất nước. Dù khó khăn

đến đâu, chúng ta cũng không quan tâm đến những thứ này. Các vị nghĩ sao?” Mao Trạch Đông hỏi Lưu Thiếu Kỳ và một số lãnh đạo khác. Vì Mao Trạch Đông đã lên tiếng, mọi người đều đồng ý, nói: “Được, chúng ta cứ làm theo danh sách này.” Sau đó, tiếng cười lại vang lên trong Điện Ân Niên. Mọi người đứng dậy và vỗ tay nồng nhiệt. Mao Trạch Đông, Lưu Thiếu Kỳ và Chu Đức đi giữa các cổ vấn, bắt tay từng người. Mao Trạch Đông nói lớn: “Vậy là xong. Chúc các vị mạnh khỏe, thắng lợi!”⁵³

53 Một phần của chương này dựa trên hồ sơ phỏng vấn với Đặng Nhất Phàm và Đậu Cẩm Ba, đồng thời cũng tham khảo hồ sơ do Lâm Tuấn Tài thực hiện vào thời điểm đó.

Chương 6

Trần Canh bí mật vào Việt Nam



Vào tháng 8 năm 1950, Trần Canh và Hồ Chí Minh đã cùng nhau thảo luận về kế hoạch tác chiến.

Tướng Trần Canh vào Việt Nam

Vào giữa tháng 6 năm 1950, Trần Canh, Phó Tư lệnh Quân khu Tây Nam kiêm Tư lệnh Quân đoàn 4, nhận được một loạt điện tín từ Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, lệnh cho ông thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc sang Việt Nam để hỗ trợ quân đội Việt Nam tổ chức và triển khai chiến dịch biên giới. Điện tín của Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc gửi Trần Canh ngày 18 tháng 6 nêu rõ:

“Nhiệm vụ chính của ngài khi sang Việt Nam, bên cạnh việc thảo luận và giải quyết một số vấn đề cụ thể với phía Việt Nam, là xây dựng một kế hoạch quân sự khả thi tổng thể dựa trên tình hình Việt Nam

(bao gồm các điều kiện quân sự, chính trị, kinh tế, địa hình và giao thông), và khả năng hỗ trợ của chúng tôi (đặc biệt chú ý đến điều kiện vận chuyển vật tư). Kế hoạch này sẽ cho phép cung cấp các hình thức hỗ trợ khác nhau, vận chuyển các loại vật tư, đào tạo cán bộ, tổ chức lại quân đội, mở rộng nhân lực, tổ chức hậu cần và tiến hành các hoạt động chiến đấu. Kế hoạch này phải thực tế và cần được Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam phê duyệt. Gần đây, Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa ra nhiều yêu cầu và kế hoạch để tổ chức và trang bị cho sáu sư đoàn với khoảng 100.000 quân trong năm 1950.»

Chúng tôi cảm thấy những yêu

cầu của họ thiếu một kế hoạch được cân nhắc kỹ lưỡng, có vẻ không thực tế và khó thực hiện, đặc biệt là trong điều kiện giao thông và tình hình kinh tế hiện tại của Việt Nam; việc tổ chức một lực lượng lớn như vậy hiện nay là không thể. Chúng tôi hy vọng rằng sau khi hiểu rõ tình hình của họ ở Việt Nam, ngài sẽ hợp tác với Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam để xây dựng một kế hoạch khả thi. Đồng thời, kế hoạch hỗ trợ họ của chúng ta cũng cần được soạn thảo và trình Ban Chấp hành Trung ương phê duyệt trước khi thực hiện.

Trong bối cảnh chiến tranh, tình hình thay đổi nhanh chóng. Ngày 21 tháng 6, La Quý Ba đã

gửi điện báo cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, nêu rõ quân đội Việt Nam ở Lào Cai đang thiếu lương thực và không thể thực hiện kế hoạch tác chiến ban đầu. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương và Tổng Quân ủy đã quyết định tạm thời hủy bỏ chiến dịch Lào Cai và thay vào đó là mở chiến dịch Cao Bằng, dự kiến bắt đầu vào cuối tháng 7. Xét thấy Sư đoàn 308, đang huấn luyện ở Vân Nam, đã quen thuộc với Cao Bằng, nên đã đề xuất chuyển sư đoàn này đến Cao Bằng để chiến đấu.

Một ngày sau khi nhận được điện báo này, ngày 22 tháng 6, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã gửi điện báo

cho Trần Canh, chỉ thị ông chuẩn bị lên đường sang Việt Nam càng sớm càng tốt để hỗ trợ tổ chức chiến dịch. Cùng ngày, Mao Trạch Đông gửi điện cho lãnh đạo tỉnh Quảng Tây:

“Quân đội Việt Nam hiện đang huấn luyện tại Vân Nam có khoảng 10.000 người. Họ dự kiến sẽ khởi hành từ Diên Sơn trong khoảng thời gian từ ngày 12 đến ngày 15, đến Tĩnh Tây vào cuối tháng 7 để chuẩn bị chiến đấu. Xin chỉ thị hỗ trợ dọc đường, chọn điểm tập kết cho họ và chuẩn bị lương thực đủ dùng trong một tháng. Nếu quân đội thiếu vũ khí đạn dược sau khi đến Tĩnh Tây và yêu cầu tiếp tế, xin hãy hỗ trợ hết sức có thể.”

Trần Canh đã hành động quyết đoán, ngay lập tức chỉ định nhóm công tác tháp tùng ông sang Việt Nam. Họ gồm: Tăng Diên Vĩ, Trưởng Ban Tuyên truyền Quân đoàn 4; Vương Chấn Phúc, Phó Chủ nhiệm Cục Tác chiến Quân đoàn; Dương Tấn, Phó Chủ nhiệm Cục Hậu cần Quân đoàn; Lưu Sĩ Tường, Phó Chủ nhiệm Cục Mật Quân đoàn; Lương Trung Vũ, Chủ nhiệm Cục Tác chiến Quân đoàn 14; Trương Nãi Triển, Chủ nhiệm Cục Hậu cần; Vương Diên Tuyền, Phó Tư lệnh Sư đoàn; và Đỗ Kiến Hoa, Tư lệnh Trung đoàn Pháo binh⁵⁴.

Cùng sang Việt Nam với Trần

⁵⁴ Tháng 4 năm 1988, tác giả đến thăm Vương Diên Tuyền ở Côn Minh.

Canh còn có Hoàng Tĩnh Văn, cựu Tham mưu trưởng Biên phòng, 36 tuổi, và Hoàng Vĩ, Chính ủy Trung đoàn. Cả hai đều là chuyên gia về Việt Nam.

Sau khi Nhật Bản thất bại và đầu hàng vào năm 1945, theo thỏa thuận giữa Quốc dân đảng và Đảng Cộng sản, lực lượng chủ lực của Đội Đông Giang, do Tư lệnh Tăng Thịnh chỉ huy, kiên trì trong cuộc chiến tranh chống Nhật sau chiến tuyến, đã rút lui bằng đường biển về Yên Đài, Sơn Đông. Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc chỉ thị cho lực lượng vũ trang ở miền Nam Quảng Đông kiên trì chiến tranh du kích ở khu vực biên giới Quảng Đông-Quảng Tây. Tháng 2 năm 1946, dưới áp

lực của quân đội Quốc dân đảng, và sau các cuộc đàm phán giữa Cục Nam Bộ của Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam, lực lượng chủ lực của Trung đoàn 1 thuộc Lực lượng Vũ trang Nam lộ, do Trung đoàn trưởng Hoàng Kính Văn chỉ huy, đã được gửi phần lớn sang Việt Nam để huấn luyện, trong khi số còn lại vẫn ở lại để tiếp tục chiến đấu.

Sau khi vào Việt Nam, quân của Hoàng Kính Văn đã hỗ trợ quân đội Việt Nam chiến đấu chống Pháp ở các tỉnh Bắc Giang và Hải Ninh, được phía Việt Nam khen ngợi. Vì vậy, Hoàng Tĩnh Văn được bổ nhiệm làm cố vấn cho Trường Bộ binh Cao cấp Việt Nam (đóng tại tỉnh Nghệ An) vào tháng 10 năm

1946. Hoàng Tĩnh Văn lấy bí danh “Trần Quang” và học tập chăm chỉ, cải thiện đáng kể khả năng tiếng Việt của mình.

Tháng 10 năm 1947, quân đội PLA đã được huấn luyện tại Việt Nam trở về Trung Quốc và được sáp nhập vào “Trụ biên giới Vân Nam-Quảng Tây” (viết tắt là “Trụ biên giới”) mới thành lập vào đầu năm 1948, với Hoàng Tĩnh Văn làm chỉ huy một phân đội. Tháng 7 năm 1949, “Trụ biên giới” được đổi tên thành “Trụ biên giới Vân Nam-Quảng Tây-Quý Châu”, nhưng tên viết tắt vẫn là “Trụ biên giới”. Trang Điền làm chỉ huy, Lâm Lập Minh làm chính ủy, và Hoàng Tĩnh Văn làm tham mưu trưởng. Với bối cảnh này, việc Hoàng Tĩnh Văn,

tham mưu trưởng của Trụ biên giới, vào Việt Nam là điều đương nhiên. Theo lời kể của vợ ông Hoàng Kính Văn, bà Lý Hạ Tường, khi Trần Canh tổ chức đoàn công tác vào Việt Nam, Hoàng Kính Văn đã tình nguyện tham gia đoàn cố vấn, nói rằng: “Xin hãy cho tôi tham gia đoàn cố vấn. Tôi rất am hiểu tình hình Việt Nam.”⁵⁵

Xét thấy đài phát thanh đi cùng cần duy trì liên lạc kịp thời với Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Quân khu Tây Nam, La Quý Ba, đại diện liên lạc của Đảng Cộng sản Trung Quốc tại Việt Nam và Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4, Lưu Sĩ Tường đã mang

55 Ngày 20 tháng 3 năm 2004, con gái của Hoàng Tĩnh Văn là Hoàng Tiểu Hà đã cung cấp tài liệu viết cho tác giả cuốn sách này.

theo ba nhân viên mật vụ là Phó Hiệu Trung, Nhạc Hưng Chiêu và Nghiêm Nguyệt Canh. Để kịp thời ghi lại tin tức do Đài Phát thanh Nhân dân Trung ương phát sóng, Triệu Hy Phong, một nhân viên mật vụ, cũng được điều động từ Ban Tin tức Quân đoàn. Theo lệnh, các thành viên của phái đoàn đã tập trung tại Côn Minh.



Ảnh chụp nhóm các lãnh đạo của Cột Biên giới năm 1950: từ trái sang, Lâm Lập Minh (Chính ủy Cột Biên giới), Trang Điền (Tư

lệnh Cột Biên giới) và Hoàng Kính Văn (Tham mưu trưởng Cột Biên giới). (Bài viết của Hoàng Tiểu Hà)

Vương Diên Tuyền, Phó Tư lệnh Sư đoàn 40, vẫn đang chỉ đạo các hoạt động chống cướp ở Phong Thanh, tây nam Vân Nam, và vừa hoàn tất việc tuyển chọn cán bộ cho Đoàn Cố vấn Quân sự sang Việt Nam. Nhận được điện tín từ quân đoàn yêu cầu phải lập tức trở về Côn Minh, ông không còn cách nào khác ngoài việc phi ngựa đi với tốc độ chóng mặt. Khi đến Đại Lý, Vương Diên Tuyền gặp Điền Đại Bang, Tư lệnh Trung đoàn 119, đang trên đường đến Côn Minh để báo cáo với Đoàn Cố vấn Quân sự.

Hai người cùng nhau đi đến Côn Minh như một cơn lốc. Vừa nhìn thấy Vương Diên Tuyền, Trần Canh đã thốt lên: “Anh về nhanh quá! Cùng tôi đến Việt Nam chiến đấu một trận!”

Các cán bộ đi cùng Trần Canh đều rất phấn khởi. Suốt nhiều năm, họ đã theo chân Tư lệnh Trần trong các chiến dịch, liên tục giành được thắng lợi và tràn đầy tự tin. Tuy nhiên, Lưu Sĩ Tường, 28 tuổi, người đã dự định kết hôn với Trương Thụy Vân, một nữ thư ký mật vụ cùng phòng, vào tháng 7, giờ đây đã phải hoãn ngày cưới vô thời hạn.

Trần Canh đã chu đáo chuẩn bị quà tặng cho Ủy ban Trung ương

Đảng Cộng sản Đông Dương—một lô radio, đồng hồ và bút mua từ Hồng Kông. Ông cũng mang quà tặng cho La Quý Ba, và cùng với các vật dụng khác, tổng số tiền cần đến 20 con la để vận chuyển.

Trước khi khởi hành, Trần Canh đã cân nhắc khá kỹ lưỡng. Ngày 28 tháng 6, ông đã điện báo cho Cục Tây Nam của Đảng Cộng sản Trung Quốc và Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, báo cáo: “Tôi đã quyết định rời Côn Minh đến Việt Nam vào ngày 5 tháng 7, nhưng xin hãy báo cho tôi biết ngay chức danh tôi nên dùng.”

Ngày 30 tháng 6, ông nhận được thư trả lời từ Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc: “Trần

Canh có thể đến Việt Nam với tư cách là đại diện của Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc.” Trần Canh được cho là “đại diện của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc”, và được trao toàn quyền. Khi vào Việt Nam, ông sẽ là quan chức cấp cao nhất do Trung Quốc cử đến, và có thể thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đưa ra quyết định khi cần thiết. Ngược lại, La Quý Ba là đại diện liên lạc do Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc cử đến Việt Nam.

Mao Trạch Đông hoàn toàn tin tưởng vào tài năng quân sự của Trần Canh. Ông đồng ý với quyết định của Việt Nam chuyển hướng

tấn công sang Cao Bằng và gửi điện cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương vào ngày 2 tháng 7, nói rằng: “Kế hoạch tác chiến cụ thể cho Cao Bằng sẽ được các ngài hoàn thiện sau khi Trần Canh đến. Cách thức tiến hành chiến dịch sẽ do các ngài quyết định dựa trên tình hình cụ thể. Ý kiến của chúng tôi chỉ để các ngài tham khảo, vì các ngài am hiểu tình hình hơn chúng tôi.”

Sau đó, ngày khởi hành của Trần Canh đã bị hoãn lại một chút.

Sáng ngày 7 tháng 7, một đoàn tàu nhỏ lặng lẽ rời ga Côn Minh, hướng về phía nam. Bên trong tàu, có người cố gắng nhìn ra ngoài cửa sổ, nhưng nhanh chóng rút lui khi

thấy ai đó bên đường. Người đó là Trần Canh. Sáng hôm đó, Trần Canh đã hôn con gái mình, Tiểu Kim, sinh ngày 8 tháng 4 năm đó. Mười ngày nữa, cô bé sẽ tròn 100 ngày tuổi.

Được một đội cận vệ hộ tống, Trần Canh và đoàn tùy tùng bắt đầu nhiệm vụ bí mật trên chuyến tàu hỏa Vân Nam - Việt Nam.

Trên đường về phía nam, sự hỗn loạn của Chiến tranh Triều Tiên đã lay động trái tim của một vị tướng lừng danh.

Tuyến đường sắt khổ hẹp uốn lượn qua những ngọn núi Vân Nam. Được thực dân Pháp xây dựng vào đầu thế kỷ 20 sau khi chiếm đóng Việt Nam, tuyến đường sắt này

nhằm mục đích mở rộng ảnh hưởng của họ sang Vân Nam, Trung Quốc. Đi theo đường viền của những ngọn núi, đoàn tàu không thể chạy nhanh, nhưng phong cảnh dọc đường thật ngoạn mục. Tuy nhiên, Trần Canh, bận tâm với Chiến tranh Việt Nam, không có thời gian để thưởng ngoạn phong cảnh. Suy nghĩ của ông thỉnh thoảng trôi về phía bắc, đến chiến trường Triều Tiên xa xôi. Trên chuyến tàu đến Khai Nguyên, ông gọi Lưu Thế Tường đến và giao cho ông ba nhiệm vụ mật trong chuyến đi: dịch kịp thời các bức điện tín, tiếp nhận thông tin mới...

Cộng đồng người Hoa phát sóng Tài liệu tham khảo, trong đó có tin tức từ Đài Phát thanh Trung ương.

Ông chỉ thị rằng, nếu có thể, đài phát thanh nên dừng lại để nhận tin tức bất cứ khi nào nó được phát sóng. [Ngày 23 tháng 10 năm 1989, tác giả đã đến thăm Lưu Sĩ Tường ở Côn Minh.]

Vào thời điểm này, cuộc chiến trên Bán đảo Triều Tiên đã thu hút sự chú ý của toàn thế giới. Quân đội Nhân dân Triều Tiên đã lợi dụng hiệu ứng của cuộc tấn công bất ngờ, đột phá vĩ tuyến 38 trong mưa và nhanh chóng đánh bại kẻ thù. Ngày 28 tháng 6 năm 1950, chiếm đóng Seoul và sau đó chia lực lượng chủ lực thành hai tuyến đông tây và tiến về phía nam.

Ngày 30 tháng 6, Tổng thống Hoa Kỳ Truman ra lệnh cho quân đội Hoa Kỳ tham gia Chiến tranh

Triều Tiên. Ngày 1 tháng 7, lực lượng tiên phong của Sư đoàn 24 của Lục quân Hoa Kỳ đã đến Hàn Quốc. Ngày 5, một tiểu đoàn bộ binh và một tiểu đoàn pháo binh của Hoa Kỳ đã tiến về phía bắc đến khu vực Núi Chim và bị thiệt hại nặng nề bởi Quân đội Nhân dân Triều Tiên đang tiến nhanh. Tuy nhiên, quân đội Hoa Kỳ vẫn tiếp tục đổ bộ và Chiến tranh Triều Tiên trở nên phức tạp hơn.



Năm 1955, Trần Canh được phong quân hàm tướng.

Từ ngày 1 đến ngày 6 tháng 7 năm 1950, Quân đội Nhân dân Triều Tiên đã tiến hành Chiến dịch Suwon. Lực lượng chủ lực vượt sông Hàn và đánh bại quân địch tại Suwon vào ngày 4 tháng 7. Để tiêu diệt lực lượng địch đang đối mặt với Tấn Giang và An Đông trước khi lực lượng chủ lực của Mỹ kịp

Trần Canh bí mật tiến vào Việt Nam

triển khai, Quân đội Nhân dân đã tiến hành các cuộc tấn công không ngừng nghỉ, thiết lập một sở chỉ huy quân đội dã chiến ở mặt trận phía Nam và phát động Chiến dịch Daejeon vào ngày 7 tháng 7. Mục tiêu là buộc lực lượng chủ lực của địch phải tham gia một trận chiến quyết định, qua đó giải phóng toàn bộ đất nước.

Đây là tình hình chung mà Trần Canh lo lắng nhất vào ngày ông lên đường.

Tiếng ầm ầm của đoàn tàu nhỏ vang vọng liên tục qua những ngọn núi cao chót vót ở phía nam Vân Nam. Vị tướng lừng danh Trần Canh sắp bước sang một trang mới đầy biến động trong lịch sử của mình.

Trần Canh sinh ngày 27 tháng 2 năm 1903, tại một vùng nông thôn thuộc huyện Tương Hương, tỉnh Hồ Nam. Tên thật của ông là Trần Thụ Khang. Ông nội của Trần Canh, Trần Nghị Hoài, xuất thân từ một gia đình nghèo khó. Nhờ tài năng võ thuật, ông gia nhập quân đội Hạng Vũ từ nhỏ, dần dần thăng tiến lên hàng sĩ quan. Ở tuổi trung niên, ông giải ngũ và trở thành một ông trùm giàu có ở địa phương. Những trải nghiệm của Trần Nghị Hoài đã có ảnh hưởng đáng kể đến chàng trai trẻ Trần Thụ Khang.

Đầu thế kỷ 20, những tư tưởng và xu hướng mới len lỏi vào cảnh quan Hồ Nam như một làn gió xuân. Trần Thụ Khang vào học trường từ lúc sáu tuổi, nhưng sau vài

năm, ông chán «Tứ Thư» và «Ngũ Kinh». Năm mười hai tuổi, ông vào học tại Học viện Đông Sơn ở huyện Tương Hương. Ngôi trường hiện đại này khá danh giá; năm năm trước khi Trần Thụ Khang nhập học, Mao Trạch Đông cũng đã học ở đó và chịu ảnh hưởng của những tư tưởng mới.

Tại Học viện Đông Sơn, Trần Thụ Khang đọc rất nhiều, và tư duy của ông đã có sự thay đổi đáng kể. Năm 1917, cha mẹ ông sắp xếp cho ông kết hôn với một cô gái hơn ông hai tuổi, yêu cầu ông trở về nhà ngay lập tức. Không thể chịu đựng được điều này, Trần Thụ Khang đã bất chấp hôn nhân, bỏ nhà ra đi giống như ông nội mình, gia nhập quân đội Hồ Nam, đổi tên

thành Trần Canh. Cuối cùng, anh buộc cha mẹ phải bồi thường và trả người lạ mặt về cho gia đình cô.

Tuy nhiên, Trần Canh giờ đã được tự do, mặc dù anh mới mười bốn tuổi. Anh mang theo một khẩu súng trường cao gần bằng mình và tham gia vào các trận chiến liên miên.

Ông tham gia Chiến tranh Bảo vệ Hiến pháp do Tôn Dật Tiên lãnh đạo, và sau đó là vô số trận đánh do Quân đội Hồ Nam tiến hành.

Sau bốn năm chiến đấu trên chiến trường, Trần Canh, lúc đó 18 tuổi, đã chán nản với chiến tranh và giải ngũ để làm việc cho Đường sắt Trường Sa. Trong thời gian

rảnh rỗi, ông siêng năng học tập, và bất ngờ, trình độ tiếng Anh của ông đã được cải thiện đáng kể. Lúc này, ông đặc biệt hy vọng được tìm hiểu về những thành tựu khoa học tiên tiến của phương Tây và vận dụng khoa học để cứu Trung Quốc. Tại Trường Sa, Trần Canh theo học tại một trường đại học tự học, nghe các bài giảng của Mao Trạch Đông, Đặng Trung Hạ và những người khác, và dưới sự hướng dẫn của những người cộng sản đầu tiên như Hà Thư Hoàn và Quách Lượng, ông gia nhập Đoàn Thanh niên vào tháng 12 năm 1922, sớm trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Sau đó, Trần Canh theo học tại Đại học Thượng Hải. Mùa đông

năm 1923, ông được nhận vào “Học viện Quân sự của Chính phủ Quốc dân”, do Tôn Dật Tiên đứng đầu, tại Quảng Châu. Mùa xuân năm sau, ông trở thành sinh viên khóa đầu tiên của Học viện Quân sự Hoàng Phố mới thành lập. Trong thời gian học tập, Trần Canh đã tham gia đàn áp cuộc nổi loạn của Thương đoàn Quảng Châu.

Sau khi tốt nghiệp Học viện Quân sự Hoàng Phố, Trần Canh ở lại học viện với tư cách là một đại đội trưởng, tham gia hai lần vào các chiến dịch của Quân đội Cách mạng Quảng Đông chống lại quân phiệt Trần Quýnh Minh. Tháng 9 năm 1925, Đông quân viễn chinh, do Tưởng Giới Thạch chỉ huy và Chu Ân Lai làm chủ nhiệm chính

trị, đã tấn công Huệ Châu, Quảng Đông. Trần Canh là đại đội trưởng của đại đội tấn công chủ lực. Ông đã chiến đấu anh dũng và lập công lớn trong việc chiếm giữ thành phố, sau đó dẫn đại đội của mình làm nhiệm vụ bảo vệ sở chỉ huy. Trong trận chiến ngày 27 tháng 10 năm đó, Tưởng Giới Thạch đích thân ra tiền tuyến chỉ huy, nhưng bất ngờ bị quân Quảng Đông của Lâm Hồ bao vây, quân lính của ông bị phân tán. Trong tình thế cực kỳ nguy cấp này, Trần Canh đã đưa Tưởng Giới Thạch thoát khỏi nguy hiểm. Sau đó, ông mang theo một bức thư riêng của Tưởng Giới Thạch và đi bộ hơn một trăm dặm (khoảng 50 km) để tìm Chu Ân Lai và Hà Ứng Khâm, những người sau đó đã cử quân đến giải cứu Tưởng Giới

Thạch. Tưởng Giới Thạch không bao giờ quên hành động này, và Trần Canh do đó được ca ngợi là “hình mẫu hợp tác giữa Quốc dân đảng và Đảng Cộng sản”.

Sau thất bại của Đại Cách mạng, Trần Canh theo Chu Ân Lai đến Nam Xương và tham gia vào cuộc Khởi nghĩa 1 tháng Tám nổi tiếng. Trong chiến dịch Nam tiến sau cuộc khởi nghĩa, Trần Canh bị thương nặng ở chân và cuối cùng đến Thượng Hải, nơi ông trở thành người đứng đầu Chi nhánh Đặc biệt Trung ương.

Năm 1931, ông vào Khu Xô Viết Hồ Bắc-Hà Nam-An Huy, giữ chức vụ Tư lệnh Sư đoàn 12 của Hồng quân. Ông đã chiến thắng nhiều

trận đánh và trở thành một vị tướng Hồng quân lừng lẫy. Năm sau, Trần Canh lại bị thương ở chân trong chiến đấu và bí mật trở về Thượng Hải để điều trị.

Sau khi hồi phục, ông bị chính quyền Quốc dân đảng bắt giữ và giao nộp cho Tưởng Giới Thạch. Nhờ mối quan hệ trước đây giữa Trần Canh và Tưởng Giới Thạch trong Chiến tranh Đông Dương, cùng với những nỗ lực tích cực của Tổng Khánh Linh và những người khác để giải cứu, Trần Canh đã được thả. Sau khi trở về Khu Xô Viết Giang Tây, ông giữ chức hiệu trưởng Trường Bộ binh số 1 của Hồng quân và sau đó tham gia cuộc Vạn lý Trường chinh.

Khi Chiến tranh Kháng Nhật bắt đầu, Trần Canh là chỉ huy Lữ đoàn 386 dưới quyền Lưu Bá Thành, chỉ huy Sư đoàn 129 của Bát lộ quân. Ông liên tục lập công lớn và là một vị tướng lừng danh trong Chiến tranh Kháng Nhật. Quân đội của ông dần dần phát triển thành Đội quân Thái Việt.

Sau khi Chiến tranh Giải phóng nổ ra, Trần Canh đã chỉ huy quân đội của mình trong các chiến dịch Văn Hạp, Hồng Chiếu và Lâm Phủ vào mùa thu năm 1946, tiêu diệt 25.000 quân địch.

Cuối tháng 8 năm 1947, Trần Canh dẫn hơn 80.000 quân của Quân đoàn Thái Việt vượt sông Hoàng Hà và tiến vào phía tây Hà

Nam, tiêu diệt hơn 40.000 quân địch trong các trận đánh liên tiếp.

Ông tích cực phối hợp với cuộc tiến công chiến lược của Quân đoàn Dã chiến Tấn Kỷ Lộ Ngọc do Lưu Bá Thành và Đặng Tiểu Bình chỉ huy vào dãy núi Đại Biệt. Từ đó trở đi, Trần Canh trở thành một vị tướng có khả năng độc lập chỉ huy một hướng chiến lược quan trọng trong Quân Giải phóng Nhân dân và được Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai đánh giá cao.

Quân đoàn của Trần Canh đã thu hút một lượng lớn quân Quốc dân đảng ở khu vực Trung Nguyên. Trong Chiến dịch Hoài Hải, Quân đoàn của Trần Canh là lực lượng chủ lực bao vây và tiêu diệt Quân đoàn của Hoàng Vĩ.

Tháng 4 năm 1949, Trần Canh chỉ huy Quân đoàn 4 vượt sông Dương Tử và tiến vào Giang Tây. Tháng 10, Quân Giải phóng Nhân dân phát động Chiến dịch Quảng Đông. Trần Canh chỉ huy hai quân đoàn với tổng cộng hơn 220.000 quân, và sau hơn một tháng chiến đấu, đã giải phóng toàn bộ tỉnh Quảng Đông. Sau đó, Trần Canh tham gia chỉ huy Chiến dịch Quảng Tây. Tiếp đó, ông chỉ huy Chiến dịch Vân Nam, tiến vào Vân Nam, bắt sống Đường Nghiêu, Phó Tổng tư lệnh Quốc dân đảng, và chuyển ông ta đến Vân Nam.

Ông đã dùng chiến thuật này để chinh phục toàn bộ tỉnh Vân Nam. Nhờ đó, Trần Canh đã hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu quan trọng của

mình trên đất liền Trung Quốc.

Trong hơn ba mươi năm phục vụ trong quân đội, Trần Canh thực sự là một chiến binh lão luyện đã trải qua vô số trận chiến. Dựa trên những thành tích của ông trong suốt cuộc Chiến tranh Giải phóng, quân đội do Trần Canh chỉ huy, bắt đầu từ dãy núi Thái Hành ở Sơn Tây và cuối cùng tiến vào Vân Nam, đã tiêu diệt tổng cộng 503.000 quân chính quy và địa phương của Quốc dân đảng. Trong số mười vị tướng sau này được phong hàm trong Quân Giải phóng Nhân dân, tổng quân số của tướng Trần Canh trong Chiến tranh Giải phóng chỉ đứng thứ hai sau Tô Dự.

Lịch sử dường như có một mối

liên hệ đặc biệt với Trần Canh, luôn đặt những sứ mệnh huyền thoại lên vai ông.

Trần Canh nói: “Tôi sẽ không nghỉ ngơi cho đến khi vấn đề Đông Nam Á được giải quyết.”

Lúc 4 giờ chiều ngày 7 tháng 7 năm 1950, Trần Canh đến Khai Nguyên; ông không thể đi tàu được nữa.

Tối hôm đó, ngồi một mình dưới ánh đèn, Trần Canh lấy ra một cuốn sổ tay mới và bắt đầu viết nhật ký. Cuốn sổ tay đã được vợ ông, Phù Á, đưa cho ông trước khi ông lên đường. Trần Canh và Phù Á có một mối quan hệ gắn bó sâu sắc, cùng chia sẻ một thỏa thuận sâu sắc: bất cứ khi nào Trần Canh dẫn quân ra

trận và Phù Á đi vắng, Trần Canh sẽ viết nhật ký hàng ngày, đưa cho Phù Á giữ gìn khi họ đoàn tụ. Vì vậy, bất cứ khi nào Trần Canh chuẩn bị lên đường, ông sẽ nhận được một cuốn sổ tay mới từ vợ mình. Trong Chiến tranh Giải phóng, Trần Canh đã chiến đấu trên chiến trường, dành phần lớn thời gian của mình xa cách Phù Á, dẫn đến một khối lượng lớn các mục nhật ký.

Đầu năm 1949, sau khi Chiến dịch Hoài Hải kết thúc, Trần Canh chuẩn bị dẫn quân về phía nam. Theo đề nghị và sự chấp thuận của An Tử Văn, Thứ trưởng Bộ Tổ chức Trung ương, Phù Á được điều động đến Quân đoàn 4 để tháp tùng ông về phía nam. Trong năm tiếp theo, Trần Canh về cơ bản đã ngừng viết

nhật ký. Bây giờ, Trần Canh sẽ lại viết vào đó. Nhờ cuốn sổ tay mới của Phù Nhã, Trần Canh đã ghi chép chi tiết những trải nghiệm của mình ở Việt Nam.

Sáng hôm sau, một trận mưa như trút nước khiến đường xá lầy lội, không thể đi lại được, nên họ phải chờ đợi cả ngày⁵⁶.

Ngày 9 tháng 7, Trần Canh và đoàn tùy tùng tiếp tục đi về phía nam. Trên đường đi, họ gặp mưa, và những người lính đi trên xe tải mui trần bị ướt sũng. Tối hôm đó, Trần Canh nhận được điện tín từ Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, do La Quý Ba chuyển tiếp, thông báo rằng Bộ tư lệnh

⁵⁶ Ngày 23 tháng 1 năm 1990, tác giả đến thăm Phù Nhã tại Bắc Kinh.

quân đội Việt Nam đã thay đổi kế hoạch ban đầu là đánh chiếm Lào Cai và thay vào đó là dự định tấn công Cao Bằng.

Trưa ngày 10, Trần Canh đến Diên Sơn và ngay lập tức sắp xếp một cuộc họp với các sĩ quan cấp sư đoàn và trung đoàn Việt Nam, lắng nghe báo cáo của họ về tình hình huấn luyện. Tối hôm đó, ông cũng nhận được báo cáo từ Chu Hy Hàn, Tư lệnh Tập đoàn quân 13, và Ngô Tiểu Mẫn, Cố vấn quân sự Trung Quốc cho Sư đoàn 308 Việt Nam. Trần Canh có ấn tượng rõ ràng: quân đội Việt Nam đã “đạt được kết quả to lớn trong hơn một tháng huấn luyện, bước đầu giải quyết được các vấn đề chiến thuật và tư tưởng, đặc biệt là về

pháo binh, phá hủy và sử dụng súng máy, đạt được thành công đáng kể.” Trong báo cáo của mình, Chu Hy Hàn thẳng thắn nói với Trần Canh: “Nhìn chung, quân đội chúng tôi hòa hợp tốt với quân đội Việt Nam. Tuy nhiên, một số sĩ quan Việt Nam cấp trên đại đội lại nghĩ rằng họ có trình độ hơn các cố vấn Trung Quốc, coi thường các cố vấn của chúng tôi, và cho rằng chúng tôi kém cỏi, chỉ có thể chống lại Quốc dân đảng, chứ chưa chắc đã chống lại được Pháp.”

“Vậy sao?” Trần Canh hỏi, dù đã chuẩn bị trước, với một chút lo lắng.

“Vâng, đó là câu hỏi,” Chu Hi Hàn trả lời.

Trần Canh ở lại Diên Sơn hai ngày, trong thời gian đó, ông đã đọc kỹ báo cáo của Song Hạo, nguyên Chính ủy Chiến khu Tây Bắc của Quân đội Việt Nam và hiện là Chính ủy Sư đoàn 308, về tình hình quân đội Việt Nam tại Chiến khu Tây Bắc và hiện trạng của quân đội Việt Nam. Trần Canh rất hài lòng với báo cáo của Song Hạo, được viết theo phong cách giản dị và thẳng thắn.

Ngay từ khi đến Diên Sơn, Trần Canh đã dồn hết tâm huyết vào kế hoạch chung hợp tác giữa hai đảng và hai nước Trung Quốc và Việt Nam để đánh bại quân đội Pháp. Ông đã gặp gỡ hơn hai mươi cố vấn quân sự Trung Quốc sắp tháp tùng Sư đoàn 308 sang Việt Nam và

dành cho họ những lời động viên. Câu nói đầu tiên của ông đã khiến nhiều cấp dưới thích thú: “Các anh em được Trung ương ủy thác đến đây để giải quyết vấn đề Đông Nam Á. Nếu vấn đề Đông Nam Á không được giải quyết, tôi sẽ chết trong hối tiếc.”⁵⁷

Về việc các cố vấn trở về, Trần Canh nói: “Cuộc chiến tranh cách mạng trong nước đã thắng lợi, nhưng công việc của các anh vẫn chưa kết thúc. Các anh vẫn phải chịu đựng gian khổ và cùng tôi chiến đấu ở Việt Nam. Nếu các anh muốn trở về, có thể, nhưng có hai khả năng: một là hy sinh trên chiến trường, và nếu các anh được vinh danh, tôi sẽ chở các anh về Trung

⁵⁷ Ngày 3 tháng 2 năm 1990, tác giả đến thăm Lý Đình ở Bắc Kinh.

Quốc; hai là chiếm Hà Nội, và tôi sẽ đưa các anh về bằng máy bay.”

Tại Diên Sơn, Trần Canh đã có được một lợi ích bất ngờ - ông đã có được Chu Nhất Chi, một phiên dịch viên thông thạo tiếng Việt, từ Chu Tây Hán. Chu Nhất Chi là con trai của một Hoa kiều tại Việt Nam, sinh năm 1919 tại tỉnh Hà Giang gần Hà Nội, Việt Nam. Ông trải qua tuổi thơ ở Việt Nam, và sau khi tốt nghiệp tiểu học, cha ông đã gửi ông trở về Trung Quốc học trung học. Trong Chiến tranh Kháng Nhật, Chu Nhất Chi học báo chí tại Đại học Liên hợp Tây Nam, nơi ông đã yêu Phó Đông, con gái của tướng Phó Tả Nghĩa, sau khi là bạn học cùng lớp. Trong những năm đại học, cả Chu Nhất Chi và

Phó Đông đều có liên hệ với tổ chức ĐCSTQ.

Sau khi kháng chiến chống Nhật kết thúc, Chu Nhất Chi và Phó Đông đến Bắc Bình làm phóng viên cho tờ Nhân dân Nhật báo. Năm 1947, Chu Nhất Chi gia nhập Đảng Cộng sản Trung Quốc bí mật, cùng lúc đó Phó Đông cũng gia nhập đảng. Trong Chiến dịch Bình Tân, Phó Đông và Chu Nhất Chi đã có những đóng góp riêng để tạo điều kiện cho cuộc nổi dậy của tướng Phó Tác Nghĩa. Sau khi Bắc Bình được giải phóng một cách hòa bình, Chu Nhất Chi gia nhập tờ Nhật báo Giải phóng Bắc Bình được tái bản.

Mùa thu năm 1949, ông đi về phía nam và theo Quân đoàn 4 của

Trần Canh đến Côn Minh để tham gia thành lập tờ Văn Nam Nhật báo. Không lâu sau, Chu Hy Hán đang tìm kiếm một phiên dịch viên tiếng Việt để huấn luyện quân đội Việt Nam ở Diên Sơn và tự nhiên đã tiếp cận Chu Nhất Chi. Ở Diên Sơn, Chu Nhất Chi là phiên dịch viên tiếng Việt giỏi nhất của Chu Hy Hán. Giờ đây, việc huấn luyện quân đội Việt Nam đã hoàn tất, Trần Canh sắp sang Việt Nam. Thấy Chu Nhất Chi nói tiếng Việt rất tốt, ông đã đặc biệt yêu cầu Chu đi cùng⁵⁸.

Thắng lợi của trận đầu tiên sẽ ảnh hưởng đến cục diện chiến lược chung.

Trưa ngày 13 tháng 7 năm 1950,

58 Ngày 1 tháng 12 năm 1994, tác giả đến thăm Chu Nhất Chi ở Thượng Hải.

Trần Canh cùng đoàn tùy tùng đến huyện Văn Sơn, tỉnh Vân Nam. Bàng Tử, An Lang và Mã Lệ, các trưởng ban Ủy ban huyện Văn Sơn đón tại huyện Văn Sơn, đã đãi bữa trưa món “Bún qua cầu” Vân Nam. Có lẽ Trần Canh vẫn còn trần trở về mối quan hệ phức tạp giữa Trung Quốc và Việt Nam, hoặc có lẽ bản tính ông thẳng thắn và hài hước, ông vừa mới đặt chân đến...

Trong văn phòng ủy ban, ba người ngồi ở hàng ghế đầu. Chưa kịp hỏi ai là bí thư ủy ban huyện, Trần Canh đã lớn tiếng khiển trách: “Các người có phải đang theo chủ nghĩa sô vanh nước lớn không? Điều đó là không thể chấp nhận được. Chúng ta là một cường quốc, còn họ là một nước nhỏ. Nước nhỏ

có những khó khăn riêng, và chúng ta nên thông cảm. Chúng ta không thể làm ra vẻ sô vanh nước lớn. Các người có hiểu không?...”

Bàng Tử và hai người kia sửng sốt. Nghĩ lại, họ nhận ra Trần Canh có lẽ đang ám chỉ việc trong Chiến tranh Giải phóng, lực lượng biên phòng Vân Nam-Quý Châu-Quảng Tây đã rút về Việt Nam, và Trần Canh tỏ ra bất bình khi Việt Nam vẫn duy trì liên lạc với chính phủ Quốc dân đảng, cho rằng điều đó thể hiện sự thiếu cân nhắc đến tình hình thực tế của Việt Nam. Lúc đó, Bàng Tử và những người khác không đưa ra bất kỳ lời giải thích nào, nhưng những lời nói đột ngột của Trần Canh đã để lại ấn tượng

sâu sắc cho họ ngay cả nhiều thập kỷ sau đó⁵⁹.

Đường cao tốc Vân Nam - Quý Châu kết thúc tại Văn Sơn, Trần Canh và những người khác bỏ xe lại và lên đường. Ngày 16 tháng 7, giữa cơn mưa như trút nước, Trần Canh và đoàn tùy tùng đã đến huyện Malipo, gần biên giới. Đại diện Tỉnh ủy Hà Dương của Đảng Cộng sản Việt Nam đã được cử đến đón họ.

Tối hôm đó, Trần Canh đã triệu tập một cuộc họp với đoàn tùy tùng, thông báo rõ ràng nhiệm vụ của họ tại Việt Nam: Thứ nhất, hỗ trợ Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương xác

⁵⁹ Ngày 17 tháng 12 năm 1989, tác giả đã đến thăm Anlang và Mali ở Côn Minh.

định chiến lược tác chiến khả thi cho chiến dịch biên giới, soạn thảo các kế hoạch tác chiến cụ thể và hỗ trợ phía Việt Nam thực hiện chỉ huy chiến dịch; thứ hai, xác định kế hoạch cung cấp viện trợ vật chất cho Việt Nam dựa trên kế hoạch chiến dịch và điều phối các hoạt động viện trợ khác nhau; thứ ba, hỗ trợ Quân đội Nhân dân Việt Nam trong công cuộc xây dựng quân đội.

Trần Canh nói: “Giúp Việt Nam chống Pháp xâm lược là lần đầu tiên kể từ khi thành lập nước Trung Hoa mới, chúng ta giúp một nước láng giềng chống ngoại xâm, và cũng là lần đầu tiên Đảng ta trực tiếp giúp một đảng anh em chiến đấu. Chúng ta được Đảng giao phó

công tác tại Việt Nam, gánh vác nghĩa vụ cao cả của chủ nghĩa quốc tế. Công việc này vừa vinh quang vừa gian khổ. Mỗi hành động của chúng ta đều đại diện cho Đảng và đất nước, và chúng ta phải hết sức thận trọng. Chiến dịch biên giới, xét về quy mô, không phải là một trận đánh lớn, nhưng chúng ta không được xem nhẹ.” Bởi vì trận đánh này có ý nghĩa then chốt đối với cuộc kháng chiến chống Pháp của Việt Nam. Nếu thắng lợi trong trận đánh này, cục diện toàn bộ chiến trường Bắc Việt sẽ thay đổi. Hiện nay, chúng ta chưa quen thuộc với địch và chưa hiểu biết đầy đủ về Quân đội Nhân dân Việt Nam. Làm một cố vấn giỏi và đưa ra những ý tưởng hay không phải là điều dễ dàng. Vì vậy, chúng ta cần nhận

thức đầy đủ những khó khăn của nhiệm vụ và nỗ lực hết sức để giúp quân đội Việt Nam giành chiến thắng trong trận chiến này⁶⁰.

Do bị ướt mưa trong suốt hành trình hôm đó, đôi chân bị thương của Trần Canh bắt đầu đau nhức vào buổi tối. Tuy nhiên, ông vẫn giữ được tâm trạng tốt và viết nhật ký trong ngày bằng những nét chữ khá đẹp:

Tôi khởi hành muộn lúc 8 giờ vì trời mưa. Đường trơn trượt và chúng tôi ngã liên tiếp. Dọc đường, đỉnh núi dựng đứng và cây cối cao chót vót. Phong cảnh ở đây đẹp nhất Giang Nam. Tôi đến Malipo lúc 2 giờ chiều. Thị trấn này không

60 Chu Nhất Chi và Khúc Ái Quốc, “Nhiệm vụ bí mật”, tạp chí *Nhân dân*, số 2, 1993.

lớn. Nó nằm trong một thung lũng và được bao quanh bởi hai ngọn núi. Nó sạch sẽ và thanh lịch. Nó chỉ cách biên giới khoảng 80 km.

Ngày hôm sau, Trần Canh nghỉ ngơi tại Malipo, có lẽ hy vọng cơn đau ở chân sẽ thuyên giảm. Ông dành cả ngày ở đó để suy ngẫm về chiến dịch Việt Nam sắp tới. Nhật ký của ông cho thấy việc chiếm Cao Bằng là trọng tâm trong trận đánh đầu tiên của ông ở miền Bắc Việt Nam:

“Tôi đã suy nghĩ về chiến dịch Việt Nam suốt cả ngày. Chiến lược cho chiến dịch Việt Nam nên là giành thế chủ động hoàn toàn, nhằm tiêu diệt lực lượng cơ động của Pháp và thay đổi tình thế địch mạnh hơn ta. Chiến dịch Cao Bằng

nên là bao vây Cao Bằng, dụ địch ở Lạng Sơn tăng viện, và tiêu diệt năm tiểu đoàn cơ động của chúng trong chiến tranh cơ động. Nếu đạt được mục tiêu này, nó sẽ có ý nghĩa quyết định cho chiến thắng của chiến dịch Việt Nam.”

Khi đến Malipo, Trần Canh nhận được hai bức điện. Một là lệnh từ Bộ Tư lệnh Quân khu Tây Nam, điều Vương Diên Tuyền đến Trường Không quân Trường Xuân ở Đông Bắc Trung Quốc làm hiệu trưởng.

Trần Canh gọi Vương Diên Tuyền đến, đặt bức điện trước mặt và hỏi: “VẬY, anh sẽ đến Trường Xuân làm hiệu trưởng, hay sẽ cùng tôi đi chiến đấu ở Việt Nam?”

“Anh đã suy nghĩ kỹ chưa?”

“Trần Canh cất bức điện đi, nói: ‘Tôi sẽ giải thích với Quân khu Tây Nam. Anh thực sự quyết định tham chiến sao?’”⁶¹

Vương Diên Tuyền đáp: “Tôi sẵn sàng chiến đấu ở Việt Nam.” Bức điện này dễ xử lý, nhưng một bức điện khác khiến Trần Canh phải suy nghĩ rất nhiều. Bức điện đến từ Tỉnh ủy Vân Nam, ám chỉ rằng chuyến đi Việt Nam của Chu Nhất Chi có thể không phù hợp. Bức điện nói rằng Chu Nhất Chi đã gây rắc rối trong thời gian ở Việt Nam, và giờ đây việc cải thiện quan hệ với Việt Nam là vô cùng quan trọng. Nếu chuyến đi Việt Nam của

⁶¹ Tháng 4 năm 1988, tác giả đã đến thăm Vương Diên Tuyền tại Côn Minh.

Chu Nhất Chi gây bất tiện, tốt hơn hết là ông ta không nên đi.

Trần Canh triệu tập Chu Nhất Chi và nói với ông ta rằng Tỉnh ủy Vân Nam có nghi ngờ về chuyến đi Việt Nam của ông ta. Liệu ông ta có nên không đi không? Chu Nhất Chi sẵn sàng đồng ý, nói rằng: “Nếu tôi không muốn đi thì tôi sẽ không đi.”

Tuy nhiên, đêm đó, Chu Nhất Chi không ngủ được. Ông suy nghĩ đi suy nghĩ lại, cảm thấy mình đã hành động một cách cởi mở và trung thực trong thời gian làm việc ở Việt Nam. Nếu trước đây có bất kỳ hiểu lầm nào, việc đến Việt Nam thực sự có thể giúp làm sáng tỏ mọi chuyện.

Sáng hôm sau, Chu Nhất Chi đến gặp Trần Canh để giải thích tình hình. Hóa ra không lâu sau khi Chiến tranh Chống Nhật kết thúc, Chu Nhất Chi lại quay trở lại Việt Nam. Lúc này, ông đã có quan hệ mật thiết với tổ chức ĐCSTQ. Khi đang giảng dạy tại Trường Trung học Cơ sở Trung Quốc ở Hà Nội, ông đã chấp nhận sự lãnh đạo của tổ chức ĐCSTQ và làm phóng viên cho “Thông tấn xã Việt-Trung”. Vào thời điểm đó, tình hình ở Việt Nam rất phức tạp. Lãnh đạo của Chu Nhất Chi đang có mâu thuẫn với Đảng Cộng sản Đông Dương.



Chu Nhất Chi, phiên dịch viên
cho nhóm cố vấn quân sự Trung
Quốc

Một số hiểu lầm đã nảy sinh.
Vấn đề ban đầu chỉ là chuyện nhỏ,
nhưng do tình hình chiến sự thay
đổi đột ngột và việc Ủy ban Trung
ương Đảng Cộng sản Đông Dương
rút khỏi Hà Nội, cả hai bên đều mất
đi cơ hội giải thích. Tháng 12 năm
1946, Chu Nhất Chi đến Lạng Sơn,
gần biên giới Trung-Việt, thăm
người thân. Bất ngờ, chiến tranh

Trung-Việt quy mô lớn bùng nổ, không thể trở về Hà Nội, ông đã vượt biên trở về Trung Quốc.

Chu Nhất Chi kết luận rằng tình hình mà Tỉnh ủy mô tả chỉ là một hiểu lầm nhỏ, và chuyển đi Việt Nam của ông thực sự sẽ giúp làm sáng tỏ tình hình.

Sau khi nghe Chu Nhất Chi giải thích, Trần Canh đã hết lời khen ngợi ông: “Người có đầu óc cởi mở nên hành động như thế này. Người có chính kiến không có gì phải sợ. Vì không có gì sai trái, nên dám chịu trách nhiệm.” Ông lấy quá khứ của mình làm ví dụ, nói rằng khi ông làm việc tại Ủy ban Trung ương Lâm thời ở Thượng Hải, có điều gì đó đã khiến cấp trên nghi

ngờ. Anh ta đến cửa nhà họ và nói: “Các anh không sợ tôi gặp rắc rối sao? Giờ tôi đã ở đây, sẵn sàng bị điều tra, và chúng ta sẽ giải thích trực tiếp.” Vấn đề vì thế được giải quyết dễ dàng.

Trần Canh vỗ ngực và nói với Chu Nhất Chi một cách chắc chắn: “Chúng ta sẽ cùng nhau đến Việt Nam, và tôi sẽ phụ trách việc này⁶².”

Trần Canh rời Malipo vào ngày 18 tháng 7. Trước khi đi, anh ta hỏi Từ Đức Quân, người phụ trách Malipo: “Anh có gặp khó khăn gì không?”

Từ Đức Quân suy nghĩ một lúc rồi nói: “Chúng tôi thiếu vũ khí hạng nặng.”

62 Ngày 1 tháng 12 năm 1994, tác giả đến thăm Chu Nhất Chi tại Thượng Hải.

Trần Canh lập tức cầm bút viết một tờ giấy, nhờ anh ta đến Văn Sơn để lấy hai khẩu súng máy hạng nặng từ Quân đoàn 13. Từ Đức Quân tiễn Trần Canh đi với nụ cười rạng rỡ.

Khi đội của Trần Canh đã khuất vào hẻm núi, Từ Đức Quân đột nhiên nhớ ra điều gì đó và hét lên: “Tôi quên mất, phải báo với Tư lệnh Trần rằng điện thoại của tôi vẫn chưa hoạt động.”

Lúc này, nhìn về phía nam, có thể thấy dòng sông chảy về phía nam, hai bên là núi non trùng điệp, dưới bầu trời xanh ngắt, khắp nơi chỉ thấy một màu xanh mướt⁶³.

63 Ngày 29 tháng 3 năm 1988, tác giả đến thăm Long Vĩnh Kha và Mai Sâm, những người từng làm việc cho Hứa Đức Quân, tại Văn Sơn, Vân Nam.

Sau khi rời Malipo, đường núi trở nên hẹp và gồ ghề hơn. Thỉnh thoảng có thể cưỡi ngựa, nhưng hầu hết thời gian chỉ có thể đi bộ. Trần Canh đi về phía nam dọc theo sông Bàn Long. Baba'ao, Lạc Thủy Động, Bình Trại... từng cái một, những địa danh và làng mạc mang đậm nét quyến rũ của miền nam Tân Cương lướt qua trước mắt nhóm người. Độ cao dần dần giảm xuống, núi non hai bên ngày càng hùng vĩ, thời tiết cũng nóng hơn. Đêm đó, họ cắm trại tại thành phố Giao Chỉ, một địa danh gần như đồng nghĩa với Việt Nam.

Trên đường đến biên giới, núi non trùng điệp, có vài thác nước đổ xuống, cảnh đẹp tuyệt vời, nhưng đáng tiếc là sau cơn mưa,

đường lầy lội, khiến việc di chuyển trở nên khó khăn. Trước một thác nước trên núi, Trần Canh gọi mọi người nghỉ ngơi một lúc, nhưng nghe thấy có người phàn nàn: “Đây không phải đường, đây là đầm lầy lầy lội!”

Trần Canh bắt chuyện và nói: “Chúng ta đến Việt Nam để trở thành những chiến sĩ quốc tế, nên trước tiên phải trả một chút giá quốc tế.”

Ông nhìn quanh và bày tỏ cảm xúc của mình với những ngọn núi xanh và làn nước trong vắt: «Chúng ta sắp rời xa quê hương. Phong cảnh ở đây rất đẹp. Chúng ta hãy chụp một bức ảnh ở đây làm kỷ niệm.⁶⁴»

64 Chu Nhất Chi và Qu Ái Quốc: “Nhiệm vụ bí mật”,



Ảnh chụp nhóm các chỉ huy cấp cao Trung Quốc và Việt Nam năm 1950. Từ trái sang: Hoàng Văn Thái (Việt Nam), Trần Canh, Võ Nguyên Giáp (Việt Nam), Lê Liêm (Việt Nam), Trần Đăng Ninh (Việt Nam) và Vệ Quốc Thanh.

Trần Canh xác định mục tiêu chiến dịch

Ngày 19 tháng 7 năm 1950, Trần Canh đặt chân lên đất Việt Nam.

xem Tạp chí Nhân dân, Số 2, 1993.

Nhật ký của ông ghi lại ngày hôm đó rất sống động:

“Thời tiết nóng nực, núi cao, đường hẹp, lầy lội khó đi. Ngay cả ngựa cũng không thể cưỡi. Đến sông Thanh Thủy, chúng tôi đã kiệt sức. Hôm nay, chúng tôi đã phải trả giá cho tinh thần quốc tế.”

Sông Thanh Thủy là biên giới giữa Trung Quốc và Việt Nam, với một cây cầu xích sắt bắc qua và các công sự do Việt Nam xây dựng trên bờ sông. Sau khi qua cầu, Đảng Cộng sản Việt Nam đã cử một đặc phái viên đến một quán rượu để chào đón chúng tôi, mang theo đủ loại nước uống và trái cây. Chúng tôi đói và khát đến nỗi ăn ngấu ngiến, quên cả nghi thức quốc tế.

Đảng Cộng sản Việt Nam đã cung cấp hơn mười cỗ xe ngựa và đưa chúng tôi đến một ngôi làng nhỏ cách sông Thanh Thủy 16 dặm (khoảng 8 km) để cắm trại. Đây là một địa điểm do Đảng Cộng sản Việt Nam đặc biệt dựng lên để tiếp đãi chúng tôi. Sự hiếu khách thật tuyệt vời, mặc dù đồ ăn thức uống khác với những gì chúng tôi có ở nước tôi, điều này khá thú vị. Sau một thời gian nghỉ ngơi ngắn, đoàn được hướng dẫn bắt đầu cuộc điều tra.

Trời mưa to suốt đêm. Tôi bị đau răng dữ dội.

Như đã sắp xếp trước, Trần Canh đã đến thẳng trụ sở Đảng Cộng sản Đông Dương tại Thái

Nguyên sau khi nhập cảnh Việt Nam.

Ngoài các hướng dẫn viên, Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam còn phân công ba cô gái trẻ đi cùng ông trên hai xe chở trái cây. Trần Canh, với bản tính hài hước, đã mô tả sự hiếu khách này là “một bữa tiệc nhỏ cứ năm tiếng một lần, một bữa tiệc lớn cứ mười tiếng một lần, chuối trên lưng ngựa, chanh trên chân, cà phê sau bữa ăn và dừa trước khi đi ngủ.” Ông và mọi người đặt cho ba người phụ nữ những biệt danh như “Cô Chanh”, “Cô Dừa” và “Cô Cà Phê” - một tình tiết khá lãng mạn trong chuyến đi đầu tiên của Trần Canh đến Việt Nam.

Sau khi vào Việt Nam, Trần Canh đã tận mắt chứng kiến sự tàn phá nặng nề mà chiến tranh đã gây ra cho vùng núi phía Bắc Việt Nam, và cảnh nghèo đói cùng cực của người dân miền núi.

Trần Canh cảm thấy lo lắng về lòng hiếu khách mà mình nhận được và xin từ chối. Tuy nhiên, ông được trả lời: “Ngài mới đến Việt Nam và là khách quý của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta. Khí hậu miền núi phía Bắc Việt Nam khó lường và đây là vùng sốt rét lưu hành. Việc đảm bảo sức khỏe cho ngài là trách nhiệm của chúng tôi. Đây là quyết định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta, và chúng tôi phải tuân thủ.”

Trên đường đi, ông đã trao đổi với các quan chức Việt Nam ở nhiều cấp. Khi đến Vĩnh Tuy, nằm giữa Hà Giang và Tuyên Quang, ông thậm chí còn gặp Trung đoàn 165 của Quân đội Việt Nam. Trần Canh dần nhận thấy sự khác biệt đáng kể giữa nhận thức của cán bộ Việt Nam về chiến dịch sắp tới và của ông. Họ hiếm khi thảo luận về cách tiêu diệt sinh lực của địch hoặc giành thế chủ động trên chiến trường; thay vào đó, họ nói nhiều hơn về việc chiếm Lào Cai và Cao Bằng, tập trung vào việc chiếm giữ các thị trấn và lãnh thổ.

Trần Canh đã phát triển những ý tưởng riêng của mình về chiến dịch Cao Bằng. Ngày 22 tháng 7, Trần Canh gửi điện tín cho Ban

Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về các hoạt động ở khu vực Cao Bằng: Một bộ phận quân đội chủ lực của Việt Nam, sau khi được huấn luyện và trang bị ở Vân Nam và Quảng Tây, đang rất phấn khởi, nhưng các sĩ quan cấp tiểu đoàn trở lên lại thiếu kinh nghiệm chỉ huy thực tế. Do đó, chiến lược tác chiến hiện nay ở miền Bắc Việt Nam là phần đầu tiêu diệt lực lượng cơ động của địch trên chiến trường, trước tiên là tiêu diệt một số cứ điểm nhỏ, biệt lập để giành thắng lợi bước đầu, tích lũy kinh nghiệm, nâng cao và củng cố tinh thần chiến đấu của quân lính, phần đầu giành thế chủ động hoàn toàn và dần dần chuyển sang các hoạt động quy mô lớn. Về quyết định tấn công Cao Bằng của Việt Nam,

đề xuất áp dụng chiến lược bao vây thành phố và tấn công quân tiếp viện, trước tiên là chiếm các cứ điểm biệt lập ở xa để tích lũy kinh nghiệm, sau đó chiếm Cao Bằng, điều này cũng sẽ thu hút lực lượng địch từ Lạng Sơn, cho phép tập trung quân đã được huấn luyện, lựa chọn chiến trường và tiêu diệt lực lượng cơ động của Pháp đến từ hướng Lạng Sơn. Nếu tiêu diệt được ba đến năm tiểu đoàn lực lượng cơ động Lạng Sơn, việc chiếm giữ một số cứ điểm ở Cao Bằng và vùng phụ cận Lạng Sơn sẽ dễ dàng hơn, và tình hình phe ta ở Đông Bắc và Bắc Việt Nam sẽ thay đổi đáng kể.

Điện tín này giải thích rằng kế hoạch của Trần Canh cho chiến dịch

Cao Bằng là trước tiên tấn công các tiền đồn rải rác và biệt lập xung quanh Cao Bằng, sau đó sử dụng một cuộc bao vây để nhử địch và tạo cơ hội tiêu diệt quân tiếp viện của Pháp trên chiến trường.

Cùng ngày, Trần Canh cũng gửi điện tín cho La Quý Ba, yêu cầu ông ta chú ý đến học thuyết tác chiến của quân đội Việt Nam.

Mao Trạch Đông cực kỳ quan tâm đến chiến dịch Cao Bằng. Ngày 23 tháng 7, Mao Trạch Đông trả lời Trần Canh: “(1) Tôi đã nhận được tất cả điện tín của ngài. (2) Chiến dịch Cao Bằng của quân đội Việt Nam vô cùng quan trọng. Xin ngài hãy giúp các đồng chí Việt Nam ngiên cứu kỹ lưỡng tình hình, chuẩn

bị chu đáo, và chỉ hành động khi hoàn toàn chắc chắn chiến thắng. Sau chiến thắng này, dự đoán địch ở Lào Cai có thể tháo chạy. Do đó, quân đội Việt Nam nên chuẩn bị cho trận đánh thứ hai để tiêu diệt địch đang tháo chạy ở Lào Cai. Ngài nên giúp chúng đánh vài trận ở Việt Nam để mở ra một tình thế đáng kể.”

Những ngày sau đó, Mao Trạch Đông tiếp tục xem xét chiến dịch Cao Bằng. Ngày 26 tháng 7, ông soạn thảo điện tín cho Trần Canh gửi Quân ủy Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc:

“Chúng tôi tin rằng ý kiến của ngài là đúng. Quân đội Việt Nam trước tiên nên đánh những trận

nhỏ để dần dần rèn luyện bản thân đánh những trận lớn hơn một chút trước khi có thể đánh những trận lớn hơn. Hiện tại, không nên đánh trực tiếp Cao Bằng, mà nên đánh những cứ điểm nhỏ trước, cố gắng bao vây thành phố và tấn công viện binh.” Nhờ điện tín liên tục của Mao Trạch Đông thay mặt Quân ủy Trung ương, Trần Canh cảm thấy an tâm hơn nhiều.

Ngày 27 tháng 7 là ngày thứ tám Trần Canh vào Việt Nam. Hôm đó, ông liên tục bị đau răng, chân cũng rất yếu. Ông cố chịu đựng và tiếp tục hành trình trên địa hình hiểm trở sau khi đi bộ hơn 30 km theo đường núi, dưới sự hướng dẫn của Phạm Văn Đồng, Bộ trưởng Bộ Mặt trận Thống nhất Đảng Cộng sản

Đông Dương, người đã đến dự sự kiện này, cuối cùng họ cũng đến trụ sở Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, nằm cách huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang 12 km về phía bắc. Hồ Chí Minh, cùng với một số ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương và La Quý Ba, đã chào đón họ tại đèo. Họ chuẩn bị một cốc sữa cho mỗi vị khách Trung Quốc từ phương xa đến.

Hồ Chí Minh và Trần Canh đã gặp nhau tại Quảng Châu trong thời kỳ Cách mạng Pháp. Vào thời điểm đó, Hồ Chí Minh là phiên dịch và thư ký cho cố vấn Liên Xô Boro-din, và thường xuyên liên lạc với thanh niên Việt Nam đang học tại Học viện Quân sự Hoàng Phố.

Sau khi tốt nghiệp Học viện Quân sự Hoàng Phố, Trần Canh ở lại làm đại đội trưởng, thường xuyên nhận chỉ thị từ Chu Ân Lai để thực hiện nhiệm vụ. Hồ Chí Minh và Trần Canh quen biết nhau thông qua mối quan hệ với Chu Ân Lai, Lý Phú Xuân và những người khác. Trần Canh cũng tham dự đám cưới của Chu Ân Lai và Đặng Dĩnh Siêu tại Quảng Châu vào tháng 8 năm 1925, cùng với Hồ Chí Minh. Nhiều năm trôi qua nhanh chóng, và vào tháng 1 năm 1950, cuối cùng họ đã đoàn tụ tại Nam Ninh sau một thời gian dài xa cách. Trần Canh là chủ nhà, còn Hồ Chí Minh là khách. Hai người hồi tưởng lại khoảng thời gian xa cách. Sáu tháng sau, vai trò đảo ngược, và Hồ Chí Minh chờ đợi vị khách của mình trong

khu rừng rậm rạp. Giờ đây, trong một thung lũng rợp bóng cây cổ thụ ở miền bắc Việt Nam, Hồ Chí Minh và Trần Canh đã gặp nhau và ôm chặt lấy nhau.

Tối hôm đó, Trần Canh đã cho đoàn tùy tùng nghe báo cáo của Đỗ Đức Kiên, Tổng thư ký Quân ủy Việt Nam, và các sĩ quan Bộ Tổng tham mưu, về tình hình miền bắc Việt Nam. Chính ông đã chia sẻ quan điểm của mình với Hồ Chí Minh: quân đội Việt Nam nên tập trung tạo cơ hội để tiêu diệt quân Pháp và giành thế chủ động trên chiến trường. Hiện tại, quân đội Việt Nam còn thiếu kinh nghiệm tác chiến quy mô lớn và khả năng củng cố các vị trí còn yếu kém. Do đó, trước tiên họ nên tấn công

các cứ điểm nhỏ của Pháp, giành chiến thắng, tích lũy kinh nghiệm, rồi dần dần chuyển sang các chiến dịch quy mô lớn.

Trong tình hình hiện tại, nguyên tắc nên là bao vây và phục kích quân tiếp viện, tiêu diệt một lượng lớn lực lượng cơ động của Pháp trong trận chiến mở. Làm được điều này cuối cùng sẽ cho phép họ chiếm được các cứ điểm lớn như Cao Bằng và Lạng Sơn.

Hồ Chí Minh đồng ý với ý kiến của Trần Canh.

Ngày hôm sau, Trần Canh nhận được điện tín của Mao Trạch Đông về chiến lược tác chiến Cao Bằng. Trong nhật ký hôm đó, ông viết:

“Đã nhận được điện tín của Mao, nói rằng chiến dịch Cao Bằng có tầm quan trọng tối cao, chỉ thị tôi giúp họ đột phá về mặt quân sự, và hoàn toàn đồng ý với quan điểm tác chiến của tôi, đồng thời chỉ thị tôi phải chú ý đến bí mật và an toàn của bản thân.”

La Quý Ba đã tóm tắt cho Trần Canh về tình hình hiện tại ở Việt Nam. La Quý Ba nhắc Trần Canh rằng sau một cuộc đối đầu chiến lược dài và gian khổ, sự ủng hộ nhanh chóng của cách mạng Trung Quốc dành cho Việt Nam sau chiến thắng đã khiến một số đồng chí Việt Nam vô cùng khao khát chiến thắng trong cuộc chiến chống Pháp, đặt nhiều hy vọng vào vũ khí mới có được. La Quý Ba tin rằng mặc

dù Pháp đã bị suy yếu trong Thế chiến, nhưng cuộc chiến sẽ còn kéo dài trong một thời gian dài vì Việt Nam yếu kém về mọi mặt.

Sáng ngày 30 tháng 7 năm 1950, cùng với La Quý Ba, Trần Canh và Tăng Diên Vĩ, cùng với phiên dịch Chu Nhất Chi, đã đến thăm Hồ Chí Minh. Họ đi theo một con đường hẹp từ nơi ở của mình đến dòng sông quanh co ở đèo, lên một chiếc bè tre, sang bờ bên kia và đi sâu vào rừng tre. “Biệt thự” của Hồ Chí Minh - một ngôi nhà sàn lợp tranh - nằm trên một khu đất nhỏ bằng phẳng, nơi Hồ Chí Minh tươi cười chào đón họ.

Trong căn nhà tranh đơn sơ bằng tre, trên giường có một tấm

chiếu và một tấm chăn, trên bàn có một chiếc máy đánh chữ, một chiếc đồng hồ bỏ túi treo trên cột, và một chiếc ba lô đựng quần áo thay và vài cuốn sách. Đó là tất cả những gì Hồ Chí Minh mang theo. Đã quen với cuộc sống quân ngũ...

Trần Canh, vô cùng cảm động trước tính tiết kiệm của Hồ Chí Minh, quay sang các đồng chí và nói: “Chủ tịch Hồ Chí Minh thật giản dị, thật đáng ngưỡng mộ!”

Hồ Chí Minh đã đặc biệt mời Trần Canh đi ăn trưa, nấu món heo sữa quay.

Trần Canh bị đau răng, không ăn được nhiều, nên họ bắt đầu trò chuyện. Trong một túp lều tre nhỏ, ông và Hồ Chí Minh tái khăng

định chiến lược cho chiến dịch Cao Bằng sắp tới: trước tiên, bao vây Cao Bằng để kéo quân tiếp viện của Pháp khỏi khu vực Chi Khê, sau đó giáng một đòn mạnh vào chiến trường.



Tháng 8 năm 1950, Trần Canh và Hồ Chí Minh đã cùng nhau thảo luận kế hoạch tác chiến.

Những phân tích của Trần Canh về Chiến tranh Việt Nam rất tỉ mỉ, thể hiện sự hiểu biết toàn diện về tình hình. Hồ Chí Minh rất vui mừng khi nghe điều này và thán

nhiên đọc hai câu thơ Trung Quốc:

*Núi hoang đá dựng người tiên
nghỉ,*

*Rừng rậm xanh dày bóng mỹ
nhân.*

Trần Canh nghe bài thơ cười:
“Không, không, Hồ Chủ tịch, làm
sao tôi có thể được gọi là ‘người
đẹp’?”

Hồ Chí Minh tự nhiên hiểu và
nói tiếp: “Hình như câu cuối không
thích hợp, vậy chúng ta hãy đổi
hai chữ và gọi là ‘Anh hùng đến từ
rừng rậm.’ Có ẩn sĩ và anh hùng
cùng nhau làm việc, chúng ta chắc
chắn sẽ thắng trận này.⁶⁵”

65 Chu Nhất Chi và Khúc Ái Quốc, “Nhiệm vụ bí mật”,
tạp chí *Nhân dân*, số 2, 1993.

Cuối cùng, Hồ Chí Minh và Trần Canh đã thống nhất rằng Trần Canh sẽ rời khỏi đây vào ngày hôm sau và đến vùng lân cận Cao Bằng để gặp bộ chỉ huy quân đội Việt Nam. Trước khi Trần Canh rời đi, Hồ Chí Minh đặc biệt lo lắng về bí mật về nơi ở của ông. Sau khi suy nghĩ một lúc, ông nói với Trần Canh: “Anh quá nổi tiếng ở Trung Quốc. Sau khi đến Việt Nam, đừng gọi tôi như vậy. Hãy dùng một bí danh. Họ của anh là Trần, vậy tại sao không bỏ ‘tai’ và chỉ để lại ‘Đông’?” Trần Canh sẵn sàng đồng ý, và từ đó trở đi, ông sử dụng bí danh “Đông” ở Việt Nam⁶⁶.

Ngày 31 tháng 7 năm 1950, Hồ

66 Tác giả đã thảo luận về vấn đề này trong chuyến thăm Văn Trang, Bắc Kinh vào ngày 10 tháng 9 năm 1994.

Chí Minh ra khỏi đèo tiền Trần Canh. Thấy mỗi người đều mang theo một chiếc ô, Người nói: “Người Việt Nam chúng tôi hiếm khi dùng ô khi đi trên núi. Để giữ bí mật, tôi sẽ tặng các anh một ít quần áo mới.” Sau đó, Người đích thân lấy ô và tặng mỗi người một chiếc mũ rơm nhỏ. Người nói với Trần Canh rằng chính Người đã sắp xếp lộ trình lên Cao Bằng, và anh ta phải luôn cẩn thận, không được hành động liều lĩnh. Sương sớm trên núi rừng Bắc Bộ dần tan, tiếng chim hót vọng lại từ khu rừng nhiệt đới rậm rạp. Cơn đau răng của Trần Canh đã thuyên giảm đáng kể sau khi được một bác sĩ do Hồ Chí Minh chỉ định điều trị. Ông và các đồng chí vừa trò chuyện vừa cười đùa trên đường ra mặt trận

Cao Bằng—một hành trình kéo dài hai tuần lễ. Đây lại là một chặng đường gập ghềnh, ướt đầm mồ hôi. Trong thời gian này, Trần Canh và đoàn tùy tùng đã đi hai ngày trên một chiếc xe cũ chạy bằng than củi, mỗi ngày chỉ đi được chưa đến hai mươi cây số. Sau đó, ông ngừng đi xe hơi và hành quân ra tiền tuyến như một người lính bình thường.

Họ leo núi lội sông. Chân bị thương của Trần Canh lại bắt đầu đau nhức. Nhiều lần, đường núi quá nguy hiểm, lính gác phải dắt ngựa đi chậm. Khi gặp suối nước chắn đường, Lưu Sĩ Tường cao lớn đã cõng Trần Canh qua⁶⁷.

67 Ngày 23 tháng 10 năm 1989, tác giả đến thăm Lưu Thế Tường ở Côn Minh.

Họ không còn cách nào khác ngoài đi bộ. May mà Trần Canh đã quen với việc này. Anh đã từng đi đường này từ Quảng Châu đến khu Xô Viết Giang Tây, rồi từ Thụy Kim đến Diên An qua Vạn Lý Trường Chinh. Nhưng lần này, anh lại đang đi trên một vùng đất xa lạ.

Chương 7

Đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc tiến ra chiến trường



Năm 1950, các cố vấn quân sự Trung Quốc mới đến Việt Nam chụp ảnh tập thể cùng các đồng chí Việt Nam. Hàng đầu tiên, thứ tư từ phải sang, mặc đồ trắng, là Hoàng Văn Hoan; thứ ba từ trái sang là Vi Quốc Thanh; thứ năm từ trái sang

Đoàn Cố vấn Quân sự Trung Quốc ra chiến trường

là Võ Nguyên Giáp; thứ bảy từ trái sang là Trần Canh.

Vi Quốc Thanh được bổ nhiệm làm Cố vấn trưởng cho Quân đội Việt Nam

Khi Trần Canh tiến về Cao Bằng, lực lượng chủ lực của quân đội Việt Nam, tổng cộng hơn 12.000 người, đang được huấn luyện tại các tỉnh Vân Nam và Quảng Tây của Trung Quốc, đóng gói hành lý về nước và chuẩn bị cho trận chiến.

Giữa tháng 7 năm 1950, ngoại trừ những người huấn luyện quân đội Việt Nam ở Diên Sơn và Long Châu, toàn bộ đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc tại Việt Nam đã tập

trung tại Nam Ninh. Ngụy Quốc Khánh tuyên bố chính thức thành lập đoàn cố vấn, tự bổ nhiệm mình làm trưởng đoàn, Mai Gia Thanh làm Tổng tham mưu trưởng, và Đặng Nhất Phàm làm Chủ nhiệm Chính trị. Đoàn cố vấn được chia thành ba nhóm: Mai Gia Thanh làm Trưởng đoàn cố vấn quân sự, Đặng Nhất Phàm làm Trưởng đoàn cố vấn chính trị, và Mã Tư Phu làm Trưởng đoàn cố vấn hậu cần. Mai, Đặng và Mã lần lượt giữ chức cố vấn cho Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục Chính trị và Tổng cục Cung ứng của Quân đội Việt Nam. Bản thân Ngụy Quốc Khánh từng là cố vấn cho Tổng Quân ủy và Tổng Tư lệnh Quân đội Việt Nam.

Nhóm Cố vấn Quân sự đã thành

lập một Đảng ủy, gồm Ngụy Quốc Khánh, Đặng Nhất Phàm, Mai Gia Thanh, Mã Tư Phúc, Lý Văn Nghị và Đặng Khánh Hòa, với Vi Quốc Thanh làm Bí thư và Đặng Nhất Phàm làm Phó Bí thư.

Thực tế, việc sắp xếp nhân sự này đã được hoàn tất sau khi Mao Trạch Đông, Lưu Thiếu Kỳ và Chu Đức gặp gỡ Nhóm Cố vấn Quân sự vào ngày 27 tháng 6. Sau cuộc họp đó, Ngụy Quốc Khánh, Mai Gia Thanh và Đặng Nhất Phàm ở lại Ân Niên Đường. Lưu Thiếu Kỳ lại đến và dặn dò: “Các anh cứ đề nghị bất cứ ai cần, chúng tôi sẽ duyệt.”

Sau khi Lưu Thiếu Kỳ rời đi, Vi Quốc Thanh chủ trì một cuộc họp ba người, trước tiên là thảo luận về

việc sắp xếp công việc. Cả ba đều là bạn cũ; Đặng Nhất Phàm thậm chí còn từng là Chủ nhiệm Chính trị Lữ đoàn của Vi Quốc Thanh trong Chiến tranh Kháng Nhật. Vi Quốc Thanh nói: “Bây giờ, ba chúng ta ngồi cùng nhau. Trung ương muốn tôi phụ trách toàn bộ công việc, vậy thì tôi sẽ làm vậy. Tôi nghĩ Mai Gia Thanh sẽ phụ trách trụ sở, vậy nên Mai Gia Thanh sẽ là chánh văn phòng. Công tác chính trị sẽ do Đặng Nhất Phàm phụ trách, vậy nên Đặng Nhất Phàm sẽ là chủ nhiệm bộ phận chính trị.” Cả ba người đều nhất trí với sự phân công lao động này.

Sau đó, các cố vấn trong tổ cố vấn đều gọi Mai Gia Thanh là “Tham mưu trưởng Mai” và Đặng

Nhất Phàm là “Chủ nhiệm Đặng”. Cuộc họp của Ân Niên Đường hôm đó đã quyết định rằng tổ cố vấn sẽ tập trung tại Nam Ninh, Quảng Tây vào giữa tháng 7. Trước đó, các cố vấn nên dành thời gian để giải quyết công việc cá nhân⁶⁸.

Ra tiền tuyến chiến đấu là chuyện thường ngày của Vi Quốc Thanh, nhưng lần này, ra nước ngoài chiến đấu và phải xa người vợ mới cưới là Hứa Kỳ Khiêm là điều Vi Quốc Thanh không ngờ tới.

Vào cuối tháng 2 năm 1950, Vi Quốc Thanh, người đã kết hôn chưa đầy một tháng, đã được chuyển từ

68 Ngày 15-16 tháng 6 năm 1990, tác giả đã đến thăm Đặng Nhất Phàm hai lần tại Quảng Châu. Xem thêm Trương Học Phong, “Cuộc đời và sự nghiệp của Trung tướng Đặng Nhất Phàm”, *Lịch sử Đảng*, số 12, 2001.

Phúc Châu đến Bắc Kinh và chuyển đến Khách sạn Giải phóng bên ngoài Qianmenwai cùng với vợ là Xu Qiqian, theo sự sắp xếp của Bộ Ngoại giao. Tại đây, ông đã gặp lại những người đồng chí cũ của mình, bao gồm Han Nianlong, Ji Pengfei, Yuan Zhongxian và Huang Zhen. Những vị tướng quân đội này nằm trong số những nhà ngoại giao đầu tiên được cử ra nước ngoài làm đại sứ, và Vi Quốc Thanh là một trong số họ.

Sau khi cùng nhau tham gia một lớp học ngoại giao, Wei Guoqing đột nhiên bị đau bụng dữ dội. Ban đầu, ông không để ý đến nó và chỉ đến bệnh viện Bắc Kinh để khám hai ngày sau đó. Kết quả là viêm ruột thừa, cần phải phẫu

thuật. Sau khi gây tê tại chỗ và rạch da, bác sĩ phát hiện ra rằng có vấn đề trong khoang bụng của Vi Quốc Thanh; viêm ruột thừa đã gây viêm phúc mạc. Vi Quốc Thanh hét lên vì đau, và bác sĩ ngay lập tức thay đổi thuốc gây tê tại chỗ thành gây mê toàn thân. Chất ether được sử dụng trong quá trình gây mê đã khiến Vi Quốc Thanh vô cùng đau đớn. Hóa ra Vi Quốc Thanh bị dị ứng với ether.

Sau khi cuộc Vạn lý Trường chinh của Hồng quân tiến đến miền bắc Thiểm Tây, Vi Quốc Thanh bị thương trong hai trận đánh, thị trấn Zhiluo và Wayaobao, và phải phẫu thuật. Ông đặc biệt nhạy cảm với ether; ngay cả mùi của nó cũng gây buồn nôn và đau đầu. Việc phải

tiếp xúc với ether một lần nữa ở Bắc Kinh khiến ông vô cùng khó chịu.

Đầu tháng 4, Vi Quốc Thanh đã hồi phục và được xuất viện. Ông được sắp xếp ở tại Khách sạn Quốc gia trên phố Damochang, phía nam phố Qianmen East. Khách sạn này không thuộc Bộ Ngoại giao mà là nhà khách của Quân ủy Trung ương. Vi Quốc Thanh và vợ ở trong một phòng suite nhỏ trên tầng hai. Vi Quốc Thanh nhận ra nhiệm vụ của mình đã thay đổi.

Sau khi nhận phòng tại Khách sạn Quốc gia, Vi Quốc Thanh được triệu tập đến Trung Nam Hải, nơi Lưu Thiếu Kỳ đã nói chuyện với ông. Lưu Thiếu Kỳ, cấp trên cũ của

Vi Quốc Thanh, hỏi thăm sức khỏe của Ngụy trước khi đi thẳng vào vấn đề: “Đồng chí Vi Quốc Thanh, Chủ tịch Mao, Tổng tư lệnh Chu, Đồng chí Ân Lai và tôi đã bàn bạc và nhất trí với đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc bí mật cử một đoàn cố vấn quân sự sang Việt Nam, do đồng chí làm trưởng đoàn.”

Vi Quốc Thanh đáp: «Tôi xin tuân thủ quyết định của Trung ương, nhưng tôi chưa từng làm trưởng đoàn cố vấn nào cả.»

Lưu Thiếu Kỳ nói: “Chúng tôi đã cân nhắc và thấy đồng chí rất phù hợp. Đồng chí có kinh nghiệm về chiến tranh và học viện quân sự, đồng chí cũng đã từng chỉ huy

các đoàn đàm phán, và đồng chí đã từng làm việc với người Mỹ. Hơn nữa, đồng chí đến từ Quảng Tây, điều này sẽ có lợi cho công việc của đồng chí tại Việt Nam.”

Lưu Thiếu Kỳ tiếp tục: “Chủ tịch Mao rất quan tâm đến công việc của đoàn cố vấn, và chúng tôi đã đích thân giám sát. Nhất định phải làm tốt. Nếu đồng chí gặp khó khăn gì, cứ đến gặp chúng tôi.”

Vi Quốc Thanh ngay lập tức bắt tay vào công việc sau khi nhận được lệnh, tổ chức đội ngũ. Hứa Kỳ Khiêm nhớ lại rằng có lần, Chu Ân Lai đã bảo thư ký gọi điện cho Vi Quốc Thanh, yêu cầu ông đến Trung Nam Hải lúc 1 giờ sáng để gặp mặt trực tiếp. Chu Ân Lai đã

biết Vi Quốc Thanh từ lâu, nhưng liên lạc trực tiếp của họ bắt đầu vào năm 1946 khi Vi Quốc Thanh làm đại diện của ĐCSTQ tại Nhóm Hòa giải Quân sự Từ Châu. Vào thời điểm đó, Chu Ân Lai, Nguyên soái và Trương Chí Trung đang cùng nhau đi thăm nhiều nơi, và Vi Quốc Thanh đã tiếp họ ở Từ Châu trong hai ngày.

Nhiều năm sau, Chu Ân Lai vẫn nhắc đến cuộc gặp này. Hứa Kỳ Thanh đã học đại học ở Tô Châu trước khi nhập ngũ và là đảng viên tập sự của ĐCSTQ. Trong thời đại lý tưởng đó, bà hiểu rằng chồng mình đang làm những việc lớn và nên hết lòng ủng hộ ông. Trước khi Vi Quốc Thanh ra nước ngoài, Hứa Kỳ Thanh đã giúp ông một số công

việc thư ký và đóng gói hành lý. Bà mua một chiếc rương vải bạt viền da và khóa kéo tại một khu chợ đồ cũ ở Đông Dân, Bắc Kinh. Chiếc rương mới khoảng 50% và được sản xuất tại Hoa Kỳ. Chiếc rương này đã đồng hành cùng Vi Quốc Thanh trong những năm chiến tranh ở Việt Nam⁶⁹.

Sự nghiệp quân sự của Đặng Nhất Phàm

Đặng Nhất Phàm vội vã trở về Nam Kinh để chuyển đi, nhưng không ngờ, vợ ông, Chu Chí Trung, lại kịch liệt phản đối chuyển đi Việt

69 Liêu Hy Lan: “Mao Trạch Đông phái Đoàn Cố vấn Quân sự đầu tiên”, trong số 12 của “Văn học Quân Giải phóng” năm 1993. Ngoài ra, từ tháng 3 đến tháng 5 năm 1993, tác giả đã đến thăm Hứa Kỳ Thanh nhiều lần ở Bắc Kinh.

Đoàn Cố vấn Quân sự Trung Quốc ra chiến trường

Nam của ông. Ông cãi nhau với vợ: «Chẳng phải Vi Quốc Thanh mới cưới sao? Anh ấy sắp sang Việt Nam, chúng ta còn biết nói gì đây? Đời này, tôi có bao giờ làm trái lệnh đâu?» Vợ ông miễn cưỡng thu dọn đồ đạc lên đường về Bắc Kinh. Lúc này, Đặng Nhất Phàm hoàn toàn không ngờ chuyến đi Việt Nam của đoàn cố vấn quân sự lại dẫn đến đổ vỡ hôn nhân.

Sau đó, Đặng Nhất Phàm lên đường đến Quảng Châu, muốn trở về quê nhà Hưng Ninh để thăm cha mẹ, những người mà ông đã 23 năm không gặp. Tại Quảng Châu, Hồng Học Chi, Tham mưu trưởng Quân khu Trung Nam, và Lại Truyền Trụ, Chính ủy, đã nồng nhiệt đón tiếp Đặng Nhất Phàm; họ là những

đồng chí chiến hữu cũ của Tân Tứ Quân. Đặng Nhất Phàm kể với họ rằng anh rất muốn về nhà, và anh đã viết thư về nhà sau Sự kiện Tây An, nói với cha mẹ rằng anh đang ở Hồng quân ở miền bắc Thiểm Tây. Sau đó, anh nhận được thư hồi âm từ anh họ nói rằng cha mẹ anh vẫn còn sống. Sau khi gia nhập Tân Tứ Quân, anh lại mất liên lạc với gia đình.

Hồng Học Chi và Lại Truyền Trụ bày tỏ sự thông cảm với cảm xúc của Đặng Nhất Phàm, nhưng họ nói rằng Đặng Nhất Phàm vẫn chưa thể về nhà vì Mai Huyện nằm ở góc đông bắc Quảng Đông, với những ngọn núi cao và đường dài, không có đường cao tốc bằng phẳng, và bọn cướp hoành hành

dọc đường: “Nếu anh muốn đi, chỉ gửi một chiếc xe thôi là chưa đủ; chúng tôi còn cần phải cử cả quân đội hộ tống anh nữa.” Nghe vậy, Đặng Nhất Phàm đành bỏ cuộc.

Đặng Nhất Phàm thay vào đó đã đến Nam Ninh. Khi rời Quảng Châu, anh nhận ra rằng mình đang đi trên chính con đường mà anh đã đi đến cách mạng nhiều năm trước.

Đặng Nhất Phàm sinh năm 1912 trong một gia đình nông dân ở làng Kiều Phong Bảo, huyện Hưng Ninh (nay là thành phố Hưng Ninh), tỉnh Quảng Đông. Ông vào học trường tư thục của làng lúc bảy tuổi, và năm 1926, ông được nhận vào trường tiểu học ở thị trấn Thủy Khẩu, nơi

ông được tiếp xúc với một số tài liệu nhập môn về tư tưởng cộng sản và dần dần bị ảnh hưởng. Năm 1927, ở tuổi 15, Đặng Nhất Phàm vào trường trung học cơ sở và gia nhập Đoàn Thanh niên. Tháng 11 cùng năm, khi hội nông dân họp ở quê nhà, ông trở về quê hương để tham gia tổ chức hội, bí mật phát truyền đơn và chuyển thư.

Không lâu sau, Đại Cách mạng thất bại, Đặng Nhất Phàm bị chính quyền huyện truy nã. Ông nhận được tin báo trước khi quân dân đến bắt giữ và một mình trốn đến Sán Đầu qua đêm, tìm việc làm thợ tre trong một cửa hàng tre. Ngay khi những chiếc giỏ mây và ghế của ông bắt đầu thành hình, cửa hàng đã phá sản. Đặng Nhất Phàm

sau đó trở thành thợ sắp chữ, nhưng sớm mất việc và buộc phải sống lang thang trên đường phố. Những khó khăn của cuộc sống đã tôi luyện Đặng Nhất Phàm từ khi còn nhỏ.



Năm 1955, Đặng Nhất Phàm được phong hàm Trung tướng.

Năm 1929, Trung đoàn Độc lập Quân đoàn 5 của Quốc dân đảng tuyển quân sĩ ở Sán Đầu. Đặng

Nhất Phàm vội vã nhập ngũ, nhưng bị từ chối vì quá nhỏ con. Đúng lúc ông sắp tuyệt vọng, bức màn tre ở phòng tuyển quân được vén lên, một sĩ quan bước ra, hỏi bằng tiếng Khách Gia: “Này chàng trai, anh đến từ đâu?”. Ông ta bước ra vì nghe thấy Đặng Nhất Phàm nói tiếng Khách Gia.

Đặng Nhất Phàm nói: «Tôi đến từ Hưng Ninh. Gia đình tôi nghèo, và tôi đang tìm cách kiếm sống.» Nghe vậy, viên sĩ quan chỉ thị cho người đăng ký tân binh tiếp nhận Đặng Nhất Phàm. Người đó tên là Khâu Thiếu Kiêu, quê ở Mai Huyện, Quảng Đông, sau này trở thành đại đội trưởng của Đặng Nhất Phàm. Ngay sau khi nhập ngũ, Đặng Nhất Phàm đã tham gia trận chiến chống

lại quân phiệt Trần Tế Đường. Đơn vị của ông tan rã, và ông đã trốn thoát khỏi cảnh hỗn loạn, đến Quảng Châu làm đủ nghề lặt vặt, nơi ông lại sống trong cảnh nghèo đói cùng cực. Như số phận đã an bài, một ngày nọ, Đặng Nhất Phàm đang đi bộ trên phố thì bất ngờ gặp Khâu Chỉ huy Đại đội, và do đó đã tái ngũ. Khâu Chỉ huy Đại đội được thăng chức lên Phó Tiểu đoàn trưởng, và Đặng Nhất Phàm trở thành tiểu đội trưởng trong đại đội học viên sĩ quan. Đó là vào đầu năm 1930.

Tháng 3 năm đó, các quân phiệt Quảng Đông và Quảng Tây đang giao tranh ác liệt ở Ngô Châu, và đại đội học viên sĩ quan của Đặng Nhất Phàm cũng được triển khai

đến đó. Trước khi lên đường, Đặng Nhất Phàm đến gặp Khâu Chỉ huy Phó Tiểu đoàn trưởng và nói: “Tôi sẽ không chiến đấu ở đó; chết ở đó cũng chẳng có ý nghĩa gì.”

Tiểu đoàn phó Khâu nói với ông: “Các anh không đi Ngô Châu, mà phải vượt qua dãy núi Đại Vũ đến Nam Hùng, gần Hồ Nam. Xa hơn nữa, các anh sẽ gặp Cộng sản. Hãy cảnh giác với chúng khi chúng đến Quảng Đông. Cộng sản không chỉ là cướp bóc; chúng rất hùng mạnh. Cứ tiến lên, nhưng đừng tham gia vào những trận chiến quy mô lớn; chỉ cần cảnh giác.” Đặng Nhất Phàm nghe vậy mừng rỡ vô cùng; vậy là đã có Cộng sản ở đó.

Vài ngày sau, Đặng Nhất Phàm,

lúc này là trung đội trưởng, lên đường cùng đơn vị của mình. Một ngày sau khi họ đến Nam Hùng và dựng tiền đồn, sườn núi mà họ đang canh giữ đã bị Hồng quân bao vây. Những người xung quanh Đặng Nhất Phàm vô cùng kinh hãi, và bốn mươi năm mươi người túm tụm lại trong một túp lều tre gần đỉnh núi. Có người đề nghị Đặng Nhất Phàm dẫn đầu một cuộc xung phong để phá vỡ vòng vây, nhưng ông đã ngăn cản họ. Chẳng mấy chốc, Hồng quân ập đến, bắt sống một hoặc hai trăm người trên đỉnh đồi mà không phải đổ máu.

Khi Hồng quân dẫn đường, Đặng Nhất Phàm háo hức nói với những người lính hộ tống rằng ông là thành viên của Đoàn Thanh niên

Cộng sản, đã rời bỏ quê hương vì sự thất bại của Đại Cách mạng, và giờ ông sắp “về nhà”.

Gần Nam Hùng, tất cả tù nhân được tập trung lại để nghe bài phát biểu của Chu Đức, tư lệnh Hồng quân. Sau khi phát biểu, Chu Đức tuyên bố rằng những ai muốn ở lại đều được chào đón, và những ai muốn ra đi sẽ được nhận ba đô la bạc làm chi phí đi lại; quyền lựa chọn là của họ.

Đặng Nhất Phàm ngay lập tức bị các tù nhân vây quanh, tất cả đều muốn nghe ý kiến của ông. Đặng Nhất Phàm hét lên: “Tôi không quay về! Tôi muốn ở lại và gia nhập Hồng quân!” Tiếng hét của ông đã khiến khoảng một trăm

người ở lại và gia nhập Hồng quân. Sau đó, ngoài những người đã hy sinh trong chiến đấu, tất cả những người này đều trở thành sĩ quan cấp cao trong Quân Giải phóng Nhân dân.

Hồng quân rất quan tâm đến Đặng Nhất Phàm, một người đàn ông trông có vẻ là cán bộ, đến và hỏi: “Anh muốn làm gì trong Hồng quân?”

Đặng Nhất Phàm nói: «Tôi thích làm tuyên truyền hơn.»

“Tuyên truyền à? Anh có biết viết không?”, một cán bộ Hồng quân hỏi. Nhận được câu trả lời đồng ý, ông lập tức tìm một cây bút thư pháp đưa cho Đặng Nhất Phàm.

Đặng Nhất Phàm phấn khởi cầm bút lên và viết vài nét chữ khá đẹp. Cán bộ Hồng quân mừng rỡ nói: «Anh không cần làm tuyên truyền viên nữa, anh có thể làm thư ký!» Năm 1930, Đặng Nhất Phàm gia nhập Đảng Cộng sản tại Hội Xương, Giang Tây, trở thành thư ký tiểu đoàn. Không lâu sau, ông được điều chuyển làm thư ký phân đội, do Lâm Bưu và La Vinh Hoàn chỉ huy.

Đặng Nhất Phàm gia nhập Đảng một tháng sau khi gia nhập Hồng quân, nhưng mùa đông năm đó, ông đã trải qua thử thách khắc nghiệt của chiến dịch «Nhóm AB». Có người vu cáo ông là thành viên «Nhóm AB», nhưng vì không có

bằng chứng nên ông được hưởng hình phạt nhẹ, chỉ bị cách chức ủy viên chi bộ. Đặng Nhất Phàm vẫn kiên cường, liều mạng trên chiến trường, và dần dần được thăng chức.

Trong cuộc Vạn lý Trường chinh, Đặng Nhất Phàm làm thư ký trong phòng tham mưu của Sư đoàn 2, Quân đoàn 1. Ngoài việc mang vũ khí, đạn dược và hành lý, ông còn mang theo tài liệu thống kê của sư đoàn. Đặng Nhất Phàm, người thấp bé, cảm thấy gánh nặng này quá sức chịu đựng nên đã xin cấp trên miễn cho ông mang súng trường. Không ngờ, vị chỉ huy, vốn tính tình bị ảnh hưởng nặng nề bởi chiến tranh, lại nổi cơn thịnh nộ khi nghe điều này. Ông không

những không đồng ý mà còn khiến trách Đặng Nhất Phàm vì tính cách láo xược và gây chia rẽ, một lần nữa cách chức ông khỏi chức vụ ủy viên chi bộ và phân công người giám sát.

Đặng Nhất Phàm vô cùng đau khổ, nhưng ông đã kiên nhẫn chịu đựng thử thách, siêng năng hoàn thành nhiệm vụ trong suốt cuộc Vạn lý Trường chinh để chứng minh lòng trung thành của mình. Bất ngờ thay, hành trình gian khổ và những trận chiến cuối cùng đã phá vỡ sự kiên nhẫn của người giám sát Đặng Nhất Phàm, khiến ông sớm phải bỏ trốn. Đặng Nhất Phàm vẫn bất động, leo lên những ngọn núi phủ tuyết và băng qua những đồng cỏ cho đến khi đến

miền bắc Thiểm Tây.

Vào tháng 7 năm 1937, Chiến tranh kháng Nhật bùng nổ và Hồng quân ở miền bắc Thiểm Tây được tổ chức lại thành Quân đoàn 8. Đặng Nhất Phàm giữ chức vụ Trưởng phòng Tổ chức của Bộ Chính trị thuộc Sư đoàn 115, tiến quân cùng quân đội vào miền Bắc Trung Quốc và sau đó chiến đấu ở Sơn Đông. Vào tháng 2 năm 1941, Đặng Nhất Phàm trở thành Trưởng phòng Chính trị Hậu phương của Quân đoàn 4 Mới và Bộ Tư lệnh Quân đoàn 8 ở miền Trung Trung Quốc. Sau Sự kiện Nam An Huy, Quân đoàn 4 Mới được xây dựng lại và Đặng Nhất Phàm trở thành Tổng thư ký Bộ Chính trị của Quân đoàn 4 Mới. Trong Quân đoàn 4

Mới, Đặng Nhất Phàm đã có cuộc tiếp xúc đầu tiên với các lực lượng đồng minh nước ngoài.

Vào tháng 8 năm 1944, một máy bay ném bom của Mỹ bị hư hại trong một nhiệm vụ và tất cả các thành viên phi hành đoàn đã nhảy dù. Năm người cuối cùng nhảy dù đã hạ cánh xuống căn cứ Diêm Thành-Phụ Ninh của Quân đoàn 4 Mới ở miền bắc Giang Tô, nơi Đặng Nhất Phàm chịu trách nhiệm tiếp nhận họ. Ông ra lệnh phải tiếp đón họ trong điều kiện tốt nhất có thể, thậm chí còn từ bỏ nhà cửa của mình và sơn lại để đón tiếp năm đồng chí người Mỹ. Sau đó, ông đã hộ tống họ an toàn về hậu phương.

Trong Chiến tranh Giải phóng, Đặng Diệc Phàm được điều động đến Đạo quân số 2 của Quân đoàn Dĩ chiến Sơn Đông với tư cách là Chủ nhiệm Chính trị, hỗ trợ cho Chỉ huy Đạo quân Vi Quốc Thanh.

Nhóm cố vấn ô tô Trung Quốc đã đến làm việc tại Thành Công. Trước thềm Chiến dịch Vượt sông Dương Tử năm 1949, Đặng Nhất Phàm giữ chức Chủ nhiệm Chính trị Quân đoàn 21, Quân đội Giải phóng Nhân dân Trung Quốc.

Ngày 3 tháng 5 năm đó, Quân đoàn 21 chiếm đóng Hàng Châu. Ngay sau đó, Đặng Nhất Phàm được điều động đến Nam Kinh, giữ chức Chính ủy Trung đoàn 3, Đại học Quân sự Chính trị Hoa Đông,

nơi ông bắt đầu làm việc cùng Mai Gia Thanh. Lúc này, vợ ông, Chu Chí Trung, cũng được điều động từ Ủy ban Kiểm soát Quân sự Thượng Hải đến Nam Kinh. Hai người kết hôn trong Quân đoàn Tân Tứ năm 1941, và giữa cuộc sống quân ngũ bận rộn, họ có hai cô con gái, hiện đang sống tại Thượng Hải. Vợ ông đặc biệt mong muốn đưa hai con gái về Nam Kinh đoàn tụ gia đình, nhưng không ngờ, Đặng Nhất Phàm lại phải ra nước ngoài chiến đấu.

Hai mươi năm trôi qua trong chớp mắt. Lớn lên giữa chiến tranh Nam Bắc, Đặng Nhất Phàm rất thích đọc sách và biết rằng Việt Nam mà ông sắp đến chính là Vương quốc Giao Chỉ cổ đại. Khi rời xa quê hương, ông không khỏi

nhớ đến những câu thơ nổi tiếng của nhà thơ Lý Bạch thời Đường: “Bao giờ thì quân man di bị khuất phục, và người chồng yêu dấu của tôi sẽ trở về sau chuyến đi xa?⁷⁰”.

Mai Gia Thanh từ biệt thế giới tình cảm sâu đậm.

Khác với Đặng Nhất Phàm, người đến Việt Nam với một cuộc hôn nhân có phần rạn nứt, Mai Gia Thanh để lại phía sau một thế giới tình yêu sâu đậm. Ông và vợ, Chu Chính, đã cùng nhau vượt qua những giông bão chiến tranh, vun đắp tình yêu của họ bằng một chủ nghĩa lãng mạn độc đáo.

70 Vào ngày 15-16 tháng 6 năm 1990, tác giả đã đến thăm Đặng Nhất Phàm hai lần tại Quảng Châu. Xem thêm Trương Tuyết Phong; “Cuộc đời Trung tướng Đặng Nhất Phàm”, Tạp chí Lịch sử Đảng, số 12, năm 2001.

Trong ký ức của Mai Gia Thanh, mọi thứ trong gia đình nông dân của ông ở quê nhà huyện Đan Dương, tỉnh Giang Tô vẫn giữ nguyên những truyền thống cổ xưa. Cha ông, Mai Đức Nguyên, khá khôn ngoan và đã dành dụm một ít tiền để đến Thượng Hải, nơi ông mở một hiệu thuốc tên là “Trung Hòa Đường” gần Đền Thành Hoàng cũ. Cha ông được coi là một nông dân thành đạt ở vùng nông thôn phía nam Giang Tô, và giống như nhiều câu chuyện từ nhiều thế hệ trước, sau khi đến Thượng Hải, tình cảm của ông dành cho người vợ bị bỏ lại ở nông thôn dần phai nhạt. Ông cưới người vợ thứ hai, để lại người con trai duy nhất, Mai Gia Thanh, và người vợ đầu tiên, làm ruộng ở nông thôn.

Đất đai ở Đan Dương màu mỡ, gió nhẹ và mưa nhiều. Mặc dù làm nông là công việc vất vả đối với Mai Gia Thanh và mẹ, nhưng họ vẫn có thể kiếm sống. Khi còn nhỏ, Mai Gia Thanh chăn gia súc cho chú của mình. Trong khi đàn gia súc gặm cỏ bên cánh đồng, cậu bé chu đáo này thích trồng cây ăn quả dọc theo mép ruộng, chủ yếu là cây đào, mặc dù không có kế hoạch cụ thể nào. Chú của ông rất quý mến Mai Gia Thanh và đã hỗ trợ ông trong suốt hai năm học tư ở nông thôn, nơi ông được học một chút về văn học cổ điển Trung Quốc.

Năm 13 tuổi, Mai Gia Thanh chuyển đến Thượng Hải cùng mẹ. Mẹ ông làm việc trong một nhà máy dệt do Nhật Bản sở hữu, và Mai Gia

Thanh bắt đầu học tiểu học. Lúc này, cha của Mai Gia Thanh sống với người vợ thứ hai, mẹ ông thuê một căn gác xép nhỏ cho họ. Công việc của mẹ ông rất bận rộn và mệt mỏi. Mỗi buổi trưa, Mai Gia Thanh đều tan học về nhà, vội vàng nấu ăn cho mẹ rồi lại đi học tiếp.

Vài năm sau, Mai Gia Thanh tốt nghiệp tiểu học và được cha giới thiệu vào làm thực tập sinh tại hiệu thuốc Đông y Đức Thắng Đường ở Dương Thụ Phố. Sau khi hoàn thành chương trình thực tập, ông trở về hiệu thuốc Trung Hòa Đường của cha mình làm phụ bán hàng. Mai Gia Thanh ham học từ nhỏ, và sau khi đến Thượng Hải, ông càng thêm ham học.

Không có kiến thức, người ta chẳng bao giờ làm nên trò trống gì. Những lúc rảnh rỗi, anh miệt mài tự học. Anh nhận ra tiếng Anh là điểm yếu của mình, nhưng ở Thượng Hải, nó lại vô cùng hữu ích cho việc du lịch. Anh đã dùng tiền tiết kiệm để đăng ký vào một lớp tiếng Anh buổi tối.

Tại lớp học buổi tối, Mai Gia Thanh gặp một cô gái xinh đẹp và dịu dàng.

Cô ấy tên là Chu Chính, con gái của một gia đình thương gia giàu có, hơn Mai Gia Thanh một tuổi.

Quê quán của Chu Chính là Ninh Ba, Chiết Giang. Cha cô, Chu Huệ Lượng, sở hữu một cửa hàng bách hóa ở Thượng Hải, một do-

anh nghiệp rất thành công. Họ sở hữu một ngôi nhà hai tầng theo phong cách phương Tây khá ấn tượng. Chu Chính thông minh và thích đọc sách, tận hưởng một tuổi thơ vô tư lự. Cha cô rất cưng chiều cô, khuyến khích cô học hành chăm chỉ, trong khi mẹ cô, với tư tưởng truyền thống, tin rằng “đức hạnh của phụ nữ nằm ở chỗ không có tài năng”. Chu Chính đến Thượng Hải từ Ninh Ba và hoàn thành bậc tiểu học, nhưng mẹ cô, người có ảnh hưởng đáng kể trong gia đình, đã từ chối cho cô tiếp tục học. Người mẹ hết mực cưng chiều của cô hy vọng con gái mình, giống như hầu hết các cô gái thời đó, sẽ được gia đình chọn lựa để gả vào một gia đình tốt và sống một cuộc sống bình yên.

Nhưng Chu Chính đã từ chối.

Mẹ cô muốn cô ở nhà và không lập gia đình, nhưng Chu Chính lại say sưa đọc sách báo mới cả ngày lẫn đêm. Mỗi khi mẹ cô ngỏ lời muốn kết hôn, cô đều im lặng. Nghe theo lời bà mỗi và mong muốn của cha mẹ, cô em gái 17 tuổi của cô đã kết hôn. Anh rể của cô, một người tốt nghiệp đại học, sở hữu một cửa hàng đồ da sầm uất trên phố Nam Kinh nhộn nhịp. Điều này khiến mẹ cô càng thêm lo lắng, thúc giục cô chọn chồng. Chu Chính vẫn không hề lay chuyển, vẫn nói với mẹ như mọi khi: “Con muốn học”. Cô liên tục ngạc nhiên khi thấy con cái nhà hàng xóm được đi học.

Mẹ cô nói: “Nếu con học, con có

viết thư cho đàn ông không? Không được đâu!”

Chu Chính lại im lặng.

Các bà mỗi lần lượt đến. Trước mặt những người này, Chu Chính tỏ ra vô cùng ngang ngược, luôn chế giễu họ và cuối cùng còn đuổi họ đi. Trước mặt mẹ, Chu Chính nhất quyết đi học.

Sự kiên trì đã được đền đáp. Vài năm trôi qua, Chu Chính đã ngoài hai mươi. Mẹ cô cuối cùng cũng chịu nhượng bộ và đồng ý cho Chu Chính đi học buổi tối. Chu Chính chọn học tiếng Anh vì cô luôn đạt 100 điểm trong tất cả các bài kiểm tra tiếng Anh hồi tiểu học.

Sau khi vào học, Chu Chính

hoàn toàn đắm chìm trong thế giới tiếng Anh, không còn để ý đến bất cứ điều gì khác. Chỗ ngồi trước mặt cô không được chỉ định cho bất kỳ học sinh nào; ai cũng có thể ngồi vào đó. Tuy nhiên, bắt đầu từ một thời gian sau, một chàng trai trẻ đẹp trai, cao trung bình luôn đến và ngồi ở đó. «Anh ta luôn ngồi ở đây làm gì vậy?» Chu Chính tự hỏi.

Không lâu sau, chàng trai trước mặt cô bắt đầu hỏi cô về tiếng Anh. Hóa ra tiếng Anh của anh ta không giỏi bằng cô, đặc biệt là khi làm bài tập dịch từ tiếng Trung sang tiếng Anh, và Chu Chính đương nhiên đã giúp anh ta làm bài tập. Đến giờ học, chàng trai trẻ chuyển vở cho cô, vẫn hỏi cô những câu hỏi tiếng Anh.

Một lúc sau, khi những tờ giấy nhả ngày càng nhiều, Chu Chính cảm thấy có điều gì đó không ổn nên thận trọng nói: “Từ hôm nay trở đi, đừng hỏi tôi nữa.” Nhưng những tờ giấy nhả vẫn cứ đổ về.

Cuối cùng, một ngày nọ, tờ giấy nhả biến thành một lá thư. Nội dung trong đó sẽ không bao giờ được biết, bởi vì Chu Chính đã xé nó trước mặt anh. Rồi đến lá thư thứ hai, rồi thứ ba. Từ lúc nào đó, Chu Chính mở ra...

Cô mở phong bì ra. Bên trong, cô thấy một trái tim nồng nhiệt và tràn đầy sức sống.

Rồi, không để cô nhận ra, Chu Chính thận trọng trả lời bằng một lá thư. Linh cảm của mẹ cô cuối

cùng đã thành sự thật - con gái bà đã đi học và đang trao đổi thư từ với một “người đàn ông”. Cô đã nhìn thấy thế giới rộng lớn bên ngoài gia đình mình.

“Người đàn ông” này chính là Mai Gia Thanh.

Anh là một chàng trai trẻ dám theo đuổi ước mơ.

Anh không hề kìm nén mũi tên tình yêu thiêng liêng của mình vì sự khác biệt quá lớn về hoàn cảnh gia đình. Chu Chính, người trước đây đã từ chối những người theo đuổi, thay vào đó lại đón nhận những lá thư dồn dập của Mai Gia Thanh. Trong cuộc trò chuyện của họ, Mai Gia Thanh rõ ràng cảm nhận được sự ghen tị của Chu Chính đối với

trình độ học vấn của anh về mình. Không lâu sau, Mai Gia Thanh nói với Chu Chính rằng anh sẽ bỏ học buổi tối và đã được nhận vào trường trung học trực thuộc Đại học Hoa Hạ ở Trấn Như, một vùng ngoại ô gần đó, dựa trên một quảng cáo. Anh muốn tạo dựng sự nghiệp thông qua việc học. Từ đó trở đi, Mai Gia Thanh biến mất khỏi lớp học đêm, và tình yêu của ông với Chu Chính ngày càng chín muồi.



Tướng Mai Gia Thanh trong Chiến tranh Việt Nam. (Ảnh do Chu

Đoàn Cố vấn Quân sự Trung Quốc ra chiến trường

Hồng Ba cung cấp)

Đầu những năm 1930, quân đội Nhật Bản chiếm đóng ba tỉnh Đông Bắc Trung Quốc, và cuộc khủng hoảng quốc gia đã gây chấn động cho tất cả những người trẻ tuổi lo lắng cho vận mệnh của quê hương. Liệu Trung Quốc có sụp đổ? Trung Quốc sẽ đi về đâu? Suy nghĩ của Mai Gia Thanh bắt đầu thay đổi chóng mặt. Chỉ một năm sau, Mai Gia Thanh viết thư cho Chu Chính, nói rằng khi còn là một học sinh trung học, anh đã hơn 20 tuổi và rõ ràng là quá già. Tuy nhiên, đối với tương lai của Trung Quốc, anh vẫn còn trong độ tuổi sung sức. Khi thảm họa quốc gia đang đến gần, anh không thể tiếp tục học tập nữa. Anh đã nộp đơn vào Học viện

Quân sự Nam Kinh để học thiết giáp chiến, nổi gót Ban Siêu, người đã từ bỏ bút để theo đuổi kiếm.

Chu Chính ngạc nhiên trước sự thay đổi của Mai Gia Thanh. Cô không biết điều gì sẽ xảy ra với anh trong tương lai. Trong thư, bà hỏi Mai Gia Thịnh: “Con chỉ học một thời gian ngắn rồi lại đi học quân sự. Nhiều thay đổi quá! Liệu mối quan hệ của chúng ta có thay đổi không? Con có thể tìm được một cô gái như mẹ ở bất cứ đâu trên thế giới này. Nếu con đang cân nhắc, hãy quyết định càng sớm càng tốt.”

Thứ bà nhận được là một bức thư khẩn từ Mai Gia Thanh. Do chiến tranh, bức thư này đã không được lưu giữ. Tuy nhiên, sau nhiều

thập kỷ, Chu Chính, gần tám mươi tuổi, vẫn nhớ như in lời bức thư: “Mọi thứ khác đều trở nên mờ nhạt so với người này (ý chỉ Chu Chính - lời tác giả). Ta phải giữ chặt trái tim mình trong tay để con tin!”

Đối với Chu Chính, đây chắc chắn là một lựa chọn quan trọng liên quan đến số phận của bà. Là một tiểu thư xuất thân từ gia đình giàu có, việc chọn một người chồng có cuộc sống sung túc và thu nhập cao hẳn chỉ đơn giản là một cái gật đầu đồng ý sau khi nghe cha mẹ hỏi thăm. Tuy nhiên, với sự ủng hộ của cha, bà đã chọn Mai Gia Thanh - một chàng trai trẻ xuất thân từ gia đình nghèo khó, từ một vùng quê miền nam Giang Tô lên Thượng Hải lập nghiệp và cuối cùng đã chọn sự

nghịệp quân sự.

Nhiều thập kỷ sau, nằm liệt giường bệnh, Chu Chính kể lại với tác giả: “Lúc đó, khi đứng trước lựa chọn cuộc đời này, tôi không hề nghĩ đến cảnh nghèo khó của Mai Gia Thanh, bởi tôi nghĩ nghèo khó không phải là vấn đề; tôi có thể tự mình thay đổi nó. Tôi cũng không quá bận tâm đến khoảng cách văn hóa, bởi trình độ học vấn của tôi cũng không cao...”

Bình có thể tiến bộ nhờ chăm chỉ; hy vọng duy nhất của tôi là anh ấy sẽ không bao giờ thay đổi quyết định. Trên hành tinh muôn màu muôn vẻ này, nơi con người sinh sống, chỉ có thể giới cảm xúc mới khó diễn tả thành lời. Giữa cuộc

đời trăm năm lang thang, tình cảm chân thành chỉ có hai trái tim mới thấu hiểu.

Tại học viện quân sự, Chu Chính trở thành người hỗ trợ tài chính chính cho Mai Gia Thanh, đều đặn gửi kiều hối 5 hoặc 10 nhân dân tệ về Nam Kinh. Khoản kiều hối lớn nhất là 350 bạc, một khoản tiền khá lớn vào thời điểm đó. Điều này là do Mai Gia Thanh bỗng nảy ra một ý tưởng... Mai Gia Thanh dự định nghỉ hưu ở học viện quân sự và mở trang trại gà của riêng mình, đã viết thư cho Chu Chính để xin sự ủng hộ.

Ngay lúc Mai Gia Thanh đang loay hoay lựa chọn con đường cho cuộc đời mình, Sự kiện 7 tháng 7

xảy ra, quân đội Nhật Bản phát động một cuộc xâm lược toàn diện, và cuộc kháng chiến chống Nhật bùng nổ. Ngọn lửa chiến tranh nhanh chóng lan đến Nam Kinh, và học viện quân sự của Mai Gia Thanh chuyển về phía nam.

Mai Gia Thanh đứng trước một lựa chọn khác: phải làm gì?

Chu Chính vội vã đến Nam Kinh để bàn bạc vấn đề với Mai Gia Thanh. Mai Gia Thanh nói với Chu Chính rằng anh muốn ở lại. Là một thanh niên nhiệt huyết và từng trải qua huấn luyện quân sự, anh cảm thấy mình có bốn phận phải phục vụ đất nước trong thời khắc quan trọng này. Với tinh thần vị tha và quyết tâm không lay chuyển, Mai

Gia Thanh quyết tâm trở về quê hương Đan Dương để gây dựng lực lượng vũ trang kháng chiến chống Nhật.

Tại Nam Kinh, Mai Gia Thanh kết hôn với Chu Chính. Đám cưới diễn ra đơn giản, chỉ có vài người bạn thân thiết tham dự. Sau đám cưới, máy bay ném bom Nhật Bản bay qua Nam Kinh. Giữa cảnh hỗn loạn của chiến tranh, Mai Gia Thanh và Chu Chính rời Nam Kinh và hướng về Đan Dương.

Tại quê nhà Hồ Kiều, Mai Gia Thanh đã tổ chức lực lượng vũ trang kháng Nhật trong giới trẻ. Chu Chính đóng góp tiền tiết kiệm của mình cùng với vài trăm nhân dân tệ do cha anh, Chu Huệ Lương,

gửi từ Thượng Hải, và họ mua khoảng mười khẩu súng trường từ những người lính Quốc Dân Đảng còn sót lại. Trong khi đó, Quan Văn Vĩ, một đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc, cũng đang tổ chức lực lượng vũ trang kháng Nhật tại quê nhà. Gia đình Quan chỉ sống cách làng của Mai Gia Thanh ba dặm, một khoảng cách ngắn.

Một đêm mùa đông năm 1937, Mai Gia Thanh gặp Quan Văn Vĩ để thảo luận về việc tổ chức một lực lượng vũ trang tự vệ chống lại quân Nhật. Mùa xuân năm 1938, Quân đoàn Tự vệ được thành lập tại thị trấn Tiên Kiều, Đan Dương, với Quan Văn Vĩ là chỉ huy và Mai Gia Thanh là chỉ huy Chi nhánh Trấn Bắc. Quân đoàn tự vệ quản lý

một số làng. Ngay sau khi thành lập, dưới sự chỉ huy của Mai Gia Thanh, quân đoàn thường xuyên phục kích các đoàn tàu Nhật Bản tại Linh Khẩu, phía đông Đan Dương.

Một phần của quân đoàn dần dần phát triển thành lực lượng vũ trang địa phương toàn thời gian, với Mai Gia Thanh giữ chức chỉ huy Tiểu đoàn 3. Mùa hè năm 1938, Trần Nghị, chỉ huy Phân đội 1 của Tân Tứ Quân, người đang dẫn quân vào miền Nam Trung Quốc, đã cử Lưu Yến, chủ nhiệm bộ phận chính trị, đến Đan Dương để tái tổ chức Quân đoàn Tự vệ Đan Dương thành Đội du kích Đan Dương. Do đó, quân đội của Mai Gia Thanh được sáp nhập vào Tân Tứ Quân. Tháng 10 năm 1939, quân đội của Mai Gia

Thanh được tái tổ chức thành lực lượng chủ lực, và Mai Gia Thanh trở thành chỉ huy Trung đoàn 3 của Đội tiền phương của Tân Tứ Quân. Lúc này, Mai Gia Thanh đã là đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc và đã chỉ huy nhiều trận đánh; tài năng quân sự của ông đã nhanh chóng được thể hiện trong những trận giao tranh thường xuyên này. Hãy thể hiện mình.

Những trải nghiệm của Chu Chính trong hơn mười năm chiến tranh thực sự xúc động. Năm 1938, con gái bà, Danbo, chào đời, và Chu Chính đã nuôi dạy cô bé giữa biển lửa chiến tranh. Chu Chính lần lượt đảm nhiệm các chức vụ giáo viên văn hóa, thủ kho và giám đốc nhà trẻ trong Tân Tứ Quân, dành phần

lớn thời gian chiến đấu cùng quân đội ở miền Bắc và miền Nam. Là một thiếu nữ nhỏ nhắn, giàu có, bà đã vượt qua biển máu trong chiến tranh. Một mùa đông nọ, đơn vị của bà bị quân Nhật bao vây. Trong một trận đột phá ác liệt, Chu Chính đã đột phá, nhiều lần đi chân trần qua sông. Bà đi bộ ba ngày ba đêm, hầu như không ăn uống gì, đói lả và kiệt sức, cuối cùng ngã quỵ. Giáo viên của bà mua cho bà một củ cà rốt, Chu Chính ăn, và thật kỳ diệu, bà đã có thể đi lại được.

Đoàn Cố vấn Quân sự Trung Quốc lên đường ra chiến trường

Sau hơn mười năm chinh chiến, ở tuổi 36, Mai Gia Thanh đã trở thành Phó Tư lệnh quân đội. Ông

là một trong những vị tướng thắng tiến nhanh nhất trong Tân Tứ quân và được vị tướng lừng danh Tô Dực kính trọng.

Ngay sau chiến thắng toàn quốc, ông được lệnh sang Việt Nam. Tuy Mai Gia Thanh rất ngạc nhiên, nhưng với tư cách là một người lính, ông kiên quyết tuân lệnh. Trong thâm tâm, ông thực sự không muốn rời xa chiến trường khói lửa. Ông thích đọc sách quân sự và, từ kinh nghiệm bản thân, ông cảm thấy chiến trường mới là nơi các vị tướng thực sự xuất sắc.

Lúc này, điều khó khăn nhất đối với ông là gia đình mới định cư của mình. Sau hơn mười năm máu lửa, cuối cùng ông đã ổn định

cuộc sống tại một biệt thự nhỏ ở Tiểu Doanh, Nam Kinh, sống cùng vợ là Chu Chính, con gái là Đan Ba và con trai nuôi là Vân Ba. Nói về con trai, đây chính là đóng góp của Mai Gia Thanh và Chu Chính cho cuộc chiến. Do hoàn cảnh khắc nghiệt của cuộc kháng chiến chống Nhật, họ đã gửi gắm đứa con trai sinh sau Đanbo cho một gia đình nông dân. Do điều kiện sống nghèo nàn và không được điều trị y tế kịp thời sau khi lâm bệnh, đứa trẻ đã qua đời khi còn nhỏ. Sau đó, Mai Gia Thanh và vợ đã nhận nuôi một cậu con trai.

Vì lý do này, Đanbo được coi là đứa con gái quý giá nhất của họ. Trong Chiến tranh Giải phóng, bất cứ khi nào điều kiện cho phép,

Mai Gia Thanh đều đưa con gái đi lính. Bất cứ khi nào chiến sự lắng xuống, quân lính của ông đều vội vã đến và đưa Danbo về bên cha cô bé. Sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập, kế hoạch của Mai Gia Thanh là cho con đi học, những ngôi trường tốt nhất, để bù đắp cho việc học tập bị gián đoạn do chiến tranh.

Giờ đây, khi Mai Gia Thanh sắp sang Việt Nam, vị tướng kiên quyết và quyết đoán trên chiến trường này bỗng trở nên tràn đầy tình cảm. Ngay cả khi lên đường sang Bắc Kinh nhận nhiệm vụ, Mai Gia Thanh cũng đưa con gái đi cùng. Ngay cả vào ngày Mao Trạch Đông gặp gỡ các sĩ quan cố vấn, Mai Gia Thanh cũng đưa con gái đến cửa

Trung Nam Hải. Tại đó, con gái ông bị chặn lại, Mai Gia Thanh phải cử người đưa con gái về dinh thự, miệng nhỏ nhắn của cô bé bĩu ra. Sau đó, Đan Bá miễn cưỡng nói với Mai Gia Thanh: “Chuyện gì thể này? Họ không cho con vào. Vài năm trước, trong các cuộc họp lớn trên chiến trường, Phó Chủ tịch Lưu và Tổng tư lệnh Chu đã nói chuyện, và con luôn đi vòng quanh họ, phải không?”

Mai Gia Thanh chỉ có thể nói với con gái: “Đó là chuyện đã qua. Giờ chúng ta đã thắng rồi, mọi thứ cần phải trở lại bình thường.”

Trong thời gian ngắn ngủi ở Nam Kinh sau khi trở về từ Bắc Kinh, Mai Gia Thanh đã tận dụng

mọi cơ hội để ở bên Chu Chính và Đan Bá. Ông dắt con gái đi dạo và chuẩn bị nước nóng để tắm cho con. Đan Bá, khi thấy mẹ đang thu dọn hành lý cho cha, thường tỏ ra lo lắng. Vệ sĩ của Mai Gia Thanh, Chu Hồng Ba, đã chứng kiến tất cả những điều này và vô cùng lo lắng.

Trước khi rời đi, Mai Gia Thanh lái xe đến Đan Dương thăm mẹ ở quê nhà. Mẹ anh và dân làng xung quanh đã đãi anh món bánh trôi mè, một đặc sản địa phương. Sau khi ngủ qua đêm tại ngôi nhà nơi anh lớn lên, Mai Gia Thanh chào tạm biệt mẹ. Anh thì thầm vào tai bà: “Mẹ ơi, nếu mẹ cần gì, hãy viết thư cho Chu Chính. Cô ấy vẫn còn ở Nam Kinh và sẽ chăm sóc mẹ.”

Khi anh rời Nam Kinh bằng tàu hỏa, các bà vợ của các cố vấn đều đến tiễn anh. Sân ga tràn ngập tiếng khóc. Danbo cũng khóc, nhưng Chu Chính thì không. Nhiều lần chia ly trong những năm chiến tranh đã tôi luyện cho bà sức mạnh đặc biệt. Bà chỉ nhìn chăm chăm vào đoàn tàu rời đi một lúc lâu cho đến khi nó khuất dần trong khoảng không xanh tươi⁷¹.

Khẩu hiệu của Nhóm Cố vấn: Thực hiện Nghĩa vụ Quốc tế

Tàu hỏa huyết sáo khởi hành, các cố vấn bắt đầu một chiến dịch mới, tâm trí họ nhanh chóng chuyển

71 Vào tháng 3 năm 1990, tác giả đã đến thăm Mai Gia Thanh nhiều lần tại Bắc Kinh. Vào ngày 30 tháng 3 năm 1990, tác giả đã đến thăm Chu Chính tại Bắc Kinh. Ngày 1 tháng 4 năm 1990, tác giả đã đến thăm Mei Danbo ở Bắc Kinh.

từ việc chia tay người thân. Hành trình diễn ra tương đối suôn sẻ, ngoại trừ một sự cố liên quan đến 500 lượng vàng khiến các cố vấn lo sợ.

Khi Mai Gia Thanh đến Bắc Kinh, Quân ủy, dự đoán tình huống xấu nhất, đã quyết định rằng nhóm cố vấn nên mang theo đủ tiền trong nhiều năm, để sử dụng trong những hoàn cảnh khó khăn nhất khi không thể nhận được viện trợ từ tổ quốc. Thực hiện kế hoạch này, Mai Gia Thanh, cùng với Chu Hồng Ba, đã đến Ngân hàng Trung ương để nhận 500 lượng vàng và một vali nhân dân tệ. 500 lượng vàng được đặt trong một chiếc hộp sắt và được Chu Hồng Ba giữ, sau đó mang về Nam Kinh.

Rời Nam Kinh, 500 lượng vàng được đặt dưới giường ngủ của Mai Gia Thanh, cho đến tận Hành Dương, Hồ Nam. Đoàn cố vấn xuống tàu tại đây; đi xa hơn về phía tây, họ sẽ phải chuyển sang xe buýt. Tàu đến Hành Dương lúc chạng vạng, thì bất ngờ có tiếng súng nổ từ xa. Tàn quân Quốc dân đảng vẫn còn hoạt động trong khu vực, thường xuyên quấy rối các phương tiện đi qua, khiến các cố vấn có phần bối rối khi xuống tàu. Mai Gia Thanh được bốn vệ sĩ hộ tống; Chu Hồng Ba là vệ sĩ riêng của ông, người đã hộ tống Mai Gia Thanh xuống tàu trong khi những người khác kiểm tra đồ đạc của họ. Tàu nhanh chóng khởi hành, và

chỉ đến lúc đó họ mới nhận ra 500 lượng vàng đã biến mất. Mai Gia Thanh vô cùng tức giận, chỉ trích các vệ sĩ vì sự hoảng loạn của họ và ngay lập tức liên lạc với đồn trú nhà ga, yêu cầu phong tỏa tất cả các nhà ga trước khi tàu khởi hành và chặn tàu lại để kiểm tra.

Tàu nhanh chóng bị chặn lại, và 500 lượng vàng vẫn được tìm thấy an toàn dưới gầm giường mà Mai Gia Thanh đã sử dụng. Chu Hồng Ba và cố vấn Dư Bất Tuyết (một anh hùng chiến đấu của Quân khu Đông Hoa) đã đi suốt đêm để lấy vàng.

Khi đến Nam Ninh, họ được biết tình hình ở Việt Nam không

nghiêm trọng như họ tưởng tượng, và 500 lượng vàng vẫn còn ở Trung Quốc⁷².

Tại Nam Ninh, Vi Quốc Thanh, Mai Gia Thanh và Đặng Nhất Phàm đã soạn thảo “Sổ tay Công tác Tổ Cố vấn Quân sự”, được Mao Trạch Đông phê chuẩn và ban hành ngay lập tức, yêu cầu tất cả nhân viên sang Việt Nam phải thực hiện theo mẫu. Vi Quốc Thanh tuyên bố với tất cả các cố vấn: Lần này, Tổ Cố vấn nhận được ba nhiệm vụ chính khi sang Việt Nam: giúp quân đội Việt Nam chiến đấu và xây dựng quân đội, và thúc đẩy tư tưởng quân sự của Mao Trạch Đông. Tổ Cố vấn Quân sự thực hiện mệnh lệnh của Quân ủy Trung ương, hỗ

72 Tháng 7 năm 1990, tác giả đã đến thăm Chu Hồng Ba tại Bắc Kinh.

trợ sự nghiệp giải phóng của nhân dân Việt Nam. Sau khi quân đội chủ lực Việt Nam ở Trung Quốc hoàn thành huấn luyện, họ sẽ cùng sang Việt Nam.

Gần bốn mươi năm sau, khi những cố vấn quân sự này, giờ đã ở tuổi xế chiều, được hỏi điều gì khiến họ ấn tượng nhất trong quá trình học tập chuyên sâu ở Nam Ninh, hầu như ai cũng trả lời: “Chúng tôi đã học về chủ nghĩa quốc tế. Khi đến Việt Nam, chúng tôi phải trân trọng từng ngọn cây, từng ngọn cỏ ở đó và coi công việc của người dân Việt Nam như của chính mình.”

Chương 8

Điều chỉnh hướng chiến dịch



Bản đồ Chiến dịch Biên giới Việt Nam, từ ngày 16 tháng 9 đến ngày 9 tháng 10 năm 1950.

Một ngôi sao tỏa sáng giữa ngôi làng nhỏ bên biên giới Việt Nam

Cuối tháng 7 năm 1950, Sư đoàn 308 được trang bị tốt của Việt Nam, dưới sự chỉ huy của các cố vấn Trung Quốc, đã khởi hành từ Diên Sơn, hướng về phía đông dọc theo biên giới Trung-Việt, đi qua các huyện Văn Sơn, Malipo và Quảng Nam thuộc tỉnh Vân Nam, trước khi tiến vào huyện Tĩnh Tây thuộc tỉnh Quảng Tây.

Ngày 9 tháng 8, Vi Quốc Thanh dẫn đầu một đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc bí mật rời đi. Hoàng Văn Hoan đã đi từ Bắc Kinh đến Nam Ninh để tháp tùng đoàn vào Việt Nam. Trương Vân Nghị, Bí

thứ nhất Tỉnh ủy Quảng Tây và cũng là cấp trên cũ của Vi Quốc Thanh, đã lái xe đưa họ rời khỏi Nam Ninh. Đoàn xe của đoàn cố vấn được hộ tống bởi quân đội từ Quân khu Quảng Tây.

Khi đoàn xe rời Nam Ninh, tại một vùng núi hẻo lánh, các thành viên của đoàn cố vấn quân sự đã xuống xe và xếp hàng. Trương Vân Nghi bước lên phía trước, đọc diễn văn tiễn biệt: “Các đồng chí sắp rời tổ quốc về Việt Nam. Lẽ ra tôi phải triệu tập toàn thể nhân dân Nam Ninh để tổ chức một buổi lễ tiễn đưa long trọng và tỏ lòng thành kính. Tuy nhiên, nhiệm vụ của các đồng chí là bí mật, không thể tổ chức lễ tiễn đưa công khai. Vì vậy, tôi xin thay mặt Đảng, Chính phủ,

Quân đội và Nhân dân Quảng Tây tiến các đồng chí lên đường bình an! Các đồng chí còn trẻ, hãy cố gắng lên! Các đồng chí là đoàn cố vấn quân sự đầu tiên được Trung Quốc cử ra nước ngoài. Các đồng chí chỉ có thể làm tốt chứ không thể làm kém... Tôi tin tưởng các đồng chí, và nhất định sẽ đến đón các đồng chí khi các đồng chí chiến thắng trở về!”

Sau khi tiếng nói của Trương Vân Nghi vang vọng trong thung lũng, Vi Quốc Thanh ra lệnh:

“Chú ý! Chào tạm biệt tư lệnh! Cúi chào!” Xung quanh yên tĩnh, một làn gió nhẹ thổi qua, lịch sử đã chứng kiến khoảnh khắc này. Các cố vấn lên xe, thẳng tiến về Tỉnh Tây để gặp các cố vấn do Tập

đoàn quân dã chiến số 2 cử đến. Sư đoàn 308 sau đó đã vượt biên giới và trở về lãnh thổ của mình, cơ động về phía tây bắc Cao Bằng.

Trước đó, Vi Quốc Thanh cùng với Lý Thiên Hữu, Tư lệnh Quân khu Quảng Tây, đã đến thăm biên giới Trung-Việt và thậm chí còn vào Việt Nam để gặp Võ Nguyên Giáp và Trần Đăng Ninh nhằm thảo luận về việc sắp xếp cho đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc vào Việt Nam.

Ngày 10 tháng 8, Lý Thiên Hữu lại vào Việt Nam để thảo luận với Võ Nguyên Giáp và Trần Đăng Ninh về việc hỗ trợ hậu cần của phía Trung Quốc cho quân đội Việt Nam trong chiến dịch biên giới.

Rạng sáng ngày 12 tháng 8 năm 1950, đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc, gồm 79 cố vấn và 250 nhân viên, đã tiến vào Việt Nam trong màn đêm.

Võ Nguyên Giáp và Trần Đăng Ninh đã chào đón đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc tại biên giới. Ngoài một số quân hộ tống, họ còn mang theo cả dân công, phần lớn là phụ nữ. Họ niềm nở tiếp cận các cố vấn Trung Quốc, nhiệt tình giúp họ mang vác hành lý, và nhiều người đã nói bằng tiếng Trung bập bẹ: “Đồng chí Trung Quốc! Đồng chí Trung Quốc!”

Sau khi vào Việt Nam, các cố vấn quân sự Trung Quốc tiếp tục tiến về phía tây trong im lặng, đến

sở chỉ huy quân đội Việt Nam ở Quảng Uyên trước bình minh. Trận Cao Bằng đã cận kề.

Ngô Tiểu Mẫn, các cố vấn trung đoàn và tiểu đoàn trưởng An Đình Lan và Trương Tường, cùng với Nguyễn Sĩ Thanh, tham mưu trưởng Sư đoàn 308, đã bắt chắp những cơn mưa nặng hạt, mù mịt của mùa mưa nhiệt đới để tiến hành trình sát các tuyến phòng thủ của Pháp ở Cao Bằng. Trước đó, họ đã thu thập thông tin; người dân địa phương nói rằng Cao Bằng rất khó tấn công, các công sự của nó cực kỳ kiên cố. Không chỉ con sông trước thành phố được đào sâu hơn, với những cây cầu treo bắc qua, mà ngay cả toàn bộ ngọn núi cũng bị khoét rỗng! Ngô Tiểu

Mẫn nói: “VẬY thì chúng ta phải tự mình xem xét.”

Mưa rất to, và không thể nhìn rõ từ xa; Chỉ còn tiếng xe cộ và người qua lại phía sau màn mưa. Ngô Tiểu Mẫn sai bước tiến lên, nhưng Tham mưu trưởng Nguyễn Thế Thành, lo sợ các cố vấn sẽ bị bắt, đã nhẹ nhàng khuyên can. Tuy nhiên, Ngô Tiểu Mẫn vẫn dẫn An Đình Lan và Trương Tường tiến về phía trước. Phía trước là một con sông nhỏ, nước ngập ngang ngực, và ba cố vấn lội qua.

Họ thấy rõ Cao Bằng là một thị trấn nhỏ, tựa lưng vào núi, ba mặt đều là nước. Dọc theo bờ sông, các công sự dày đặc và phòng thủ kiên cố được xây dựng, cho phép mỗi

điểm bắn hỗ trợ cho nhau. Ngô Tiểu Mẫn nằm dưới mưa, cầm ống nhòm, quan sát rất lâu cho đến khi hoàng hôn buông xuống mới quay trở về. Đêm đó không thể trở về với quân đội, họ ngủ qua đêm tại nhà một thường dân.

Ngô Tiểu Mẫn nói với An Đình Lan và Trương Tường: “Xem ra người dân đã đúng; Cao Bằng sẽ không dễ bị tấn công.”

Quân Việt Nam quyết tâm tấn công Cao Bằng. Ngày 25 tháng 7, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định thành lập Đảng ủy tiền tuyến do Võ Nguyên Giáp làm Bí thư. Võ Nguyên Giáp cũng là Tổng tư lệnh chiến dịch và Chính ủy. Trần Đăng

Ninh, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương kiêm Tổng cục trưởng Tổng cục Hậu cần Quân đội Việt Nam, trực tiếp phụ trách công tác hậu cần. Ông đã huy động 70.000 công nhân để sửa chữa đường sá trong mưa và vận chuyển đạn dược, lương thực. Bộ Tư lệnh Quân đội Việt Nam đang chuẩn bị triển khai lực lượng tinh nhuệ vừa huấn luyện ở Trung Quốc ra chiến trường. Tất cả công tác này đã được chuẩn bị đến cuối tháng 8, chỉ chờ Trần Canh, đại diện Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc từ Thái Nguyên đến xem xét. Sau khi hai bên đạt được sự nhất trí, mọi việc đã được triển khai thực hiện. Võ Nguyên Giáp gửi điện thúc giục Trần Canh

nhANH chóng ra tiền tuyến ở Cao Bằng. Tối ngày 14 tháng 8, Trần Canh đến Bộ Tư lệnh Quân đội Việt Nam tại Quảng Nguyên.



Ảnh chụp tập thể các tướng lĩnh cấp cao Trung Quốc và Việt Nam trước trận biên giới năm 1950 (hàng trước từ trái sang: Đặng Nhất Phàm, Vi Quốc Thanh, Chu Phúc Cẩn; hàng sau từ trái sang: Mai Gia Thanh, Nguyễn Chí Thanh, Trần Hữu Nghị, Đào Văn Xương)

Quách Khánh, Mai Gia Thanh và Đặng Nhất Phàm cũng đang đợi ở đó. Quảng Nguyên, ngôi làng nhỏ giáp biên giới Trung Quốc này, bỗng chốc trở thành nơi tụ họp của các lãnh đạo quân sự; riêng phía Trung Quốc đã tập hợp được hai vị tướng cấp quân đoàn, hai vị tướng cấp tập đoàn quân, và một nhóm sĩ quan cấp sư đoàn và trung đoàn.

Tối hôm đó, ánh đèn nhấp nháy tại dinh thự của Trần Canh khi các sĩ quan thuộc tổ cố vấn cấp trên cấp sư đoàn báo cáo tình hình hiện tại cho ông trước một tấm bản đồ. Tình hình chiến sự được thể hiện trên tấm bản đồ lớn của miền Bắc Việt Nam như thế nào? “

Bỏ Cao Bằng, đánh Đông Khê trước.

Vào thời điểm đó, quân đội Pháp đang thực hiện cái gọi là “Chiến dịch Levos”, với tổng lực lượng khoảng 230.000 người ở Đông Dương (bao gồm cả quân đội của Bảo Đại), trong đó 40.000-50.000 quân Pháp và khoảng 60.000-70.000 lính đánh thuê châu Âu và châu Phi. Ở miền Bắc Việt Nam, tổng lực lượng bộ binh dưới quyền Bộ Tư lệnh Bắc Việt Nam của Pháp là hơn 75.000 người, chủ yếu phân tán để phòng thủ, với 10-12 tiểu đoàn làm lực lượng cơ động. Ngoài ra, Không quân Pháp ở Đông Dương có khoảng 150 máy bay, một nửa là máy bay chiến đấu và một nửa là máy bay vận tải, với hai

phần ba tập trung ở miền Bắc Việt Nam và 3-4 tiểu đoàn lính dù sẵn sàng cho lực lượng cơ động. Trong cuộc tấn công mùa xuân năm 1950, quân đội Pháp, sau khi chiếm được các tỉnh lỵ Thái Nguyên, Phủ Lý và Ninh Bình, về cơ bản đã kiểm soát được vùng sản xuất ngũ cốc Đồng bằng sông Hồng. Trên mặt trận Quảng Tây, gần biên giới Trung-Việt, quân đội Pháp đã ở thế phòng thủ, củng cố mạnh mẽ hệ thống phòng thủ dọc theo Quốc lộ 4, với 13 tiểu đoàn với tổng quân số khoảng 11.000 người. Vào ngày 25 tháng 5, Trung đoàn Độc lập 174 của Việt Nam đã phát động một cuộc tấn công vào Đông Khê, một cứ điểm nhỏ giữa Cao Bằng và Chi Khê, chiếm được nó trong thời gian ngắn. Quân Pháp nhanh chóng

phản công và tái chiếm Đông Khê, sau đó củng cố hệ thống phòng thủ của các cứ điểm biên giới như Cao Bằng, Đông Khê, Chi Khê, Nà Than và Lạng Sơn.

Về phía Việt Nam, Bộ Tổng tham mưu Quân đội Nhân dân Việt Nam tuyên bố rằng, nếu tính cả lực lượng địa phương, tổng quân số của họ là khoảng 160.000 người, một số đang hoạt động ở miền Nam Việt Nam. Lực lượng cơ động chiến lược trực thuộc bộ tư lệnh bao gồm Sư đoàn 308, Trung đoàn Độc lập 174 và 209, một trung đoàn pháo binh và một số tiểu đoàn độc lập, tổng cộng hơn 20.000 người, tất cả đều tập trung gần Cao Bằng. Do đó, tại khu vực Cao Bằng, trước một đơn vị đồn trú của Pháp với

hơn 2.000 người, quân đội Việt Nam nắm giữ lợi thế tuyệt đối.

Câu hỏi cấp bách đặt ra là: khi nào và bằng cách nào để tấn công Cao Bằng?

Cố vấn quân sự Trung Quốc Ngô Tiểu Mẫn báo cáo kết quả trinh sát Cao Bằng.

Ánh mắt của Trần Canh dán chặt vào bản đồ. Ông không thể bỏ qua đánh giá của Ngô Tiểu Mẫn rằng công sự Cao Bằng rất vững chắc và một cuộc tấn công sẽ gây ra thương vong nặng nề. Ngô Tiểu Mẫn nói: «Người Pháp có thể đã cảm nhận được Cao Bằng đang bị tấn công, do đó quân đồn trú của họ đã được tăng lên ba tiểu đoàn, và Đại tá Sachsen, ban đầu đóng

quân tại Qixi, đã được điều đến đó để chỉ huy...» Sư đoàn 37 của Ngô Tiểu Mẫn thuộc Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc là sư đoàn chủ lực của Quân đoàn 4. Ngô Tiểu Mẫn là một cựu chiến binh đã trải qua nhiều trận đánh và là một vị tướng thân tín của Trần Canh. Sau khi nghe báo cáo của Ngô Tiểu Mẫn và xem xét thông tin thu thập được trên đường đi sau khi vào Việt Nam, kế hoạch tác chiến của Trần Canh đã thay đổi khi ông nhìn vào bản đồ. Ánh mắt của ông chuyển hướng về phía nam Cao Bằng 45 km dọc theo đường cao tốc, dừng lại ở Đông Khê.

Đông Khê là một thị trấn rất nhỏ, bốn bề được bao quanh bởi núi non, với một lưu vực nhỏ ở

giữa. Bản thân thị trấn được xây dựng trên một ngọn đồi nhỏ nhô lên ở phía bắc của lưu vực, chỉ cách trạm kiểm soát biên giới Trung Quốc khoảng 10 km về phía đông. Quốc lộ 4 chạy qua thị xã từ tây bắc xuống đông nam. Phía tây bắc là Cao Bằng, và phía nam cách cứ điểm quan trọng của Pháp là Chi Khê 25 km. Vị trí của Đông Khê chính xác là...

102

Họ bị kẹt tại ngã tư đường cao tốc từ Shuikouguan ở Quảng Tây qua Bujuguan vào Việt Nam, chặn đường Trung-Việt theo hướng đó. Theo tin tình báo Việt Nam, quân Pháp đã bố trí một tiểu đoàn tăng cường khoảng 700-800 người ở

Đông Tây, ít hơn một nửa quân số đồn trú của địch ở Cao Bằng. Hơn hai tháng trước đó, vào ngày 25 tháng 5, trước khi tiến vào Quảng Tây để tổ chức lại, Trung đoàn 174 của Việt Nam đã tập trung lực lượng bao vây Đông Khê trong hai ngày, gây ra tổn thất nặng nề cho quân Pháp và chiếm đóng Đông Khê trong thời gian ngắn. Quân Pháp ngay lập tức phản công, và vào sáng ngày 28, sau khi sương mù tan, họ đã thả dù một tiểu đoàn lính dù xung quanh Đông Khê, phát động một cuộc tấn công dữ dội trong khi quân Việt Nam vẫn đang củng cố vị trí của mình và chiếm lại Đông Khê.

Trong trận chiến này, quân Việt Nam chịu hơn 300 thương vong,

và quân Pháp cũng chịu tổn thất nặng nề cho hai đại đội. Xét trên cả hai yếu tố, tinh thần của quân đội Pháp đã bị tổn hại nghiêm trọng. Mắt Trần Canh sáng lên. Đối phương đã bị đánh bại một lần rồi, sao không đánh tiếp? Nằm giữa những dãy núi trùng điệp, con đường từ Cao Bằng đến Chi Khê thường chạy theo hướng tây bắc - đông nam, sườn dốc phủ đầy cây cối - hoàn hảo cho các cuộc phục kích. Một kế hoạch tác chiến hoàn chỉnh đã được vạch ra.

Ngày hôm sau, Trần Canh bàn bạc kế hoạch tác chiến với Võ Nguyên Giáp, nói rằng: “Ý tôi là đánh Đông Khê trước.” Võ Nguyên Giáp có phần ngạc nhiên. Tại sao không phải Cao Bằng? Chẳng phải

quyết định đó đã được đưa ra hơn một tháng trước rồi sao?

Đối với Trần Canh, Võ Nguyên Giáp cho biết bản thân ông cũng chưa có ý kiến rõ ràng về trận đánh sắp tới.

Sự ngầm hiểu giữa Võ Nguyên Giáp và Trần Canh

Võ Nguyên Giáp sinh năm 1913 tại một làng quê ở An Xá, tỉnh Quảng Bình, miền Trung Việt Nam - một trong những vùng nghèo nhất phía bắc vĩ tuyến 17. Cha ông là một trí thức nông thôn, am hiểu Nho giáo và từng tham gia kháng chiến chống Pháp. Võ Nguyên Giáp bắt đầu đi học từ năm 12 tuổi và gia nhập tổ chức bí mật “Tân Việt Cách mạng Đảng” năm 13 tuổi. Năm 16

tuổi, Võ Nguyên Giáp vào Đại học Quốc gia Pháp tại Huế. Hai năm sau, năm 1930, ông bị trục xuất vì tham gia các phong trào nông dân và bãi công của sinh viên. Trong thời gian này, ông bị bắt và giam cầm, nơi ông học tập chăm chỉ trong vài tháng. Sau khi được thả, ông đến Hà Nội và ở với Giáo sư Đặng Thái Mai, học luật tại Đại học Hà Nội. Tại Đại học Hà Nội, ông đã gặp Trường Chinh, một nhà lãnh đạo quan trọng của cách mạng Việt Nam.

Năm 1936, sự phát triển của phong trào dân chủ Pháp cho phép báo chí được xuất bản tự do tại các thuộc địa hải ngoại. Năm 1937, Đảng Cộng sản Pháp cử đại diện sang Việt Nam để giúp Đảng Cộng

sản Đông Dương đã được thành lập nhưng chưa được tổ chức chặt chẽ, phát triển và củng cố tổ chức. Võ Nguyên Giáp gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương vào thời điểm này. Cũng trong thời gian này, ông đã gặp Phạm Văn Đồng, người sau này trở thành một nhà lãnh đạo quan trọng của Việt Nam.

Cùng năm đó, Võ Nguyên Giáp nhận bằng Cử nhân Luật. Điểm luật của ông ở mức trung bình, nhưng điểm kinh tế chính trị lại rất xuất sắc, vì vậy ông quyết định tiếp tục học. Tuy nhiên, cha mẹ ông không còn đủ khả năng chu cấp cho việc học của ông. Mặc dù Giáo sư Đặng Thái Mai vẫn tiếp tục cung cấp chỗ ở cho ông, Võ Nguyên Giáp vẫn phải tự kiếm sống. Ông tìm được

việc làm giáo viên lịch sử ở trường trung học, vừa học vừa dạy cho đến khi lấy được bằng cấp khác vào năm 1938.

Sau khi tốt nghiệp, Võ Nguyên Giáp kết hôn, và vợ ông cũng cố gắng hết mình cho cuộc đấu tranh chống chế độ thực dân. Cuối năm 1939, khi tình hình thuộc địa Việt Nam ngày càng căng thẳng, Võ Nguyên Giáp trở về quê hương cùng vợ. Ngay sau đó, trong một cuộc truy lùng của chính quyền thực dân, vợ của Võ Nguyên Giáp đã bị bắt và bị giam cầm, bà qua đời tại đây vào năm 1943. Bản thân Võ Nguyên Giáp đã trốn thoát vào năm 1940 và đến Vân Nam, Trung Quốc, nơi ông đến Côn Minh cùng Phạm Văn Đồng.

Tháng 5 năm 1941, Võ Nguyên Giáp gặp Hồ Chí Minh lần đầu tiên tại Côn Minh. Theo chỉ thị của Hồ Chí Minh, ông và Phạm Văn Đồng ở lại trụ sở Bát lộ quân ở Quý Dương một thời gian dài, dự định từ đó đi Diên An để học tập thêm. Trùng hợp thay, quân đội Đức của Hitler mở cuộc tấn công quy mô lớn vào Liên Xô, và tình hình Đông Dương cũng thay đổi. Hồ Chí Minh ngay lập tức ra lệnh cho Võ Nguyên Giáp và những người khác trở về biên giới Trung-Việt để bí mật tổ chức đấu tranh vũ trang.



Ảnh cưới của Võ Nguyên Giáp.

Ngày 22 tháng 12 năm 1944, “Đội Tuyên truyền Giải phóng quân” của Việt Nam được thành lập tại vùng núi gần Cao Bằng, với Chu Văn Tấn làm đại úy và Võ Nguyên Giáp làm huấn luyện viên. Từ đó trở đi, cuộc đời của Võ Nguyên Giáp gắn liền với cuộc đấu tranh vũ trang của Việt Nam. Năm 1946, Võ Nguyên Giáp kết hôn với Đặng Thị Hà, con gái của Giáo sư Đặng Thái Mai. Trong những ngày tháng khó khăn đó, Võ Nguyên Giáp đã có thời gian dài gần bó với Hồ Chí Minh và giành được sự tin tưởng sâu sắc của ông.

Trần Canh hiểu rằng để thay đổi kế hoạch chiến dịch đánh Cao

Bằng trước tiên, trước tiên phải thuyết phục Võ Nguyên Giáp, sau đó mới thống nhất tư tưởng của cán bộ quân đội Việt Nam.

Trần Canh, nói tiếng Quan Thoại lưu loát với giọng Hồ Nam, giải thích: Mặc dù tổng số quân Pháp ở Đông Dương vẫn vượt quá 200.000, nhưng thành phần của chúng cực kỳ phức tạp. Phần lớn lực lượng của chúng phân tán ở các vị trí phòng thủ, và lực lượng cơ động rất hạn chế. Hơn nữa, do ảnh hưởng của các lực lượng phản chiến trong nước, việc tăng viện quy mô lớn từ đại lục là không thể. Đây là một vấn đề mà người Pháp không thể giải quyết, và điều này lại có lợi rất lớn cho quân đội Việt Nam.

Liệu quân đội Việt Nam có thể khai thác triệt để điểm yếu của quân đội Pháp không? Trần Canh nói với Võ Nguyên Giáp rằng quân đội Việt Nam hiện đang trải qua ba cuộc chuyển đổi — từ lực lượng du kích phân tán sang quân đội chính quy tập trung một phần; từ chiến tranh du kích phân tán sang chiến tranh cơ động tập trung hợp lý; và từ các cuộc chiến tranh tiêu hao trước đây sang các cuộc chiến tranh tiêu diệt. Để hoàn thành tốt cuộc chuyển đổi này, trận đánh đầu tiên phải được cân nhắc kỹ lưỡng; một trận đánh đầu tiên kém sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến tinh thần chiến đấu. Công sự của Cao Bằng khá vững chắc, ba mặt giáp sông, mặt kia giáp núi, dễ phòng thủ nhưng khó tấn công. Với năng

lực chiến đấu hiện tại của quân đội Việt Nam, việc chiếm Cao Bằng sẽ rất khó khăn, và ngay cả khi chiếm được, họ cũng sẽ phải trả giá đắt.

Đề xuất của Trần Canh là trước tiên tấn công vào cứ điểm Đông Khê nhỏ hơn, thay vì cứ điểm lớn hơn của Cao Bằng, để cô lập Cao Bằng và buộc địch phải tăng viện. Sau đó, quân đội Việt Nam có thể tiêu diệt số quân tăng viện này trong các cuộc cơ động trên chiến trường. Điều này không chỉ tiêu diệt sinh lực của địch mà còn rèn luyện và nâng cao hiệu quả chiến đấu của quân đội Việt Nam. Hơn nữa, việc bao vây Cao Bằng mà không tấn công ngay lập tức sẽ khiến các cứ điểm vốn được phòng thủ của Cao Bằng trở nên vô hiệu,

tạo điều kiện cho việc tấn công và tiêu diệt sau này.

Võ Nguyên Giáp hài lòng với đề xuất này, cho biết ông thấy ý tưởng của Trần Canh rất thuyết phục và không phản đối gì thêm.

Thảo luận và Lý giải Kế hoạch Chiến dịch Biên giới

Trần Canh đã soạn thảo phương án triển khai tác chiến: Trung đoàn 174 và 209 sẽ tấn công Đông Khê trên Quốc lộ 4 từ hướng bắc và hướng nam. Sư đoàn 308 sẽ bố trí ở phía nam Đông Khê, tạo thành một ổ phục kích để chặn đường tiếp viện của Pháp đến từ Thất Khê. Đồng thời, hai tiểu đoàn sẽ được điều về phía nam Thất Khê để chặn đường tiếp viện từ Lạng Sơn, trong

khi một lực lượng nhỏ sẽ được sử dụng để bao vây và giám sát quân địch ở Cao Bằng. Sau khi chiếm được Đông Khê, nếu quân địch ở Thất Khê đến tiếp viện, Sư đoàn 308 sẽ tập trung lực lượng để tiêu diệt chúng. Nếu quân địch ở Thất Khê không di chuyển, sư đoàn sẽ di chuyển về phía nam sau trận Đông Khê để tập trung lực lượng, bao vây và tiêu diệt chúng. Cuối cùng, toàn bộ lực lượng chủ lực sẽ tấn công Cao Bằng, buộc quân địch phải rút lui càng xa càng tốt và tiêu diệt chúng trong trận chiến mở. Toàn bộ chiến dịch dự kiến sẽ hoàn thành trong vòng 30-40 ngày.

Ngày 22 tháng 8, Trần Canh đệ trình kế hoạch tác chiến lên Mao Trạch Đông.

Trong điện tín, Trần Canh tuyên bố: Sau khi thảo luận với Ngô Nguyên Gia, Vi Quốc Thanh và những người khác, quyết định rằng quân Pháp có thể tăng viện bốn tiểu đoàn bằng đường bộ và đường không sau khi trận chiến bắt đầu. Với sức mạnh và sự chuẩn bị hiện tại của quân đội Việt Nam, có thể tiêu diệt cả lực lượng phòng thủ và tiếp viện, qua đó hoàn thành thắng lợi chiến dịch biên giới. Do đó, các nguyên tắc chỉ đạo cho chiến dịch biên giới là: 1. Tiến hành một cuộc chiến tranh tiêu diệt, không phải một cuộc chiến tranh tiêu hao hay một cuộc chiến tranh tháo chạy, tập trung vào việc tiêu diệt sinh lực của địch.

2. Tập trung lực lượng và hỏa

lực vượt trội để tấn công vào một điểm duy nhất. Năm trung đoàn được trang bị tốt của quân đội Việt Nam sẽ được tập trung liên tục, đảm bảo lực lượng vượt trội trong mọi trận chiến để chống lại lính dù và quân tiếp viện của địch.

3. Tấn công các cứ điểm yếu trước, sau đó là các cứ điểm mạnh hơn; tấn công các cứ điểm sâu trước, sau đó tiến công các cứ điểm phía trước, khiến địch bất ngờ.

Kế hoạch chiến dịch do Trần Canh đề xuất là: 1. Chiến dịch sẽ bắt đầu bằng một cuộc tấn công vào Đông Tây, hy vọng tiêu diệt quân tiếp viện của địch đến từ Thất Khê, sau đó chiếm Thất Khê, và cuối cùng là chiếm Cao Bằng.

Thứ hai, trong trận Đông Khê, ngoài việc triển khai một bộ phận chủ lực (hai trung đoàn) để tấn công, một bộ phận chủ lực khác (ba trung đoàn) đã được chuẩn bị để chặn quân tiếp viện, trong khi hai trung đoàn (tiểu đoàn) nhỏ hơn được bố trí ở phía nam Thất Khê để chặn quân tiếp viện từ hướng Lạng Sơn, và hai trung đoàn (tiểu đoàn) nhỏ hơn nữa được sử dụng để bao vây và giám sát Cao Bằng.

Thứ ba, trong trận Đông Khê, nếu địch từ Thất Khê gửi quân tiếp viện, chúng sẽ bị tiêu diệt ở địa hình thuận lợi của Đông Khê, và sau đó quân đồn trú ở Thất Khê sẽ bị tiến lên và tiêu diệt. Nếu địch đồn trú ở Tề Tây không gửi quân tiếp viện, chúng sẽ bị bao vây và

tiêu diệt hoàn toàn sau khi trận Đông Khê kết thúc.

Thứ tư, sau trận Đông Khê và Thất Khê, nếu địch từ Lạng Sơn đến tiếp viện, việc đánh chặn hay không tùy thuộc vào tình hình lúc đó. Sau các trận đánh, một cuộc tổng kết ngắn gọn và rút kinh nghiệm đã được tiến hành, tiếp theo là một cuộc tấn công toàn diện vào Cao Bằng với toàn bộ lực lượng chủ lực. Lúc này, hai trung đoàn (tiểu đoàn) nhỏ hơn được triển khai ở phía nam Thất Khê để lựa chọn các điểm then chốt, phá hủy cầu cống, giám sát và ngăn chặn quân Pháp từ hướng Lạng Sơn.

Thứ năm, tiến hành thận trọng và vững chắc, sau khi chuẩn bị kỹ

lưỡn, tiến công Cao Bằng, dần dần chiếm được các cứ điểm bên ngoài, kiểm soát sân bay, chiếm giữ một số điểm cao ở khu vực xung quanh, xây dựng các vị trí, sau đó chọn hướng thuận lợi để tập trung lực lượng Hỏa lực đủ mạnh để tiêu diệt chúng chỉ trong một đòn.

Toàn bộ chiến dịch dự kiến hoàn thành trong 30-40 ngày. Các trận đánh ở Đông Khê và Thất Khê dự kiến hoàn thành trong vòng 7-10 ngày. Toàn bộ chiến dịch dự kiến bắt đầu vào khoảng giữa tháng 9.

Khi kế hoạch chiến dịch biên giới hoàn tất, Hồ Chí Minh đến Quảng Nguyên, và Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã thảo luận và thông qua

kế hoạch tác chiến do Trần Canh đề xuất.

Ngày 23 tháng 8 năm 1950, Võ Nguyên Giáp triệu tập một cuộc họp các sĩ quan Việt Minh từ cấp trung đoàn trở lên để động viên cho trận đánh Đông Khê. Tuy nhiên, việc động viên diễn ra không suôn sẻ. Một số chỉ huy Việt Minh đã nghi ngờ và thảo luận tại sao họ không tấn công Cao Bằng như kế hoạch ban đầu. Ngày hôm sau, Võ Nguyên Giáp mời Trần Canh đến họp để làm rõ tình hình.

Sau khi Trần Canh đến, một vị chỉ huy Việt Minh nói: “Sức mạnh của chúng ta có hạn. Chúng ta nên tập trung lực lượng để tiêu diệt địch ở Cao Bằng ngay từ đầu. Tuy

thương vong có thể lớn hơn, nhưng chúng ta vẫn có thể hoàn thành nhiệm vụ. Nếu chúng ta tấn công Đông Khê và Thất Khê trước, đến lúc tấn công Cao Bằng, lực lượng của chúng ta sẽ gần như cạn kiệt, và chúng ta có thể không chiếm được Cao Bằng.” Nếu không chiếm được Cao Bằng, vòng vây biên giới của Pháp sẽ không thể phá vỡ.

Trần Canh trả lời rằng để giải phóng Cao Bằng, trước tiên phải tiêu diệt lực lượng địch; nếu không, dù Cao Bằng có khó khăn cũng không thể củng cố được. Tấn công Đông Khê dễ dàng và chắc chắn hơn nhiều so với Cao Bằng. Chiến thắng trong trận đánh đầu tiên sẽ có tác động đáng kể đến tình hình chung. Nếu địch bị suy

yếu nghiêm trọng ở Đông Khê, viện binh từ Thất Khê và Lạng Sơn có thể đến, tạo cơ hội tốt cho quân ta tiêu diệt địch trên chiến trường. Vì quân ta sẽ tiêu hao một phần lực lượng trong trận đánh, chúng ta cần chuẩn bị tiếp tế một cách có kế hoạch.

Có ý kiến cho rằng việc tấn công Cao Bằng ngay từ đầu sẽ khiến địch bất ngờ, không kịp tiếp viện. Nếu Đông Khê và Thất Khê bị tấn công trước, địch sẽ củng cố công sự và quân số ở Cao Bằng, khiến cho những đợt tấn công sau đó trở nên khó khăn hơn.

Trần Canh cho rằng Cao Bằng ba mặt đều là sông, lưng tựa núi, lại có công sự kiên cố. Việc tấn

công Cao Bằng đòi hỏi phải vượt sông, và chỉ có thể thực hiện từ một phía. Nó đòi hỏi phải xâm nhập sâu vào lãnh thổ địch và chuẩn bị chặn đường tiếp viện của lính dù, khiến việc này rất khó khăn. Tất nhiên, một cuộc tấn công bất ngờ ban đầu có thể hiệu quả, nhưng nó sẽ không giải quyết được tất cả những khó khăn về chiến thuật và kỹ thuật của ta. Nếu trước tiên ta tiêu diệt một phần quân số địch ở khu vực Đông Khê và Thất Khê dọc biên giới Đông Bắc, cô lập địch ở Cao Bằng, tinh thần của chúng sẽ dao động; ngược lại, quân ta sẽ có thêm kinh nghiệm chiến đấu và tự tin vào chiến thắng qua những chiến thắng liên tiếp. Khi đó, việc tấn công Cao Bằng sẽ không chỉ khó khăn hơn mà còn dễ dàng hơn.

Một vị tướng Việt Nam cũng đề nghị với Trần Canh rằng chúng ta thiếu kinh nghiệm tác chiến liên tục và thể lực yếu; chúng ta có thể không duy trì được khả năng chiến đấu liên tục.

Trần Canh mỉm cười: “Vậy thì, chúng ta không nên giải quyết những thử thách khó khăn nhất trước, mà nên tấn công vào các cứ điểm yếu của địch. Tấn công yếu trước, sau đó là mạnh, và mạnh sẽ yếu dần. Về việc quân đội thiếu kinh nghiệm tác chiến liên tục và thể lực yếu, giải pháp có hai mặt: cải thiện khẩu phần ăn và tích lũy kinh nghiệm chiến đấu.”

Sau khi các sĩ quan Việt Nam trình bày ý kiến xong, Trần Canh

tiếp tục thảo luận về những thiếu sót của quân đội Việt Nam và cách khắc phục, nói chuyện suốt bốn tiếng đồng hồ. Ban đầu, các sĩ quan Việt Nam chỉ thì thầm với nhau, nhưng cuối cùng hoàn toàn bị thuyết phục bởi những hiểu biết sâu sắc của Trần Canh.

Đêm hôm đó, lúc nửa đêm, Võ Nguyên Giáp gọi điện cho Trần Canh: «Anh nói rất hay, chia sẻ rất nhiều kinh nghiệm quý báu từ cuộc chiến tranh Trung Quốc mà không hề e dè, giải thích mọi thứ một cách hoàn hảo. Điều này đã giải quyết được nhiều vấn đề tư tưởng của cán bộ chúng tôi, và tất cả chúng tôi đều rất vui mừng.»

Trần Canh không nói nhiều qua điện thoại. Tuy nhiên, với tư cách là một tư lệnh quân đoàn, hiếm khi nào trong nhiều năm kinh nghiệm của Trần Canh lại dành nhiều tâm sức và nói nhiều đến vậy về việc tấn công một cứ điểm nhỏ chỉ được phòng thủ bởi vài trăm người. Xét cho cùng, đây là ở Việt Nam. Trần Canh đã nói với Vương Diên Tuyền và Lương Trọng Vũ nhiều lần: “Chúng tôi đến Việt Nam với tư cách là đại diện cho Ủy ban Trung ương Đảng. Đây là lần đầu tiên chúng tôi giúp một nước anh em chiến đấu, và cuộc chiến này sẽ do quân đội Việt Nam tham gia. Chúng tôi không quen biết người Pháp, cũng không hiểu biết nhiều về quân đội Việt Nam, nên sẽ không dễ dàng để giúp họ tốt; chúng tôi

phải tận tâm và siêng năng.”



Một tư lệnh Việt Nam đang nghiên cứu bản đồ chiến trận trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

Cùng ngày, 24 tháng 8, Mao Trạch Đông, nhân danh Quân ủy Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, trả lời Trần Canh: “Tôi đồng ý với kế hoạch tác chiến của các anh.” Bức điện nêu rõ: “...Để đảm bảo thắng lợi trong chiến dịch này, cần phải quán triệt tư tưởng chiến đấu liên tục cho cán bộ, để đối phó với mọi sự tiếp viện của địch ở

Lạng Sơn, đồng thời chuẩn bị cho khả năng địch ở Cao Bằng có thể rút lui hoặc tăng viện về phía Nam sau khi tiêu diệt địch ở Đông Khê và Chi Khê. Nhận định rằng bộ chỉ huy địch có thể chưa nhận ra rằng hiện nay ta có thể tập trung hơn 20.000 quân vào một chỗ, mà vẫn còn nghĩ rằng ta chỉ có vài ngàn hoặc 10.000 quân. Do đó, rất có thể địch sẽ điều ba, bốn tiểu đoàn, thậm chí bốn, năm tiểu đoàn từ Lạng Sơn đến tăng viện cho Đông Khê và Chi Khê. Nếu địch chỉ điều ba, bốn tiểu đoàn đến tăng viện...” Địa hình thuận lợi cho quân ta, nên sau khi tiêu diệt Đông Khê và Thất Khê, quân ta có thể tiêu diệt được lực lượng tăng viện này của địch. Nếu tiêu diệt được lực lượng tiếp viện này của địch, bộ chỉ huy địch

có thể nhanh chóng thay đổi nhận định đánh giá thấp sức mạnh của ta và ra lệnh cho địch ở Cao Bằng bỏ cứ điểm, tăng viện xuống phía Nam tấn công quân ta từ cả hai phía. Khi đó, quân ta có thể phải đánh địch ở Cao Bằng sau khi tiêu diệt được lực lượng tiếp viện của địch ở Lạng Sơn. Nếu không đánh, ta sẽ phải để địch ở Cao Bằng chạy thoát. Nếu điều này xảy ra, phe ta có thể phải đánh ba bốn trận lớn nhỏ trong vòng khoảng 20 ngày.

Do đó⁷³, theo tình hình và kế hoạch dự kiến của ngài, việc bình tĩnh tiêu diệt địch ở biên giới trong vòng 40 ngày là rất an toàn và có lợi. (2) Theo tình hình dự kiến trên,

73 Trong bức điện này, “phe ta” và “quân đội ta” đều ám chỉ phía Việt Nam hoặc quân đội Việt Nam. Điều tương tự cũng áp dụng ở dưới.

chúng ta đã chuẩn bị đánh ba bốn trận lớn nhỏ trong vòng khoảng 20 ngày. Nếu có thể thắng, sẽ càng có lợi hơn. Tôi chỉ không biết quân đội Việt Nam có khả năng này không?

Sau khi nhận được điện tín từ Quân ủy Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc phê chuẩn kế hoạch chiến dịch biên giới, Trần Canh cảm thấy hoàn toàn yên tâm. Sau khi cân nhắc tất cả các kịch bản có thể xảy ra, ông ra lệnh cho nhóm cố vấn ngay lập tức bắt đầu chuẩn bị cho trận chiến⁷⁴.

⁷⁴ Chu Nhất Chi và Khúc Ái Quốc: “Nhiệm vụ bí mật”, xem Tạp chí Nhân dân, Số 2, 1993. Ngoài ra, vào ngày 1 tháng 12 năm 1994, tác giả đã đến thăm Chu Nhất Chi tại Thượng Hải.

Mai Gia Thanh, người tử mĩ, đã lập ra một kế hoạch tác chiến chi tiết.

Sau khi Đặng Nhất Phàm dẫn đầu nhóm cố vấn chính trị, gồm Đặng Khánh Hòa, Lý Văn Nghị và những người khác, đến Tổng cục Chính trị Quân đội Việt Nam, họ cùng với Chủ nhiệm Nguyễn Chí Thanh và Phó Chủ nhiệm Lê Liêm đã nghiên cứu việc triển khai công tác chính trị cho chiến dịch và đưa ra ý kiến của mình về công tác chính trị ở từng giai đoạn của chiến dịch. Nguyễn Chí Thanh và Lê Liêm rất coi trọng ý kiến của các cố vấn Trung Quốc.

Trung đoàn 174 của Việt Nam, đơn vị chịu trách nhiệm tấn công chính, đã tiến hành một cuộc tập

trận đột kích với sự yểm trợ của pháo binh, trong khi Sư đoàn 308 tiến về thung lũng phía nam Đông Tây để bố trí phục kích.

Đúng lúc này, Ngô Tiểu Mẫn bị ốm. Ông cảm thấy không khỏe sau khi trở về từ một nhiệm vụ trinh sát gần Cao Bằng trong cơn mưa hôm đó, và sau đó bị sốt rét, ngày càng mê sảng. Trần Canh lập tức ra lệnh cho Vương Diên Tuyền thay Ngô Tiểu Mẫn làm cố vấn cho Sư đoàn 308. Trung đoàn 174 và 209 đã đến khu vực tập kết, cả hai đều có cố vấn từ Quân đoàn Dã chiến số 4 của Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc. Trương Chí Sơn là cố vấn cho Trung đoàn 174, và Hác Thế Trung là cố vấn cho Trung đoàn 209.

Kế hoạch tác chiến đã được hoàn thiện: quân đội Việt Nam sẽ tiến hành chuẩn bị pháo binh trước cuộc tấn công. Mai Gia Thanh triệu tập cố vấn pháo binh Đỗ Cẩm Ba và nói: “Nhanh chóng đến Trung đoàn Pháo binh Sơn chiến số 95 của Việt Nam và, không tiết lộ ý định chung, hãy giúp họ chuẩn bị chiến đấu. Sau đó, hãy đi cùng trung đoàn này đến địa điểm chiến đấu. Vào thời điểm giao chiến, một tiểu đoàn pháo binh sơn chiến sẽ được điều động đến Trung đoàn 174. Trận chiến dự kiến sẽ bắt đầu vào khoảng giữa tháng 9.” Đỗ Cẩm Ba đến Trung đoàn Pháo binh Sơn chiến số 95. Cùng với Chính ủy Hoàng Phong và Phó Trung đoàn trưởng “Nhạc”, ông kiểm tra trang bị của đơn vị. Lòng mày của người đàn ông Sơn

Đông hơi nhú lại. Quân khu Quảng Tây đã trang bị cho trung đoàn này hai tiểu đoàn pháo binh sơn chiến do Mỹ sản xuất và một tiểu đoàn pháo binh sơn chiến Type 41, cùng với la và ngựa. Tuy nhiên, chỉ sau một tháng ở Việt Nam, do quân đội Việt Nam thiếu kinh nghiệm chăn nuôi và thiếu sự chăm sóc, một số la và ngựa đã chết vì bệnh. Những con la và ngựa còn lại, hầu như hoàn toàn thiếu thức ăn đậm cô đặc và chỉ biết gặm cỏ dại, hầu hết đều gầy gò yếu ớt, làm giảm đáng kể khả năng vận chuyển pháo binh. Phó Trung đoàn trưởng Yo nhận thấy mối lo ngại của cố vấn và nói: “Chúng tôi hiếm khi dùng ngựa; trước đây, binh lính mang pháo khi hành quân.”

“Như vậy sẽ chậm hơn nhiều,” Đậu Cẩm Ba nói, tự nhiên lúc này bất lực.

Đậu Cẩm Ba đã quyết định một điểm: dựa trên kinh nghiệm trên chiến trường Đông Hoa và xét đến tính chất tương đối lộ liễu của các boongke ở cứ điểm Đông Tây, ông yêu cầu sử dụng một số pháo binh gần tiền tuyến trong các trận đánh tấn công, sử dụng phương pháp bắn thẳng để tiêu diệt các vị trí hỏa lực của địch.

“Đây chẳng phải là điều pháo binh xung phong sao?” Phó Trung đoàn trưởng Yo có phần nghi ngờ. Trước đây ông từng là trung úy pháo binh trong quân đội Pháp, và quân Pháp chưa bao giờ chiến đấu như thế này.

Chính ủy Hoàng Phong cũng tỏ ra mơ hồ. Tuy nhiên, chính Tiểu Ân Tuyền. Tiểu đoàn trưởng 3 lại rất nhiệt tình, hỏi rất nhiều câu hỏi về chỉ thị của Đệ Tam Cẩm Ba.

Đệ Tam Cẩm Ba nói: «Phương pháp này không được sử dụng trong quân đội cũ. Nhưng trong thực chiến, pháo binh phối hợp với bộ binh di chuyển khiến đối phương bất ngờ, đạt được kết quả to lớn với thương vong tối thiểu.» Sau đó, ông hỏi Tiểu Ân Tuyền thêm vài câu hỏi. Hóa ra Tiểu Ân Tuyền là một chiến sĩ du kích kỳ cựu, nhập ngũ vào đầu Chiến tranh Việt Nam và đã tham gia nhiều trận đánh. Tuy trình độ học vấn không cao, nhưng ông rất có năng lực. Đệ Tam Cẩm Ba âm thầm quyết định sử dụng tiểu đoàn của

mình để hỗ trợ Trung đoàn 174 trong cuộc tấn công của họ.

Đậu Cẩm Ba cũng phát hiện ra rằng một đại đội phó và hai binh sĩ từ Quân khu Quảng Tây, đang dạy kỹ thuật pháo binh, cũng đã đến Việt Nam. Ông ngay lập tức chọn một đại đội từ tiểu đoàn của Ân Tùy và cho ba huấn luyện viên người Trung Quốc này huấn luyện họ, giải thích mọi thứ từ giao tranh pháo binh, vị trí bắn ẩn cho đến ngắm bắn, sau đó là các bài tập thực hành. Đậu Cẩm Ba dặn dò họ: «Hỗ trợ huấn luyện, nhưng không được đi theo đại đội này trong chiến đấu.»

Để vận chuyển vật tư quân sự cần thiết cho chiến dịch biên giới

và giải quyết vấn đề hỗ trợ hậu cần của chiến dịch, Tổng cục Hậu cần Quân đội Giải phóng Nhân dân đã thành lập một văn phòng tại Nam Ninh vào ngày 6 tháng 8 năm 1950. Nhóm cố vấn hậu cần của nhóm cố vấn quân sự do Massifu dẫn đầu đã đến Tổng cục Cung cấp Việt Nam vào ngày 22 tháng 8. Phía Trung Quốc nhanh chóng quyết định làm hết sức mình để giúp quân đội Việt Nam lập kế hoạch hỗ trợ hậu cần cho chiến dịch biên giới, sau đó dần thiết lập các quy tắc và quy định và đào tạo cán bộ hậu cần trong hệ thống cung cấp của quân đội Việt Nam. Đến cuối tháng 8, lương thực và đạn dược cần thiết cho chiến dịch biên giới đã được vận chuyển từ Trung Quốc sang Việt Nam. Đội vận tải cơ giới đầu

tiên của quân đội Việt Nam, được Quân khu Quảng Tây huấn luyện và trang bị, đã lên đường trong đêm với 60 xe để tham gia vào hàng ngũ vận chuyển vật tư. Theo thống kê từ phía Trung Quốc, từ tháng 4 đến tháng 9 năm 1950, khoảng 14.000 súng trường và súng lục và hơn 1.700 súng máy hạng nhẹ và hạng nặng và súng tiểu liên đã được vận chuyển từ Trung Quốc sang Việt Nam. Trung Quốc cũng cung cấp cho quân đội Việt Nam hơn 300 súng trường, súng cối, súng 60mm, súng không giật và bộ phóng tên lửa, hơn 2.800 tấn ngũ cốc và một lượng lớn đạn dược, thuốc men, quần áo và các vật tư quân sự khác.

Để vận chuyển hàng viện trợ của Trung Quốc từ biên giới đến khu vực chiến đấu, quân đội Việt Nam đã huy động một số lượng lớn phụ nữ tham gia vận chuyển. Buổi tối, Trần Canh đi bộ trên con đường đơn sơ và nhìn thấy những người phụ nữ vận chuyển ngũ cốc.



Một góc khu vực tập trung lao động hỗ trợ trong trận chiến biên giới.

Hàng người dài lê thê dọc theo con đường núi quanh co, tưởng chừng như vô tận. Phần lớn họ đều gầy gò, vai đeo những chiếc đòn gánh tre. Hai đầu đòn gánh được buộc những chiếc thúng tre, đáy lót lá chuối, đựng đầy gạo, khiến đòn gánh rung lên bần bật. Họ phải đi bộ một quãng đường dài nhưng lại mang theo rất ít quần áo. Khi mệt lả, họ nằm bệt xuống đất; khi khát, họ múc một nắm nước sông; khi đói, họ ăn một nắm cơm. Họ không có rau, chỉ có vài quả ớt dại hái ven đường và một chút muối.

Trần Canh đứng bên đường thốt lên: “Tinh thần lao động của phụ nữ Việt Nam thật đáng khâm phục!”

Lý Vân Dương, một cố vấn tháp tùng La Quý Ba sang Việt Nam, đã làm một bài thơ đáp lại:

Phụ nữ Việt Nam

Ăn đi ở lại nón toi,

*Tảo tần nuôi cả muôn người ra
quân.*

*Tướng quân treo thưởng hỏi
rằng:*

*Ai còn tựa gốc mà giành công
lao?*

Công này tính lại trước sau,

*Nhánh trúc xanh ấy dành trao
các bà. [1]*

Tỉnh ủy Quảng Tây đã cử người đến thành lập một bệnh viện hậu

phương bên trong quan Thủy Khẩu ở Trung Quốc. Theo điện tín khẩn cấp từ đoàn cố vấn quân sự, một lô ủng cao su đã được phân bổ khẩn cấp từ Quảng Tây, nhưng vì binh lính Việt Nam đã quen hành quân chân đất nên những đôi ủng này không mấy hữu ích.

Không thể nói rằng vị chỉ huy Pháp hoàn toàn không biết gì về tình hình ở mặt trận Cao Bằng và Đông Khê. Vào lúc 5 giờ chiều ngày 3 tháng 9, năm máy bay ném bom của Pháp bất ngờ tấn công Quảng Uyên, oanh tạc qua lại trong nửa giờ. Hai ngày sau, một nhóm máy bay khác của Pháp tấn công, oanh tạc chính xác vào Bộ Tổng tham mưu Việt Nam, gây ra nhiều thương vong.

Liệu quân Pháp có phát hiện ra ý đồ của chiến dịch biên giới? Đây là nỗi lo lớn nhất của Trần Canh. Đầu tháng 9, hai trinh sát Việt Nam mất tích gần Đông Khê, càng làm tăng thêm nỗi bất an của Trần Canh.

Trần Canh luôn theo dõi sát sao chiến trường, quyết tâm chiến đấu không lay chuyển. Quân đội Việt Nam áp đảo, áp đảo hoàn toàn, ào ạt tiến về Đông Khê như thủy triều.

Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp đến gặp Trần Canh. Hồ Chí Minh hiểu rõ tầm quan trọng của trận đánh sắp tới đối với vận mệnh đất nước. Ông trịnh trọng nói với Trần Canh: “Xin hãy nắm toàn quyền chỉ huy và ‘bảo đảm thắng lợi trong

trận này, rồi bảo đảm thắng lợi trong trận sau.”

Trần Canh xúc động: “Tôi nhất định sẽ cố gắng hết sức. Tuy nhiên, thắng lợi vẫn phụ thuộc vào quân đội và nhân dân Việt Nam.”

Vài ngày trước đó, Võ Nguyên Giáp đã nói với Trần Canh rằng ông không có kinh nghiệm chỉ huy các trận đánh lớn và yêu cầu Trần Canh ở lại cho đến khi chiến dịch này kết thúc. Lúc này, Hồ Chí Minh lại nói với Trần Canh: “Về việc chỉ huy chiến trường, tôi không phải là nhà chiến lược quân sự và cũng không giỏi việc này. Cứ làm những gì anh cho là đúng.”

[1] Tháng 12 năm 1993, tác giả đến thăm Lý Văn Dương tại Quảng Châu. Lý Văn Dương đã sử dụng một ẩn dụ trong bài thơ của mình. “Thưởng cho

tướng quân” là một ẩn dụ từ “Phùng Nghi truyện” của Phạm Diệp trong Hậu Hán thư. Phùng Nghi là một vị tướng được kính trọng dưới thời Hoàng đế Quang Vũ của nhà Đông Hán, Lưu Tú. Ông nổi tiếng với kỷ luật nghiêm khắc, và tính kỷ luật của ông là mẫu mực trong mọi hành động và cử chỉ, mang lại cho ông danh tiếng là người cực kỳ ngăn nắp. Mỗi khi các tướng lĩnh tụ họp để bàn luận về công trạng, Phùng Nghi lại một mình ngồi dưới gốc cây, khiến ông được mệnh danh là “Đại Thụ tướng quân”. Sau khi chiếm được Hàm Đan, ông đã phân công lại các tướng lĩnh của mình, trao cho mỗi người một cấp bậc cụ thể. Tất cả binh lính đều nói: “Chúng tôi muốn phục vụ dưới trướng Đại Thụ tướng quân”. Câu chuyện này minh họa rằng Phùng Nghi vẫn luôn khiêm nhường bất chấp những thành tựu của mình, nhờ đó chiếm được cảm tình của người dân. “Cành trúc xanh” trong các văn bản cổ điển ám chỉ đến tre, và trong bối cảnh này, nó có thể được hiểu là cây tre mà phụ nữ Việt Nam dùng để mang vác lương thực.

Hồ Chí Minh đã cực kỳ thận trọng trong hành động của mình liên quan đến trận đánh sắp tới. Ngày 11 tháng 9, Hồ Chí Minh đích thân thị sát tiền tuyến và gặp gỡ một số cố vấn quân sự Trung Quốc. Hồ Chí Minh đặc biệt nói rằng cán

bộ Trung Quốc đã chiến đấu hơn 20 năm và có rất nhiều kinh nghiệm quý báu. Cán bộ Việt Nam không chỉ nên học hỏi kinh nghiệm chiến đấu của đồng chí Trung Quốc mà còn phải học hỏi họ ở nhiều khía cạnh khác. Ông nói rằng cán bộ Trung Quốc cũng có những thiếu sót. Phong tục Việt Nam khác với phong tục Trung Quốc, và các đồng chí Trung Quốc đôi khi mất bình tĩnh do bất đồng ngôn ngữ. Điều này là dễ hiểu, và chúng ta nên tha thứ cho họ. Cán bộ Trung Quốc và Việt Nam, và cán bộ các ban ngành, nên đoàn kết như một cỗ máy. Hồ Chí Minh cũng nói rằng tất cả cán bộ phải nhớ không được lãng phí bất cứ thứ gì, bởi vì tất cả vật tư đều là máu và mồ hôi của đồng bào, máu và mồ hôi của nhân

dân Việt Nam, và cũng là máu và mồ hôi của nhân dân Trung Quốc. Đồng bào Trung Quốc đã ủng hộ chúng ta bằng cách thắt lưng buộc bụng, và chúng ta nên trân trọng từng món đồ một.

Giữa rừng núi nhiệt đới, mây đen chiến tranh cuộn cuộn. Liệu biên giới Trung-Việt có thể mở ra ngay lập tức hay không sẽ được quyết định trong trận đánh này. Quân đội Việt Nam chiếm Đông Khê

Thực tế, quân Pháp đã dự đoán sẽ giao tranh dọc theo tuyến Cao Bằng-Đông Khê-Lạng Sơn, nhưng họ không ngờ quân đội Việt Nam lại có khả năng mở một chiến dịch tiêu diệt quy mô lớn. Ngày 12 tháng

9, theo kế hoạch tác chiến, quân Việt Nam ở phía tây bắc đã mở một cuộc tấn công giả vào Lào Cai, khiến viên chỉ huy Pháp có phần nghi ngờ.

Rạng sáng ngày 16 tháng 9, Trung đoàn 174 bất ngờ chiếm được hai cứ điểm nhỏ ở phía bắc Đông Khê.

Quân Pháp ngay lập tức nhận ra đây chính là mục tiêu thực sự của quân đội Việt Nam. Năm máy bay chiến đấu thay phiên nhau bay quanh Đông Khê, lượn vòng và bắn phá cho đến tận hoàng hôn.

Những chiếc máy bay Pháp, mà quân đội Việt Nam lo sợ nhất, đã bay mất. Lúc 6 giờ chiều, một tiếng đại bác nổ vang, đạn pháo của Việt

Nam liên tiếp nổ vào các vị trí của Pháp ở Đông Khê, đánh dấu sự bắt đầu của trận chiến biên giới.

Đậu Kim Ba đang đứng giữa trận địa pháo binh của Việt Nam. Đây là một ngọn đồi nhỏ ở phía bắc Đông Khê. Đậu Kim Ba nhanh chóng leo lên trước trận địa pháo binh, quan sát địa hình Đông Khê và so sánh với bản đồ. Đột nhiên, anh nhận thấy một vài hộp thiếc nằm rải rác trên sườn đồi, rõ ràng không phải do quân đội Việt Nam để lại. «Chuyện gì đã xảy ra ở đây vậy?» anh hỏi gấp gáp.

Hóa ra, trong cuộc tấn công Đông Tây do Trung đoàn 174 phát động vào cuối tháng 5 trước khi họ huấn luyện ở Trung Quốc, một

trong những vị trí pháo binh của họ nằm ở đây. “Những hộp thiếc này xác nhận rằng địch đã tiến hành trinh sát và khảo sát ở đây sau đó. Nếu chúng phản công, chúng sẽ rất chính xác”, Đẩu Kim Ba nghĩ, rồi vội vàng nói với Phó Trung đoàn trưởng Nhạc: “Vị trí này quá nguy hiểm. Không còn thời gian để thay đổi nữa. Xin hãy ra lệnh đào thêm hầm trú ẩn ngay lập tức.”

Quả nhiên, quân Pháp ở Đông Tây, sau khi trúng đạn pháo binh Việt Nam, đã khai hỏa dữ dội vào các vị trí pháo binh Việt Nam. Đạn pháo rơi như mưa xuống pháo binh Việt Nam, nhưng may mắn thay, các lô cốt riêng lẻ đã được đặt vào vị trí, giúp giảm đáng kể thương vong của Việt Nam.

Đúng lúc này, pháo binh tầm gần của quân Việt Nam cũng khai hỏa, bắn rất chuẩn xác. Đông Khê bị khói mù bao phủ, hỏa lực pháo binh của Việt Nam chiếm ưu thế.

Sau một lúc, hỏa lực pháo binh dần lắng xuống, và tiếng súng nổ ra. Quân đội Việt Nam và Pháp giao tranh ác liệt.

Trần Canh trở về Bố Cư Quan, Quảng Tây một ngày trước khi trận chiến bắt đầu, duy trì liên lạc với bộ chỉ huy Việt Nam từ biên giới, cách tiền tuyến khoảng mười cây số. Vi Quốc Thanh và Đặng Nhất Phàm ở bộ chỉ huy Việt Nam, trong khi Mai Gia Thanh ở gần chiến trường hơn; ông và Phó Tham mưu trưởng Việt Nam, Hoàng Văn Thái,

đều ở sở chỉ huy tiền tuyến, trực tiếp chỉ huy.

Đến nửa đêm, tin tốt lành đã đến: một tiểu đoàn thuộc Trung đoàn 209 đã chọc thủng phòng tuyến và tiến vào Đông Tây.

Kỳ lạ thay, tiếng súng vẫn tiếp tục suốt đêm. Đến rạng sáng, quân đội Việt Nam đã rút khỏi trận chiến.

Mai Gia Thanh cảm thấy có điều gì đó không ổn nên đã gọi Trương Chí Sơn, ra lệnh cho ông ta nhanh chóng điều tra và ngăn chặn quân địch ở Đông Tây đột phá.

Hạo Thế Trung, cố vấn Trung đoàn 209, và Lý Tăng Phu, cố vấn tiểu đoàn, vô cùng tức giận. Hóa ra đội hình tấn công của Trung đoàn

209 rất lỏng lẻo. Đội tiên phong đã giao chiến với quân địch, nhưng sở chỉ huy trung đoàn vẫn còn cách tiền tuyến ba bốn cây số. Họ không có liên lạc điện thoại với các đại đội chiến đấu, và lệnh phải được truyền đạt bằng bộ binh, khiến việc kiểm soát quân lính trở nên khó khăn. Kết quả là, một đại đội của trung đoàn này, lợi dụng đợt tấn công chính từ phía bắc của Trung đoàn 174 thu hút sự chú ý của quân Pháp, đã bất ngờ mở một cuộc tấn công trong đêm tối, chiếm được Lỗ Trại, chọc thủng một lỗ hổng trong hệ thống phòng thủ của quân địch và chiếm giữ một vị trí của quân Pháp. Tuy nhiên, các đơn vị tiếp viện đã không tiến lên được, và bộ tư lệnh trung đoàn đã lầm tưởng rằng một trung đoàn (tiểu đoàn)

nhỏ đã tiến lên. Trung đoàn trưởng Lê Trọng Tấn cũng không kịp thời thông báo tình hình cho các cố vấn Trung Quốc. Hơn nữa, sự phối hợp bộ binh-pháo binh của quân đội Việt Nam còn kém. Sau khi chuẩn bị pháo binh, bộ binh vẫn ở xa khu vực tấn công, tạo điều kiện cho quân Pháp dễ dàng triển khai hỏa lực và đẩy lùi cuộc tấn công của quân Việt Nam. Khi bình minh đến gần, quân Việt Nam, lo sợ các cuộc không kích tiếp theo của Pháp, đã rút lui khỏi trận chiến.

Những nỗ lực ban đêm đã vô ích, và quân đội Việt Nam chịu thương vong nặng nề.

Mặc dù quân số đông hơn địch gấp mười lần, quân đội Việt

Nam đã không chiếm được Đông Tây, một thực tế khiến Trần Canh bối rối. Sáng ngày 17, ông đến bộ tư lệnh Việt Nam và sau khi nói chuyện với Võ Nguyên Giáp, ông chỉ ra rằng cuộc tấn công vào Đông Tây đã thất bại vì một số lý do: thứ nhất, các đơn vị đã không tuân thủ lịch trình tấn công; cuộc tấn công dự kiến lúc chạng vạng không bắt đầu cho đến nửa đêm; Thứ hai, các sở chỉ huy ở tất cả các cấp đều ngần ngại tiến quân, dẫn đến việc thiếu kiểm soát quân đội; Thứ ba, thông tin liên lạc giữa các đơn vị kém; Thứ tư, các sĩ quan nộp báo cáo sai, lừa dối cấp trên.

Tại sở chỉ huy Việt Nam, Trần Canh đích thân điều chỉnh việc triển khai, yêu cầu một cuộc tấn

công thứ hai vào lúc chạng vạng. Võ Nguyên Giáp đã đồng ý.

Lúc 5 giờ chiều ngày 17, quân đội Việt Nam lại tiến hành một đợt pháo kích khác vào Đông Tây, mở màn cho cuộc tấn công thứ hai lúc 9 giờ tối. Lần này, quân tiền tuyến vẫn chưa hoàn toàn tuân thủ kế hoạch triển khai, với cuộc tấn công tập trung vào Trung đoàn 174, tạo điều kiện cho quân Pháp tập trung hỏa lực vào một bên. Đến nửa đêm, trận chiến đã rơi vào bế tắc. Chỉ huy tiền tuyến hỏi liệu có nên rút lui khỏi trận chiến hay không. Trần Canh, đóng quân tại sở chỉ huy Việt Nam, nói với Võ Nguyên Giáp: “Chúng ta phải giữ vững. Chúng ta phải ngay lập tức điều chỉnh việc triển khai và mở một cuộc tấn công

bốn mũi, nhưng chúng ta phải tập trung vào phía bắc và phía nam.” Võ Nguyên Giáp nghe theo lời khuyên của Trần Canh, hoàn tất việc điều chỉnh quân lúc 2 giờ sáng ngày 18, rồi lại mở một cuộc tấn công khác. Tình hình thay đổi. Trong vòng một giờ, quân đội Việt Nam đã đột phá được các vị trí của quân Pháp, và đến 10 giờ sáng, toàn bộ quân địch phòng thủ tại Đông Khê đã bị tiêu diệt. Như vậy, hàng dài quân Pháp chặn biên giới Trung-Việt đã bị cắt đứt một nửa.

Chương 9

Chiến thắng hoàn toàn trong chiến dịch biên giới



Một bức ảnh chụp nhóm sĩ quan Trung đoàn 209 của Quân đội Việt Nam cùng các cố vấn Trung Quốc sau trận chiến biên giới năm 1950. Người thứ năm từ bên trái là Trần Du, chính ủy trung đoàn; người thứ

bảy từ bên trái là Hác Thế Trung, cố vấn trung đoàn; và người thứ chín từ bên trái là Lý Tăng Phu, cố vấn tiểu đoàn.

Trong trận chiến giữa hai quân đội, ai là người chiếm ưu thế?

Trần Canh nhìn chăm chăm vào bản đồ và thở dài. Đúng như dự đoán, sau trận Đông Tây, quân Pháp ở Lạng Sơn đã điều động quân tiếp viện, tiến về vị trí phục kích của Sư đoàn 308, đúng như ông đã dự đoán.

Tháng 5 năm 1950, quân Pháp phát hiện dấu hiệu của một cuộc di chuyển quy mô lớn của Việt Cộng ở phía bắc, nhưng không thể xác định được ý đồ đằng sau. Họ chỉ đơn giản là bối rối khi Sư đoàn 308

biến mất sau trận Phổ Lâu.

Tại Sài Gòn, Tướng Carpentier, Tổng tư lệnh lực lượng Pháp tại Đông Dương, đã soạn thảo một kế hoạch tác chiến quân sự cho miền Bắc Việt Nam sau mùa mưa vào ngày 18 tháng 8 năm 1950. Trong kế hoạch bí mật này, được gọi là “Giữ vững tuyến phòng thủ tiền tuyến miền Bắc Việt Nam”, mục tiêu của Pháp là tiếp tục giữ vững Quốc lộ 4, tuyến đường trải dài về phía nam biên giới Trung-Việt, đặc biệt là các cứ điểm then chốt như Cao Bằng, Tề Tây và Lạng Sơn, đồng thời dần dần từ bỏ các tiền đồn nhỏ hơn, xác định khu vực giao tranh trong tương lai là phía nam Quốc lộ 4 và phía bắc đồng bằng sông Hồng. Kế hoạch quy định rằng một

khi Việt Cộng vượt qua Quốc lộ 4 về phía nam, quân Pháp sẽ tấn công, kéo họ càng xa càng tốt đến rìa đồng bằng trước khi mở một chiến dịch quy mô lớn hơn.

Carpentier không muốn từ bỏ Quốc lộ 4, chủ yếu vì ông cảm thấy điều này sẽ chỉ còn lại đồng bằng sông Cửu Long và Tây Bắc Việt Nam là những khu vực tương đối an toàn ở miền Bắc Việt Nam, tạo ra những khó khăn chính trị. Tất nhiên, ông cũng nhận thức rằng đây là một động thái mạo hiểm.

Do người Pháp chưa xác định được mục tiêu tiếp theo của Việt Cộng, nên vào tháng 8, Tướng Alesandri, tư lệnh, thậm chí đã bay về Pháp để báo cáo với Bộ Quốc phòng,

giải thích những bất đồng chiến lược với Carpentier. Thay vào đó, các tham mưu trưởng Pháp thúc giục ông nhanh chóng trở về Việt Nam, vì họ cảm nhận được cuộc tấn công của Việt Cộng sẽ sớm bắt đầu. Ngày 16 tháng 9, Alessandri bay trở lại Hà Nội.

Giờ đây, khi trận chiến đã bắt đầu, Tướng Tassigny gần như luôn chậm một bước. Ban tham mưu của ông từ lâu đã khuyến nghị rút quân khỏi biên giới Trung-Việt và củng cố phòng thủ. Tassigny đã từ chối. Thay vào đó, ông ra lệnh cho các đơn vị đồn trú dọc theo Quốc lộ 4 ở Lạng Sơn, Chi Khê, Đông Khê và Cao Bằng giữ vững vị trí. Cho đến phút cuối cùng, khi tình báo cho thấy Việt Cộng đã tập hợp

lực lượng vượt trội và sắp mở một cuộc tấn công quy mô lớn, Tassigny cuối cùng đã ban hành Lệnh số 46 vào ngày 16 tháng 9, triển khai các đơn vị đồn trú tại các cứ điểm này rút lui. Nhưng đúng ngày hôm đó.

Trận Đông Khê đã bắt đầu.

Tassigny khẩn trương ra lệnh cho Đại tá Lebar, đang đóng quân tại Lạng Sơn, dẫn quân tiếp viện cho Đông Khê. Ngày 18, Tiểu đoàn Dù số 1 tinh nhuệ của Quân đội Pháp tại Bắc Việt Nam đã nhảy dù xuống Chi Khê, và Đại tá Lebar đã đến Chi Khê vào ngày 19 cùng với ba tiểu đoàn bộ binh Bắc Phi. Lúc này, Đông Khê đã nằm trong tay Võ Nguyên Giáp.

Với việc quân đội Việt Nam đã tiến vào trung tâm, Cao Bằng đã trở thành một thành phố biệt lập. Trần Canh tin chắc rằng địch không thể bỏ lại hơn 1.600 quân phòng thủ của mình ở đó. Nếu quân Pháp ở Thất Khê tiến lên phía bắc, họ sẽ bị mắc kẹt trong ổ phục kích của Sư đoàn 308.

Trần Canh thầm mừng rỡ. Ông đã tham khảo ý kiến của Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp, hủy bỏ lệnh đã ban hành trước đó cho Sư đoàn 308 bao vây Thất Khê, và thay vào đó tiếp tục cuộc phục kích. Trong nhật ký ngày 20 tháng 9, ông viết: “Quyết định dừng chiến dịch Thất Khê và tấn công vào quân địch đang tiến công. Hai trung đoàn sẽ đóng ở Đông Khê, ba trung đoàn ở

vùng núi phía đông nam Đông Khê, và hai tiểu đoàn ở vùng núi phía tây nam, tạo thành một đội hình bao vây. Khi quân địch tiến về phía nam Đông Khê, một cuộc tấn công gọng kìm sẽ được phát động để tiêu diệt phần lớn hoặc một phần quân địch.”⁷⁵

Tuy nhiên, Carpentier và Alessandri cũng không khôn ngoan. Họ nhận ra rằng lực lượng chủ lực của quân đội Việt Nam tập trung ở khu vực Đông Tây, và nếu quân Pháp ở Tề Tây liều lĩnh tiến lên phía bắc, họ có nguy cơ không thể rút lui. Sau một hồi cân nhắc, quân đội Pháp áp dụng chiến lược «vây Ngụy cứu Triệu», tập trung năm tiểu đoàn cơ động ở Hà Nội và mở

⁷⁵ Nhật ký Trần Canh, Nhà xuất bản Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc, 1987.

cuộc tấn công vào Thái Nguyên, trụ sở của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, vào ngày 20 tháng 9. Cuộc tiến công của họ đe dọa đến lãnh đạo đảng và chính phủ Việt Nam, nằm ở phía bắc huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, tại ranh giới giữa hai tỉnh Thái Nguyên và Tuyên Quang.



(Chú thích ảnh: Trước chiến dịch biên giới năm 1950, Lương Trung Vũ (trái) quan sát các vị trí của quân Pháp ở Cao Bằng. (Ảnh do Vương Bằng đóng góp))

Quân Pháp cố gắng rút lực lượng chủ lực của Việt Nam khỏi Đông Khê, sau đó sử dụng lực lượng ở Tề Khê để giải vây cho Cao Bằng.

Trong nhiều ngày, Sư đoàn 308 đã âm thầm chờ đợi trên các đỉnh đồi hai bên đường. Mưa rơi, làm ướt đầm quân lính Việt Nam, nhưng quân Pháp tại Tề Khê vẫn bất động.

Hai đội quân đối đầu nhau, các vị chỉ huy cao nhất của họ cầm quân nặng, nhìn chăm chăm vào nhau, chờ đợi sai lầm đầu tiên để họ có thể phát động một cuộc tấn công chí mạng. Trần Canh tỏ ra bình tĩnh, trò chuyện và cười đùa với các cố vấn như thường lệ, nhưng bên trong ông đang rối bời.

Nhật ký của ông ngày 21 tháng 9 viết: “Trời mưa, địch vẫn chưa di chuyển. Trận đánh này rất quan trọng. Nếu chúng ta có thể tiêu diệt hai trung đoàn địch nhỏ, thì việc chiếm Cao Bằng sẽ không thành vấn đề. Điều tôi lo lắng là quân địch phân tán từ Đông Tây sẽ chạy về Tề Tây, tiết lộ rằng lực lượng chủ lực của chúng ta đang ở đây. Nếu địch không tiến lên, thì tôi sẽ không có trận đánh nào để đánh, đó là điều đáng lo ngại nhất.” Ngày hôm sau, Trần Canh mắc bệnh sốt rét và ngã bệnh, nằm bệnh trong năm ngày. Chính vào thời điểm này, quân đội Pháp, đang tiến về phía bắc từ Hà Nội, đã chiếm được Thái Nguyên. Hồ Chí Minh đến nơi trong khi Trần Canh vẫn đang bất tỉnh. Hồ Chí Minh vẫy tay chào các

cố vấn Trung Quốc bên cạnh, nhẹ nhàng bước đến bên giường, chạm vào trán Trần Canh rồi lặng lẽ rời đi.

Sư đoàn 308 vẫn đang chờ đợi, nhưng một số người trong số họ bắt đầu mất kiên nhẫn, đầy rẫy những lời phàn nàn và bất bình. Một số sĩ quan thậm chí còn bắt đầu yêu cầu rút quân. Cảnh tượng này vẫn còn sống động 38 năm sau đó bởi Vương Diên Tuyền, cố vấn Trung Quốc của Sư đoàn 308 lúc bấy giờ:

“Chúng tôi đã chờ đợi, nhưng kẻ thù ở Thất Khê vẫn không nhúc nhích. Một số sĩ quan Việt Nam bắt đầu đưa ra những lời nhận xét mỉa mai. Những người ban đầu chủ

trương tấn công Cao Bằng trước đã phàn nàn dữ dội, nói rằng tấn công Đông Khê là một sai lầm, lãng phí lực lượng, không có viện binh, và thậm chí còn đánh mất cơ hội thuận lợi để tấn công Cao Bằng. Những lời phàn nàn này không phải từ các sĩ quan cấp thấp, mà là từ các sĩ quan cấp tiểu đoàn trở lên. Tất cả bọn họ đều biết Trần Canh đang giúp đỡ người Việt Nam tổ chức chiến dịch này, và họ biết rằng tấn công Đông Tây trước là do Trần Canh đề xuất, nên họ bắt đầu nghi ngờ mệnh lệnh của Trần Canh. Những lời phàn nàn và bàn tán này đến tai Trần Canh thông qua các cố vấn các cấp.»

Trần Canh phớt lờ lời khuyên này. Ngay cả khi đang ốm, ông vẫn

tập trung chú ý vào các động thái của vị tổng tư lệnh Pháp. Ông tin chắc rằng quân Pháp không thể bỏ Cao Bằng và chắc chắn sẽ tiếp tục triển khai các lực lượng hiện có. Ông kết luận rằng thế chủ động trong trận chiến nằm trong tay quân đội Việt Nam, và quân Pháp lo lắng hơn nhiều so với quân Việt Nam và sẽ sớm có động thái tiếp theo.

Vài ngày sau, Trần Canh khỏi bệnh. Lúc đó, ông đã hiểu sâu sắc hơn về tình hình Việt Nam. Kết quả của trận Đông Tây đã được thống kê: quân Pháp chịu 267 thương vong và bị bắt, với khoảng 20 người trốn thoát (ban đầu, phía Việt Nam báo cáo 800 thương vong của quân Pháp); thương vong của phía Việt

Nam vượt quá 500, gần gấp đôi quân Pháp. Với gần 10.000 quân bao vây 300 quân phòng thủ, kết quả quá kém, cho thấy khả năng củng cố vị trí yếu kém của quân đội Việt Nam. Làm sao họ có thể tấn công Cao Bằng ngay từ đầu? Trần Canh đã gặp Hồ Chí Minh và chỉ thị cho lực lượng chủ lực của Việt Nam tiếp tục chờ đợi viện binh. Nếu sau vài ngày vẫn không có động tĩnh gì, họ sẽ chuẩn bị vây hãm Chi Khê.

Ngày 29 tháng 9, Hồ Chí Minh lại đến thăm dinh thự của Trần Canh và nghe Trần Canh trình bày kế hoạch tác chiến. Hồ Chí Minh đồng ý với ý kiến của Trần Canh, chỉ nói rằng quân đội Việt Nam hiện đang thiếu lương thực và yêu

cầu Quân khu Quảng Tây phân bổ thêm 150 tấn lương thực để sử dụng khẩn cấp.

Sự chuyển dịch từ chủ động sang bị động, từ thắng sang bại, trên chiến trường yên tĩnh này, thể hiện ở việc ai có thể cầm cự thêm được một phút nữa.

Quân Pháp không thể chờ đợi thêm nữa; quân phòng thủ Chi Khê đã tăng viện cho Đông Khê.

Hoặc có lẽ quân Pháp không thể chờ đợi thêm nữa.

Chiều ngày 30 tháng 9, chỉ huy quân Pháp tại Chi Khê, Le Barge, triệu tập bốn tiểu đoàn trưởng của mình và với vẻ mặt nghiêm nghị, ra lệnh tác chiến: tiến về Đông Khê

sau khi trời tối. Ông không giải thích thêm, không phải vì ông lười giải thích,

Bức điện từ Bộ Tư lệnh Bắc Việt Nam rất mơ hồ và khó hiểu. Sau khi ban hành lệnh, Lebar một mình vào phòng làm lễ cầu nguyện trước buổi sáng theo nghi thức Công giáo và sau đó là rước lễ.

Nhớ lại những sự kiện diễn ra trước đó trong ngày, Lebarge hoàn toàn hoang mang. Ông nhận được điện của Tướng Alexandre từ Lạng Sơn, lệnh cho ông dẫn quân đánh chiếm Đông Khê vào ngày 2 tháng 10. Phải chăng đánh chiếm Đông Khê là nhiệm vụ duy nhất của ông? Lệnh không nói rõ.

Lebarge trả lời: Hiện tại, không

có thông tin tình báo nào về lực lượng Việt Nam tại Đông Khê, và vị trí của lực lượng chủ lực Việt Nam vẫn chưa được xác định. Hơn nữa, Quốc lộ 4 đã bị hư hại nghiêm trọng, khiến pháo hạng nặng và xe vận tải khó tiến lên; mưa phùn và mây thấp cũng ngăn cản sự yểm trợ của không quân. Việc đánh chiếm Đông Khê sẽ vô cùng khó khăn.

Phản hồi từ bộ chỉ huy đến rất nhanh, lệnh cho Lebarge phải xuất phát ngay lập tức! Đọc lệnh, Lebarge, vẻ mặt chán nản, nói với một thuộc hạ: “Chúng tôi sẽ không quay lại.”

Đêm 30 tháng 9, khoảng 3.000 quân Pháp từ Tề Tây, do Lê Bá chỉ huy, tiến về Đông Khê mà không

có sự yểm trợ của không quân, tiến vào khu vực phục kích do Sư đoàn 308 thiết lập vào sáng ngày 1 tháng 10. Cơ hội mà Trần Canh mong đợi để tiêu diệt một lượng lớn quân địch trong trận chiến công khai cuối cùng đã đến.

Tuy nhiên, vào thời điểm quan trọng này, gần một nửa Sư đoàn 308, không được sự chấp thuận của bộ chỉ huy, đã rút khỏi vị trí và tiến về phía quan Thủy Khẩu để vận chuyển lương thực. Hóa ra sau mười ngày phục kích, lương thực của quân đội Việt Nam đã cạn kiệt, và một số sĩ quan đã yêu cầu rút lui. Vương Diên Tuyên nói với Sư đoàn trưởng Vương Thừa Vũ: «Có một số ruộng đất phía sau núi, lúa đã bắt đầu chín. Vào thời điểm quan

trọng này, quân đội không nên hoàn toàn dựa vào lương thực từ phía sau. Chúng ta có thể cử người đi thu hoạch một ít lương thực và tự ăn.»

Vương Thừa Vũ đồng ý, nhưng Phó Sư đoàn trưởng Cao Văn Thanh và những người khác không đồng ý. Cuối cùng, một thỏa hiệp đã đạt được, và một nửa số binh lính được điều đi tiếp tế. Họ mới rời khỏi vị trí được một ngày thì quân đội Pháp, lợi dụng sương mù buổi sáng, đã đi qua ngay trước mũi họ và tiến thẳng đến Đông Khê.

May mắn thay, ngay phía đông Đông Tây, một đại đội lính thuộc Trung đoàn 209 đã phát hiện ra quân Pháp và nổ súng. Bị bất ngờ

và không biết vị trí của mình, quân Pháp vội vàng chiếm đóng các đỉnh đồi gần đó, tạo ra thế bế tắc với quân đội Việt Nam.

Tin tức bất ngờ đã gây chấn động cho bộ tư lệnh Việt Nam. Mai Gia Thanh ngay lập tức cùng Đậu Cẩm Ba và Nghê Hữu Thị chạy đến sở chỉ huy tiền tuyến. Võ Nguyên Giáp, tỏ ra có phần lo lắng, nói với các cố vấn Trung Quốc: “Trung đoàn 308 đã báo cáo rằng họ đang tập trung lực lượng, chuẩn bị cho một cuộc tấn công. Tuy nhiên, việc tập trung đang tỏ ra khó khăn; một số trung đoàn vừa và nhỏ không thể tìm thấy chỉ huy của mình.”

Đúng lúc đó, Trung đoàn 209 báo cáo với Võ Nguyên Giáp: «Sau

khi gặp lực lượng ta chặn đường tiến quân của chúng tại Đông Tây Nam Sơn, địch đã ngừng tiến công và dường như thậm chí còn rút lui một chút.»

Cũng trong khoảng thời gian đó, quân đội Việt Nam bắt được một cuộc gọi vô tuyến của Pháp, báo cáo rằng họ đang gặp phải sự kháng cự dữ dội tại Đông Khê và yêu cầu thả pháo từ trên không để tăng cường tấn công.

Do do dự sau khi bị chặn, dừng lại giữa cánh đồng trống, quân Pháp đã phạm phải một sai lầm thậm chí còn lớn hơn.

Mai Gia Thanh xem bản đồ và đề nghị với Võ Nguyên Giáp: “Điều một tiểu đoàn đến một địa điểm

cách Đông Tây 10 km về phía nam, nơi có một con đèo. Chiếm được nó sẽ cắt đứt hậu phương của địch.” Võ Nguyên Giáp đồng ý và ra lệnh cho Sư đoàn 308 ngay lập tức điều quân.

Trần Canh gọi Vương Diên Tuyền, ra lệnh cho ông ta thúc giục lính tiếp tế của Sư đoàn 308 nhanh chóng trở về, chỉnh đốn lại đội hình và lập tức tiến hành bao vây địch. Từng tiểu đoàn một, từng đại đội một.

Cuộc đối đầu giữa quân Việt Nam và Pháp này khá đặc biệt; ngay khi tiếng súng nổ ra, cả hai bên đều ẩn núp, không biết ai sợ ai.

Tuy nhiên, phía sau quân Pháp,

lính tiếp tế Việt Nam đã vượt núi trở về, và quân Pháp dần rơi vào vòng vây. Không có trận đánh lớn nào xảy ra vào ngày 2 tháng 10. Sáng hôm sau, máy bay vận tải của Pháp đến, thả dù bốn khẩu pháo 90mm, một khẩu trong số đó đã hạ cánh xuống các vị trí của quân Việt Nam. Sau đó, hơn chục máy bay vận tải cũng đến, thả dù các thùng các tông đựng lương thực cho quân Pháp. Gió núi thổi mạnh, nhiều thùng (mỗi thùng đủ lương thực cho một trung đội) trôi xuống giữa các vị trí của hai bên, dẫn đến một cuộc đấu súng bằng vũ khí hạng nhẹ khi cả hai bên cố gắng kiểm soát các thùng.

Một chiếc máy bay bay thấp, thả lệnh của Cabonji. Lebar lúc này

nhận ra nhiệm vụ cuối cùng của mình là tiến về phía bắc theo Quốc lộ 4 để tăng viện cho quân của Sak Dong đang rút khỏi Cao Bằng. Carbonji ra lệnh rằng nếu Lebar gặp phải một cuộc tấn công trực diện của Việt Cộng tại Đông Khê, ông phải đánh bọc sườn Đông Khê và tăng viện cho Cao Bằng bằng mọi giá. Ông gặp Sak Dong tại Nam Nang, phía nam Cao Bằng, vào ngày 3 tháng 10, trước khi cùng nhau rút về Tề Khê.

Mệnh lệnh này chắc chắn là một bản án tử hình cho quân của Lebar. Đông Khê được bao quanh bởi núi non và rừng rậm, nhưng Lebar thậm chí còn không có bản đồ chi tiết về khu rừng Đông Khê. Đọc lệnh xong, Lebar hoảng sợ.

Nói đúng ra, vị đại tá này không phải là một chỉ huy chiến trường có trình độ; ông vốn là một pháo thủ và thiếu kinh nghiệm chỉ huy bộ binh. Giờ đây, sự tự tin của ông đã bị tổn hại nghiêm trọng, và ông chỉ có thể thi hành mệnh lệnh của cấp trên một cách máy móc.

Cùng lúc đó, Đại tá Charton, người đang trấn giữ Cao Bình, cũng nhận được lệnh từ Cabongue: bỏ lại thiết bị hạng nặng và dẫn quân ra khỏi Cao Bình lúc nửa đêm để hội quân với quân tiếp viện từ Lebarge.

Khác với Lebarge, Charton được coi là một chiến binh lão luyện trong quân đội Pháp. Ngay khi nhận được lệnh, ông hiểu rằng

không ai có thể bị lừa bởi một trò bịp bợm ngây thơ như vậy. Ngày 2 tháng 10, Charton và Tướng Alessandri gọi điện vô tuyến.

Alessandri hỏi: “Hay là các ông rút quân theo Quốc lộ 4? Tôi biết tình hình rất nguy hiểm.”



Quân đội Pháp tiến về Đông Khê
để giải cứu

Charton đáp: «Thật điên rồ.»
Ông nói tiếp: «Ta biết rõ đất nước

này, và ta cũng biết rõ sức mạnh của mình. Nếu kế hoạch này được thực hiện, quân tiếp viện phải đến Nậm Ngừm, cách Cao Bằng 28 km về phía nam, đúng giờ để gặp ta. Ta tin chắc khoảng cách đó, nhưng xa hơn nữa thì không được.»

Alexandre nói: “Được rồi, ta đồng ý. Ta ra lệnh cho người rút về Nậm Ngừm.”⁷⁶

Chấp nhận mệnh lệnh này, Charton, lòng tràn đầy oán hận và tuyệt vọng, liều lĩnh thu gom đạn dược và trang thiết bị ở Cao Bằng - tổng cộng hơn 160 tấn - và cho nổ tung thành từng mảnh. Sau đó, dẫn theo 1.600 quân Pháp, cùng với

⁷⁶ Lucien Bodard (tiếng Pháp), Chiến tranh Cát Lún: Khúc dạo đầu cho Việt Nam. Xuất bản năm 1963. Dịch giả: Patrick O'Brian, xuất bản tại Hoa Kỳ năm 1967.

quan tỉnh trưởng Cao Bằng và các quan chức của Bảo Đại, và những người dân sẵn sàng chạy trốn khỏi Cao Bằng cùng với quân Pháp - tổng cộng khoảng 3.000 người - mang theo pháo binh, họ rời Cao Bằng vào trưa ngày 3 tháng 10 và tiến về phía nam theo Quốc lộ 4. Do quân số hỗn tạp và quá tải, lực lượng di chuyển chậm chạp. Điều này hoàn toàn phơi bày ý đồ của quân Pháp; hai nhóm dự định hợp nhất và cùng nhau rút về Thất Khê. Họ áp dụng thế phòng thủ, không thể trả đũa các cuộc tấn công của quân Việt Nam trên đường đi.

Chiến đấu trong rừng nhiệt đới

Quân đội Việt Nam đã hành động.

Trung đoàn 174 triển khai ở phía bắc Đông Tây, chuẩn bị chặn đánh lực lượng của Charton. Nhiều lực lượng địa phương và du kích tấn công Charton từ mọi phía, trong khi Sư đoàn 308 phát động một cuộc tấn công từ nhiều hướng vào Lebarge ở phía nam Đông Tây.

Lebarge hoảng sợ. Quân của ông ta có cảm giác hơi giống “lực lượng Liên Hợp Quốc”; ba tiểu đoàn ông ta đưa thẳng từ Thất Khê đến đều là các tiểu đoàn thuộc địa châu Phi, với quân lính chủ yếu đến từ Maroc và Algeria ở Bắc Phi, được huấn luyện kém và thiếu kỷ luật. Để tăng cường lực lượng, ông ta đã gọi một nhóm máy bay thả dù «Tiểu đoàn Dù Lê dương số 1» xuống khu vực phòng thủ của

mình. Đây là một tiểu đoàn lính đánh thuê châu Âu. Tù binh chiến tranh Đông Âu, đặc biệt là tù binh Đức, chiếm một tỷ lệ đáng kể trong lực lượng trong Thế chiến II, và sức mạnh chiến đấu của họ tương đối cao.

Thật trùng hợp, lính dù Pháp đã đổ bộ ngay trước trường bắn của Tiểu đoàn Độc lập Việt Cộng. Khi hàng trăm chiếc dù bất ngờ bung ra giữa bầu trời xanh, lắc lư và rơi xuống sườn đồi rậm rạp cây cối, lực lượng áp đảo đã làm choáng váng những người lính Việt Cộng đang canh gác trên đỉnh đồi. Cố vấn Trung Quốc của tiểu đoàn, Lý Ngọc Hiền, nhảy lên và hét lớn: “Bắn! Bắn!”. Phiên dịch viên sửng sờ trong giây lát và không dịch

được, khiến những người lính Việt Nam xung quanh bối rối. Lý Ngọc Hiền túm lấy tiểu đoàn trưởng, liên tục bóp cò. Cuối cùng, vị chỉ huy đã hiểu ra và ra lệnh cho toàn tiểu đoàn nổ súng.

Đạn trút xuống như mưa trên bầu trời và vào rừng cây. Giờ đây, Lebar chỉ còn lại chưa đầy một tiểu đoàn.

Bộ chỉ huy tiền tuyến của Việt Minh tràn ngập sự phấn khích. Mai Gia Thanh nói với Hoàng Văn Thái: “Chiến đấu trên chiến trường là một cơ hội tốt.”

“Tuy quân địch ở phía nam sông rất đông, nhưng chúng không dám tấn công Đông Khê, điều này cho thấy chúng sợ hãi. Chúng ta không

được để vuột mất cơ hội này.”

Hoàng Văn Thái hoàn toàn đồng ý và chuyển lời này cho Ngô Nguyên Gia. Tuy nhiên, xét theo vẻ mặt của Ngô Nguyên Gia, ông ta vẫn chưa quyết định.

Mai Gia Thanh báo cáo tình hình cho Trần Canh và Vi Quốc Thanh. Trần Canh, người đi cùng Hồ Chí Minh, đã chuyển lại ý kiến nhất trí của các cố vấn. Hồ Chí Minh đồng ý và ngay lập tức nhắc điện thoại, chỉ thị cho Ngô Nguyên Gia kiểm soát chặt chẽ quân đội của mình và nắm bắt cơ hội tiêu diệt lực lượng của Lê Bá trước.

Mệnh lệnh của Hồ Chí Minh được thực hiện, tiếng súng vang vọng khắp vùng núi nhiệt đới phía

nam Đông Khê.

Vào thời khắc quyết định này của trận đánh, Hồ Chí Minh vô cùng xúc động. Ông đích thân leo núi quan sát cuộc giao tranh giữa hai đội quân và làm thơ:

“Chống gậy lên non xem trận
địa

Vạn trùng núi đỡ vạn trùng mây

Quân ta khí mạnh nuốt ngu
đầu

Thề diệt xâm lăng lũ sói cầy”

Đêm 3 tháng 10, Lebarge, vì chưa tiến xa về phía bắc, không thể cầm cự được nữa. Khi màn đêm buông xuống, ông dẫn quân rời khỏi Quốc lộ 4, xâm nhập về

phía tây nam, thoát khỏi vòng vây của Việt Nam. Đến rạng sáng, họ đã tiến được 14 km và tiến vào dãy núi Cổ Xã. Ông dự định sẽ gặp quân của Charton ở đó khi họ tháo chạy về phía nam.

Tiếng súng ở Đông Khê yếu dần, và quân đội Việt Nam không nhận ra quân Pháp đã rút lui cho đến 10 giờ sáng ngày hôm sau.

Trần Canh vô cùng xúc động, viết trong nhật ký ngày hôm đó: “Việt Nam và Pháp thực sự là một đối thủ đáng gờm; năng lực chiến đấu của họ ngang ngửa nhau. Pháp chưa bao giờ tấn công, luôn giữ thế phòng thủ. Sự chậm chạp và thiếu chủ động của quân Việt Nam đã vượt quá dự đoán của tôi. Vì vậy,

hầu như mọi trận chiến đều kết thúc trong bế tắc. Nếu năng lực chiến đấu của Việt Nam được cải thiện hơn nữa, chắc chắn quân Pháp sẽ bị đánh bật. Việc nâng cao năng lực chiến đấu của Việt Nam hiện đang là vấn đề cấp bách nhất.” “Một khi đã quyết định, Trần Canh không hề nao núng. Ông ra lệnh cho quân đội Việt Nam truy kích và tiếp tục bao vây quân Pháp, sử dụng chiến thuật ‘bám dính’ để làm cho địch bị vướng chân và hao mòn sinh lực. Nếu quân Pháp cố gắng thoát ra, họ sẽ phải đối mặt với các cuộc tấn công liên tiếp. Ngay cả khi quân Pháp có thể thoát được, họ cũng sẽ bị quân Việt Nam tiêu diệt khi đến được Thất Khê.

Tướng Thích Đôn ra lệnh cho

quân đột phá của mình liền lĩnh di chuyển về phía nam, nhưng tình hình vẫn phức tạp.

Mai Gia Thanh cẩn thận xem xét bản đồ, rồi quay sang các trợ lý và nói: ‘Xem ra tình hình rất thuận lợi. Giờ đã nắm được lực lượng của Lê Ba trong tay, chúng ta không thể buông tay. Chúng ta phải thúc giục quân đội của mình mở một cuộc tấn công mạnh mẽ và tiêu diệt lực lượng của Lê Ba trước khi Lê Ba đến. Nếu hai lực lượng địch liên kết, trận chiến sẽ khó khăn hơn nhiều. Chúng ta nên cử một lực lượng đi chặn đánh Lê Ba.’” Nói xong, ông rời khỏi sở chỉ huy tiền tuyến và đến một ngôi làng gần đó để tìm Hồ Chí Minh, Trần Canh và Vi Quốc Thanh.

Sau khi Mai Gia Thanh rời đi, các cố vấn như Đậu Cẩm Ba đã chuyển ý kiến của Mai Gia Thanh cho Hoàng Văn Thái.

Hoàng Văn Thái trầm ngâm một lát rồi nói: “Tôi đồng ý với ý kiến của anh, nhưng vấn đề là hiện tại chúng ta không có quân nào để điều động. Sư đoàn 308 và Trung đoàn 209 đều đang được điều động để tấn công Lạc Ba. Chúng ta chỉ có Trung đoàn 174, là lực lượng dự bị của sở chỉ huy. Chúng ta chỉ có thể điều động họ. Tuy nhiên, quân Lạc Ba vẫn chưa bị suy yếu, nên Trung đoàn 174 tạm thời chưa thể điều động được. Chúng ta chỉ có thể điều tiểu đoàn độc lập ban đầu đang theo dõi Cao Bằng và các đơn vị nhỏ khác để đánh chặn Charton.

Nhưng hiện tại chúng ta không thể liên lạc được với họ, và chúng ta cũng không biết họ đang ở đâu.”

Võ Nguyên Giáp cũng đến. Ông vừa gặp Hồ Chí Minh, Trần Canh và Cựu chiến binh Quốc Thanh. Ông nói: “Chúng tôi đã cử người ra phía bắc Đông Khê để tìm kiếm quân địa phương và du kích để tấn công quân Charton và trì hoãn họ.»

Rồi tin tức thú vị đến. Ngay khi quân của Charton rời Cao Bằng, quân địa phương và du kích Việt Nam đang theo dõi họ đã tích cực truy đuổi và tấn công họ không ngừng nghỉ. Tối ngày 4 tháng 10, Charton đến phía bắc Đông Khê và bị quân cận vệ của Trung đoàn 174 chặn lại. Charton hoảng sợ và đốt

cháy hơn năm mươi xe cộ và hơn mười khẩu pháo mà ông ta mang theo. Quân Pháp bị khói đen bao phủ cũng rời khỏi Quốc lộ 4 và tiến về phía tây vào vùng núi rừng rậm rạp. Điều này càng làm chậm bước tiến của Charton.

Sau một ngày rút lui, Sư đoàn 308 đã bắt kịp lực lượng của Le Barge. Ngày 5 tháng 10, hai quân đoàn giao tranh ác liệt ở dãy núi Cốc Xà, cả hai bên đều chịu thương vong. Giao tranh ở dãy núi Cốc Xà là một trận chiến mơ hồ, đẫm máu; không có chiến tuyến rõ ràng, và vị trí chiến đấu của hai quân đoàn thường xuyên thay đổi. Liên lạc thường xuyên bị gián đoạn. Sư đoàn 308 báo cáo với Võ Nguyên Giáp rằng quân Pháp đang chiến

đấu và rút lui. Địa hình núi Cốc Xà rất phức tạp; do thiếu đường sá, việc tiến công của pháo binh qua khu rừng rậm rạp vô cùng khó khăn. Sư đoàn 308 hỏi liệu họ có nên dừng tiến quân hay không?

“Nếu chúng ta không đánh trận này bây giờ, sẽ không còn trận nào để đánh nữa.”



Vương Thừa Vũ, tư lệnh Sư đoàn 308 của Quân đội Việt Nam trong

cuộc kháng chiến chống Pháp.

Tình hình chiến trường phức tạp và đa dạng xoay vần như kính vạn hoa. Không giống như những lập luận chặt chẽ trong sách giáo khoa phân tích các trường hợp chiến đấu, diễn biến thực tế của trận chiến, đầy khói lửa, thường hỗn loạn, hỗn loạn và mệt mỏi. Binh pháp chắc chắn đòi hỏi trí tưởng tượng phong phú nhất, bản lĩnh kiên cường nhất, cùng với phán đoán đúng đắn và quyết đoán của người chỉ huy chiến trường.

Mai Gia Thanh đã yêu cầu sĩ quan tham mưu của mình liên lạc với Vương Diên Tuyền. Vương Diên Tuyền nói qua điện thoại rằng ông cảm thấy thương vong của quân

Việt Nam hiện tại không quá cao. Một thương vong xảy ra khi họ đang chiếm giữ lương thực thả từ máy bay của Pháp, và bị quân Pháp làm bị thương. Vấn đề là quân đội Việt Nam yếu về thể lực. Nhưng vấn đề chính là quyết tâm của các chỉ huy chưa đủ vững chắc. Tối ngày 5 tháng 10, Võ Nguyên Giáp ra lệnh cho Sư đoàn 308 tạm dừng tấn công và giữ nguyên vị trí. Ông gọi Trần Canh và nói rằng ông nhận định hai lực lượng địch sắp chạm trán và sức mạnh của chúng sẽ được tăng cường. Địa hình núi Cổ Xá hiểm trở, khó di chuyển. Quân Việt Nam đã chiến đấu liên tục bốn ngày.

Kiệt sức và dường như không thể tiêu diệt hoàn toàn kẻ thù, liệu

có nên rút quân không? Trần Canh nổi giận, lập tức đáp: “Nếu chúng ta không đánh trận này ngay bây giờ, sẽ không còn trận nào để đánh nữa!”

Đây là khoảnh khắc hiểm hoi Trần Canh xúc động kể từ khi vào Việt Nam. Sau một thoáng ngập ngừng, ông nói thêm: «Nếu chúng ta không đánh trận này, tôi sẽ thu dọn hành lý và rời đi!»

Trần Canh nói với Võ Nguyên Giáp rằng vào thời điểm then chốt này, sự dao động của bộ tư lệnh sẽ bỏ lỡ một cơ hội vàng để giành chiến thắng!

Ông cúp máy và lập tức viết một bức thư ngắn cho Hồ Chí Minh, hy vọng sẽ vực dậy tinh thần của các

sĩ quan và đề nghị chính Hồ Chí Minh động viên binh lính ở tiền tuyến tiếp tục chiến đấu, đảm bảo bao vây và tiêu diệt hai cánh quân địch. Bức thư được gửi đi ngay lập tức. Trần Canh cũng đọc cho một bức điện báo cáo tình hình chiến trường hiện tại cho Quân ủy Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Tiếp theo, Trần Canh quay sang bộ tham mưu và ra lệnh cho họ triệu tập các cố vấn của Sư đoàn 308 và các trung đoàn, hỏi: “Quân đội Việt Nam còn có thể chiến đấu được không?”

Vương Diên Tuyền, cố vấn của Sư đoàn 308, báo cáo: “Họ có thể chiến đấu. Thương vong của quân Việt Nam không cao lắm; vẫn đề

chính là sự mệt mỏi và tinh thần chiến đấu của các sĩ quan. Binh lính rất dũng cảm và kiên cường.”

Trương Chí Sơn, cố vấn của Trung đoàn 174, báo cáo: “Họ có thể chiến đấu. Trung đoàn 174 có thể được triển khai bất cứ lúc nào.”

Hạo Thế Trung, cố vấn của Trung đoàn 209, báo cáo: “Họ chắc chắn có thể tiếp tục chiến đấu.”

Trần Canh rất vui mừng khi nhận được hồi âm của Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh nói: “Ý kiến của ngài đã làm chúng tôi rất cảm động, và chúng tôi đã ra lệnh cho họ hành động theo.”

Tiếng súng ở núi Cô Xá lại nổ ra.

Tại Bắc Kinh, Mao Trạch Đông cũng quan sát những cột khói bốc lên từ các ngọn núi miền Bắc Việt Nam. Sau khi nhận được điện của Trần Canh, Mao Trạch Đông, nhân danh Quân ủy Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, đã điện cho Trần Canh: “Trước tiên, tập trung lực lượng chủ lực tiêu diệt địch bị ta bao vây ở phía tây nam Đông Tây, sau đó, tùy theo tình hình, tiêu diệt địch đang tháo chạy về phía nam Cao Bình. Kế hoạch này là đúng đắn. Nếu có thể tiêu diệt địch ở phía tây nam Đông Tây trong vòng vài ngày, bắt sống được địch đang tháo chạy ở Cao Bình, và địch ở Lạng Sơn và các nơi khác không thể tiếp viện, đồng thời quân ta có thể điều một bộ phận đến chặn chúng, khiến chúng không thể cản

trở hoạt động của quân ta ở Đông Tây và Cao Bình, thì có thể giành được hai thắng lợi.”

Điện của Mao Trạch Đông cũng nói:

“Các đồng chí phải tiêu diệt hoàn toàn quân địch ở phía tây nam Đông Tây, dù thương vong lớn cũng không được do dự, không được dao động (phải cân nhắc đến tình huống như vậy có thể xảy ra trong cán bộ). Ngoài ra, phải bắt giữ quân địch ở Cao Bằng, không cho chúng chạy thoát, phải bố trí quân địch ở Lạng Sơn và các nơi khác đến tiếp viện. Chỉ cần giải quyết tốt ba điểm trên, các đồng chí có thể giành được hai thắng lợi. Nếu chiến lược đúng đắn, thắng lợi sẽ thuộc về các đồng chí.”⁷⁷

⁷⁷ Trương Quang Hoa: “Trần Canh ở Việt Nam năm

Đọc xong điện tín của Mao Trạch Đông, Trần Canh hoàn toàn yên tâm. Ông quay lại và nói lớn: «Các đồng chí, hãy tiếp tục làm tốt! Không có trận đánh nào mà Mao Chủ tịch tán thành mà không thể thắng.»

Ông lập tức chuyển nội dung điện tín của Mao Trạch Đông cho Hồ Chí Minh. Biết được điều này, Hồ Chí Minh lập tức gửi điện tín cho các chiến sĩ ở tiền tuyến: «Tình hình hiện tại rất thuận lợi cho chúng ta. Vì vậy, các chiến sĩ phải tiêu diệt kẻ thù và giành chiến thắng hoàn toàn!» Mệnh lệnh của Hồ Chí Minh được truyền đến các

1950”, xem tạp chí “Triều Tiên trăm năm”, 2002, số 1.

đơn vị chiến đấu cấp tiểu đoàn, và thậm chí cả điện tín của Chủ tịch Mao Trạch Đông của Trung Quốc ủng hộ việc tiêu diệt kẻ thù ở núi Cổ Xá cũng được truyền đạt. Tinh thần của các chiến sĩ Việt Nam tăng vọt, họ dũng cảm tiến về phía các vị trí của quân Pháp. Chiều hôm đó, tình hình chiến đấu hoàn toàn thay đổi, quân Pháp rút lui từng bước, tàn quân của Lê Bá Tước rút vào vùng núi hẹp. Còn Charton thì sao? Đài phát thanh của Vi Quốc Thanh nhận được tin từ AFP nói rằng ông ta đã liên minh với Le Barz và tạo thành một lực lượng hùng mạnh trên chiến trường. Vi Quốc Thanh lập tức hỏi thăm. Trung đoàn 174 trả lời rằng họ không tìm thấy Charton. Tuy nhiên, đài phát thanh của họ thường xuyên nhận được cuộc

gọi từ hai đài phát thanh Pháp gần đó, cho biết Charton và Lebarge cách nhau không xa nhưng chưa thể gặp nhau. Trung đoàn 174 thỉnh thoảng chạm trán với quân của Charton và tấn công họ.

Vì vậy, Vi Quốc Thanh đề nghị: Với quyết tâm cao hơn, hãy tập trung lực lượng tiêu diệt Lebarge, sau đó quay lại tấn công Charton.

Quân Pháp cuối cùng đã sụp đổ.

Trần Canh dần bình tĩnh lại, kiểm soát cảm xúc và gọi điện cho Võ Nguyên Giáp, khen ngợi thành tích của quân đội Việt Nam và hy vọng họ sẽ tiếp tục nỗ lực.

Nhật ký của Trần Canh ngày hôm đó viết: “Hôm nay tôi đã thay

đổi thái độ, tập trung vào việc khích lệ thay vì chỉ trích, và chủ động tìm kiếm giải pháp. Tôi nói với Võ rằng sau khi tiêu diệt địch ở Xuân Hòa [tức là Cổ Xà Sơn.], chúng ta sẽ chuyển sang bao vây và tiêu diệt quân địch đang tháo chạy về phía nam đến Cao Bằng, và nếu cần thiết, bao vây Thất Khê. Nếu kế hoạch thành công, tình hình chiến tranh Việt Nam sẽ mở ra.” Sự diệt vong của quân đội Pháp đã gần kề.

Khi Charton đến Nậm Ngừm, ông thậm chí không tìm thấy dấu vết của Lebarge, nhưng nhận được hai bức điện từ sở chỉ huy. Bức điện thứ nhất thông báo cho Sakdon rằng Lebar bị bao vây ở phía nam Đông Khê và có nguy cơ bị tiêu diệt. Bức điện thứ hai ra

lệnh cho Sakdon làm mọi cách có thể để hỗ trợ Lebar. Lúc này, vai trò của Charton và Lebar đã đảo ngược. Sakdon biết rằng tiếp tục đi theo Quốc lộ 4 sẽ đồng nghĩa với cái chết chắc chắn. Ông ra lệnh đốt pháo hạng nặng và hàng tiếp tế, đồng thời tiến về phía nam vào rừng rậm để tránh Đông Khê và giải cứu Lebar. Charton chiến đấu và rút lui, tiến gần đến Lebar vào tối ngày 6 tháng 10.

Vào lúc này, Lebarge đột nhiên lâm bệnh nặng và không thể đứng vững được nữa. Vào lúc 3 giờ sáng ngày 7 tháng 10, Lebarge chỉ huy quân đội của mình trong một cuộc tấn công cuối cùng về phía quân tiếp viện của Charton, và quân đội Pháp hoàn toàn sụp đổ. Việt Cộng

siết chặt vòng vây, và hệ thống phòng thủ của Pháp hoàn toàn sụp đổ. Lebarge và bộ tham mưu của ông rút lui vào một hang động đá vôi.

Tiểu đoàn 130 của Việt Minh, với sự hỗ trợ của cố vấn Trung Quốc Ngưu Ngọc Đường, đã chiếm giữ vùng đất cao gần đó. Vào lúc bình minh ngày 7 tháng 10, quân Việt Cộng đã lao xuống sườn núi và chặn cửa hang. Phó của Lebarge đã bị bắn hạ bởi một loạt đạn ngay khi anh ta bước ra khỏi hang.

Thế trận giăng co kéo dài đến tận chiều, khi Lebarge cùng bộ tham mưu đầu hàng. Quân Việt Cộng reo hò và ủa về phía trước, đưa Lebarge đến trước Ngưu Ngọc

Đường. Đi cùng Lebarge là một trung tá người Pháp, một bác sĩ quân y.

Ngư Ngọc Đường, một cựu tiểu đoàn trưởng nổi tiếng với tài chiến đấu trong Hồng quân, đã chiến đấu từ Sơn Tây đến Việt Nam, và đây là lần đầu tiên ông chạm trán một sĩ quan châu Âu bị bắt làm tù binh.

Lebarge, trông ốm yếu, ngẩng cao đầu, lạnh lùng nhìn chăm chăm vào những người lính Việt Nam đang vây quanh mình. Một người lính ra lệnh cho anh ta giơ tay lên. Không hiểu vì sao Lebarge không nhúc nhích, và người lính kia đã đánh anh ta.

Ngư Ngọc Đường chặn những người lính lại và nói với Lebarge:

“Anh đã bị bắt; anh phải nghe lời chúng tôi.” Một sĩ quan Việt Nam lấp bắp dịch sang tiếng Pháp.

“Anh không có vũ khí; chúng là do Trung Quốc cấp cho anh.” Lebarge bất ngờ thốt ra câu này, mặc dù không rõ liệu anh ta có nhận ra Ngưu Ngọc Đường là người Trung Quốc hay không.

Khi hoàng hôn buông xuống, tiếng súng trên núi Cổ Xã dần lắng xuống. Phần lớn Sư đoàn 308 tập hợp lại để bao vây và tiêu diệt quân Sak Dong bị mắc kẹt trên Đồi 477. Quân Charton nhanh chóng bị chia cắt, chịu tổn thất nặng nề và bên bờ vực sụp đổ.

Tiểu đoàn 130 ở lại núi Cổ Xã để tiêu diệt lực lượng địch còn lại.

Lebargé và trung tá y tá được đưa đến sở chỉ huy tiểu đoàn (ngôi nhà tranh duy nhất trên núi) để ở cùng Ngưu Ngọc Đường. Để phản đối việc bị lính Việt Nam đánh đập, Lebargé từ chối ăn tối.

Điều này khiến Ngưu Ngọc Đường bận rộn. Thông qua một phiên dịch lắp bắp, anh ta liên tục đảm bảo với Lebargé rằng anh ta an toàn, và sau đó nhờ trung tá y tá thuyết phục anh ta. Cuối cùng, vào lúc rất muộn, Lebar đã đổi ý và ăn bữa tối đã được chuẩn bị kỹ lưỡng cho anh ta. Thực ra, Lebargé đã không ăn gì trong hơn hai ngày và đang đói lả.

Khi màn đêm buông xuống, sương mù trên núi từ từ tụ lại,

mang theo hơi lạnh. Một ngọn lửa được nhóm lên trong ngôi nhà tranh nhỏ, Lebar và người bạn đồng hành là trung tá ngồi ngủ gật trong một góc. Tuy nhiên, Ngưu Ngọc Đường ngồi xổm ở cửa, không dám nán lại. Anh ta nhìn hai người lính Pháp qua làn khói, cảm thấy một cảm giác khó tin như mơ. Cảm giác này, ngay cả khi đã về già, rất lâu sau khi rời quân ngũ, ông vẫn còn cảm nhận được. [Ngày 1 tháng 11 năm 1989, tác giả đến thăm Ngưu Ngữ Đường ở Côn Minh.]

Vào lúc 5 giờ chiều ngày hôm đó, quân Pháp trên Đồi 477 bị tiêu diệt, Charton, bộ tham mưu của ông và viên thống đốc tỉnh Cao Bằng của chính quyền Bảo Đại bị bắt.

Charton đã chống cự quyết liệt đến phút cuối cùng, nhưng cũng chịu chung số phận với Lebarge.

Quân Pháp dưới quyền ông, những người đã xông vào rừng rậm, trở nên hoang tưởng, tin rằng có lính Việt Nam ẩn núp sau mỗi tảng đá, mỗi gốc cây. Sau trận chiến, một người lính Pháp trốn thoát đã nói với một nhà báo Pháp: “Sau khi bị bao vây, tôi nhận ra rằng quân đội Việt Nam có một kế hoạch hoàn chỉnh và lực lượng dồi dào; chúng tôi không còn nơi nào để trốn thoát.”



Sau chiến dịch biên giới năm 1950, các sĩ quan Trung đoàn 209 Việt Nam chụp ảnh cùng các cố vấn Trung Quốc. Thứ năm từ trái sang là Trần Độ, chính ủy trung đoàn; thứ bảy từ trái sang là Hác Thế Trung, cố vấn trung đoàn; và thứ chín từ trái sang là Lý Tăng Phu, cố vấn tiểu đoàn.

Trong lúc hỗn loạn của trận chiến, một số lực lượng Pháp từ phía bắc và phía nam đã liên kết với nhau trong giây lát, nhưng điều này không mang lại lợi ích gì cho

họ. Cuộc tấn công của Việt Nam nhanh chóng chia cắt lực lượng Pháp một lần nữa, khiến Charton và quân của ông ta tan tác. Charton, mang theo một khẩu tiểu liên, dẫn đầu số quân còn lại đột phá về phía nam. Đến một lùm cây, ông đột nhiên nghe thấy tiếng nói, không thể phân biệt ngay được giữa quân Việt và quân Pháp. Charton lão luyện ra lệnh: «Dừng lại và trình sát!» Nhưng những người phía sau ông hét lên: «Quân Việt Nam!» Quân Việt Nam nổ súng trước, đạn như mưa. Charton bị thương ở mũi và bụng, nhưng ông vẫn chịu đựng cơn đau và tiếp tục bắn.

Quân Việt Nam bao vây ông, ném lựu đạn, khu rừng rực đỏ. Lính canh của Charton bị mảnh

đạn đánh ngã, bản thân Charton bị thương ở nhiều chỗ và ngã xuống đất. Một người lính Việt Cộng chạy đến bên cạnh ông và định bắn thì một viên chỉ huy ngăn lại: “Hắn là sĩ quan, bắt sống hắn đi.” Lúc này, Charton không thể cử động và không còn cách nào khác ngoài đầu hàng⁷⁸.

Sau này người ta mới biết rằng hai lực lượng chủ lực của Pháp chỉ cách nhau hơn một km khi họ ở gần nhau nhất, nhưng cuối cùng họ không thể thoát khỏi sự tiêu diệt. Quân Pháp chịu hơn 5.000 thương vong trong trận chiến này, và Việt Cộng đã giành được một chiến thắng lớn trong chiến dịch biên

78 Lucien Bodard (tiếng Pháp), Chiến tranh cát lún: Khúc dạo đầu cho Việt Nam. Xuất bản năm 1963. Do Patrick O'Brian dịch, xuất bản tại Hoa Kỳ năm 1967.

giới. Ngày 10 tháng 10, Mao Trạch Đông gửi điện tín cho Trần Canh: “Chiến thắng vĩ đại của quân đội Việt Nam rất đáng mừng.” Trong điện tín, Mao Trạch Đông cũng nói: “Sau chiến thắng này, quân đội Việt Nam chắc chắn sẽ có thể tiến bộ. Quân đội Việt Nam vẫn còn non trẻ, và chỉ có thể dần dần học được các kỹ thuật và chiến thuật cận chiến khác nhau với kẻ thù thông qua nhiều trận chiến trong tương lai. Các đồng chí Trung Quốc nên chú ý đến phương pháp và thái độ của họ khi giúp đỡ họ, để họ sẵn sàng tiếp nhận.”

“Chúng ta không được để mối quan hệ bị phá hỏng. Các đồng chí Trung Quốc phải thường xuyên xem xét phương pháp và thái độ

của mình, chỉ làm điều tốt, không làm điều xấu.” Mao Trạch Đông nói với Trần Canh trong một bức điện: “Sau chiến dịch thắng lợi, chúng ta phải nghỉ ngơi từ 20 ngày đến một tháng, tổng kết kinh nghiệm, bổ sung quân số, tiến hành huấn luyện cận chiến và giáo dục chính trị, lựa chọn mục tiêu tác chiến tiếp theo và lập kế hoạch cho chiến dịch tiếp theo.” “Tình hình chiến lược đang thay đổi ở Bắc Việt Nam” Cabonchet kết thúc chiến dịch biên giới bằng một loạt lệnh rút quân.

Ngày 10 tháng 10, quân Pháp rút khỏi Thái Nguyên, giải tỏa mối đe dọa cho căn cứ cũ của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương. Cùng ngày, quân Pháp rút khỏi Chi Khê.

Ngày 13 tháng 10, quân Pháp rút khỏi Nà Thành.

Ngày 16 tháng 10, quân Pháp rút khỏi Đồng Đăng.

Ngày 17 tháng 10, quân Pháp rút khỏi Lạng Sơn, và sau đó là Lục Bình và An Châu. Ngày 3 tháng 11, quân Pháp cũng rút khỏi Lào Cai và Sa Pa, hai thị trấn biên giới trọng điểm ở Tây Bắc Việt Nam, rút về Lai Châu. Lúc này, tuyến đường liên lạc giữa chiến trường Tây Bắc Việt Nam và Vân Nam, Trung Quốc đã được thắt chặt và thông suốt. Quân Pháp hoảng loạn tháo chạy tán loạn, khiến toàn bộ hệ thống phòng thủ của Pháp dọc biên giới phía Bắc sụp đổ, và tuyến đường vận tải giữa Việt Nam và Quảng

Tây, Trung Quốc được mở lại hoàn toàn. Mục tiêu đã định trước của chiến dịch biên giới là tiêu diệt năm tiểu đoàn địch và chiếm Cao Bằng. Kết quả là chín tiểu đoàn địch bị tiêu diệt. Quân địch chịu 8.000 thương vong (có người nói là hơn 6.000), và 5 thành phố cùng 13 huyện/thị được tái chiếm. Quân Pháp mất 13 khẩu lựu pháo, 940 súng máy, 450 xe vận tải và hơn 8.000 súng trường. Chiến dịch biên giới đã củng cố và mở rộng các căn cứ ở miền Bắc Việt Nam. Kết quả vượt xa mong đợi.



Ảnh chụp tập thể một số đồng chí trong nhóm cố vấn Trung Quốc sau chiến dịch biên giới năm 1950.

Ngay cả Hồ Chí Minh, người dày dạn kinh nghiệm và từng trải, cũng vô cùng vui mừng trước thắng lợi to lớn của chiến dịch biên giới. Người đã đích thân soạn thảo một bức điện gửi Stalin, lãnh tụ Đảng Cộng sản Liên Xô, và Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Pháp, báo cáo tình hình chiến sự và bày tỏ lòng biết ơn.

Ngày 14 tháng 10, Hồ Chí Minh đã gửi điện cho Mao Trạch Đông và các lãnh đạo Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc: “Chúng ta đã giành được thắng lợi hoàn toàn trong chiến dịch Cao

Bằng và Chi Khê. Nguyên nhân lớn nhất của chiến thắng này là sự ủng hộ mạnh mẽ của Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản Liên Xô, cùng với sự nỗ lực, nhiệt tình và không mệt mỏi thực hiện chỉ thị của đồng chí từ các đồng chí ở Vân Nam, Quảng Tây và Quảng Đông.”

Họ đã hỗ trợ trực tiếp cho chúng tôi. Tôi xin ghi nhận những đóng góp đặc biệt của Trần Canh, Nhậm Quỳnh, Vân Nghị, Thiên Hữu, Quý Bá, Kiếm Anh, Phương Phương, Quách Thanh và các cố vấn của chúng tôi trong chiến dịch.

Tóm lại, tôi tin rằng chiến thắng này là chiến thắng của đường lối cách mạng quốc tế Mao Trạch Đông. Thay vì lời “cảm ơn” lịch sự, tôi xin

nói: “Trong tương lai, chúng ta, những đồng chí và nhân dân Việt Nam, sẽ nỗ lực hơn nữa để giành được một chiến thắng cuối cùng to lớn hơn, đền đáp những kỳ vọng sâu sắc và sự giúp đỡ to lớn của các đồng chí anh em, Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản Liên Xô.”

Hồ Chí Minh

14 tháng 10, 1950

Hồ Chí Minh hài lòng gửi cho Trần Canh vài chai sâm panh Pháp thu được cùng một lá thư. Khi mở ra, ông thấy bốn câu thơ do chính Hồ Chí Minh viết, lấy cảm hứng từ thơ Đường:

“Sâm panh trong chiếc cốc sáng

ngồi, Đàn tỳ bà giục ta uống trên lưng ngựa. Đừng cười ta, say trên chiến trường, Đừng để quân địch trở về.”

Quân đội Việt Nam reo hò, tinh thần phấn chấn.

Đêm quân Pháp rút khỏi Thất Khê, Mai Gia Thanh dẫn bộ tham mưu từ sở chỉ huy tiền tuyến trở về đoàn cố vấn. Phó Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái nói với Mai Gia Thanh: “Đoàn cố vấn đã giúp đỡ chúng tôi rất nhiều; nếu không, chúng tôi đã không thể tự mình chiến đấu trong một trận chiến lớn như vậy. Xin cảm ơn.”

Tại tiệc mừng chiến thắng được tổ chức tại Bộ tư lệnh Quân đội Việt Nam, Hồ Chí Minh đã nâng ly chúc

mừng các cố vấn Trung Quốc bên cạnh, liên tục bày tỏ lòng biết ơn, và nói với Trần Canh: “Các đồng chí đã giúp đỡ rất nhiều trong trận chiến này. Đồng chí và các đồng chí Trung Quốc đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Tôi rất hài lòng với công việc của các đồng chí.”

Tại Sư đoàn 308, Sư đoàn trưởng Vương Thừa Vũ, cùng với Vương Diên Tuyên, đã đến thăm các cố vấn Trung Quốc cấp trung đoàn và tiểu đoàn với nụ cười trên môi.

Vương Thừa Vũ là con trai của một nhà giáo và được hưởng nền giáo dục xuất sắc từ nhỏ. Đầu những năm 1930, chàng trai trẻ Vương Thành Vũ đến Vân Nam,

Trung Quốc và trở thành công nhân đường sắt Vân Nam-Việt Nam. Ông làm việc một thời gian dài ở Côn Minh và Di Lương, Vân Nam, và nói tiếng Trung lưu loát. Năm 1945, ông vào Hà Nội cùng Quân đội Vân Nam và cống hiến hết mình cho sự nghiệp giải phóng Việt Nam, trở thành một sĩ quan quan trọng trong Quân đội Nhân dân. Ông có một tình cảm chân thành với Trung Quốc. Khi đến gặp các cố vấn Trung Quốc, ông đã vui vẻ hát một đoạn của bài Hoa đăng Vân Nam, và nhận được một tràng pháo tay.

Ngay khi Vương Thừa Vũ đang hát bài Hoa đăng Vân Nam, một số sĩ quan Việt Nam đã đến gần các cố vấn Trung Quốc và nghiêm túc

hỏi: «Có bao nhiêu tướng lĩnh như đồng chí Trần ở Trung Quốc của các ông?»

Đối mặt với chiến thắng, Trần Canh vẫn bình tĩnh. Sau khi quân Pháp của Lebarge và Charton bị tiêu diệt hoàn toàn, ông ngay lập tức

Sư đoàn 308 Việt Nam được lệnh bất chấp mệt mỏi, quay lại bao vây Thất Khê, tiêu diệt toàn bộ quân tiếp viện của Pháp được gửi đến Thất Khê chỉ trong một đòn.

Tuy nhiên, quân Việt Nam quá hưng phấn và không thể tập hợp lại, tạo điều kiện cho quân địch ở Thất Khê chạy thoát. Trần Canh thở dài: “Tình hình địch thay đổi và chúng rút lui là mệnh lệnh; chúng

ta thiếu chủ động, và một cơ hội tốt như vậy đã bị bỏ lỡ.⁷⁹”

Ngày 8 tháng 10, chiến dịch biên giới kết thúc thắng lợi. Hồ Chí Minh đến thăm Trần Canh tại cửa khẩu Bất Cư, và hai người đã có một cuộc nói chuyện dài. Trần Canh hy vọng quân đội Việt Nam sẽ tổng kết kỹ lưỡng những bài học kinh nghiệm từ chiến dịch này, khắc phục những thiếu sót đã bộc lộ, và đề bạt một nhóm binh sĩ dũng cảm và có năng lực vào các vị trí lãnh đạo.

Hồ Chí Minh hoàn toàn đồng ý với ý kiến của Trần Canh. Ngày hôm sau, Trần Canh nhận được thư của Hồ Chí Minh. Khi mở ra,

79 Chu Nhất Chi và Khúc Ái Quốc; “Sứ mệnh bí mật”, xem Tạp chí Nhân dân, số 3, 1993.

Hồ Chí Minh viết bằng tiếng Trung:

Đồng chí Đồng (bí danh của Trần Canh lúc bấy giờ):

Thứ nhất, hãy cảnh giác với hỏa lực máy bay địch bắn bừa bãi.

Thứ hai, hãy viết lại những điểm đồng chí đã đề cập hôm qua mà chúng ta nên làm ngay bây giờ vào một bảng đơn giản cho tôi.

Ví dụ:

A. Khen ngợi quân đội và động viên nhân dân.....

B. Sửa chữa đường sá và chuẩn bị di dời thủ đô.....

C. Đào tạo cán bộ và tổ chức lại quân đội.....

D. Dự kiến xác định hướng đi của trận đánh thứ hai và chuẩn bị cho chiến dịch tiếp theo.....

Chúc đồng chí may mắn!

Đinh (bí danh của Hồ Chí Minh)

Ngày 9 tháng 10

Ghi chú thêm: Chúng ta cũng nên bày tỏ lòng biết ơn đối với các cố vấn của mình. Chúng ta có thể làm điều này như thế nào?

Ngày hôm sau, Trần Canh viết “Ý kiến về công tác sau chiến dịch thắng lợi” và gửi cho Hồ Chí Minh. Trần Canh ghi chú dưới tiêu đề các ý kiến: “Tóm tắt ngắn gọn để quý vị tham khảo.”

Các ý kiến chủ yếu bao gồm

nội dung về động viên chính trị và huấn luyện quân sự. Về quân sự, Trần Canh đề xuất: “Tăng cường tổ chức và huấn luyện pháo binh. Căn cứ vào tình hình hiện tại (tập trung quân số, điều kiện đường sá, v.v.), nên để Bộ Tổng tư lệnh trực tiếp chỉ huy quân đội và phân công tác chiến cho phù hợp. Hiện nay, ngoài việc củng cố trung đoàn pháo binh sơn cước đã được thành lập, có thể từng bước tổ chức một trung đoàn pháo binh hạng nặng. Tất cả các loại pháo hạng nặng thu được trong trận đánh này cần được sửa chữa và sử dụng (nếu Việt Nam không thể sửa chữa được thì nên chuyển sang Trung Quốc sửa chữa). Các phương tiện thu được trong trận đánh cần được sửa chữa, thành lập một lữ đoàn vận

tải cơ giới, và thành lập một đơn vị công binh dựa trên lực lượng công binh hiện có để xây dựng đường sá (đề xuất xây dựng Quốc lộ 3 và tuyến đường Đông Tây từ Cao Bằng đến Lào Cai).” Về tổ cố vấn, ý kiến của Trần Canh là: “Tôi đồng ý sẽ có những động viên khích lệ thích đáng cho tổ cố vấn. Xin quý vị xem xét và xử lý nghiêm túc để động viên họ.”

Ông khuyến khích họ nỗ lực làm việc và đoàn kết hơn nữa với cán bộ Việt Nam để cùng nhau đánh bại cuộc xâm lược của đế quốc Pháp (nhưng xin lưu ý rằng điều này không nên được công khai). Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, Trần Canh lên xe và cùng Võ Nguyên Giáp đi thị sát Tề Tây.

Thị trấn Tề Tây chỉ còn là một đồng đồ nát, vũ khí, đạn dược và ngũ cốc vương vãi khắp nơi. Trần Canh đang tản bộ cùng một vài tùy tùng thì bất ngờ, kho đạn của Pháp ở thị trấn Tề Tây nổ tung. Mặt đất rung chuyển, lửa bốc cao ngút trời, khói dày đặc lập tức bao trùm cả bầu trời. Đây là thời khắc nguy hiểm nhất đối với Trần Canh kể từ khi vào Việt Nam.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp lúc này đang rất phấn chấn. Sau này ông nhớ lại: «Trong suốt chiến dịch (biên giới), lãnh đạo và nhân dân Quảng Tây đã hết sức giúp đỡ chúng tôi. Đồng chí Lý Thiên Hựu (lúc đó là Phó Tư lệnh Quân khu Quảng Tây) đã đích thân đến quan Thủy Khẩu, đối diện biên giới Việt Nam,

nhiều ngày liền để đôn đốc việc vận chuyển ngũ cốc.» Vũ Nguyên Giáp viết: “Sau chiến thắng, tôi gặp Lý Thiên Hữu và nhóm cố vấn tại Thủy Khẩu và mở tiệc chiêu đãi, một điều tôi sẽ không bao giờ quên. Tôi không uống được rượu, nhưng hôm đó tôi đã uống một ly đầy và trải nghiệm cảm giác say⁸⁰.”

Sau chiến thắng vĩ đại ở biên giới, Trần Canh đã có nhiều nhẹ nhõm và một chút lo lắng. Một trong những điều nhẹ nhõm là thông qua chiến thắng vĩ đại ở biên giới, mối quan hệ giữa cán bộ Việt Nam và các cố vấn Trung Quốc đã

80 Võ Nguyên Giáp: Đường đến Điện Biên Phủ, xuất bản năm 1999, do Văn Trang dịch phần nói về quan hệ Trung-Việt. Trích từ Văn Trang: Đại tướng Võ Nguyên Giáp nói về viện trợ quân sự của Trung Quốc và cố vấn Trung Quốc tại Việt Nam, Tạp chí Đông Nam Á, số 3, năm 2003.

được cải thiện hoàn toàn và hài hòa. Quan điểm cho rằng các cố vấn Trung Quốc là “lỗi thời” và không thể đánh bại người Pháp ăn bánh mì nước ngoài đã bị cuốn trôi bởi chiến thắng vĩ đại. Những người từng áp ủ những nghi ngờ như vậy ít nhất đã im lặng, và những đồng chí Việt Nam luôn giữ thái độ thân thiện đã trở nên gần gũi hơn với các cố vấn Trung Quốc, được quan tâm và chăm sóc nhiều hơn trong cuộc sống hàng ngày.

Ngay sau chiến thắng trên chiến trường, Ngư Ngọc Đường, cố vấn Trung Quốc của Tiểu đoàn 130, đã mắc bệnh sốt rét và ngã bệnh. Tiểu đoàn trưởng lo lắng đến thăm ông nhiều lần mỗi ngày, ra lệnh cho binh lính tìm gà hầm cho ông, báo

cho toàn tiểu đoàn biết tình hình. Vì ông sốt cao liên tục và điều kiện y tế tiền tuyến không đảm bảo, cuối cùng nhóm cố vấn quyết định đưa Ngưu Ngọc Đường về Trung Quốc điều trị. Vừa lúc Ngưu Ngọc Đường sắp rời đi, tiểu đoàn trưởng đã khóc, nước mắt giàn giụa. Ngưu Ngọc Đường rất cảm động. Ông gọi tiểu đoàn trưởng lại và nói: “Chúng ta đã cùng nhau chiến đấu, và khi chia tay, tôi thực sự không có gì để tặng anh làm kỷ niệm. Tôi có một con ngựa trắng nhỏ, tôi đã chiếm được từ một chỉ huy địch trong chiến dịch Vân Nam. Sau này, khi tôi sang Việt Nam, trung đoàn đã đồng ý cho tôi cưỡi con ngựa trắng nhỏ này trong chiến đấu. Tôi đã chiến đấu hơn mười năm rồi, nhưng chưa bao giờ được cưỡi

một con ngựa đẹp và thông minh như vậy.” Bây giờ ta sẽ trở về nước, không còn chiến đấu nữa, nên ta sẽ tặng người con ngựa trắng nhỏ này.” Con ngựa trắng nhỏ được dắt tới, nhìn người chủ già ốm yếu và người chủ mới đứng sát bên, nó ngẩng đầu lên và hí một tiếng dài. Âm thanh đó, dù đầy phấn khích hay buồn bã sâu sắc, là tiếng vọng còn vương vấn rất lâu giữa những ngọn núi của Trung Quốc và Việt Nam.

Nếu Trần Canh còn lo lắng điều gì, thì đó là tin tức ông nhận được trên radio trong nhiều ngày, cho thấy sự thay đổi mạnh mẽ trong tình hình Chiến tranh Triều Tiên.

Vào ngày 15 tháng 9, quân đội

Hoa Kỳ đổ bộ vào Incheon trên bờ biển phía tây của Hàn Quốc, bao vây lực lượng chủ lực của Quân đội Nhân dân Triều Tiên tiến về phía nam, đã đến mũi phía nam của Bán đảo Triều Tiên, gây ra tổn thất nặng nề. Ngay sau khi quân đội Hoa Kỳ và Hàn Quốc bắt đầu phản công, Tướng Kang Gun, Tổng tham mưu trưởng Quân đội Nhân dân Triều Tiên, người đang chỉ huy các hoạt động tại mặt trận sông Nakdong, đã tử trận. Lực lượng chủ lực của Quân đội Nhân dân, sa lầy ở mặt trận phía nam, đã vội vã rút lui và Hoa Kỳ đã truy đuổi họ.

Vào ngày 27 tháng 9, Sư đoàn Ky binh số 1 của Hoa Kỳ và Sư đoàn số 7 của Hoa Kỳ đã hợp lực tại Suwon, phía nam Seoul, cắt đứt đường rút

lui của Quân đội Nhân dân về phía nam. Vào ngày 30 tháng 9, quân đội Hàn Quốc đã vượt qua vĩ tuyến 38 và tiến về phía bắc. Ngày 1 tháng 10, Tư lệnh Hoa Kỳ MacArthur đã ra tối hậu thư qua radio, yêu cầu chính phủ Bắc Triều Tiên đầu hàng vô điều kiện.

Tình hình vô cùng nguy cấp. Cuối ngày 1 tháng 10, Kim Nhật Thành đã triệu tập Nghệ Chí Lượng, đại sứ Trung Quốc tại Bắc Triều Tiên, và Chai Tuấn Vũ, tùy viên quân sự, với hy vọng Trung Quốc sẽ nhanh chóng điều Quân đoàn 13 của Quân Giải phóng Nhân dân, vốn đã tập trung ở bờ bắc sông Áp Lục, đến Bắc Triều Tiên để hỗ trợ nỗ lực chiến tranh.

Ngày 2 tháng 10, Mao Trạch Đông ban hành chỉ thị, quyết định cử Quân đội Tình nguyện Nhân dân Trung Quốc đến Bắc Triều Tiên để tham chiến. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa mới thành lập phải đối mặt với một cuộc chiến tranh lớn.

Sau khi chiến dịch biên giới bắt đầu, Trần Canh, mỗi khi trở về nhà, thường chạy đến điện báo viên và hỏi: “Tin tức đã được sao chép chưa?”. Sau đó, ông ta cầm lấy bản sao và đọc. Một điện báo viên nghe thấy ông ta thì thầm: “Tin tức từ Bắc Triều Tiên ngày càng tệ hơn.” Ngày 7 tháng 10, quân đội Hoa Kỳ vượt vĩ tuyến 38 và tiến lên phía bắc. Ngày 8, Mao Trạch Đông ra lệnh cho Quân đội Chí nguyện

Nhân dân Trung Quốc ngay lập tức tiến vào Bắc Triều Tiên. Ngày 19 tháng 10, Tư lệnh Bành Đức Hoài dẫn đầu sáu tập đoàn quân của Quân đội Chí nguyện Nhân dân Trung Quốc, tổng cộng 280.000 quân, bí mật tiến vào Bắc Triều Tiên, và một trận chiến giữa quân đội Trung Quốc và Hoa Kỳ sắp xảy ra. Sau khi chiến dịch biên giới kết thúc, Trần Canh coi việc tổng kết công tác là ưu tiên hàng đầu và rất coi trọng việc này.

Ngày 21 tháng 10, ông gửi điện tín cho Quân ủy Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc: “Thành công của chiến dịch này, bên cạnh nỗ lực của quân đội Việt Nam, chủ yếu là do sự yếu kém của đối phương. Chiến dịch này đã cải thiện đáng kể

quân đội Việt Nam, nhưng không thể chứng minh rằng quân đội Việt Nam rất mạnh. Chúng tôi đang thuyết phục phía Việt Nam tránh tự mãn và đang hết lòng giúp đỡ họ trong công tác tổng kết, nỗ lực nâng cao hiệu quả chiến đấu của quân đội Việt Nam về mặt tổ chức và huấn luyện.”

Từ ngày 27 đến 30 tháng 10, tại Nam Sơn, cách Cao Bằng 20 km về phía tây, Trần Canh đã trình bày báo cáo tóm tắt chiến dịch bốn ngày trước các sĩ quan Việt Nam từ cấp tiểu đoàn trở lên. Ông đã thảo luận về kinh nghiệm chiến tranh cách mạng Trung Quốc, những điểm yếu mà quân đội Việt Nam đã bộc lộ trong trận chiến, mối quan hệ giữa sĩ quan và binh lính, mối quan hệ

giữa quân đội và nhân dân, và kỷ luật quân đội... Ông đã trình bày tất cả những gì ông đã thấy và suy nghĩ để các chỉ huy Việt Nam xem xét. Trong nhiều năm, Trần Canh chưa bao giờ có một bài phát biểu dài và được chuẩn bị kỹ lưỡng như vậy tại Trung Quốc.



Năm 1950 (Từ trái sang: Trường Chinh, Hồ Chí Minh, Trần Canh và La Quý Ba tại khu căn cứ miền Bắc Việt Nam)

Trong bài phát biểu đã chuẩn bị, Trần Canh viết gọn gàng 14 chữ lớn: “Tinh thần quốc tế, nói năng tự do, không e dè”. Điều này có lẽ phản ánh tâm trạng của ông lúc bấy giờ.

Lịch sử sau này đã chứng minh rằng nhiều đề xuất của Trần Canh đã được lãnh đạo Việt Nam chấp nhận. Hồ Chí Minh đặc biệt biết ơn Trần Canh.

Ngày 29 tháng 10, Trần Canh gửi điện tín cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, báo cáo rằng ông đã ở Việt Nam bốn tháng, hỗ trợ các hoạt động tác chiến và giúp các sĩ quan cấp cao Việt Nam tổng kết thực tiễn tác chiến và các chuyên đề

khác nhau, cũng như soạn thảo kế hoạch tác chiến tiếp theo. Với năng lực cao của nhóm cố vấn quân sự Trung Quốc, ông cảm thấy không cần thiết phải ở lại Việt Nam lâu dài, và với sự đồng ý của Hồ Chí Minh, ông dự định trở về Bắc Kinh để báo cáo với Mao Trạch Đông và xin chỉ thị.

Ngày 30 tháng 10, Mao Trạch Đông trả lời Trần Canh, đồng ý cho ông trở lại Bắc Kinh, và nói thêm: “Nếu cần, ông có thể quay lại.”

Trần Canh từ biệt Võ Nguyên Giáp. Chiến dịch biên giới đã vun đắp tình hữu nghị giữa họ. Gần nửa thế kỷ sau, Võ Nguyên Giáp viết trong hồi ký: “Sau đó, mỗi khi có dịp về Trung Quốc, tôi thường đến

thăm gia đình đồng chí Trần. Ấn tượng tuyệt vời mà đồng chí để lại trong tôi là hình ảnh một vị tướng trong quân đội cách mạng vừa thông thái vừa dũng cảm, tràn đầy tinh thần quốc tế, luôn lạc quan và yêu đời.”⁸¹

Ngày 1 tháng 11 năm 1950, Trần Canh lên đường về nước cùng một nhóm người mà ông đưa từ Côn Minh. Chỉ còn Vương Diên Tuyền vắng mặt; ông ở lại làm cố vấn cho Sư đoàn 308. Núi chồng núi, sông ngang sông dọc. Giữa núi non đồng cỏ xanh tươi, Võ Nguyên Giáp và Trần Đăng Ninh tiễn ông đi rất lâu.

81 Võ Nguyên Giáp, **Đường đến Điện Biên Phủ**, xuất bản năm 1999, với phần về quan hệ Trung-Việt do Văn Trang dịch. Trích từ Văn Trang, “Tướng Võ Nguyên Giáp nói về Viện trợ Quân sự và Cố vấn Trung Quốc tại Việt Nam”, **Tạp chí Đông Nam Á**, số 3, 2003.

Trời mưa, những ngọn núi, những rặng cây chuối phủ kín bóng mây trôi bồng bềnh trong sương mù luôn biến đổi. Trần Canh trở về nhà qua cửa khẩu Bố Cư, trong khi các đồng chí Vi Quốc Thanh, Mai Gia Thanh, Đặng Nhất Phàm và La Quý Ba tiếp tục chiến đấu trên mảnh đất Việt Nam bị chiến tranh tàn phá này. Ngọn lửa chiến tranh xa xôi, đang bùng cháy trên vùng đất bằng giá Triều Tiên, đang vấy gọi Trần Canh.

Chương 10

**Sự diễn ra đồng thời của
viện trợ cho Việt Nam chống
lại sự xâm lược của Pháp
và Chiến tranh Triều Tiên
chống lại Hoa Kỳ.**



Ngày 30 tháng 12 năm 1950, Hồ

Việc viện trợ cho Việt Nam chống Pháp và ...

Chí Minh (hàng trước bên phải), La Quý Ba (hàng trước bên trái) và Lý Hán Trân (giữa) rời khỏi dinh thự của Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh đứng dưới nước và dìu Lý Hán Trân qua suối.

Trần Canh lên đường tham gia Chiến tranh Triều Tiên

Trong không khí mùa thu trong lành, đàn ngỗng bay về phương Nam thành từng đàn. Giữa tiếng kêu của đàn ngỗng trời, mùa thu vàng rực của miền Nam như một bức tranh rực rỡ sắc màu.

Ngày 2 tháng 11, phủ đầy bụi chiến trường, Trần Canh đã nghỉ đêm tại Tòa nhà Hải quan Long

Châu ở Quảng Tây, gặp Nguyễn Quốc Khánh, người đang điều trị bệnh đau dạ dày tại đó. Sau đó trong chiến dịch biên giới, bệnh đau dạ dày của Nguyễn Quốc Khánh bùng phát, khiến ông yếu đi và buộc phải trở về Trung Quốc để điều trị; lúc này, ông đã khỏe hơn nhiều. Đêm đó, Trần Canh và Nguyễn Quốc Khánh đã có một cuộc trò chuyện dài về tương lai của cuộc chiến tranh hỗ trợ Việt Nam chống Pháp, kéo dài cho đến khi trời tối hẳn.

Ngày 4 tháng 11, Trần Canh trở về Nam Ninh, nơi ông được Trương Vân Nghị, Lý Thiên Hữu và Trần Mãn Viễn chào đón. Những người trực tiếp tổ chức và tham gia chiến dịch biên giới này đều vô cùng phấn khởi trước chiến thắng

vừa qua. Trần Canh nghỉ ngơi hai ngày ở Nam Ninh, rồi lên đường đến Quảng Châu báo cáo với Diệp Kiếm Anh về tình hình Việt Nam sau nhiều tháng giao tranh, trước khi lại lên đường về phía Bắc.

Giữa tháng 11 năm 1950, Trần Canh đến Bắc Kinh và nghỉ tại Khách sạn Bắc Kinh. Khi biết tin Trần Canh đến, Chu Ân Lai, lúc này đang tập trung hoàn toàn vào tình hình chiến trường Triều Tiên, đã lập tức cử thư ký quân sự của mình là Lôĩ Dĩnh Phu đến thăm. Tại Khách sạn Bắc Kinh, Trần Canh đã mô tả vắn tắt tình hình miền Bắc Việt Nam, và Lôĩ Dĩnh Phu cũng giải thích cho ông về quyết tâm của Mao Trạch Đông trong việc đối đầu với quân đội Hoa Kỳ và việc triển

khai Quân tình nguyện sang Triều Tiên sau đó.

Cuộc gặp gỡ với Trần Canh này đã để lại ấn tượng sâu sắc trong Lôĩ Dĩnh Phu, khiến ông nhớ ngay đến bức điện tín của Hồ Chí Minh đã được gửi đến trước Trần Canh. Ngày 2 tháng 11, một ngày sau khi Trần Canh rời Việt Nam, Hồ Chí Minh đã gửi bức điện tín. Bức điện viết: “Mao Trạch Đông, các đồng chí Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc: Các đồng chí đã cử các đồng chí Trần Canh và Vi Quốc Thanh đến đây, và họ đã hỗ trợ chúng ta rất nhiều. Họ đã có những đóng góp to lớn cho chiến thắng này. Giờ đây Trần Canh đã trở về báo cáo công tác, chúng tôi có nghĩa vụ bày tỏ lòng biết ơn

chân thành đến các đồng chí và đề nghị trao tặng Đồng chí Trần Canh phần thưởng đặc biệt. Đồng thời, chúng tôi hy vọng các đồng chí có thể cử Đồng chí Trần Canh một lần nữa tham gia vào công tác quan trọng của chúng tôi.”

Lôi Anh Phủ nhớ rõ bức điện của Hồ Chí Minh đã được truyền tay nhau giữa một số lãnh đạo trong Bộ Tổng tham mưu, khiến mọi người bật cười.

Ngay sau đó, Trần Canh đã gặp Lưu Thiếu Kỳ và Chu Ân Lai, báo cáo về diễn biến chiến tranh ở Việt Nam. Trần Canh chỉ ra rằng phía Việt Nam cũng đã có được sự tự tin nhờ chiến thắng này. Trần Canh cũng tin rằng việc hỗ trợ Việt

Nam thông qua một nhóm cố vấn quân sự là khả thi, và với sự hỗ trợ này, Việt Nam sẽ nhanh chóng lớn mạnh và cuối cùng sẽ đánh đuổi hoàn toàn quân đội Pháp khỏi Đông Dương.

Sau khi nghe báo cáo của Trần Canh, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã thảo luận về vấn đề Việt Nam và kết luận rằng chính sách đã đề ra là khả thi: đưa một triệu quân tình nguyện vào Triều Tiên ở miền Bắc để chiến đấu chống lại lực lượng Liên Hợp Quốc do Hoa Kỳ chỉ huy, đồng thời bí mật cử một nhóm cố vấn đến Việt Nam ở miền Nam để hỗ trợ hậu cần. Cuối cùng, Hồ Chí Minh sẽ thắng, và Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc có thể tập trung nỗ lực vào

Chiến tranh Triều Tiên.

Ngay sau đó, Lưu Thiếu Kỳ triệu tập La Quý Ba, lúc này đã trở về Bắc Kinh.

La Quý Ba trở về Bắc Kinh trước Trần Canh, chuẩn bị trở về Việt Nam.

Ngày 3 tháng 9, đúng lúc chiến dịch biên giới sắp bắt đầu, La Quý Ba nhận được điện tín từ Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ), triệu tập ông trở về Bắc Kinh để báo cáo công tác. La Quý Ba lập tức thu dọn hành lý và chào tạm biệt Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh nhiều lần bày tỏ hy vọng La Quý Ba sẽ tiếp tục công tác tại Việt Nam, bởi vì công tác duy trì mối quan hệ với Ban Chấp

hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc là việc không thể tách rời đối với ông. Hồ Chí Minh tiễn La Quý Ba tại nhà riêng, liên tục dặn dò ông: “Tôi hy vọng chúng ta sớm gặp lại nhau. Tôi đã gửi điện tín cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đề nghị ông tiếp tục công tác tại Việt Nam một thời gian. Bởi vì sự hợp tác của chúng ta đang diễn ra rất tốt đẹp.” Hồ Chí Minh cũng đề nghị vợ của La Quý Ba cũng được hoan nghênh.

La Quý Ba gật đầu cảm ơn. Ông thực sự biết ơn lời mời nồng nhiệt của Hồ Chí Minh, nhưng sâu thẳm trong lòng, ông vẫn hy vọng rằng chuyến trở về Bắc Kinh sẽ mang đến một bước ngoặt, và một phép

màu nào đó ông sẽ ở lại Trung Quốc. Ông đã biết rằng Trung ương Đảng dự định để ông tiếp tục làm đại diện tại Việt Nam (thực chất là một đại sứ), làm việc lâu dài ở đó. Tuy nhiên, ông cũng nhớ lại chỉ thị rõ ràng của Lưu Thiếu Kỳ trước khi lên đường: ông có thể trở về sau khi hoàn thành nhiệm vụ liên lạc, dự kiến sẽ mất ba tháng.

Trong cuộc hành quân, La Quý Ba đã gặp phải các cuộc ném bom của Pháp và phải ở lại sở chỉ huy của Trần Canh hai ngày trước khi trở về Nam Ninh vào ngày 13 tháng 9. Cảnh tượng những người lính Việt Nam hành quân và chiến đấu bằng chân trần đã để lại ấn tượng sâu sắc trong ông. Khi đến Nam Ninh, ông lập tức bàn bạc với Lý

Thiên Hữu về việc yêu cầu Quân khu Quảng Tây nhanh chóng phân bổ 20.000 đôi giày quân sự cho mặt trận Cao Bằng.

La Quý Ba trở về Việt Nam

Ngày 24 tháng 9, La Quý Ba trở về Bắc Kinh, mệt mỏi sau chuyến đi. Thủ đô đang tất bật chuẩn bị cho lễ kỷ niệm một năm ngày thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Đất nước non trẻ đang nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh, khiến La Quý Ba vô cùng phấn khởi khi trở về từ chiến trường.

Vài ngày sau, Lưu Thiếu Kỳ triệu tập La Quý Ba và nói rằng Trung ương Đảng đã nhận được điện tín từ Trung ương Đảng Cộng

sản Đông Dương yêu cầu La Quý Ba ở lại Việt Nam, và Trung ương đã đồng ý sau khi cân nhắc. Trung ương đã cử một đoàn cố vấn quân sự và cũng đã chính thức quyết định thành lập một đoàn cố vấn chính trị để cử sang Việt Nam. Sau nhiều lần cân nhắc, giờ đây ông được bổ nhiệm làm Cố vấn trưởng tại Việt Nam và Trưởng đoàn cố vấn chính trị. Ông sẽ chọn một nhóm người để thành lập đoàn cố vấn chính trị và trở về Việt Nam làm việc càng sớm càng tốt.

La Quý Ba bày tỏ sự tuân thủ quyết định của Trung ương Đảng, thán ngạc nhiên trước mối quan hệ thân thiết giữa Hồ Chí Minh và các lãnh đạo trung ương. Lưu Thiếu Kỳ nói với La Quý Ba rằng Chủ tịch

Mao muốn đích thân nghe báo cáo của ông. Nói xong, ông và La Quý Ba cùng nhau lái xe đến Điện Ân Niên để gặp Mao Trạch Đông. Đến nơi, La Quý Ba thấy Chu Ân Lai và Chu Đức cũng ngồi cạnh Mao Trạch Đông.

Lưu Thiếu Kỳ tóm tắt lại báo cáo của La Quý Ba. Nghe xong, Mao Trạch Đông đứng dậy khỏi ghế sofa và nói: «Đồng chí Trường Chinh, Ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, đã gửi điện khẩn kêu gọi đồng chí về Việt Nam càng sớm càng tốt. Hồ Chí Minh hy vọng đồng chí sẽ là cố vấn trưởng của đồng chí. Đồng chí nên chuẩn bị làm việc lâu dài tại Việt Nam.»

Lưu Thiếu Kỳ xen vào: «Ban

đầu dự định đồng chí sẽ làm việc tại Việt Nam trong ba tháng, nhưng giờ xem ra không được rồi. Hãy lên kế hoạch dài hạn đi.»

Chu Ân Lai nói với La Quý Ba: «Ủy ban Trung ương đã quyết định nội bộ rằng đồng chí sẽ là đại sứ Trung Quốc đầu tiên tại Việt Nam.»

Mao Trạch Đông tiếp tục: «Nhiệm vụ liên lạc giữa hai đảng chúng ta sẽ do đồng chí tiếp tục. Đồng chí là người đầu tiên...»

135

«Đây là đại diện liên lạc duy nhất, thậm chí có thể là duy nhất.» Tiếp theo, Chu Ân Lai và Chu Đức tóm tắt quyết định của Trung ương Đảng về việc gửi Quân tình nguyện

sang Triều Tiên, và tình hình quân sự hiện tại ở Triều Tiên, đồng thời chỉ thị cho La Quý Ba chuyển thông tin này cho Hồ Chí Minh.

Mao Trạch Đông nói với La Quý Ba: «Dựa trên tình hình Triều Tiên, chúng tôi quyết định chống lại sự xâm lược của Mỹ và viện trợ Triều Tiên, công khai cử Quân tình nguyện sang chiến đấu cùng nhân dân Triều Tiên. Dựa trên tình hình Việt Nam, chúng tôi quyết định tiếp tục hỗ trợ Việt Nam trong cuộc chiến chống Pháp, bí mật cung cấp viện trợ quân sự và tài chính, và cử cố vấn giúp Việt Nam trong các hoạt động. Dù là chống lại sự xâm lược của Mỹ và viện trợ Triều Tiên hay hỗ trợ Việt Nam trong cuộc chiến chống Pháp, cả hai đều là những

hành động thể hiện chủ nghĩa quốc tế và lòng yêu nước, đều có ý nghĩa và vẻ vang như nhau, chỉ khác nhau về phương pháp hỗ trợ.»

Đến lúc này, Mao Trạch Đông chuyển chủ đề, hỏi thăm về vợ của La Quý Ba.



Vợ chồng La Quý Ba và Lý Hán
Trân năm 1950

La Quý Ba nói: “Vợ tôi, Lý Hán Trân, là cán bộ tham gia Hồng quân trong cuộc Vạn lý Trường chinh năm 1933.”

Mao Trạch Đông mừng rỡ nói: “Ồ, vậy ra cô ấy là một đồng chí kỳ cựu đã được thử thách qua chiến tranh. Thật tốt.” “Cô ấy đã làm những công tác gì?”

La Quý Ba đáp: “Cô ấy đã làm công tác mật, công tác tổ chức, công tác cán bộ...”

Mao Trạch Đông lập tức xen vào: “Tốt! Hãy để cô ấy sang Việt Nam làm trợ lý cho anh. Hồ Chí Minh đã đề nghị tôi đưa vợ sang Việt Nam, và tôi đồng ý đưa những người phù hợp.”

Lưu Thiếu Kỳ nói thêm: “Hiện nay, Việt Nam đang rất cần giải quyết các vấn đề kinh tế, đặc biệt là vấn đề lương thực và tiền tệ. Do đó, chúng tôi đã lựa chọn một số

cán bộ chuyên về tài chính, ngân hàng và lương thực làm cố vấn tại Việt Nam. Họ sẽ đi trước cùng anh, sau đó chúng tôi sẽ lựa chọn thêm các cố vấn khác để thành lập tổ cố vấn chính trị hỗ trợ Đảng và Chính phủ Việt Nam. Anh là cố vấn chính và cũng là người đứng đầu tổ cố vấn chính trị.»

Khi Mao Trạch Đông nghe Lưu Thiếu Kỳ dùng thuật ngữ “cố vấn trưởng”, ông xen vào, “Làm cố vấn trưởng không thể chỉ đơn giản sao chép mô hình Liên Xô, và Việt Nam không phải là Trung Quốc, vì vậy bạn không thể chỉ đơn giản sao chép mô hình Trung Quốc. Mọi thứ phải xuất phát từ thực tế của Việt Nam. Chúng ta phải trung thực và chân thành trước mặt họ. Chúng

ta phải giới thiệu những kinh nghiệm cách mạng thành công của mình, và chúng ta cũng phải nói về những thất bại của mình.”⁸²

Sau khi trở về nhà từ Trung Nam Hải, La Quý Ba nói với vợ là Lý Hàn Trân, “Anh vẫn muốn đến Việt Nam.” Lý Hàn Trân hỏi, “Chúng ta không phải đã đồng ý đi trong ba tháng sao?”

La Quý Ba nói: “Việt Nam đã gửi điện yêu cầu tôi trở về, và Trung ương Đảng đã đồng ý. Chủ tịch Mao và đồng chí Thiếu Kỳ đã nói chuyện với tôi hôm nay. Lần này,

⁸² Vào ngày 24 tháng 2 năm 1989 và ngày 18 tháng 4 năm 1990, tác giả đã đến thăm La Quý Ba tại Bắc Kinh. Theo La Quý Ba, «Một tấm gương sáng ngời về chủ nghĩa quốc tế vô sản - Tưởng nhớ Mao Trạch Đông và viện trợ cho Việt Nam chống Pháp», xem «Tưởng nhớ Mao Trạch Đông», trang 288-290, Nhà xuất bản Văn học Trung ương, tháng 7 năm 1993.

không chỉ tôi đi, mà Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng muốn anh đi. Chủ tịch Mao và đồng chí Thiếu Kỳ đã hỏi thăm tình hình của anh, và tôi đã giới thiệu anh với họ. Chủ tịch và đồng chí Thiếu Kỳ muốn anh đi Việt Nam cùng tôi!”

Trong thời gian này, Lý Hán Trân bị ốm và đang được điều trị. Nghe La Quý Ba nói vậy, bà nói: “Ngay cả Chủ tịch Mao và đồng chí Thiếu Kỳ cũng muốn tôi đi, tất nhiên tôi sẽ đi Việt Nam, để tôi có thể chăm sóc anh.”

La Quý Ba và Lý Hán Trân đều là cựu chiến binh Hồng Quân. Họ kết hôn trong chiến tranh, và giờ đây, khi hòa bình và công cuộc xây dựng đang bắt đầu, họ sắp cùng

nhau ra chiến trường mới.

Lý Hán Trân sinh năm 1919 trong một gia đình nghèo khó ở huyện Đại Tiên, tỉnh Tứ Xuyên. Cha cô mất trước khi cô kịp nhớ ra, mẹ cô tái hôn, và ông bà cô một mình nuôi nấng cô gái bất hạnh. Gia đình nghèo đến nỗi không đủ tiền mua muối. Khi mọi thứ trở nên quá sức chịu đựng, cô gái đành phải đi ăn xin với bà ngoại.

Năm 1932, Hồng quân đến rồi đi. Nửa cuối năm 1933, Hồng quân trở về từ Hồ Bắc. Lúc đó, ông bà cô đã qua đời, và cô gái, giờ đây không nhà cửa, đã tìm thấy những người lính Hồng quân đến triệu tập một cuộc họp của đoàn thiếu nhi. Cô bé nói: “Cháu cũng muốn

gia nhập Hồng quân.”

Hồng quân hỏi: “Tại sao cháu muốn gia nhập Hồng quân?”

Cô bé trả lời: “Hồng quân không đánh đập hay la mắng ai cả.”

Hồng quân nói: “Hồng quân muốn con của người nghèo. Cháu có phải là một đứa trẻ nghèo không?”

Cô bé nói: “Vâng, cháu nghèo.”

Hồng quân hỏi: “Sao trông cô nhợt nhạt thế?”

Cô gái đáp: “Tôi không biết, nhưng anh có thể nhìn tay tôi.” Cô đưa đôi bàn tay chai sạn vì lao động hàng ngày ra và nói: “Nhìn xem những vết chai dày trên tay tôi kìa.” Điều này đã thuyết phục

Hồng quân. Anh ta hỏi: “Tên cô là gì?”

Cô gái đáp: “Họ tôi là Lý, tôi không có tên. Ông bà tôi gọi tôi là ‘Cô bé’ từ khi tôi còn nhỏ.”

Người lính Hồng quân nói: “Không có tên, cô không thể đăng ký nhập ngũ. Cô sẽ được gọi là Lý Hán Trân.”

Từ đó trở đi, cô gái có tên riêng và được phân về Tiểu đoàn Phụ nữ Độc lập Đại Tiên của Hồng quân. Lúc đó là tháng 10 năm 1933; Lý Hán Trân mới 14 tuổi.

Là một người lính trong Quân đoàn 4, Lý Hán Trân đã trải qua cuộc chiến tranh tàn khốc nhất, hoàn thành cuộc Vạn lý Trường

chinh dài 25.000 lý (khoảng 12.500 km). Cô phục vụ trong đội vận tải và y tá bệnh viện. Sau khi Quân đoàn 2 và 4 hợp lực trong cuộc Vạn lý Trường chinh, Hà Long, tổng tư lệnh Quân đoàn 2, đã yêu cầu Quân đoàn 4 hỗ trợ nhân viên y tế. Trương Quốc Đào đã phân công đội y tế của Lý Hán Chân cho Quân đoàn 2, nhờ đó cô không bị điều động tham gia cuộc viễn chinh về phía tây của Tây Lộ Quân đến Hành lang Hà Tây và tránh được một kết cục bi thảm.

Mùa xuân năm 1937, Lý Hán Trân rời bệnh viện và gia nhập Đội Tuyên truyền Sư đoàn Sư đoàn Hồng quân. Năm đó, cô 18 tuổi, lớn lên giữa thời kỳ chiến tranh loạn lạc; cao ráo và có giọng hát tuyệt

vời. Vào thời điểm đó, có khoảng 20 nữ quân nhân trong sư đoàn huấn luyện, hầu hết đã kết hôn. Chỉ còn hai người vẫn còn độc thân, và Lý Hán Trân là một trong số họ. Nhiều người xung quanh liếc nhìn họ, bao gồm cả La Quý Ba, Trưởng phòng Chính trị của Sở. Lý Hán Trân không phản ứng gì với họ; cô cảm thấy mình vẫn còn trẻ và nên tập trung vào công việc.

Tuy nhiên, đến lúc này, có một số việc không còn nằm trong tầm tay Lý Hán Trân nữa. Trưởng phòng Cung ứng Trương Linh Bân liên tục đến gặp Lý Hán Trân, giới thiệu cô với Lạc Quý Ba, khiến Lý Hán Trân bức mình, anh ta cứ nói: “Tôi không thích hẹn hò.” Trương Linh Bân không vội, chỉ liên tục

khen ngợi Lạc Quý Ba với cô gái.

Mùa xuân là mùa bận rộn nhất của các bà mối. Không lâu sau, Lý Hàn Trân gặp Lạc Quý Ba trên phố. Họ chưa hề nói chuyện với nhau một lời nào. Lạc Quý Ba vẫn giữ vẻ bình tĩnh, chào hỏi: “Lý Hàn Trân, anh ăn cơm chưa?” Lý Hàn Trân, vốn đã bối rối, buột miệng: “Vâng!” rồi bỏ chạy.

Trương Linh Bân và vợ, Lý Ngọc Lan, vội vàng gọi Lý Hàn Trân về nhà. Trương Linh Bân hỏi thẳng: “Anh có phản nản gì về Giám đốc Lạc Quý Ba không?” Câu hỏi này khiến Lý Hàn Trân giật mình. Cô ta còn có thể phản nản gì về một vị tư lệnh mà cô ta chưa từng nói chuyện chứ? Cô ta đáp: “Tôi không

có phen nản gì cả.”

“Vậy thì tốt. Anh có thể về rồi.”
Đây chính là câu nói mà Trương
Linh Bân đã chờ đợi bấy lâu.

Vài ngày sau, Trương Linh Bân
gọi Lý Hàn Trân đến nhà Lạc Quý
Ba. Không chắc chắn về bản thân,
Lý Hàn Trân đi cùng một người
bạn nữ.

Gặp được cô, Lạc Quý Ba nói
với Lý Hàn Trân: “Biết anh đồng
ý, tôi đã nộp đơn xin kết hôn lên
cấp trên. Tổ chức đã duyệt rồi; vài
ngày nữa chúng ta cưới nhau nhé.”

Lý Hàn Trân hoàn toàn sửng
sốt. Nhưng lúc này, “tổ chức” đã
duyet rồi, cô còn có thể nói gì nữa?
Nghĩ lại, điều duy nhất cô nói với

Lạc Quý Ba trước khi vào phòng tân hôn là: “Chúng ta ăn rồi.”

Vì vậy, chỉ mới quen biết Lạc Quý Ba được vài tháng và chỉ nói với anh ấy “Em ăn rồi”, Lý Hàn Trân 18 tuổi và Lạc Quý Ba 30 tuổi đã kết hôn vào ngày 24 tháng 7 năm 1937, tại Khánh Dương, Cam Túc. Vào thời điểm này, cuộc kháng chiến chống Nhật bùng nổ mạnh mẽ. Ngay sau đó, La Quý Ba lên đường ra tiền tuyến Sơn Tây, còn Lý Hán Trân vào học tại Đại học Quân sự và Chính trị Kháng Nhật ở Diên An. Một năm sau, cô cũng đến miền bắc Sơn Tây để đoàn tụ với La Quý Ba.

Điều khiến hai cựu chiến binh Hồng quân cảm thấy vô cùng may

mắn là, mặc dù chỉ một câu nói đã định đoạt số phận của họ, nhưng cuộc hôn nhân của họ lại vô cùng viên mãn. Sau đó, Lý Hán Trân liên tục cảm ơn vợ chồng Trương Linh Bân, và Trương Linh Bân, sau này trở thành Thứ trưởng Tổng cục Hậu cần của Quân Giải phóng Nhân dân, luôn mỉm cười đáp lại: “Tôi hành động theo lệnh; chính La Quý Ba là người đưa ra quyết định.” Lý Hán Trân đã cùng La Quý Ba vượt qua mọi sóng gió của cuộc chiến. Giờ đây, khi La Quý Ba muốn cô sang Việt Nam, và được sự chỉ đạo của lãnh đạo, Lý Hán Trân ngay lập tức thu dọn hành lý. Lần đầu tiên trong đời, cô tự mua cho mình một đôi giày da để đảm bảo mình trông chảnh chu.[Ngày 28 tháng 5 năm 1998, tác giả đến thăm Lý Hán Trân tại Bắc Kinh.]

Tháng 10, ngoài việc báo cáo với nhiều lãnh đạo, La Quý Ba còn báo cáo đặc biệt lên Quyền Tổng Tham mưu trưởng Nhiếp Vinh Trăn và Bộ trưởng Tổng cục Hậu cần Dương Lập Tam về các vấn đề quân sự, hậu cần và viện trợ tài chính.

Các báo cáo này do Chánh Văn phòng Trung ương Đảng Dương Thượng Côn sắp xếp.

Vào thời điểm này, Mao Trạch Đông đồng thời tập trung vào cả chiến trường Triều Tiên và Việt Nam, nhưng ông chú trọng hơn vào chiến trường Triều Tiên. Quân Chí nguyện Nhân dân Trung Quốc, do Bành Đức Hoài chỉ huy, đã giành được một chiến thắng bất ngờ khi

phát động chiến dịch đầu tiên vào ngày 25 tháng 10 năm 1950. Sau 13 ngày đêm giao tranh ác liệt, họ đã gây ra tổn thất nặng nề cho quân địch, đẩy lùi chúng từ sông Áp Lục về phía nam sông Sùng Trinh và bước đầu ổn định tình hình ở miền Bắc Triều Tiên.

Mao Trạch Đông biết rằng tình hình ở Triều Tiên về cơ bản vẫn chưa có thay đổi. Lực lượng chủ lực của quân đội Hoa Kỳ không bị thiệt hại nặng nề trong Chiến dịch Tấn công Giai đoạn 1, và cuộc tiến quânồ ạt của Quân đội Chí nguyện vào Triều Tiên chỉ mới bắt đầu. Chìa khóa nằm ở cách thức tiến hành giai đoạn 2.

Tướng MacArthur của Hoa Kỳ

quyết định tiếp tục tiến quân về phía bắc, với mục tiêu tiếp cận sông Áp Lục một lần nữa.

Bành Đức Hoài quyết tâm tổ chức Chiến dịch Tấn công Giai đoạn 2 để gây thêm thiệt hại cho quân địch. Ngày 24 tháng 11, Hoa Kỳ phát động một cuộc tấn công toàn diện trên cả hai mặt trận phía đông và phía tây. Ngày 25, Chiến dịch Tấn công Giai đoạn 2, do Bành Đức Hoài chỉ huy, bắt đầu.

Trong khi theo dõi sát sao tình hình ở Triều Tiên, mọi thông tin từ Chiến tranh Việt Nam đều rất quan trọng đối với Mao Trạch Đông. Mao Trạch Đông có đánh giá riêng về cục diện quân sự toàn cầu. Ông tin rằng Hoa Kỳ không thể ngay

lập tức phát động Chiến tranh Thế giới thứ ba, nhưng Hoa Kỳ sẽ liên tục tiến hành các cuộc chiến tranh cục bộ, giành lợi thế trong các cuộc xung đột cục bộ này và cuối cùng đạt được sự thống trị toàn cầu. Biện pháp đối phó của Mao Trạch Đông là một cách tiếp cận ăn miếng trả miếng, tiến hành từng cuộc chiến tranh cục bộ một, đánh bại từng cuộc chiến một và cố gắng giành thế thượng phong trong các cuộc xung đột cục bộ này. Do đó, Mao Trạch Đông coi chiến tranh ở Việt Nam là mặt trận lớn thứ hai sau Chiến tranh Triều Tiên. Ông giao phó nhiệm vụ ổn định và đảo ngược tình hình ở Việt Nam cho La Quý Ba và Vi Quốc Thanh, nhằm mục đích đánh đuổi quân Pháp khỏi Đông Dương đồng thời ngăn

chặn Trung Quốc mới đưa quân đội hạng nặng vào hai mặt trận cùng một lúc. Vì đồng thời tập trung vào hai mặt trận, Mao Trạch Đông, 57 tuổi, đã làm việc cực kỳ chăm chỉ từ mùa thu năm 1950 đến mùa hè năm 1951, thường xuyên làm việc thâu đêm không nghỉ.

Ngày 28 tháng 11 năm 1950, La Quý Ba đề xuất với Ban Chấp hành Trung ương rằng đoàn cố vấn chính trị đã sẵn sàng đến Việt Nam. Được sự chấp thuận, La Quý Ba và phái đoàn gồm 28 thành viên rời Bắc Kinh bằng tàu hỏa vào ngày 10 tháng 12, hướng về phía Nam. So với đoàn nhỏ đến Việt Nam lần đầu, đoàn lần này đông hơn nhiều, không chỉ có sĩ quan mà còn có một số nhân viên hỗ trợ, trong đó

có hai cha con: Thăm Đức Bân, đầu bếp, và Thăm Ngọc Lộ, tài xế của La Quý Ba.

Thăm Ngọc Lộ nhập ngũ năm 1947 và đã lái xe cho La Quý Ba kể từ khi chiếm được Thái Nguyên. Ông đã chuẩn bị sẵn sàng cho chuyến đi Việt Nam lần này. Bốn mươi năm sau, với giọng Bắc Kinh chuẩn mực, ông nhớ lại: “Đầu năm 1950, chuyến đi Việt Nam của lãnh tụ được giữ bí mật tuyệt đối. Ông ấy rời đi mà chúng tôi không hề hay biết, và mãi sau này chúng tôi mới biết ông ấy đã ở Việt Nam. Tôi ở lại Bắc Kinh. Sau đó, khi Chiến tranh Triều Tiên sắp nổ ra,

Tôi đã bàn bạc với Mã Hữu Lai, đội ngũ hỗ trợ của lãnh tụ vẫn ở

Bắc Kinh, về việc tình nguyện sang Hàn Quốc chiến đấu. Cuối cùng, chúng tôi quyết định chờ lãnh tụ trở về. Hóa ra, không lâu sau, lãnh tụ đột nhiên trở về. Bí thư Lưu vội hỏi tôi: ‘Tổ chức đã quyết định anh sẽ đi Việt Nam cùng lãnh tụ. Anh có gặp khó khăn gì không?’ Tất nhiên, tôi đồng ý.” Khó khăn duy nhất là cả gia đình tôi đều ở Bắc Kinh, và hai con gái tôi vẫn còn nhỏ. Nhưng tôi phải tự mình vượt qua. Tôi nhanh chóng đưa gia đình trở về quê vợ ở Sơn Tây.

Vị tư lệnh sắp sang Việt Nam và cần một chiếc xe mới. Tôi thầm nghĩ: “Giá mà có một chiếc SUV!” Nhưng lúc đó chưa có, nên Văn phòng Tổng cục Quân ủy Trung ương đã mua cho chúng tôi một

chiếc xe jeep nhỏ. Tuy nhiên, chiếc xe jeep quá nhỏ, không thể chở được nhiều người. Những người trong Văn phòng Tổng cục đã có một ý tưởng tuyệt vời: họ mua một chiếc xe moóc nhỏ chuyên dụng để chở hành lý, và vấn đề đã được giải quyết. Trong vài năm tiếp theo ở Việt Nam, tôi đã lái chiếc xe này.

Vào giữa tháng 12 năm 1950, La Quý Ba trở về Khu Căn cứ Trung tâm của Việt Nam. Ông được chào đón nồng nhiệt bởi bộ tư lệnh quân đội Việt Nam đang chuẩn bị cho một cuộc phản công và phát động một chiến dịch mới. Hồ Chí Minh rất vui mừng khi thấy La Quý Ba thực sự đã trở về Việt Nam và đưa vợ cùng một số cố vấn đi cùng. Ông đã đưa La Quý Ba và Lý Hán Trân một

bữa tại dinh thự của mình. Đây là lần đầu tiên Lý Hán Trân tham dự một “tiệc quốc yến”. Bà cẩn thận xỏ đôi giày da mang từ Bắc Kinh vào. Món ăn chính hôm đó là rau muống đã ngả vàng (mua từ khu du kích mang vào dinh thự), cùng với các loại rau dại đắng mọc ven sông và một chú gà con gầy gò. Sau khi ăn xong, họ rời khỏi dinh thự của Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh đích thân hộ tống La Quý Ba và Lý Hán Trân trở về dinh thự. Lý Hán Trân, mang đôi giày da mới, bước đi loạng choạng trên núi. Họ đi qua một con suối nhỏ nước chảy xiết, dưới nước có vài hòn đá làm đá bước. Nhìn thấy Lý Hán Trân đi khập khiễng trong đôi giày da, Hồ Chí Minh đã xắn quần lội xuống suối đỡ Lý Hán Trân qua. Cảnh

tượng này thật khó quên đối với Lý Hán Chân. [Ngày 28 tháng 5 năm 1998, tác giả đã đến thăm Lý Hán Trân tại Bắc Kinh.]



Ngày 30 tháng 12 năm 1950, Hồ Chí Minh (hàng trước bên phải), La Quý Ba (hàng trước bên trái), Lý Hán Trân (ở giữa). Hồ Chí Minh đứng dưới nước đỡ Lý Hán Trân qua suối.

Cuộc diễu hành đầy những khúc quanh co. Thắng lợi lớn lao của

chiến dịch biên giới thực sự khiến các nhà lãnh đạo của Đảng và quân đội Việt Nam rất vui mừng. Trước khi khòí trên Quốc lộ 4 tan hoàn toàn, Võ Nguyên Giáp đã ra lệnh tổ chức một cuộc diễu hành tại Cao Bằng vào ngày 24 tháng 10.

Trần Canh, lúc đó vẫn còn ở Việt Nam, có nhiều ý kiến khác nhau về cuộc duyệt binh. Ông khuyến Võ Nguyên Giáp rằng quân đội Việt Nam thiếu huấn luyện chiến đấu bài bản, quân phục chưa đủ chỉnh chu, và dễ bị không kích bởi Pháp. Ông đề nghị tập trung nỗ lực vào cuộc họp rút kinh nghiệm. Tuy nhiên, Võ Nguyên Giáp tin rằng cuộc duyệt binh vào thời điểm này sẽ nâng cao đáng kể tinh thần của quân đội và nhân dân Việt Nam.

Hơn nữa, việc tổ chức duyệt binh không chỉ là ý kiến của Bộ Tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam mà còn là ý kiến của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương.

Trần Canh không còn khăng khăng nữa, nhưng ông chỉ thị cho các cố vấn quân sự Trung Quốc không tham dự lễ duyệt binh Cao Bằng và tham gia các buổi huấn luyện chuyên sâu riêng biệt.

Lễ duyệt binh Cao Bằng được tổ chức vào buổi tối. Trước khi lễ duyệt binh bắt đầu, Vương Diên Tuyền, cố vấn Sư đoàn 308, đã triệu tập Điền Đại Bang và Chu Diệu Hoa, yêu cầu họ đến địa điểm duyệt binh.

Điền Đại Bang và Chu Diệu Hoa ngay lập tức đạp xe đến đó. Họ tiến đến bãi duyệt binh gần như cùng lúc với một số máy bay ném bom tầm thấp của Pháp. Người Pháp dường như đã nhận được thông tin tình báo về cuộc duyệt binh của Việt Nam; một số máy bay ném bom tầm thấp xuất hiện từ những ngọn đồi phía tây và mở một cuộc ném bom dữ dội vào bãi duyệt binh, khiến hơn 70 người Việt Nam thương vong. Vụ nổ lan xa. Trần Canh, đang ở Nam Sơn, cách đó 20 km, đã viết trong nhật ký của mình vào buổi tối hôm đó: “Vào lúc chạng vạng, tôi nghe thấy một tiếng nổ dữ dội; mặt đất rung chuyển, và nó kéo dài trong 20 phút.” Quyết tâm tổ chức duyệt binh của Bộ tư lệnh Quân đội Việt

Nam vẫn không hề lay chuyển. Sau khi máy bay ném bom bay đi, họ nhanh chóng dọn dẹp hiện trường và hoàn thành cuộc duyệt binh trong ánh hoàng hôn. Sự chú trọng của Bộ tư lệnh Quân đội Việt Nam vào cuộc duyệt binh đã khiến Điền Đại Bang và Chu Diệu Hoa ngạc nhiên.

Sau khi Trần Canh rời đi, Bộ tư lệnh Quân đội Việt Nam tiếp tục tổ chức cuộc họp rút kinh nghiệm về chiến dịch biên giới tại Nam Sơn. Khi Trường Chinh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, phát biểu tại cuộc họp và giải thích ý nghĩa của chiến dịch biên giới, sự hài lòng của ông hiện rõ. Ông nói rằng chỉ trong một thời gian ngắn, địch đã

chịu tổn thất lớn về nhân lực trên một chiến trường tương đối nhỏ và buộc phải từ bỏ những vùng đất rộng lớn; đây là một thất bại chưa từng có đối với thực dân Pháp trong lịch sử các cuộc chiến tranh xâm lược của chúng.

Trường Chinh nói: “Chiến dịch Cao Bằng - Lạng Sơn (tức chiến dịch biên giới) đã cho chúng ta thấy sức mạnh to lớn của quân và dân ta. Quân đội ta đã phát triển nhanh chóng; cách đây không lâu chỉ là một lực lượng du kích nhỏ, nhưng bây giờ đã có thể tập trung hàng chục ngàn quân và chiến đấu theo phương pháp chính thống.”

Hồ Chí Minh cũng tham dự và phát biểu: “Chúng ta đã giành được

hai chiến thắng: chiến thắng thứ nhất là chúng ta đã tiêu diệt được kẻ thù và giải phóng Cao Bằng, Đông Khê và Chi Khê; chiến thắng thứ hai là chúng ta đã thấy rõ điểm mạnh và điểm yếu của chính mình.”

Hồ Chí Minh nói: “Chúng ta không bao giờ được kiêu ngạo, tự mãn, hoặc đánh giá thấp kẻ thù vì chiến thắng. Chúng ta phải nhớ rằng: trong toàn bộ cuộc kháng chiến lâu dài, chiến thắng này chỉ là bước đầu tiên.” Chúng ta vẫn cần phải đánh nhiều trận ác liệt hơn và giành được những chiến thắng lớn hơn trước khi có thể giành được chiến thắng cuối cùng.

Hồ Chí Minh chỉ ra rằng một lý do quan trọng khiến quân đội Pháp

thất bại trong chiến dịch là “kẻ thù đã chủ quan và đánh giá thấp chúng ta, và không ngờ chúng ta mạnh và tiến bộ đến vậy. Họ hành quân quá nhanh đến nỗi bất cẩn và không có biện pháp phòng ngừa.”



Đầu những năm 1950, Hồ Chí Minh đang ở trong văn phòng của mình.

Hồ Chí Minh cảnh báo các tướng lĩnh Việt Nam: “Đừng coi thường kẻ thù. Kẻ thù không hề co rúm vì

sợ hãi, mà đang chuẩn bị nhảy ra sau khi co rúm vì sợ hãi. Kẻ thù đang cố gắng hết sức để câu giờ chuẩn bị trả đũa.”⁸³

83 Hồ Chí Minh, “Diễn văn tại Hội nghị tổng kết Chiến dịch Lê Hồng Phong lần thứ hai”, trích trong Tuyển tập Hồ Chí Minh, Tập 2, tr. 142, Nhà xuất bản Ngoại ngữ Việt Nam, 1962.

